GIA PHẢ HỌ ĐINH NHO - HƯƠNG SƠN

BAN BIÊN TẬP

Đinh Nho Quỳ (Chủ biên)

Đinh Nho Thanh

Đinh Nho Chí

Đinh Nho Lâm

Đinh Phạm Toản

Đinh Nho Cơ

Đinh Nho Hưởng

Đinh Nho Đông

Đinh Nho Nghi

Đinh Nho Kỳ

Đinh Nho Điu

Đinh Nho Chiến

Đinh Nho Phương

Đinh Nho Mai

Cố vấn, hiệu đính: Đinh Nho Liêm - Đinh Xuân Vịnh

Tiết Trọng Thu - Lập Đông

Năm Canh Thìn 2000

GIA PHẢ HỌ ĐINH NHO

(HƯƠNG SƠN)

MỤC LỤC

Thứ tự	Mục đề	Trang
Phần A	1. Lời nói đầu	
	2. Họ Đinh Nho ở Hương Sơn	
	3. Nhà thờ họ Đinh Nho ở làng Gôi Mỹ và các hoạt động của ban tộc biểu và con cháu.	
Phần B	1. Phổ ký từ đời I đến đời VIII	
	2. Phổ ký từ đời 9A - 20A (kèm theo sơ đồ tiểu chi)	
	3. Phổ ký từ đời 9B - 19B (kèm theo sơ đồ tiểu chi)	
Phần C	1. Danh sách các liệt sỹ	
	2. Danh sách các vị khoa bảng	
	3. Các vị đã (hoặc đương) đảm trách chức vụ quan trọng hoặc tương đương.	
	4. Các vị được nhận Huân chương độc lập Huy hiệu Đảng.	
	5. Các vị đã giữ chức vụ quan trọng (sau 45)	
	6. Các vị có tác phẩm (sáng tác, dịch thuật) được xuất bản.	
	7. Tộc trưởng các đời 8 — 19	
Phần D	Các chuyện kể	
	1. Ngô Tiên sinh và Ngài Hữu Luân	
	2.Thiêm do Đinh Nho Công	
	3. Mặc trai Đinh Nho Hoàn	
	4. Bà Tiết phụ	
	5. Chuyện kể về cụ Hường Điển	
	6. Đinh Nhật Thận và "Thu dạ lữ hoài ngâm"	
	7. Đinh Doãn Tế (Nho Thục)	
	8. Đinh Nho Bộc và bài thơ gửi gia đình	
	9. Bài Tán 4 vị phúc thần	
	10. Vang vọng tiếng khánh Đinh Nho Hoàn	
	11. Họ Đinh Nho là 1 cực tộc	
	12. Thư ngõ của ban biên tập	

HƯỚNG DẪN PHẦN PHỔ KÝ VÀ LƯỢC ĐỒ:

Để tìm nhanh quan hệ nên xem lược đồ (biết mình ở tiểu chi nào xem ở tiểu chi đó)

1. Trong lược đồ, phát triển dòng đời tiếp được ghi bằng 1 mũi tên. Nếu người đó không có mũi tên có nghĩa đã không phát triển (không con, hoặc không có con trai).

2. Con gái, con trai không con, được ghi chung trong ô cha.

3. Lược đồ chủ yếu chỉ để nhìn tổng thể quan hệ mình, gia đình mình trong tiểu chi. Không ghi được lý lịch chi tiết. Muốn biết chi tiết xem phổ ký.

Phổ ký:

1. Ghi theo dòng đời, thứ tự chi trưởng (A) trước, chi thứ (B) sau

2. Trong mỗi cá nhân được ghi là con ai (góc bên trái). Lý lịch bản thân và vợ con liệt kê, nếu con trai sẽ chi tiết hộ độc lập đời tiếp theo. Nếu con gái thì ghi chi tiết, vì tiếp theo không ghi tên con gái nữa.

3. Ký hiệu bên cạnh, bước đầu có thể chỉ quan hệ và từ đó suy ra cách xưng hô. Ví dụ 17A21 thì gọi người 17A20 là anh, 17A25 là em, 16A15 là Bác, 15B là ông Chú…

LỜI NÓI ĐẦU

Họ Đinh Nho (Hương Sơn) với đấng sơ tổ là Ngài Tả hiệu điểm Phúc Diên từ đất Ninh Bình vào lập nghiệp ở đây đã gần 500 năm, phát triển được 20 đời. (tính đến năm Canh Thìn theo dương lịch là năm 2000).

Từ một gốc, con cháu ngày nay đã đông đúc. Từ một cội nguồn ở xã Sơn Hòa, đã phát triển sang Sơn Tân, Sơn Châu và các huyện Thanh Chương (Nghệ An), Hương Khê (Hà Tĩnh) và nhiều nơi khác trong cả nước, cũng như ở nước ngoài.

Con cháu ai cũng biết về gốc rễ cha, mẹ, ông, bà, cụ, kị… và lần ngược lên vị thủy tổ, đồng thời cũng muốn biết những sự tích của tiền nhân mà học tập, noi gương dạy bảo con cháu. Chỉ có gia phả họ mới đáp ứng được những mong mỏi trên. Vì lẽ đó, theo nguyện vọng của toàn con cháu, Ban tộc biểu đã thành lập một ban biên tập để viết tiếp bộ Gia phả mới để đầy đủ hơn, đặt tên là "Gia phả họ Đinh Nho ở Hương Sơn".

Xưa nay, gia phả nhất là các dòng họ lớn, có nhiều người thành đạt, thường có nhiều truyền thuyết. Điều đó rất cần thiết để con cháu tham khảo học tập. Để hợp với thời đại khoa học chúng tôi sẽ dành trọn phần này ở phần phụ lục. Bộ gia phả này, dựa chính vào quyển "Hương Yên phổ tự" của Triều liệt đại phu, hàn lâm viện thi giảng học sĩ đời thứ 12 là Ngài Đinh Thái Lãng biên soạn, kết hợp với tư liệu Quốc gia như Đại việt sử ký toàn thư. "Danh nhân văn hóa Việt Nam", Bảo tàng Xô Viết Nghệ Tĩnh và các tư liệu in hay chép tay của các tiểu chi, bản khai của các gia đình hiện nay mà tập hợp lại.

Nội dung bộ gia phả họ Đinh Nho ở Hương Sơn gồm 3 phần chính.

Phần A: gồm lời nói đầu, bài viết tóm tắt quá trình hình thành và phát triển, bài viết về Nhà thờ họ Đinh Nho ở xã Sơn Hòa và điểm lại hoạt động của con cháu ở đây (Các chi khác như ở Sơn Tân, Sơn Châu… đã có gia phả riêng).

Phần B: Ghi chép các dòng đời từ vị thủy tổ Đinh Phúc Diên đến đời thứ 20.

Phần C: Phụ lục ở phần này chép văn thư + truyện kể (gồm truyền thuyết và chính sử của các vị tiền liệt).

Các bài viết về dòng họ ta đã được đăng trên sách, báo.

Danh sách các liệt sĩ.

Danh sách các nhà khoa bảng.

Trong 3 phần, phần B (chính) biên soạn theo dòng đời, theo thứ tự trưởng, thứ.

Có lược đồ mỗi tiểu chi để tiện theo dõi. Trong mỗi dòng đời có ghi tóm tắt những điểm chính: Năm sinh, năm mất, phần mộ, học vị, thành tích công tác…

Khác với các tập gia phả trước, bộ này ghi đến mức tối đa cả con gái, dâu, rể. Riêng về các tiểu chi xuất phát từ gốc tổ Sơn Hòa phát triển sang các xã khác, các huyện khác như Hương Khê, Nghi Xuân, Can Lộc, Thanh Chương… thì do chưa có điều kiện tập hợp vào. Hơn nữa các chi này đã phát triển đông đúc, có gia phả riêng nên chỉ giới thiệu mà không ghi nối tiếp.

Đọc Gia phả, con cháu sẽ không quên tiên tổ, biết được gốc rễ cội nguồn của gia đình mình, tiện xưng hô trong giao tiếp đúng lễ nghĩa, càng thắt chặt thêm tình máu mủ ruột rà, cũng qua bộ gia phả này người đọc hiểu thêm sự tích văn thơ của các tiền nhân mà tu dưỡng, rút ra những điều bổ ích, thực hiện đúng lời dạy của tiền nhân "Tu Trung Hiếu" trong thời đại mới.

Nhân dịp viết "Bộ Gia phả họ Đinh" này chúng tôi vô cùng cảm ơn sự đóng góp các tư liệu quý, các bản khai, các bản sao gia phả của các tiểu chi của con cháu khắp nơi gửi về, sự góp ý chân thành, quý báu trên tinh thần đoàn kết xây dựng truyền thống họ ta của một số vị vào các phần A, C để có được bộ gia phả này.

Trong quá trình biên tập, dù đã cố gắng hết mức nhưng do điều kiện và trình độ có hạn, Ban biên tập xin được lượng thứ về sự thiếu sót và tiếp tục góp ý bổ sung để ngày càng hoàn chỉnh.

Hương Sơn, mùa thu năm Canh Thìn

Ban biên tập

LỜI BẠCH CỦA BAN BIÊN TẬP CHO CUỐN GIA PHẢ CHỈNH SỬA NĂM 2010 CANH DẦN

Sau nỗ lực của Ban tộc biểu, ban biên tập và sự nhiệt tình đóng góp ý kiến của con cháu, quyển gia phả năm 2000 bước đầu đã đáp ứng được mong muốn của toàn thể bà con họ ta.

Tuy nhiên, quyển Gia phả năm 2000 còn có một số thiếu sót.

1. Do điều kiện in ấn, nên mắc nhiều lỗi chính tả dẫn đến sai tên, lược đồ sai thứ bậc, các điểm cơ bản của 1 người: Năm sinh, năm mất, nghề nghiệp… chưa chính xác.

2. Về phần khái quát (A) và phụ lục (C) có nhiều điều cần điều chỉnh và bổ sung; nhất là một số Chi tộc ở xa như Thanh Chương, Nghi Xuân, Hương Khê đã tìm được nguồn gốc mà quyển năm 2000 chưa đưa vào.

3. Từ năm 2000 lại nay, con cháu phát triển đông đúc, theo thông lệ; bố mẹ (hay ông bà) đã "vào họ" cho cháu - nay cần phải được ghi đầy đủ hơn, đúng thứ bậc .

Vì vậy, chúng tôi đã gửi thư đi các nơi trong dịp xuân Canh Dần để thu thập ý kiến và liệt kê bổ sung con cháu của bà con. Nhiều ý kiến đóng góp và bổ sung đề nghị sửa chữa đã gửi về. Nay chúng tôi tập hợp lại và quyết định đã đến lúc cần làm hoàn chỉnh hơn nữa quyển Gia phả.

Bà con có thể thấy cụ thể phần bổ sung cơ bản sau đây:

1. Biết rõ 2 chi tộc vừa xác định chính xác có gốc từ họ ta ở Hương Sơn qua bài "Họ Đinh Nho ở Hương Sơn (chỉnh sửa) và phần phụ lục.

- Một số tồn nghi ở chi họ Can Lộc và Nghi Xuân.

2. Điều chỉnh một số tên họ sai thiếu và bổ sung thêm ở phần B (cơ bản).

3. Bổ sung một số chức danh, học vị.

Chúng tôi hy vọng quyển Gia phả họ ta năm 2010 đáp ứng được nhiều yêu cầu của bà con và bổ sung được nhiều tư liệu quý.

Tuy nhiên dòng họ nào cũng phát triển dài theo thời gian, riêng họ ta, nay đã đến lúc các tiểu chi cần có Gia phả cho Tiểu chi của mình, giống như cây 1 gốc, cần có nhiều cành lá xum xuê, phát triển mới đẹp đẽ.

Việc các tiểu chi có gia phả riêng sẽ là nguồn bổ sung cho quyển gốc này mà điều kiện biên tập không cho phép.

Đây là ý kiến cuối cùng của chúng tôi khi biên tập cuốn gia phả này./.

Sơn Hòa, ngày 01 tháng 01 .năm 2011

TM. BAN TỘC BIỂU, BAN BIÊN TẬP

TỘC TRƯỞNG

HỌ ĐINH NHO Ở HƯƠNG SƠN

Họ Đinh Nho xuất phát từ một họ lớn ở Ninh Bình, khoảng 1543 - 1546 có mấy anh em đưa nhau vào xứ Nghệ là Đinh Phúc Diên, Đinh Phúc Tiên, Đinh Phúc An.

Đinh Phúc Diên thủy tổ của họ Đinh ở Hương Sơn là thuộc tướng của Lê Tuấn Mậu về phe chống Mạc, phù Lê. Việc vỡ lỡ Lê Tuấn Mậu bị giết, cả 3 anh em chạy vào Nghệ An rồi tản ra Phúc Tiên ở Nghi Lộc, Phúc An ở Hưng Nguyên (nay thuộc thành phố Vinh) và Phúc Diên ở Hương Sơn.

Lúc đầu Ngài ngụ cư ở thôn Bình Hòa, khai hoang lập ấp và vẫn nuôi chí phù Lê, diệt Mạc cùng với Phạm Phúc Kinh ở Sơn Bằng.

Đến thời nhà Lê Trung Hưng Ngài được phong là "Tả Hiệu Điểm Công Tây Hầu", Ngài thọ 93 tuổi.

Đời thứ 2 là Ngài Đinh Phúc Trường, thọ 93 tuổi.

Đời thứ 3 là Ngài Phúc Bảo thọ 60 tuổi.

Đời thứ 4 là Ngài Chính Tính thọ 71 tuổi.

Đời thứ 5 là Ngài Phúc Khánh thọ 82 tuổi.

Đời thứ 6 là Ngài Hữu Luân thọ 75 tuổi.

Đời thứ 7 là Ngài Nho Công tức Hầu Thiêm Đại Vương Phụ.

Từ đời thứ nhất đến đời thứ 7 họ ta độc đinh.

Đến đời thứ 7 Ngài Nho Công thuở nhỏ học hành dang dở, phải bỏ học ở nhà đi cày đến năm 28 tuổi mới tiếp tục dùi mài kinh sử. Nhờ quyết tâm cao nên đến năm 34 tuổi, Ngài đậu Tiến Sĩ, khoa Canh Tuất (1670) nên hiệu cảnh trị triều Lê. Ngài có 2 vợ sinh được 6 người con trai cả 2 bà đều là người họ Đặng.

Bà cả sinh Ngài Nho Trạch (gọi là Già Tiên Nhân), Nho Huân mất sớm và Nho Hoàn tức là Mặc Trai Đại Vương Tử.

Bà hai sinh Ngài Nho Thận, Nho Thường (con cháu Nho Thường về sau vào ở Can Lộc) và Nho Côn tức Hầu Hương Nghĩa (con cháu về sau sang ở đất Thanh Chương - Nghệ An).

Như vậy ở Hương Sơn từ đời thứ 8 là Nho Trạch (con bà cả) và Nho Thận (con bà hai). Di duệ 2 Ngài về sau thành 2 chi trưởng, thứ.

Do hoàn cảnh sinh sống, một số anh em đã di dời lập nghiệp ở các nơi khác rồi phát triển thành chi họ. Mới đây, con cháu đã tìm về gốc tổ ở Sơn Hòa, dâng hương, nhận họ như: Chi họ ở Thanh Liêu (Thanh Chương) là di duệ của cụ Đinh Nho Côn, có chắt nội là Ngài Đinh Nhật Thận sau khi đậu tiến sĩ đã về Gôi Mỹ nhận họ, xin sao chép lại gia phả (quyển Hương Yên phổ tự) và quyển gốc đó, mang thay hiện vẫn còn.

- Chi họ ở Thanh An (Thanh Chương) vốn là gốc từ cụ Đinh Nho Thiều đời 14 chi trưởng di sang, mộ thời gian đầu, do khó làm ăn nên phải đổi sang họ Võ.

- Chi họ ở Nghi Xuân có thủy tổ "Tái tiểu Hương Sơn huyện, An ấp xã (trích Gia phả ở Cương Gián - Nghi Xuân do ông Đinh Quang Tích cung cấp).

Hiểu nghĩa là người anh em với thủy tổ cụ Đinh Phúc Diên họ ta.

- Gia phả chi họ Đinh ở xã Trung Lương (Đức Thọ) ghi rằng: Cụ tổ đầu dòng họ ở Yên ấp chuyển về Minh Lương huyện Can Lộc.

Như vậy có thể hiểu, bản gia phả "Hương Yên phổ tự" do cụ Đinh Thái Lãng đời 12 ghi lại là chính xác, phần thất lạc sau này, hiện nay một số đã được bổ sung. Chứng tỏ rằng tộc thủy tổ họ ta đã phát triển khắp vùng Nghệ Tĩnh.

(Tất cả xin được xem kỹ phần phụ lục bổ sung).

Đánh giá về họ Đinh Nho ở Hương Sơn, báo Hà Tĩnh (số ngày 17/4/99) có đăng bài "Họ Đinh Nho ở Hương Sơn" trong đó có đoạn:

"*Họ Đinh Nho là một cự tộc thế phiệt trâm anh ở Hương Sơn và xứ Nghệ... Dòng họ này đã sản sinh ra nhiều nhân vật nổi tiếng cả trong khoa mục, Quan trường và Võ bị"* (Hà Tĩnh số ngày 17/4/1999).

Sự đánh giá đó đã dựa trên những cứ liệu của khoa học lịch sử. Để con cháu về sau hiểu rõ, chúng tôi xin điểm lại những nét cơ bản về sự phát triển của dòng họ cũng như sự đóng góp của con cháu đã trãi qua gần 5 thế kỷ.

Mở đầu Ngài Nho Công khai khoa cho dòng họ. Sau khi đậu Tiến sĩ được cử giữ chức Ngự sử của triều đình, từng làm chức "Giám sát ngự sử lệ khoa công khoa cấp sự trung", "Độc thị bản hạt chánh sứ" sau thăng "Ngự sử đài Thiêm

Đô". Tính Ngài ngay thẳng, thanh liêm được nhà vua phong tặng 4 chữ "Ngôn ngữ phong lăng". Sau tấn phong Anh nghị Đại Vương. Trong một lần được nhà vua cử đi xét ngục ở Nghệ An, Ngài đã giải oan cho viên thủ bộ bị án tù. Viên thủ bộ là cha của bà Phan Thị Viên, ẽ thất Ngài Đinh Nho Hoàn sau này. Tương truyền cũng trong lần công cán này Ngài đã cùng bà cưu mang nhận nuôi con của vị tướng công họ Tống. Gia phả họ Tống Trần ở xã Sơn Hòa có ghi:

"Theo quê về mẹ nơi Gôi Mỹ

Làm con nuôi Đinh Thị Đại Vương"

Đinh Nho Hoàn là con của Ngài Đinh Nho Công, đậu đệ nhị Giáp Tiến sỹ năm Canh Thìn (1700) được giữ nhiều chức quan trọng như đốc trấn Cao Bằng. Ngài mới đến ở đây 5 tháng được dựng bia ghi công đức, gọi là "Đức Chính bi" (bia được dựng trước Hội quán).

Ngài có làm một chiếc khánh, gọi là khánh Mặc Trai treo ở thư phòng để tu luyện ý chí.

Bài văn trên khánh do Ngài soạn có viết:

Phạm vật tĩnh giã tịch, khấu giã thanh. Đảm thanh chi phát các dị. Thanh chi tiết, đạm nhi tuấn, hữu tự phù ngô nhân chi cao giã, dư cố ái chi, hóa nhất phiến, huyền vũ am tả mạnh chi viết "Mặc Trai Khánh" dĩ trường dư chí.

(Lời dịch - xem phụ lục). Khánh hiện còn lưu giữ ở đền Gôi.

Mùa thu 1715, Ngài được cử làm phó sứ trong đoàn sứ bộ sang Tàu. Trước khi đi Ngài về quê sắp xếp việc nhà rồi dặn dò con cháu:

Mặc Tử Tôn

Tu trung hiếu, phác hậu

Thanh kiệm, lạc bần

Tiến vì nghĩa sĩ, thối vì lương nông

Vật kiêu dâm, vật phạm thượng

Vật tranh tụng, vật dỗ bác

Phương khả cận tư am

(Lời dịch: Xem phụ lục)

Trên đường đi sứ, Ngài làm thơ, ngâm vịnh ghi lại thành tập "Mặc ông sứ tập".

Tập thơ này đã được cụ Đinh Nho Liêm (đời 16 chi thứ) sưu tầm nhờ người dịch âm và nghĩa); đến năm 2009 được chi họ ở Hà Nội (chủ trì là Ban liên lạc của họ ở Hà Nội như ông Đinh Phạm Thái, Đinh Nho Bảng, đặc biệt là tiến sỹ Đinh Dũng con cụ Đinh Nho Liêm) nhờ người dịch thành thơ và in ấn xuất bản, được chuyển về kính biếu cho mỗi gia đình họ ta mỗi cuốn.

Ngài lâm bệnh và mất dọc đường. Vua Tàu lấy làm thương tiếc lấy lễ Trung lao để tế Ngài, ngự văn viết như sau:

Y! nam giao chi nhân hề
Nhân hề bất sinh
Sinh ư khoa mục
Kỳ sinh dạ vinh
Y! Nam giao chi nhân hề
Nhân thùy bất tử
Tử ư quốc sự
Kỳ tử do sinh
Trẫm điện tam bôi
Khanh kỳ hữu linh
(Lời dịch: Xem phụ lục)

Sau đó sai hộ tống di hài về nước.

Triều đình Nhà Lê lấy làm thương tiếc, tế Ngài rất hậu: Văn tế có đoạn:

"Duy công, hệ xuất thế gia, danh cao giáp đệ. Ngu đình túc mục, tán thương tư viễn ư đế mô, chu đạo uy tín, mận miễn các cần ư vương sự".

(Lời dịch xem phụ lục)

Triều Lê đặc tặng lên chức "Kim tử Vinh lộc đại phu, lễ bộ Tả thị lang, tá trị thượng khanh, thọ Sơn tử, thụy Giản tịnh".

Đời cảnh hưng tấn phong "Đắc đạt đại vương"

Ngài có 2 người con gái (con bà cả) đều gả về Nghệ An, trong đó có một người chính thất tiến sĩ Nguyễn Trọng Thường. Nguyễn Trọng Thường (1681 - 1735) hiệu cửu Đường, người làng Trung Cần (nay là xã Nam Trung, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An) 32 tuổi đậu Tam Giáp đồng tiến sĩ khoa vinh Thịnh thứ 8 (1712) làm quan đến chức Hữu thị lang bộ lại. Đã từng được cử đi sứ sang nhà

Thanh. Sau khi nhạc phụ (Đinh Nho Hoàn) mất, ông thu thập các di cảo và biên tập thành sách "Mặc ông Sứ tập".

Trong lời dẫn cho tập sách, ông viết có đoạn:

"Tôi thường đau buồn thương tiếc bèn tìm trong rương tráp cụ do triều đình cho chuyển về nhà, tìm được bản thảo viết tay của cụ để lại, chia xếp thành từng bài, kính cẩn đặt tên là "Mặc ông Sứ tập", nhân đó ghi chú những điều được biết để tiện xem đọc ngõ hầu làm cho di chí của cụ được sáng rệt với đời sau vậy".

Bà Phan Thị Viên, ẽ thất của Ngài vốn là con út viên Thủ bộ, quê ở Hưng Nguyên, vì cảm công ơn cứu mạng của Ngài Đại Vương Phụ mà quyết gả con gái út cho Ngài. Qua mấy bài thơ tặng chồng lúc đi sứ chẳng những thấy rõ được tài thi phú mà còn thể hiện được đức tính chung thủy, tận trung với nước, luôn động viên chồng làm tròn quốc sự.

Khi được tin chồng mất bà cố trấn tính vẫn cười nói như không làm mọi người dị nghị. Đến lúc quan tài về nước bà mới biểu lộ lòng thương xót, làm thơ khóc chồng, thơ tạ mẹ, tạ bà cả rồi tuẫn tiết theo chồng.

Việc đến tai nhà vua, vua sai cấp biển đề "Tiết phụ" treo trước cửa và cấp ruộng đất để phụng thờ, dân làng lập đền thờ bà, thường gọi là đền Bà Tiết Nghĩa (tức đền Gôi Mỹ thuộc xã Sơn Hòa). Đền Gôi Mỹ (hay Gôi Vỹ) đã được nhà nước xếp hạng di tích lịch sử văn hóa cấp tỉnh năm 2008.

Đinh Nho Côn là em cùng cha khác mẹ với Ngài Đinh Nho Hoàn. Đậu giải nguyên, nhưng có tài quân sự, bỏ nghiệp văn sang nghề võ, ông được chúa Trịnh Doanh cử làm đốc lĩnh Nghệ An đóng quân ở Kỳ Hoa (Kỳ Anh). Ngài là một tướng tài được nhà vua phong tước "Hương nghĩa hầu, đốc lĩnh binh". Con cháu Ngài về sau ngụ cư ở huyện Thanh Chương (Nghệ An).

Gần đây năm 2008, một số bà con ở chi tộc họ ở Thanh Liêu (Thanh Chương) sang nhận họ, mang theo cuốn Gia phả gốc (bằng chữ Hán). Chúng tôi đã lược dịch, nội dung và lời bạch cuối cùng, thì đây chính là cuốn gia phả do Ngài Đinh Nhật Thận sau khi đậu tiến sĩ về quê biết được gốc họ là ở Hương An (tức Hương Sơn ngày nay) nên sang nhận họ, sao chép lại phần đầu của cuốn "Hương Yên Phổ tự". Lời bạch cuối cuốn gia phả này có câu:

Năm ấy, tháng ba tiết xuân ông bị bệnh (tức là cha cụ Thận) Thận này từ Kinh Đô về tỉnh vào mùa Đông tháng 10.

... Ngài mất vào ngày 19 tháng 7 thọ 57 tuổi.

…Con hư "Thận" nước mắt rướm máu, kính ghi:

Ngày 01 tháng 8 năm Quý Mão (1843)

Xin xem toàn văn ở phụ lục (bổ sung).

Như vậy, sau khi Ngài Nho Công khai khoa cho dòng họ, 2 con là Nho Hoàn, Nho Côn và dâu là bà Phan Thị Viên đã có những đóng góp cho đất nước làm vẻ vang cho dòng họ sau đã được các triều đại phong kiến phong Trung đẳng thần.

+ Đinh Nho Công: Anh nghị Đại Vương, Đoan Túc Dực Bảo Trung Hưng Phúc Thần.

+ Đinh Nho Hoàn: Đắc đạt Đại Vương Tuấn Lương Lượng Trực, Đoan Túc Dực Bảo Trung Hưng Phúc Thần.

+ Phan Thị Viên: Trinh Nhất ẽ Thận phu nhân Lương Tịnh Thục Diệu Nhàn Uyển Đoan Túc Dực Bảo Trung Hưng Phúc Thần.

+ Đinh Nho Côn: Tổng binh Đổng Tri Hương Nghĩa Hầu: Đoan Túc Dực Bảo Trung Hưng Phúc Thần.

Trong lịch sử, thật hiếm có một gia đình có đến 4 cha con được phong trung đẳng thần. Trong bài Tán, cụ Đinh Hy Táng (đời 13 chi trưởng) có đoạn:

"Trên hộ nước, dưới che dân
Một nhà 4 vị phúc thần vinh bao"

Đời 12, chi trưởng có Ngài Thái Lãng, húy là Vượng. Thọ chức "Triều liệt Đại phu Hàn lâm học sĩ Ngài có công soạn cuốn gia phả" "Hưng yên phổ tự" (Đời thứ 8 Ngài Đinh Nho Hoàn đã soạn gia phả nhưng không may bị cháy).

Chi thứ có Ngài Đinh Nhật Thận (1815 - 1866 đời 11 là chắt nội Ngài Đinh Nho Côn, Ngài đậu Tiến sĩ năm 1838 làm tri phủ triều Minh Mạng, cùng Cao Bá Quát chống lại triều đình. Cao Bá Quát bị chém, Ngài bị tống ngục. Trong tù Ngài viết tác phẩm "Thu dạ lữ hoài ngâm", Giáo sư Đặng Thai Mai đánh giá, đây

là một trong 4 khúc ngâm hay nhất của văn học cổ điển nước ta (Chinh phụ ngâm, Cung oán ngâm, Truyện Kiều, Thu dạ lữ hoài ngâm).

Đời 14 có 2 anh em là Ngài Nho Quang, Nho Điển (dòng Chi trưởng). Người anh Nho Quang đậu cử nhân giữ chức vụ tuần phủ Phú Yên và Hà Tĩnh, người em Nho Điển nổi tiếng học giỏi. Ngài Nho Điển (1848 - 1845) đậu Tiến sĩ khoa Ất Hợi (1875) đời Tự Đức được cử làm Hình bộ sự vụ, triều Nguyễn sắc phong "Hường lô tự khanh". Theo hồi ký của Đặng Thai Mai thì cụ Hường Đinh Nho Điển tuyệt thực mà chết lúc Tây lấy tỉnh Thừa Thiên hồi cụ làm Ngự sử trong Kinh (trang 153 - Hồi ký của Đặng Thai Mai). Năm Kỷ Hợi (1899 được vua Thành Thái sắc phong lập đền thờ "Sắc tứ Lập từ" biển sắc phong hiệu còn lưu tại đền thơ làng Mân Xá xã Sơn Thịnh và tại tiểu chi họ Đinh xóm Đồng Vực.

Ngài có một người em là Đinh Thị Hoan lấy chồng là Đặng Thai Giai (bố Đặng Nguyên Cẩn), bà là bà nội của Đặng Thai Mai. Trong hồi ký, Đặng Thai Mai dành hẳn một chương viết về bà nội, ca ngợi công lớn của bà trong việc giáo dục ông để sau này ông thành đạt, bà còn có công giúp đỡ phong trào cách mạng của Phan Bội Châu, các chí sĩ coi bà như một đồng chí. Đặng Thai Mai viết: "Nhờ có bà với những đức tính cao quý và vững chãi hiếm có, đặc biệt là tình thương bao la và sức chịu đựng mọi gian khổ trên đường đời một cách cương quyết và thầm lặng mà tôi đã hiểu, đã kính phục cái sức mạnh kín đáo phi thường của Người phụ nữ Việt Nam" (trang 377).

Cùng dòng đời 15 chi thứ có 2 anh em là Đinh Nho Thục, Đinh Nho Bộc hoạt động chống Pháp trong phong trào Đông Du, trong Việt Nam Nghĩa liệt sĩ có viết về Đinh Doãn Tế (Tức Đinh Nho Thục), đại ý: Ngài bị bệnh trên đường sang xiêm với Phan Bá Ngọc. Lúc bệnh nặng thì chỉ nói: "giết gặc Pháp! giết giặc Pháp!" cho đến lúc tắt hơi (năm Canh Tuất 1910). Trong thơ điếu của Phan Bội Châu có mấy câu:

"Bệnh đến mê trầm còn máu nóng
Người khi sống, chết thấy giao bằng
Tiếng triều kêu mạnh trên sông Khóong (Mê Công)

Từng cảnh mê li lại bất bằng"

(Trích bản dịch qua chữ Hán)

Đinh Nho Bộc hoạt động cách mạng với ông Ngô Quảng, bị bắt tại Vinh đêm 31/8/1921 sau khi bị đầy ra Côn Lôn (Tư liệu ảnh ở phụ lục: Đinh Nho Bộc đeo gông, do Phan Đình Đồng sưu tầm ở Ty Công an Nghệ An năm 1961).

Ngài Đinh Nho Chấn là một danh y nổi tiếng trong vùng (thường gọi là cụ Hàn Cống - đời 15). Trong quá trình chữa bệnh Ngài có công biên soạn cuốn "Trung Việt dược tính hợp biên" hiện còn được lưu giữ ở thư viện KHXH.

Đến năm 1930, khi có Đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo, nhiều con cháu họ Đinh đã sớm giác ngộ Cách mạng ngay từ những ngày đầu như: Đinh Nho Khoách (phó bí thư huyện ủy lâm thời 1930 - 1931) Đinh Nho Đang; Nguyễn Thị Tuyết; cụ Đinh Nho Đang được sự "giao mầm cộng sản" của mẹ là Tôn Thị Bảy là chị Tôn Quang Phiệt, Tôn Thị Quế (là những Cộng sản nổi tiếng) cụ Đang (1911 - 1972) năm 1926 - 1927 đã tham gia trong tổ chức Thanh niên cách mạng đồng chí hội, vào Đảng cộng sản Đông Dương 1930, tham gia tích cực trong phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh. Năm 1931 là bí thư huyện ủy Hương Sơn. Cụ là một trong những người sáng lập phong trào cộng sản ở quê nhà. Năm 1931 bị bắt và bị tù nhưng vẫn giữ vững khí tiết. Vợ là cụ Nguyễn Thị Tuyết tham gia cách mạng từ năm 1928 vào Đảng Cộng sản Đông Dương 1930. Năm 1931 cũng bị bắt và bị tù. Có thể nói trong những ngày đầu cách mạng, mẹ vợ và cụ đều bị bắt, bị tù đày nhưng vẫn một lòng trung thành với cách mạng, cụ Tuyết là cán bộ lão thành Cách mạng, 50 tuổi Đảng. Bà Nguyễn Thị Phúc có bà nội là bà huyện Nghi Lộc, người họ Đinh con cụ Nho Đồng đời 14, thường gọi là cố Huyện, là vợ trước ông Đinh Xuân Đài, bà sinh được một con trai là Nho Lộc. Để tiện hoạt động, bà gửi con lại cho gia đình chồng chẳng may bị bắt bà vẫn giữ trọn khí tiết và bị chết trong tù. Tham gia cách mạng từ những ngày đầu có cụ Đinh Xuân Linh (ở Sơn Châu, di duệ từ Sơn Hòa sang Sơn Tân, một bộ phận chuyển sang Sơn Châu từ đời thứ 9). Ngoài ra có Đinh Nho Tiến, Đinh Xuân Bính đều là những cán bộ hoạt động cách mạng thời tiền khởi nghĩa.

Cụ Đinh Nho Huề đời 16, chi thứ đã từng tham gia các hoạt động yêu nước như giúp việc in ấn, che dấu cán bộ, giúp đỡ một số Đảng viên hoạt động ở Sài Gòn như Hà Huy Tập, Trần Ngọc Danh, Nguyễn Khoa Hiền.

Trong giai đoạn này, nhiều con cháu trong khi làm công chức cho chính quyền Pháp hoặc Nam Triều, cũng đã giác ngộ Cách mạng, tìm cách giúp đỡ cho phong trào và một số đồng chí như ông Đinh Nho Khôi, Đinh Xuân Thịnh, ông Khôi (1910 - 1988) đã được công nhận là lão thành cách mạng. Trước hoạt động ở vùng cực nam Trung bộ và Nam bộ (1943 - 1944). Sau 1945 tập kết ra Bắc làm tổng biên tập báo Thủ đô Hà Nội (nay là Hà Nội mới).

Sau khi nước nhà dành được độc lập trải qua 2 cuộc kháng chiến giữ nước nhiều con cháu họ Đinh đã lên đường tòng quân giết giặc. Theo thống kê chưa đầy đủ của ban biên tập hầu như gia đình nào cũng có con em đi bộ đội Thanh niên xung phong trong đó có hơn 20 người hy sinh, chưa kể 2 tiểu chi ở Sơn Tân và Sơn Châu. Có gia đình 2 con liệt sĩ như ông Nho Lưu ở Sơn Trường, Nho Đai ở Sơn Hòa. Nhiều gia đình có con trai độc nhất là liệt sĩ. Điển hình là liệt sĩ Đinh Văn Sĩ, mẹ là Nguyễn Thị Kế (thường gọi là bà Tháo), được phong tặng bà mẹ Việt Nam anh hùng. Nhiều con em đã trưởng thành trong chiến đấu và công tác trở thành vị chỉ huy giữ chức vụ như: Thượng tá Đinh Nho Đang - viện trưởng viện kiểm sát, quân sự Quân khu ba, đại tá Đinh Nho Bát chủ nhiệm học viện chính trị, tổng cục chính trị, Đại tá Đinh Nho Tùng - cục phản gián bộ công an. Đại tá Đinh Nho Hồng - tùy viên quốc phòng tại Liên bang Nga (1997 - 2007) và tại Cộng hòa Bun-Ga-Ri (2002 - 2005). Hoạt động trong lĩnh vực khác có ông Đinh Nho Liêm đời thứ 16 chi thứ con cụ Đinh Nho Tạo thuở nhỏ nhà rất nghèo, dệt vải làm hàng xáo để nuôi con. Ông Liêm vốn thông minh sẵn có lại chăm học, sớm nhận ra con đường cách mạng mà trưởng thành. Ông từng là ủy viên BCH Trung ương Đảng khóa 5 và 6. Đại sứ ở nhiều nước như Ai Cập, Lào, Liên Xô (cũ) thứ trưởng thứ nhất Bộ Ngoại giao - về hưu, ông vẫn tham gia các hoạt động khác đặc biệt rất quan tâm đến công tác xây dựng khối đại đoàn kết họ Đinh Nho ta. Cụ mất ngày 01 tháng 10 năm Mậu Tý (2008), an táng tại nghĩa trang Mai Dịch.

Ông Đinh Xuân Vịnh (là em ông Đinh Xuân Bính, bà Đinh Thị Tường) đậu thành chung thời Pháp, làm thông phán tòa sứ ở Vinh, đã có chí, nghiên cứu khoa học, sưu tầm. Khảo đính các tư liệu lịch sử. Tài liệu viết của ông rất nhiều và được nhà xuất bản Quân đội nhân dân cho xuất bản. Do những công trình của ông có giá trị, ông được nhà nước tặng thưởng "Huân chương lao động hạng 3" Bộ văn hóa công nhận là Nhà văn hóa dân gian. Ông Đinh Xuân Lâm - Giáo sư nhà giáo nhân dân. Nhà sử học hàng đầu của đất nước (ông được coi là một trong Tứ trụ của sử học Đinh Xuân Lâm, Phan Huy Lê, Hà Văn Tấn, Trần Quốc Vượng). Đinh Xuân Lâm là di duệ của họ Đinh Sơn Hòa sang ở đất Xa Lang (Sơn Tân). Thuở nhỏ ông ở Thanh Hóa sau ra giảng dạy ở trường Đại học tổng hợp biên soạn nhiều công trình nghiên cứu sử cùng với Trần Văn Giàu, Hà Văn Tấn và nhiều tác phẩm khác có giá trị do chính ông biên soạn.

Ngoài những gương mặt tiêu biểu còn phải kể thêm một số gương mặt khác như ông Đinh Xuân Bính (cùng lớp cán bộ Đảng cộng sản thời tiền khởi nghĩa như ông Đinh Nho Đang - Nho Khoách - Nho Tiến).

Đinh Xuân Bính đã từng là bí thư huyện ủy Hương Sơn trong những năm sau cách mạng tháng 8. Hiện nay con ông là Đinh Xuân Việt - Phó Bí thư thường trực tỉnh ủy Hà Tĩnh. Bà Đinh Thị Tường em ruột ông Đinh Xuân Bính - tham gia hoạt động cách mạng trong những ngày đầu của cách mạng tháng 8/1945. Thường giữ chức chủ tịch Hội LHPN tỉnh Hà Tĩnh cho đến lúc nghỉ hưu.

Đạt thành quả học tập, họ ta có nhiều con em đậu từ cử nhân trở lên, một số đã là giáo sư, tiến sĩ, nhà khoa học nổi tiếng trong và ngoài nước như tiến sĩ Đinh Nho Hào. Hiện nay ông Hào đã được phong Giáo sư. Vợ là Nguyễn Phương Chi tiến sĩ Toán. Đinh Nho Chương, Đinh Dũng, Đinh Thị Khương, Đinh Thị Oanh...

Giáo sư tiến sĩ khoa học Đinh Phạm Thái là cán bộ khoa học có uy tín. Từng được giao công trình mạ 8 chữ vàng "Không có gì quý hơn độc lập tự do" ở Tiền sảnh lăng chủ tịch Hồ Chí Minh. Theo thống kê chưa đầy đủ, chỉ tính từ CM tháng Tám lại nay họ ta đã có:

Tiến sĩ: 18, thạc sĩ: 7; cử nhân: 68

Theo thống kê mới nhất hiện nay thì số giáo sư, tiến sĩ, thạc sĩ đã vượt xa số nay.

Đang học Đại học trên 60 (tính đến năm 2000).

Thành đạt trên con đường học tập lớp con cháu thời này có Đinh Việt Anh từ thuở nhỏ đã cố gắng vươn lên học giỏi. Hiện nay công tác tại trường dành cho

người mù của Trung ương, là một trong 10 gương mặt thanh niên tiêu biểu của tỉnh Hà Tĩnh năm 2008.

Phần lớn lớp cha ông đến con cháu tiếp sau đều do cố gắng quyết chí tự học tự cường mà nên và khi đã công thành danh toại vẫn giữ được nếp sống thanh kiệm trong sạch như lời tổ huấn đã dạy.

Trong bài viết này không thể kể hết được những tấm gương sáng để con cháu ta noi theo. Phần chi tiết cụ thể ở mỗi dòng đời trong phần chính của bộ gia phả này.

Đặc biệt truyền thống nổi bật của họ Đinh Nho qua các dòng đời là "vượt nghèo, vượt khó, tu dưỡng, tu chí học hành "lấy nghĩa nước làm đầu, tình dân làm trọng theo đúng nghĩa" tu trung hiếu, phác hậu thanh kiệm, lạc bần tiến vi nghĩa sĩ thối vi lương nông".

Nét đẹp có thể hiện trong cả con trai con gái, con dâu, con rể của dòng họ và có thể nói sự thành đạt khá toàn diện trong hầu hết mọi lĩnh vực chính trị, quân sự, văn hóa, khoa học thật xứng đáng là một dòng họ có truyền thống ở vùng đất Hương Sơn.

Đoàn kết thân ái hợp tác tôn trọng các họ khác, trong thời kỳ đổi mới con cháu phải học tập tu dưỡng nâng cao năng lực làm kinh tế, vì ích nước lợi nhà, vì dân giàu nước mạnh.

Ngay nội dung của từ "Nghĩa sĩ Lương nông" trong lời tổ huấn cũng phải hiểu theo nghĩa mới đưa nhân tố công nghệ khoa học vào để có hiệu suất cao. Tóm lại là phải góp phần hiện đại hóa, công nghệ hóa để từ đó phát huy truyền thống của dòng họ vào thời đại kinh tế tri thức làm sao cho con cháu họ Đinh Nho ta tăng cường chỗ mạnh, khắc phục chỗ yếu, xứng đáng với tổ tiên với dân tộc vững bước tiến vào thiên niên kỷ mới.

Mùa thu năm Canh Thìn

8/2000

Ban Biên tập

Chỉnh sửa bổ sung năm Canh Dần 2010

NHÀ THỜ HỌ ĐINH NHO Ở GÔI MỸ (HƯƠNG SƠN)

Những hoạt động của ban tộc biểu và con cháu.

Họ Đinh Nho từ đời vị sơ tổ Tả hiệu điểm Công Tây hầu Đinh Phúc Diên vào lập nghiệp khoảng 1543 - 1546 lại nay đã gần 500 năm, phát triển dòng họ Hương Sơn đã 20 đời.

Thuở ban đầu Ngài Đinh Phúc Diên lập cư tại làng Bình Hòa (Này là xóm 3 xã Sơn Hòa (vườn ông Thực hiện nay). Đến đời Ngài Đại vương Hầu Thiêm đô Ngự sử Đinh Nho Công thì con cháu xuống lập nghiệp ở làng Gôi Mỹ, xóm Đồng Vực (nay là xóm 9 xã Sơn Hòa) và lập đền thờ, thờ phụng tổ tiên ở đây. Trong gia phả "Hương yên phổ tự" không ghi lại lập đền thờ vào năm nào nhưng theo chi tiết nói về Ngài Đại Vương Tử lập Am Mặc trai cạnh nhà thờ, trong đó có câu "Phương Khả Cận Tư Am" thì chắc chắn nhà thờ họ ta có ít nhất từ thời Đinh Nho Công khoảng 1670".

Sau khi Ngài Đại Vương Tử mất đến việc bà ẽ Thận Phu nhân tuẫn tiết nhà vua ban hai chữ "Tiết Phụ", cấp ruộng, lập đền thờ bà là Đền Gôi Mỹ năm 1717 (Đinh Dậu, niên hiệu Vĩnh Thịnh 13, Lê Du Tông) thì chắc chắn nhà thờ họ ta cũng được khang trang từ đó.

Đến năm 1922 (Nhâm Tuất, đời khải Định), theo di chỉ còn ghi lại ở cổng nhà thờ họ, nhà thờ được trùng tu do tốp thợ làng Trung cần (nay là Nam Trung, Nam Đàn, Nghệ An) xây cùng một lúc với đền Gôi vì mặt tiền có họa tiết giống nhau. Nhà thợ họ lúc đó gồm: Một nhà Thượng điện ba gian gỗ lim, mít lợp ngói vẩy Âm Dương, một nhà trung điện theo kiểu nhà một mái. Mặt tiền nhà trung điện có hai câu đối.

1. Gia hiếu tử, Quốc trung thần, sự nghiệp huân du bính bính tam bách niên thiên hạ.

Sinh vinh danh, tử hiển hiện, tinh thần mạnh mạch thằng thằng ức vạn thế vân nhưng.

2. Tổ khảo tụy tinh thần như tại thượng, tại tả hữu

Tương thân đồng khí huyết, thử kỳ thân, kỳ tử tôn.

Nhà hạ điện thường gọi là Bái đường cũng ba gian lim mít, lợp ngói vẩy âm dương. Phía bên tả có nhà thợ Đại Vương Tử (thường gọi là nhà thờ Hầu tả) cũng có thượng điện và bái đường.

Toàn bộ khuôn viên có khoảng 3 sào đất, tường gạch, sân gạch đầy đủ, phía trước cổng lớn, trên đề 3 chữ "Lai Dạ Viễn" có 2 câu đối:

1. Tiêu liêu cụ tứ cái cao môn, phúc li tu tập.

Hỏa truyền dạ bản, tri bách thế khí mạch, tương quan.

2. Môn địa cao khả dự.

Thiên trụ hữu dị tôn

Tất cả hướng về phía chính đông.

Trong quyển gia phả của chi họ Đinh Nho ở Thanh Liêu, thì nhà thờ còn có mấy câu sau:

1. Lưỡng đồ sứ tập danh thần truyện

Tam tự nhân xưng tiết phụ hương

2. Quang độc thế khai hoàng bảng khoán

Uy linh địa khỉ bạch vân từ.

Và: Tính tự thọ giang sơn, song canh hổ bảng.

Anh Linh hằng kim cổ, tứ đạo loan thư.

Hiện nay những câu đối này không còn và cũng không rõ được khắc ở nhà thờ hay ở đền Gôi hay đền Thịnh Xá.?

Tuy nhiên, nội dung đều nói về công đức, tiết hạnh, đạo nghĩa bằng hữu của 4 vị phúc thần họ ta (đặc biệt là Ngài Đinh Nho Công, Đinh Nho Hoàn và bà tiết phụ Phan Thị Viên).

Bàn về vị trí này của dương cơ họ Đinh, trong quyển "Địa lý" của Vương Dư Dụ (quê ở xã Nam Kim, Nam Đàn, Nghệ An) do ông Đinh Nho Hoài sưu tầm được, có đoạn:

"Dương cơ họ Đinh Nho ở thôn Hoán Vỹ, xã An ấp, huyện Hương Sơn từ các Tiến sĩ Lê Triều như Đinh Nho Công, Đinh Nho Hoàn, đến triều Nguyễn như Đinh Nho Quang, Đinh Nho Hường (tức Nho Điển chú thích của người viết) là thuộc thế Bàn Long Tả Cục. Chú: “mạch từ bên trái chảy sang trường viễn, lấy

hồi long làm án, lấy triều nước bên trái vòng sau Huyền vũ mà thoát đi làm kết các long vòng quanh bên trái là thế đất bàn long tả cục".

Lễ tế tổ hàng năm được tổ chức trọng thể con cháu về đông đúc. Lễ tế thường nằm là ngày kỵ nhật của các vị sơ tổ, thế tổ và các vị phúc thần. Kinh phí lễ tế tổ dựa vào mấy mẫu tộc điền, cho con cháu cày thu hoa lợi.

Đại lễ thường vào tiết lập xuân, tảo mộ đầu năm. Sau cách mạng tháng Tám, theo chủ trương của Chính phủ, năm 1948, nhà thờ của các tiểu chi đều hợp tự tại Nhà thờ lớn, kể cả nhà thờ chi họ con dòng ông Nho Thận do ông Nho Tuấn (tức ông Cu Đắc) làm tộc trưởng cũng đều hợp tự về đây.

Để phù hợp với tình hình họ cử ra một ban quản lý để lo việc tế tự, thu hoa lợi hàng năm gồm các cụ Đinh Nho Kiên (ấm Thuyên) Đinh Nho An (Bá Yên) Đinh Nho Cầm, Đinh Nho Bả, Đinh Nho Tiến.

Trong thời gian này, do tình hình cả nước dốc toàn lực cho kháng chiến, con cháu sôi nổi tòng quân giết giặc nên việc tế tự hàng năm được đơn giản và bớt nhộn nhịp hơn.

Trong thời gian 1945 - 1960 có hai việc cần được nêu ra để con cháu rõ:

Việc thứ nhất: Bảo vệ ngôi mộ tổ ở Sơn Tiến. Khoảng đầu 1947 có một người ngoại tộc đã tin vào một thầy địa lý nào đó, bày cho ông ta muốn phát phú, phát quý thì phải cải táng cha mẹ đặt chung cùng mộ Tổ họ Đinh ở Rú Trai. Được tin Ban quản lý đã họp, một mặt viết tờ trình ủy ban kháng chiến hành chính xã Tuấn Tiến (tức Sơn Tiến ngày nay) nhờ can thiệp, mặt khác họ lập một đội Thanh niên hăng hái vào trực để bảo vệ phần mộ. Đội gồm có 20 người như các ông Đinh Nho Cơ, Đinh Nho Tứ (tức Dương), Đinh Nho Chiêm, Đinh Nho Tỉu (tức Toản), Đinh Tuấn Lợi đặc biệt có cố Nho Nghiêm (thường gọi là cố Viêm) tuổi cao không ngại mưa rét vẫn vào núi và quyết tâm liều thân cho tổ. Nhờ sự can thiệp của chính quyền địa phương và sự quyết tâm của con cháu nên việc của ông kia không thành. Sau này, họ đã biểu dương cụ Viêm và thưởng cụ hai phương lúa (đơn vị đo lường lúc đó).

Việc thứ 2: Bảo vệ nhà thờ họ.

Sau năm 1953 do nhiều tác động bên ngoài nên một số người có chủ trương giảm bớt phần tế tự, thu gọn nhà thờ Đại Tôn. Họ đã bán nhà thờ Đức Hầu tả

(sau khi hợp tự, đã chuyển sang nhà thờ chính, lúc đó chỉ làm kho đựng lúa của họ). Song song với việc này những người đó cũng chủ trương chặt phá bán luôn cả các cây cổ thụ ở lăng Sắn trà (nơi đặt mộ Đại Vương Tử), biến Lăng từ một khu rừng cổ thụ thành bãi đất hoang trơ trụi. Nhân đó cũng muốn bán luôn nhà bái đường và Thượng điện. Trước tình hình đó, cụ bà tộc trưởng đời thứ 16 (thường gọi là bà Cu Hồ) đã kiên quyết không đồng ý, tìm mọi cách để ngăn cản. Việc này được một số vị bô lão có tâm huyết ủng hộ nên cuối cùng không bán phá nhà thờ được. Nhờ vậy, mà nhà thờ họ ta vẫn còn lưu giữ được đến ngày nay (trừ nhà thờ đức Hầu tả đã bị bán).

Đến năm 1970, một số cụ trong họ như Nho Bính, Nho Huề, Nho Khoách, Nho Đào, Nho Trương đã họp bà con trong họ để bàn củng cố việc họ. Hội nghị đã quyết định cho ông Đinh Nho Quỳ (tộc trưởng của họ) nhà hạ điện, tức nhà bái đường. Quay ngang nhà này để ở đồng thời ông Quỳ có trách nhiệm sửa chữa nhỏ khu vực nhà thờ chăm lo hương khói phụng thờ tổ tiên. Lúc này họ không có gì, nhà thờ thì đã dột nát xuống cấp nên chủ trương này là hợp lý. Kể từ 1970 trở đi, việc họ bắt đầu được củng cố. Để điều hành công việc, họ bầu ban tộc biểu gồm các ông: Đinh Xuân Bính, Đinh Nho Khoách, Đinh Nho Trương, Đinh Nho Lục và Đinh Nho Quỳ. Sau khi ông Khoách, ông Bính mất họ bầu bổ sung và mở rộng thêm đại biểu các chi và các vùng ngoài xã gồm các ông Đinh Nho Cơ, Đinh Nho Phương (Sơn Bình), Đinh Nho Mai (Sơn Trường), Đinh Nho Thanh, Đinh Nho Điu, Đinh Nho Kỳ, Đinh Nho Phi, Đinh Nho Bàng, Đinh Nho Chiến, Đinh Nho Nghị, Đinh Nho Lục (Thượng Hòa). Ban tộc biểu đã hoạt động tích cực và làm được một số việc sau đây.

1. Củng cố việc tế lễ hàng năm, định kỳ là 2 ngày: Tết Nguyên Đán và Trung Nguyên. Từ năm 1990, theo đề nghị của Ban, được con cháu nhất trí đóng góp quỹ hàng năm để tảo mộ và tế tổ. Hàng năm ngoài 2 ngày trên, họ lấy ngày 9 tháng giêng, ngày mất của vị sơ tổ Phúc Diên làm ngày đại lễ. Từ đó lại nay, ngày 9 tháng giêng trở thành ngày hội tụ con cháu mọi miền hướng về tổ dâng nén hương thơm, chiêm niệm công đức tổ tiên và vui cùng nhau chén rượu đầu xuân ấm tình đồng tộc.

2. Quy tụ các ngôi mộ ở các nơi về khu mộ áng phần theo chủ trương của địa phương.

- Ngày 10/2/1974 cải táng mộ sơ tổ ở Xóm Cống.
- Ngày 28/7/1974 cải tháng mộ ở Cồn Xếp.
- Ngày 7/3/1976 cải táng mộ ở lăng Sắn Trà.
- Ngày 8/7/1977 cải táng mộ ở Rú Trùa, Cồn Trọt.
- Ngày 24/4/1985 cải táng mộ Đại Vương Tử.

Sau khi quy tụ mộ tổ họ ta (từ đời 12 trở lên) tập trung lại ở 4 nơi là: áng Phần (Sơn Hòa), Lòi Chim Chim (Sơn Bằng), Rú Trai (Sơn Tiến) và Phúc Đậu (Sơn Phúc).

Năm 1993, ban tộc biểu đã động viên con cháu xây dựng các khuôn viên của 4 khu mộ tổ trên.

1993: Xây mộ tổ ở áng Phần, có đôi câu đối ở cổng: Tiến vi nghĩa sĩ, thoái vi lương nông, ở đây có các vị sơ tổ, mộ Đại Vương Tử và bà cả, mộ bà cả đốc lĩnh hương nghĩa hầu Nho Côn, Già tiên nhân nho Trạch, Ngài Thái Lãng, Ngài Nho Thận, cùng các bà vợ của các vị tiên liệt trên.

Năm 1994, cùng họ Nguyễn (Sơn Bằng) xây mộ tổ ở Lòi Chim Chim. Đây là ngôi mộ tổ đời thứ 2 là Ngài Phúc Trường cùng hợp táng với nhị thế tổ họ Nguyễn, câu đối ở cổng phần mộ:

Điểu lĩnh chung linh địa

Ngân thủy tạo hóa thiên

Cũng trong năm 1994, xây mộ tổ ở Rú Trai, đây là mộ Ngài Phúc Khánh (ông bà nội Đại Vương Phụ Đinh Nho Công) tương truyền là cát địa do Ngô tiên sinh điểm huyệt.

Câu đối ở cổng:

Khởi thủy do linh địa

Khai nguyên kế thế khoa (do ông Đinh Nho Quỳ sáng tác)

Năm 1996, xây mộ tổ ở Phúc Đậu. Đây là phần mộ Ngài Đại Vương Phụ và cha mẹ Ngài là Đinh Hữu Luân và Lê Thị Đô. Câu đối ở phần mộ.

Vạn thế minh tinh chiếu

Thiên thu linh mạch tồn. (do ông Đinh Nho Thanh sáng tác)

3. Tu sửa nhà thờ họ 3 đợt.

Đợt 1 năm 1984 đảo ngói và sửa máng.

Đợt 2 năm 1998: Đây là đợt tu lý khá quy mô.

Nâng cao và chuyển nhà thượng điện, nới rộng 3 mét, cải tạo nhà Trung điện (giữ nguyên mặt tiền) làm thêm nhà trung gian, giữa Trung và Thượng điện để tạo bệ cũng rộng rãi và đảm bảo sự hài hòa của công trình.

Nhà thượng điện các tế khí đã bị hư hỏng, mất mát nhiều, còn lưu giữ được: Bức đại tự "Thế Đức Từ" khám thờ "Đại Vương Phụ" và một số bài vị, linh vị của các vị phúc thần (chuyển từ Đền Gôi về) đáng tiếc là có 2 câu đối do ông Nghe Chấp (Nghi Lộc) đề tặng bị mất. Mùa thu năm Canh Dần các con ông Đinh Nho Tâm (đời 15 chi thứ) là Đinh Nho Sơn, Đinh Nho Hòa, Đinh Nho Lý, Đinh Nho Sự đã phục chế lại và tiến cúng vào nhà thờ.

Đợt 3: Năm 2007 xây tường bao nhà thờ, làm cổng sắt.

4. Viết lại, chỉnh lý, bổ sung gia phả đến đời 20. Khoảng năm 1971 gia phả đã được sao lục lại trên cơ sở "Hương yên phổ tự" nhưng không đầy đủ. Nay theo nguyện vọng của con cháu gia phả được viết lại có tính khoa học, công phu và đầy đủ hơn.

Để làm được những việc nói trên, trong những năm qua. Ban tộc biểu đã động viên con cháu kẻ công người của với tấm lòng thành kính hướng về tiên tổ và sự thành đạt của dòng họ. Chủ trương đó chẳng những được con cháu vùng quê hưởng ứng mà con em ở xa như Hà Nội, Vinh, Thành phố Hồ Chí Minh, cả ở nước ngoài như Lào, Pháp, Mỹ hưởng ứng tích cực. Chẳng những con cháu nội tộc mà con cháu ngoại tộc cũng góp phần. Ban tộc biểu đã lập sổ ghi chép lại đầy đủ và niêm yết tại nhà thờ để mọi người cùng biết.

Nhân dịp làm bộ tộc phả họ Đinh Nho năm nay, năm Canh Thìn 2000, xin được ghi lại đôi nét về quá trình xây dựng trùng tu, tôn tạo nhà thờ và phần mộ, cũng như những hoạt động của con cháu ở vùng quê về việc giữ gìn và phát huy truyền thống từ sau cách mạng Tháng Tám đến nay để sau này con cháu được rõ. Đây cũng là nén hương thơm tỏ lòng thành kính, báo ân sự sinh thành, dưỡng dục của tổ tiên vì đã giữ được những di chỉ quý giá của cha ông từ dương cơ, nhà cửa, phần mộ, phát huy được những điều răn dạy của tiền nhân.

Mùa thu Canh Thìn
Tháng 8 năm 2000
Năm Canh Dần 2010

ĐỜI THỨ NHẤT
ĐẾN ĐỜI THỨ TÁM
(THỜI KỲ CHƯA PHÂN CHI)

ĐỜI THỨ NHẤT
ĐINH PHÚC DIÊN

Tên chữ Ngài là Phúc Diên từ huyện Gia Viễn tỉnh Ninh Bình về lập nghiệp ở đất Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh. Nơi đầu tiên Ngài đến là thôn Bình Hòa, nay thuộc xã Sơn Hòa. Dẫu phải mưu sinh bằng việc khai hoang ở xứ Thác Lác, Tham Chàng nhưng Ngài vẫn nuôi chí lớn phù Lê diệt Mạc mà trước đó việc vỡ lỡ chưa thành. Ngài kết giao với Phạm Phúc Kính, thủy tổ họ Phạm ở đất Sơn Bằng phất cờ diệt Mạc. Vì có công phù Lê, Ngài được phong tước "Tả Hiệu Điểm Công Tây Hầu". Cần cù trong lao động, sống thanh bạch, kiệm cần, lấy nghĩa nước làm đầu, lấy tình dân làm trọng là những đức tính quý báu, làm nền móng cho cả dòng họ sau này.

Ngài thọ 93 tuổi.

Kỵ nhật vào ngày 9 tháng giêng.

Hàng năm đến ngày này, con cháu, dâu rể tập trung đông đủ tại nhà thờ họ để tế tổ và các vị tiên liệt.

Mộ Ngài trước táng tại xóm Cống, xã Sơn Thịnh. Được di về khu lăng mộ lớn nhất của họ ở núi Áng phần thuộc xã Sơn Hòa. Ngài có 2 bà: Bà cả họ Đào, bà thứ không rõ họ tên.

Bà cả thọ 85 tuổi.

Kỵ nhật: 5 tháng 4.

Mộ 2 bà trước cũng ở Sơn Thịnh, nay đã di về cùng khu mộ với ông.

ĐỜI THỨ HAI
ĐINH PHÚC TRƯỜNG

Tên chữ Ngài là Phúc Trường, kính vâng phụ huấn, thọ nghiệp với Trần Tiên sinh ở Châu ái, 24 tuổi đậu ưu tứ trường, 27 tuổi thi xã sách lại đỗ cao. Ham dẫn dụ lớp hậu tiến trên trong môn hạ Ngài thành đạt rất nhiều.

Ngài thọ 60 tuổi.

Kỵ nhật: 18 tháng 7

Bà người họ Lê

Bà thọ 73 tuổi.

Kỵ nhật: 13 tháng 9

Lăng của ông bà được táng tại lòi Chim Chim thôn Yên Nghĩa, xã Hữu bằng (nay là xã Sơn Bằng).

ĐỜI THỨ BA

ĐINH PHÚC BẢO

Tên chữ Ngài là Phúc Bảo, 19 tuổi đậu Tứ trường, sau khi thi xã sách không đỗ Ngài chuyển sang làm nghề thuốc Ngài lấy nhân đức làm đầu "không kể sớm hôm, khuya tối, hết lòng cứu chữa người bệnh, người nghèo người cho không lấy tiền, nhiều người đội ân đức của Ngài.

Ngài thọ: 73 tuổi.

Kỵ nhật: 25 tháng 6

Bà người họ Lê, thọ 63 tuổi

Kỵ nhật: 10 tháng 4

Lăng mộ của ông bà đến nay chưa rõ.

ĐỜI THỨ 4

ĐINH CHÍNH TÍNH

Tên chữ Ngài là Chính Tính, 20 tuổi đậu Tứ trường, tính khoan hòa, có lượng lớn, trong hàng lý hương Ngài như trụ đá.

Ngài thọ: 71 tuổi

Kỵ nhật: 14 tháng 8

Bà người họ Dương, thọ 76 tuổi

Kỵ nhật: 18 tháng giêng

Lăng của ông bà được táng tại núi Ngọc Sơn thuộc xã Dị ốc (nay là xã Sơn Long)

Hiện nay con cháu đã di về lăng mộ tổ ở núi Áng Phần xã Sơn Hòa.

ĐỜI THỨ 5

ĐINH PHÚC KHÁNH

Tên chữ Ngài là Phúc Khánh, tính khoan hòa, hiếu hạnh, 25 tuổi đỗ tứ trường.

Sẵn có cơ nghiệp lại không ganh tị với ai chỉ lo làm việc thiện nên người trong làng ai cũng mến phục.

Về sau Ngài tự xuất gia xin tu lý ở chùa Thanh Uyên về địa phận làng Mân xá).

Ngài thọ: 82 tuổi.

Kỵ nhật: 19 tháng giêng.

Bà người họ Nguyễn, con nhà thi tử, thọ 74 tuổi

Kỵ nhật: 20 tháng 2

Mộ của ông bà ở núi Trai Sơn thôn Tri Lễ (nay thuộc xã Sơn Tiến).

Mộ này do ông Ngô Tiên sinh (tức Ngô Tịnh, thầy địa lý giỏi bên Tàu) điểm huyệt.

ĐỜI THỨ 6

ĐINH HỮU LUÂN (1602 - 1676)

Ngài Hữu Luân sinh giờ ngọ ngày 7 tháng 5 năm Nhâm Mão (1602) dưới niên hiệu Hoằng Định thứ hai đời vua Lê Kính Tôn.

Ngài chăm chỉ học hành, có tiếng tăm rất sớm, 16 tuổi đậu Tứ trường (1617), 19 tuổi đã dự vào Năng Văn bộ ở bản phủ (1620). Gặp lúc cõi Nam có giặc Ngài xuất gia đĩnh ra công dẹp giặc cứu nước. Cảm công đức của Ngài vua cho làm chức huyện tá Đông Ngạn. Ngài tới huyện, không chút sao nhãng việc công, hết lòng chăm lo cho dân, nổi tiếng là quan thanh liêm, cả ông bà sống đầy nhân nghĩa được dân bản địa hạt kính nể, khâm phục. Vừa lúc có một tàu khách (tức người Tàu) bị bão tố trôi dạt vào đây. Sẵn mối từ tâm, ông ra tay cứu vớt, cho quần áo tiền gạo trở về quê. Bảy tháng sau, những người khách ấy đem sang một thầy phong thủy nổi tiếng bên Tàu, tạ Ngài rằng:

"Đội ơn tái tạo của ông, không dám đem vàng ngọc tạ lòng trong sáng nên chúng tôi đem vị tiên sinh này ở bản quốc để phát phúc cho nhiều người song cốt để báo cái đức thiện của nhà ông. Xin ông nhận lời".

Ngài mừng rỡ không xiết, lấy làm cảm tạ, lập tức cáo bệnh từ quan rồi rước Ngô Tiên Sinh về quê.

Một hôm Ngài thưa với Ngô Tiên sinh rằng: "Tiên gia này từ ái châu về đây gần tới trăm năm, đời đời độc đinh, trai gái muộn màng. Vả đời nào cũng chăm chỉ về sự học mà giáp khoa hoàng bảng chữa bỏ công đèn sách muốn nhờ tiên sinh tính liệu cho thế nào thì may cho tiện gia này lắm". Vậy là Ngài chỉ mong phá thế độc đinh và mong sự học hành cho con cháu. Ước nguyện đó về sau được thành đạt, đời đời kế tiếp con cháu đông vui, nhiều người đỗ cao.

Ngài mất giờ tuất ngày 18 tháng 3 năm Bính Thìn (1676) niên hiệu Vĩnh Tự thứ nhất đời vua Lê Hy Tôn. Ngài thọ 75 tuổi.

Bà người họ Lê, húy là Đô người xã Tuần Lễ, trong nhà họ một lòng cung thuận lại hay bố thí cho người nghèo. Bà thọ 82 tuổi mất năm Quý Mão (1683). Lăng của ông bà hợp táng tại xứ Cây Hóp thôn Phúc Đậu.

ĐỜI THỨ 7

TIẾN SĨ ĐINH NHO CÔNG (1637 - 1695)

Ngài là người khai khoa cho dòng họ. Tên húy là Trung, tên chữ là Nho Công.

Ngài sinh giờ Dần ngày 9 tháng 1 năm Đinh Sửu, niên hiệu Dương Hòa năm thứ 3 đời vua Lê Thần Tông (1637).

Ngài nối dõi nghiệp nhà, chăm theo sự học 14 tuổi đậu ưu tú trường (1650), 18 tuổi (1654) gặp thời cơ cận, trở sang nghề cày. Cày bừa cấy hái việc gì cũng giỏi nhưng không sao nhãng việc học. Năm 1669 Ngài đi thi phú đều ưu, đậu Giải Nguyên sau thi hội Ngài đậu Đệ tam giáp đồng tiến sĩ (lúc ấy là năm Canh Tuất, năm Canh Trị đời thứ 8 đời Lê Huyền Tôn 1670).

Trước hết Ngài làm chức giám sát, Ngự Sử Lệ Khoa Công, Khoa cấp sự trung, rồi triều Thần bảo cử Ngài Đốc thị bản hạt, trộm giặc yên ổn, chính sự công bình.

Đối với dân làng, vì có kho lương ở ấp ta, dân thường khổ ải về việc vận tải, Ngài làm biểu xin cho vận tải đường thủy được triều đình phê chuẩn, ai cũng đội ân đức Ngài. Ngài có tiếng liêm năng được vua ban thưởng tài đức của Ngài.

Sau đó lại sai đi những xứ Kinh Bắc, Sơn Tây giúp trị cùng quan chánh Ngài còn đi phụng khảo sĩ nhân, Vua lại thưởng cho chức Khóa Thượng Khảo.

Tính Ngài hay bài tước bọn tham ô, cất nhắc người trung chính được thánh thượng đem lòng ưu ái, đề tặng 4 chữ: "Ngôn ngữ phong lăng" thăng chức Thiêm đô ngự sử. Lúc bấy giờ là niên hiệu Chính Hòa thứ 13 đời vua Lê Hy Tôn (1962).

Ngài thụ chức Thiêm đô được 4 năm thì mất, thọ 59 tuổi.

Ngài mất giờ Dần ngày 27 tháng 2 năm ất Hợi niên hiệu Chính Hòa thứ 16 đời Lê Hy Tôn (1696).

Đến đời Cảnh Hưng Ngài được tấn phong Anh nghị Đại Vương (về sau con Ngài là Đinh Nho Hoàn cũng được tấn phong Đại vương nên thường gọi Ngài là Đại Vương Phụ). Bản triều gia phong: Đoan túc dực bảo Trung hưng phúc thần thờ ở đền làng Gôi Mỹ (xã Sơn Hòa).

Bà người họ Đặng, con cả của nhà nho học, tính điềm tĩnh, sống trong sạch, ngày về làm dâu rất được con cháu, họ hàng kính trọng. Bà thọ 40 tuổi. Mất giờ tuất ngày 17 tháng 10 năm ất Hợi (1635).

Ngài lại có một người vợ thứ cũng người họ Đặng, không rõ ngày mất.

Mộ của Ngài Đinh Nho Công táng ở xứ Cây Hóp xác Phúc Đậu. Nay là xã Sơn Phúc, mộ bà ở xã Cồn Xếp trong làng. Nay đã di dời lên khu mộ tổ ở Áng Phần.

ĐỜI THỨ 8

1. "GIÀ TIÊN NHÂN" HAY "TIÊN PHONG TIÊN NHÂN"

ĐINH NHO TRẠCH (1656 - 1711)

Ngài Đinh Nho Trạch, tên chữ là Thuần, sinh ngày 17 tháng 5 năm Bính Thân (1656) niên hiệu Chính Đức đời vua Thần Tôn. Đậu Hương cống lúc 18 tuổi. Tính Ngài hiền hòa, giúp đỡ dân làng nhiều việc lớn, dân làng ai cũng kính phục. Thời đó, quân Ai Lao (tức là nước Lào) đi triều cống nước ta, qua bản ấp

thường gây nhiều nhũng nhiễu phiền hà, Ngài đã tâu lên trên xin mở một con đường mới theo mé sông từ xã Phúc Dương suốt đến chợ Dương trai giảm bớt phiền hà cho dân, không chỉ bản ấp mà cả nhiều xã khác đều được hưởng lợi. Về sau Ngài làm nhà trên núi Tiêu Sơn (dân gian hay gọi là Rú Chuối ở thượng Hòa); vui chơi cùng sơn thủy sống như một ông tiên nên người ta gọi Ngài là "Già tiên nhân" hay "Tiên phong tiên nhân".

Ngài thọ 56 tuổi, mất giờ Thân ngày 15 tháng chạp năm Tân Mão (1711) dưới niên hiệu Vịnh Thịnh thứ 6. Bà người họ Đặng sinh năm Nhâm Thìn (1652) mất giờ Tuất ngày 28 tháng 3 năm Quý Mão năm (1723) thọ 72 tuổi. Lăng của ông bà hợp tác tại xứ "Lăng cộ thuộc bản ấp" nay đã hợp tác ở áng Phần.

2. ĐINH NHO HUÂN

Có tài, học hơn người nhưng mất sớm, không rõ ngày sinh, ngày mất.

3. ĐINH NHO HOÀN (1671 - 1716)

Đệ nhị giáp Tiến sĩ khoa Canh Thìn

Tên húy của Ngài là Toản, sinh giờ Thìn ngày 5 tháng 10 năm Tân Hợi (1617) niên hiệu Cảnh Trị đời thứ 9, tức là sau khi Ngài Đinh Nho Công đỗ tiến sĩ vừa 1 năm.

Tư chất thông minh lộ ra từ thuở nhỏ: 14 tuổi đỗ Tứ trường (1684)

23 tuổi đỗ Giải nguyên (1693)

24 tuổi đình đối văn sách xếp vào loại ưu được sung vào tòa Nội diên.

Đến năm 1700, niên hiệu chính Hòa thứ 21 đời vua Hy Tôn Ngài thi hội đậu đệ nhị Giáp tiến sỹ(triều Nguyễn đổi danh, gọi là Hoàng Giáp).

Tháng 8 Nhâm Ngọ (1702) làm Tham chính Sơn Tây, chính sự khoan bình, sĩ dân ai cũng ca tụng.

Tháng 7 năm Giáp Thân (1704 lại nhậm chức đốc trấn tỉnh Cao Bằng. Lúc này không chỉ người trong nước mà cả Thanh Khách ở Giang Tây, Giang Nam, Quảng Đông, Quảng Tây, Phú Kiến, Hồ Quảng (nước Trung Hoa) cũng đều cảm mộ. Mới nhận chức ở Cao Bảng 5 tháng được dựa bia ghi công trạng. Thế mới biết công đức của Ngài đối với dân to lớn biết nhường nào.

Sau đó, ngày được thăng chức "Thượng bảo tự khanh" làm bồi thị nhà vua (nghĩa là giúp vua).

Đến năm Vĩnh Thịnh thứ 10 (1715) được vua cử làm phó sứ sang Tàu để giữ tính hòa hiếu, tránh nạn binh đao.

Nhận chiếu chỉ nhà Vua, Ngài xin về quê để lo lắng việc phụng thờ tổ tiên, kính tế tiền lo việc trị trang, dạy bày con cháu. Ngài cúng cho làng 15 mẫu ruộng, 100 quan tiền, lập am thờ thần linh để mong cho dân làng ngày càng ấm no. Ngài lại cúng ruộng, cấp tiền cho các giáp đề xuân thu kinh tế. Đặc biệt là Ngài lập một cái bia được ghi trên khánh đá, hiện còn được lưu giữ tại đền làng Gôi Mỹ thuộc xã Sơn Hòa, Hương Sơn. Xong việc Ngài mới lên đường. Trên đường đi sứ Ngài đã làm thơ, ngâm vịnh (Sau rể Ngài là tiến sĩ Nguyễn Trọng Thường biên tập tại đề là Mặc ông sứ Tập).

Không may Ngài lâm bệnh mất dọc đường, lúc đó là ngày 28 tháng chạp năm Ất Vị (1716) thọ 46 tuổi. Được tin Ngài mất, vua Khang Hy và vua Lê đã làm điếu văn thống thiết tiễn biệt Ngài, đặc ân lên chức Kim Tử vinh lộc đại phu, lễ bộ tả thị lang, tá trị Thượng khanh thọ Sơn tử, Thụy giản Tịnh. Đời Cảnh Hưng tấn phong "Đắc Đạt Đại vương", bản triều gia phong tuấn hưng lượng trực Đoan túc dực Bảo Trung hưng phúc thần.

Ngài có 2 người vợ, bà cả người họ Lê, húy là Vệ người xã Hữu Bằng (nay là Sơn Bằng), con nhà thi thư, chuộng tài học vấn, bà có công chăm lo cho chồng ăn học thành tài. Bà mất ngày 4 tháng 6.

Á thất Ngài là bà Phạm Thị Viên, người huyện Hưng Nguyên. Bà chẳng những nổi danh về nghĩa cử thủ tiết thờ chồng được nhà vua cấp cho biển vàng để 2 chữ "tiết phụ", đời cảnh hưng gia phong "Trịnh nhất ẽ thận phu nhân", "đời Nguyễn gia phong Lương tĩnh thục diệu nhàn uyển dực bảo trung hưng phúc thần". Thơ văn của bà để lại không nhiều nhưng chỉ bấy nhiêu bài còn lại đều chứa chan tình đời chứa chan lòng yêu nước, dẫu tuổi đời bà còn rất trẻ (18 tuổi lấy chồng, 21 tuổi chết theo chồng).

Mộ của Ngài Đinh Nho Hoàn và bà cả được táng tại khu mộ tổ áng Phần.

Riêng bà Phan Thị Viên theo gia phả táng tại Lăng Sơn Trà. Hiện nay Ban tộc biểu đã tìm cách di dời di chỉ của Bà từ lăng Sắn Trà lên vùng mộ tổ ở áng phần đặt tại mộ Quan Tả thị lang.

4. QUAN VIÊN TƯ

ĐINH NHO THẬN

Kỵ nhật: Mồng 7 tháng chạp

Bà người họ Bùi, kỵ nhật 01 tháng 7, mộ tại áng Phần.

5. ĐINH NHO THƯỜNG

Cũng theo đời Nho học, được giữ chức tri huyện. Bà người họ Phan, con cháu về sau di dời đến ngụ cư ở Thuần Châu, Can Lộc.

6. TỔNG BINH HƯƠNG NGHĨA HẦU

ĐINH NHO CÔN

Trước Ngài làm tri huyện phủ La Sơn, quản quân đốc lĩnh ở Đông Thành, Lương Sơn. Ngài có công dẹp giặc Ngô ở Võ Xương rồi thọ chức "Tổng binh hương nghĩa hầu" thường gọi là Quân đốc lĩnh.

Ngài là người văn võ song toàn, có công đức với dân, với nước. Ngài đã cải tiến việc hành chính đúng theo thể chế, hợp với lòng dân, tránh điều phiền toái cho dân chúng.

Về sau, Ngài sang ở đất thanh Chương (tỉnh Nghệ An). Con cháu Ngài đa số đều thành đạt, trong đó có chắt nội là ông Đinh Nhật Thận, một người văn võ song toàn, chí khí hơn người. Ông kết thân với Cao Bá Quát chống lại triều đình mục nát, ức hiếp dân lành. Khi Cao Bá Quát bị chém thì ông cũng bị tống ngục. Trong số thơ văn mà ông để lại, có một tác phẩm nổi tiếng là "Thu dạ lũ hoài ngâm" được đánh giá là một trong 4 khu ngâm hay nhất thời bấy giờ (truyện kiều, chinh phụ, cung oán ngâm khúc, thu dạn lũ hoài ngâm).

Ngài Đinh Nho Côn, mất ngày 3 tháng chạp. Mộ được táng ở đâu không rõ.

Cảm công đức Ngài, nhà vua truy phong "Đoan túc dực bảo trung hưng phúc thần" cúng thờ tại đền Gôi Mỹ. Vậy là đền làng Gôi Mỹ thờ 4 vị thần của họ Đinh Nho, cùng một gia đình (cha là Đinh Nho Công, con là Đinh Nho Hoàn, Đinh Nho Côn và dâu là bà Phan Thị Viên vợ Ngài Đinh Nho Hoàn).

Bà là người họ Văn, mộ táng tại áng Phần. Theo gia phả tìm được sau này của Chi họ ở Thanh Liêu (Thanh Chương) do cụ Nhật Thận biên soạn thì sau khi sang Thanh Chương là lúc bà cả đã mất, Ngài lấy thêm 1 bà vợ nữa và phát triển thành Chi họ ở đó.

Đến đây, con cháu đã đông đúc, họ phân thành 2 chi: Chi trưởng (thuộc dòng Đinh Nho Trạch), chi thứ (thuộc dòng Đinh Nho Thận).

CHI TRƯỞNG

ĐỜI CHÍN

CON GIÀ TIÊN NHÂN SINH HẠ

1. NHO THỰC (1679 - 1757)

Con của ông Già Tiên Nhân là Huấn đạo Quản Chiếu, huy là Đạm, tên chữ là Nho Thực.

Ngài sinh giờ Tý ngày 16/5 nay Kỷ Vị, dưới niên hiệu vĩnh tị thứ 4 đời Lê Hy Tôn Tây Lịch năm 1679.

Ngài tính rộng rãi, người danh vọng. Có hơn 60 mẫu ruộng ở bãi vàng, Ngài cũng cho bản xã làm tư điền.

Ngài thọ 79 tuổi.

Mất giờ Tuất ngày 08/6 năm Đinh Sửu dưới niên hiệu Cảnh Hưng thứ 18, đời Vua Lê Hiển Tôn, Tây lịch 1757.

Mộ Ngài ở chân núi Ngọc Côn.

Bà là người họ Nguyễn ở làng Khả Lưu, con nhà danh giá, nhan sắc đẹp đẽ. Năm 19 tuổi bị tiếng dèm pha, ba phải theo về nhà cha mẹ ở, ngọn đèn hiu hắt, chiếc gói lạnh lùng, giữ bề trinh tiết. Cha mẹ thường muốn đoạt cái chí của bà, bà thề rằng: "Tiết phụ họ Đinh, sự thấu đến triều đình, tôi bất hạnh phải mang tiếng, thường muốn chết đi cho rồi, nhưng nghĩ đến đứa con cô đơn, đành phải nín ngồi lại để nuôi con, hoàng thiên chứng quả cho tâm sự này, ấy là đủ thỏa nguyện cho tôi, ngoài ra tôi không mong gì nữa, dám xin cha mẹ đừng nài ép".

Có người nói rằng: "Bà Phan Thị thủ tiết theo chồng là sự dễ. Bà Nguyễn Thị bị xuất gia là sự khó". Câu nói này đủ tả sự oan uổng cho bà.

Bà thọ 67 tuổi.

Mộ bà ở xứ Chùa Chảy.

Sau Ngài hỏi một người thứ nhất, người họ Bùi ở xã Tình Diệm.

2. ĐINH NHO GIA

(BÀ THỨ SINH HẠ)

Con thứ hai Già Tiên Nhân, tên chữ Nho Gia theo sư bộ sang Tàu. Vua cho chức huyện thừa, bất hạnh mất đi còn sớm.

3. ĐINH NHO LIỆU

Con thứ 3 Già Tiền nhân là Nho Sinh: Nho Liêu, bà họ Thái. Con: Huệ, Minh, Dần, Trung.

4. ĐINH NHO LÂM

Con thứ 4 Già Tiên Nhân là Nho Sinh Trúng Thức, thụ chức Câu Kê tên chữ là Nho Lâm. Bà người họ Thái.

5. ĐINH NHO THÁI

Không có con

6. ĐINH NHO HOÀNH

Con thứ 6 Già Tiên Nhân là Nho Sinh ấm phong triều liệt đại phu, tên chữ là Nho Hoành, làm tự tử (con thừa tự) đức Đại Vương Tử.

ĐỜI THỨ 10

10A1. Đinh Nho Tề

Con cả Nho Thực là Hoàng Tín Đại Phu Thái bộc tự Khanh Văn Lĩnh Hầu, húy là Phi, tự là Nho Tề.

Ngài sinh giờ Tý ngày ngày 15 tháng 2 năm Ất Dậu dưới niên hiệu Chính Hòa thứ 6 đời vua Lê Hy Tôn tây lịch 1705. Ngài có công tu sửa lại Văn chỉ của xã.

Ngài thọ 61 tuổi. Mất giờ Thìn ngày 15 tháng 7 năm ất Dậu dưới hiệu Cảnh Hưng thứ 26 đời vua Lê Hiển Tôn, tây lịch năm 1765. Mộ Ngài hiện tại ở xã Thổ Vượng huyện Can Lộc.

Bà người họ Phan, húy là Sương, con nhà danh giá ở thôn Hàm Lại - Sơn Tiến, thọ 41 tuổi.

Bà sinh giờ Thìn 20 tháng 3 năm Giáp Thân, mất ngày 25 tháng 5 Ất Sửu. Mộ tại Cồn trọt trong làng. Hiện nay mộ hợp táng ở áng Phần.

Con trai: Nho Quý, Nho Khế.

Con gái: Thị Chiên chồng Võ Tiến Sơn - Thị Gái lấy Đốc đồng Việt Yên.

10A2. Đinh Nho Tuấn.

Là con thứ ông Nho Thực - có con: Nho Đính, Nho Tân.

Con ông Nho Liêu

10A3. Đinh Lương Huệ

Con trai: Hữu Thọ

10A4. Đinh Nho Minh

Con trai: Văn Phiệt

10A5. Đinh Nho Dần

Con trai: Nho Thiện

Nho Thiều

Nho Viện

Nho Đoan

10A6. Đinh Nho Trung

Con trai: Nho Đại

Con ông Nho Hoành

Con trai: Nho Thế

Nho Cần

ĐỜI 11

11A1. Đinh Nho Quý

Con cả ông Đinh Nho Tể là Đinh Nho Quý, húy là Phê, chức chỉ huy Đồng Trị Hoan Trung Hầu thọ 67 tuổi, mất 19 tháng 7 năm Mậu Thân, mộ ở Ngọc Côn, nay cải táng áng Phần.

Bà là Nguyễn Thị Chu, con gái ông Thượng thư tiến sĩ Nguyễn Trọng Thường ở Trung Cần, Nghệ An.

Bà thọ 83 tuổi, mất ngày 16 tháng 2 Kỷ Tỵ. Mộ ở Tham Chàng (Bình Hòa)

Con trai: Thái Lãng (Tự)

Nho Thìn.

11A2. Đinh Nho Khế

Con thứ hai ông Đinh Nho Tể là Nho sinh Nho Khế thọ 50 tuổi, kỵ 21 tháng 3. Mộ ở Tham Chàng, Bình Hòa.

Bà Nguyễn Thị Thanh, con ông tiến sĩ Thượng thư Nguyễn Trọng Thường Trung Cần, Nghệ An.

Bà thọ 67 tuổi mất ngày 22 tháng 4.

Hợp táng với ông ở Tham Chàng.

Con trai: Nho Trực

Hữu Điệu

Nho Khánh

11A3. Đinh Nho Hành

Con thứ 3 ông Đinh Nho Tể là Đinh Nho Hành mất sớm, chỉ có 2 con gái. Thị Thiện lấy ông Võ Tiến ở Sơn Lễ.

Con trai: Phan Khiêm Tốn, đậu tú tại Phan Khiêm Thái cử nhân.

Phan Văn Chính.

Con ông Nho Tuấn.

11A4. Đinh Nho Đinh: Húy là Định

Bà họ Trần

Con trai: Văn Khanh

11A5. Đinh Nho Tân

Bà: Người họ Mai

Con trai: Thố Hào

Con ông Nho Huệ

11A6. Đinh Hữu Nho

Bà: họ Nguyễn

Con trai: Bá Duy

Con ông Nho Minh

11A7. Đinh Văn Phiệt

Con trai: Văn Hiếu

Con ông Nho Dần

11A8. Đinh Nho Thiện

Bà: Họ Nguyễn

Con trai: Duy Ích

11A9. Đinh Nho Thiều

Bà: họ Hoàng

Con trai: Văn Sĩ, không có con

11A10. Đinh Nho Viện

Con trai: Văn Sách

Văn Thế: Pháp tự

11A11. Đinh Nho Đoan

Bà: Họ Phan

Con trai: Văn Danh

Văn Thanh, không con

Văn Giảng

Nho Hợp

Con ông Nho Trung

11A12. Đinh Nho Đại

Bà: họ Nguyễn

Con: Văn Đồng

Văn Thuy, không con

Con ông Nho Thận

11A13. Đinh Nho Thế

Con trai: Nho Tú

Văn Hoàng

11A14. Đinh Nho Cần

Bà: Họ Phan

Con trai: Văn Áng

Văn Mân

ĐỜI THỨ 12

12A1. Đinh Thái Lãng

Con cả ông Đinh Nho Quý là Đinh Thái Lãng húy là Vượng, chức Triều liệt Đại phu Hàn Lâm Viện Thị Giảng Học sĩ, thọ 56 tuổi. Mất ngày 21 tháng 7 năm Kỷ Tỵ.

Bà là Trần Thị Bảng, là Văn Giang, Sơn Thịnh.

Thọ 43 tuổi, mất 11 tháng 8 Quý Hợi.

Mộ ông bà hợp tác xứ Cồn Trọt, Sơn Hòa; nay đã táng chung ở mộ áng Phần.

Con trai: Nho Tự

Nho Truyền

Nho Thịnh

Nho Bạt

Hy Tăng

12A2. Đinh Nho Thìn (hay Thời)

Con trai: Nhất Chiến

12A3. Đinh Nho Tịnh

Không có con

Con ông Nho Khế.

12A4. Đinh Nho Trự

Kỵ nhật ngày 7 tháng 2

Mộ ở Thọ (Tri Lễ)

Bà: Người họ Cao

Kỵ nhật ngày 11 tháng 3

Con trai: Văn Án

Văn Cử

12A5. Đinh Nho Thái

Mất năm 1786 ở Phú Xuân

Không con

12A6. Đinh Nho Châu

Không con

12A7. Đinh Nho Hồng

Không con

12A8. Đinh Hữu Điệu (hay Đạo)

Thọ 77 tuổi, mất 11 tháng 4

Bà: Người họ Cao, thọ 71 tuổi, mất 25 tháng 12

Mộ ở Tham Chàng

Con trai: Nho Minh, mất sớm

Khắc Tụy

Văn Đạt

Nho Khởi

12A9. Đinh Nho Khánh

Con trai: Văn Vỵ

Con ông Đính

12A10. Đinh Nho Khánh

Con trai: Văn Bảy

Con ông Tân:

12A11. Đinh Thế Hào

Con trai: Văn Đoán

Văn Trịnh

Con ông Nho:

12A12. Đinh Bá Duy

Bà: họ Lê

Con trai: Nho Kỷ, không con

Bá Ngoạn

Văn Đôi

Văn Tràng

Con ông Phiệt:

12A13. Đinh Văn Hiếu

Con trai: Văn Giai

Con ông Thiện:

12A14. Đinh Duy ích

Con trai: Văn Bản

Con ông Thiều:

12A15. Đinh Nho Sỹ

Không con

Con ông Đoan:

12A16. Đinh Văn Gianh

Không con

12A17. Đinh Văn Thanh

Không con

12A18. Đinh Văn Giảng

Con trai: Văn Lan

12A19. Đinh Nho Hợp

Con trai: Văn Học

Văn Thao

12A20. Đinh Hữu Lực

Con: Văn Đường, không con

Văn Thuy, không con

Con ông Thế.

12A21. Đinh Nho Tú

Bà: người họ Đặng

Con trai: Văn Án

12A22. Đinh Nho Hùng

Con trai: Văn Duy

Con ông Cần:

12A23. Đinh Áng

ở làng Yên Nghĩa

Con trai: Văn Uốn

Văn Ung

Văn Phán

Văn Nhạ

12A24. Đinh Văn Mận

Con trai: Văn Thạnh

ĐỜI 13

Con ông Thái Lãng

13A1. Đinh Nho Tự

Con cả ông Đinh Thái Lãng (húy là Vượng), tên là Nho Tự (húy là Bỉnh).

Bà: Người họ Nguyễn.

Con trai: Nho Siêu

13A2. Đinh Nho Truyền

Bà: Người họ Nguyễn

Con trai: Nho Mưu

13A3. Đinh Nho Thịnh

Không con

13A4. Đinh Nho Bạt

Con trai: Nho Dụ

Nho Hạp

13A5. Đinh Hy Tăng (hay Tĩnh) - Thái bộc Tự Khanh

Bà người họ Đặng

Con trai: Nho Quang - Phùng Nghị Đại phu

Nho Điển - Hàn lâm Viện Thị độc

Con gái: Đinh Thị Hoan

Lấy chồng ở Thanh Chương là mẹ Đặng Nguyên Cẩn

Con ông Thìn

13A6. Đinh Nhật Chiến

Đến đời con là Văn Tài - Văn Vị - Nho Quyển thất tự

Con ông Trự

13A7. Đinh Văn Án

Húy là Kình, Kỵ nhật ngày 4 tháng 4

Bà họ Nguyễn kỵ nhật ngày 6 tháng 8

Bà người họ Trần thọ 64 tuổi, kỵ nhật ngày 28 tháng 4

Mộ ở cạnh núi Chạc Khoai, ông bên tả, bà bên hữu.

Con:

Con ông Điệu

13A9. Đinh Khắc Tuy (Bách Hộ)

Húy là Văn Phó, cửu phẩm bá hộ, không có con lập người em (Nho Khởi) là Đinh Nho Nhiếp làm thừa tự, nuôi Văn Tình là con người bác làm con nuôi.

Mất ngày 3 tháng 4 Quý Dậu

Bà: Nguyễn Thị Duyên người Thịnh Xá, Sơn Thịnh, thọ 80 tuổi. Kỵ nhật ngày 15 tháng 4.

Mộ ông bà tại Bai Giải

Bà hai: Phan Thị Thùy kỵ nhật 20 tháng 12. Mộ ở chùa Ngọc Côn.

Con:

13A10. Đinh Văn Đạt

Không có con, lập Đinh Văn Ân con ông Đinh Nho Khởi làm thừa tự. Kỵ ngày 9 tháng 3

Bà người họ Lê, kỵ nhật ngày 20 tháng 5

Mộ ông bà ở Tham Chàng

Con:

13A11. Đinh Nho Khởi (hay Khải)

Thọ 44 tuổi, kỵ nhật ngày 23 tháng 2

Bà họ Hà, người Thịnh Xá, kỵ ngày 6 tháng 1, thọ 63 tuổi.

Mộ ở núi Trai, ông bên hữu, bà bên tả.

Con ông Khánh:

13A12. Đinh Văn Vỵ

Con ông Khanh:

13A13. Đinh Văn Bảy

Con ông Hào:

13A14: Đinh Văn Đoán (hay Đoạn)

13A15. Đinh Văn Trinh

Con trai: Văn Yên

Con ông Duy

13A16. Đinh Bá Ngoạn

Bà: họ Nguyễn

13A17. Đinh Cư Kính: Không có con

13A18. Đinh Văn Đôi (hay Đội)

Ở Thọ Lộc

13A19. Đinh Văn Tràng.

Con trai: Nho Xạ, kỵ nhật 26/3

Bà người họ Lê, kỵ nhật 28/1

Con ông Hiếu:

13A20. Đinh Văn Giai (hay Gia)

Con ông ích.

13A21. Đinh Văn Điệu

13A22. Đinh Văn Bản

Con ông Hợp

13A24. Đinh Văn Học. Bà cả họ Trần không con. Bà hai họ Phạm (ở Sơn Ninh)

Con trai: Nho Kham

Nho Ba

Nho Nghiêm

Nho Mặc

Con gái: Thị Nga, chồng họ Bùi

Sinh Nho Côn, Nho Anh

13A25. Đinh Văn Thao (hay Viêm)

Con trai: Nho Yên

Nho Ngụ

Nho Y (mất sớm)

Con gái: Thị Kế, chồng họ Nguyễn ở Sơn Lễ

Thị Diệm, chồng họ Phan ở Sơn Hòa

Thị Độ, chồng họ Nguyễn ở Sơn Ninh

Con ông Tú

13A26. Đinh Văn An

Con ông Hùng:

13A27. Đinh Nho Dung (hay Dục)

Không con

13A28. Đinh Văn Quy

Con ông Áng

13A29. Đinh Văn Uẩn

Con trai: Nho Lâm

13A30. Đinh Văn Ưng

Con là Quy sinh Nho Châu ở Sơn Quang

13A31. Đinh Văn Phán

13A32. Đinh Văn Nhạ

Con ông Mận

13A33. Đinh Văn Thanh

ĐỜI 14

Con ông Tự

14A1. Đinh Nho Siêu: Húy là Long

Bà họ Trần

Con ông Truyền

14A2. Đinh Nho Mưu

Con trai: Nho Hoe (hay Thống)

Con ông Bạt

14A3. Đinh Nho Dụ

Con trai: Nho Mân

Nho Xân (mất sớm)

Nho Bỉnh (mất sớm)

Nho Tám (mất sớm)

14A4. Đinh Nho Hạp (cụ Xuyên)

Kỵ nhật: 17 tháng 1 thọ 75 tuổi.

Bà cả: họ Nguyễn Đình, Sơn Hòa

Bà hai: họ Nguyễn Xuân, Sơn Thịnh

Con trai: Đinh Nho An (Bá Yên, Nho Bằng, Nho Biên (mất sớm)).

Nho Tuyên (miễn gia)

Con gái: Bà Viên Sơn Hòa

Bà Hoài, chồng Sơn Thịnh

Bà Bá, chồng Sơn Tiến.

Bà Nho Luyện, chồng ở Sơn Lễ

Bà Phán Tứ, chồng ở Sơn Thịnh, có con là Trâm, Trà

Con ông Tăng

14A5. Đinh Nho Quang (1831 - 1907)

Cử nhân Hán học Tuần phủ Phú Yên - Hà Tĩnh

Bốn bà: Họ Trần sinh:

Con trai: Nho Cơ thường gọi là ấm Cả (không con)

Nho Quê (Hàn nuôi) có 2 bà: Bà cả là Phan Thị Huân con tiến sĩ Phan Sỹ Thục - Võ Liệt - Thanh Chương sinh hạ:

1. Đinh Thị Thược chồng là Hoàng Xuân Viên làm bố chánh Quảng Nam.

2. Đinh Thị Yến chồng là Phan Thúc Ngô ở Thanh Chương, làm bố chánh con là Huỳnh, Quýnh, Huỳnh Cải.

Bà 2 (vợ ông Hàn Nuôi Đinh Nho Quê): sinh ra các con gái:

1. Đinh Thị Thiềng chồng là Hà Huy Bả (Sơn Thịnh).

2. Đinh Thị Lục chồng là Phạm Kỳ ở Sơn Long.

3. Đinh Thị Cơ chồng là Thầy Cơ hiện nay có con gái là Lê Thị Cúc và Lê Nguyên ở Huế.

Bà Tiết Nồng chồng họ Lê ở Sơn An, bà nội là Lê Kinh Duệ. Bà được vua phong tặng biển "Tiết hạnh khả phong".

Thị Em, chồng là Thái Văn Thành

Bà hai: vợ cụ Tuần không rõ họ, tên là Nghị, sinh hạ được:

Nho Thản (ấm ba).

Nho Bồi (ấm Trân) có con gái là Đặng Văn Cận làm tri phủ.

Nho Quân (ấm Ngân) không con.

Nho Kiên (ấm Thuyên).

Bà ba: Trần Thị Hanh là cháu của bà cả sinh hạ được: Nho Khôn

Con gái: Thị Quảng (bà Hường Luyện) chồng ở Đức Thọ.

Bà bốn: Cụ Chinh sinh hạ: Nho Kham (Tú Chinh) (1889 - 1936) kỵ nhật 19/9.

Con gái: Bà án Chính, chồng Sơn Long (Thái Văn Chính)

Bà Trước Đào, chồng ở Sơn Bằng (Đào Hữu Mân)

14A6. Đinh Nho Điển (1848 - 1884) Kỵ nhật: 5 tháng 8

Năm 1868: Đỗ cử nhân, năm Mậu Thân 1875 đỗ Tiến sĩ

Chức tước: Biện lý hình bộ sự vụ, Kiêm Quản thông chánh sứ Tri Ấn.

Biên tu Quốc Sử Quán.

Cụ được phong hàm: Chánh Tư phẩm.

Hồng lộ Tự khanh. Sau khi kinh thành Huế thất thủ (1884). Ông Tuyệt thực mà chết về sau năm (1899) được vua Thành Thái sắc phong lập đền thờ tại Làng Mân Xá xã Sơn Thịnh, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh và tại xóm Đồng vực xã Sơn Hòa, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh năm Kỷ Hợi (1899) biển sắc phong bốn chữ: "Săc - Tứ - Lập - Từ".

Cụ có 2 bà: Bà Chánh Thất: Cụ Hường người họ Trần làng Tứ Mỵ, Hương Sơn.

Bà thứ thất: Cụ Dy người họ Lê làng Choi, Hương Sơn.

Con bà cả:

Con trai: Đinh Nho Cẩn

Con gái: Mất khi còn nhỏ

Con bà hai:

Con trai: Đinh Nho Nhượng

Con gái: Đinh Thị..... chồng là: .....Kẻ Trúa Sơn Tiến - Hương Sơn - Hà Tĩnh.

Con ông □n

14A7. Đinh Nho Thiều (Di cư sang Lương Điền, Thanh Chương, Nghệ An)

Phát thành chi (họ Võ) con Nho Phán, Thị Minh, Thị Khuân. Sau đổi sang Đinh. Hiện ở Thanh An, Thanh Chương, hệ thống con cháu hiện nay xin xem phần 16 đời và phần bổ sung.

Con ông Cử

14A8. Đinh Nho Hưng

14A9. Đinh Nho Tình

Chánh tổng Bá hộ: Kỵ 26/9 thọ 60 tuổi.

Cụ bà: Bà cả: Họ Hà thọ 79 tuổi 30/1

Bà hai:Thọ 73 tuổi

Con trai: Nho Tịch (mất sớm)

Nho Lịch.

Nho Ba (mất sớm)

Nho Chí

Con ông Khởi

14A10. Đinh Nho Nhiếp.

Con nuôi cụ Khắc Tủy thọ 74 kỵ 3/3.

Mộ ở Phúc De.

Bà cả: Họ Nguyễn. Kỵ 3/8 thọ 48 tuổi.

Mộ áng Phần.

Bà hai: Họ Phan Kỵ 6/7 mộ.....

Con trai: Nho Chấn (Hàn Cống)

Nho Đề (Lý Dởn)

Nho Yết

Nho Huy (Cháu Giới)

Nho Đường (Bà Phù)

14A11. Đinh Nho Ân.

Chánh Tổng Bá Hộ làm Thừa tự ông Đạt.

Kỵ 26 tháng 9 thọ 69 tuổi.

Bà cả: Họ Hà thọ 79 tuổi.

Bà hai: Cụ Hai (Tên thọ 73 tuổi)

Con trai: Nho Ni

Nho Tiêm

Nho Niêm

Nho Từ.

Con ông Vy

14A12. Đinh Nho Hẻn

Con trai: Văn Sáu

Văn Bảy

Con ông Đoán

14A13. Đinh Nho Mười

Contrai: Nho Giai

14A14. Đinh Nho Mai

Con ông Trịnh

14A15. Đinh Nho Yên

Con trai: Nho Hưng, Nho Yến.

Con ông Ngoan

14A16. Đinh Nho Vinh

Con trai: Nho Ba

14A17. Đinh Nho Mạo

Con trai: Nho Xuyến

Nho Diên

Con ông Giai:

Con ông Tràng

14A18. Đinh Nho Xạ

Bà họ Lê

Con trai: Nho Bảy

Nho Mỹ

Con gái: Thị Tào chồng Sơn Tiến

Thị Hồng chồng Sơn Lễ.

Con ông Diệu:

14A19. Đinh Nho Cơ

Con trai: Nho Hòa

14A20. Đinh Nho Tảo

Con trai: Nho Chí

14A21. Đinh Nho Thân

Con trai: Nho Thái

Con ông Học.

14A22. Đinh Nho Kham

Thường gọi là ông Cháu Phương, kỵ nhật 7/9

Bà họ Lê kỵ 6/11

Con trai: Nho Đai

Nho Hàm

Nho Thắm

Con gái: Thị Hai, chồng họ Hà gọi bà Cháu Hoe

Thị Ba, thọ 44 tuổi, chồng Nguyễn Khắc (bá Trí)

Thị Điu, thọ 9□tuổi, chồng họ Hà

Thị Tiu chồng họ Tống (Phó Xan)

14A23. Đinh Nho Ba (gọi cháu nuôi)

Kỵ nhật: 21 tháng 4

Bà họ Đinh Văn. Kỵ nhật 16 tháng 8

Con trai: Nho Nhi

Nho Đào

Nho áp

Nho Chương (mất sớm)

Con gái: Thị Liệu (chồng họ Hà gọi Bà Lan)

Thị Kiểu (ở Huế)

14A24. Đinh Nho Nghiên (gọi Viêm)

Bà ở Diễn Châu

Con trai: Nho Lương (liệt sĩ)

Nho Bút

Nho Điều (mất sớm)

Con gái: Thị Cháu, chồng họ Nguyễn - Sơn Lễ

Thị Hỏ chồng Sơn Lễ (bà Cháu Chương)

Năm 1947, cụ có công trong việc bảo vệ mộ tổ Rú Trai - Sơn Tiến được toàn bộ họ biểu dương và thưởng 2 phương lúa.

Con ông Thao.

14A25. Đinh Nho Yên (Cháu Nào).

Bà họ Tống - Sơn Thịnh

Con trai: Nho Tào (không con)

Nho Tao

14A26. Đinh Nho Ngụ

Kỵ ngày 25 tháng 2

Bà cả họ Nguyễn Sơn An

Bà hai họ Phạm Sơn An

Con trai: Nho Quý

Nho Nghị

Nho Điu

Nho Tiu

Nho Thìn

Con gái: Thị Cháu, chồng họ Trần (bà An)

Thị Dụ chồng họ Hồ (bà Vinh)

Con ông Án

14A27. Đinh Nho Ba

Con trai: Nho Khoa

Nho Đăng

Nho Tại (mất sớm)

Nho Bình (mất sớm)

Con gái: Bà Chắt Đước (mẹ ông Vương Huy)

Con ông Ưng.

14A28. Đinh Nho Quy

Nho Quàm (ở Sơn Quang)

Con ông Uẩn

1429. Nho Lâm

Con trai: Nho Liên

ĐỜI THỨ 15

Con ông Siêu

15A1. Đinh Nho Tánh

Bà họ Nguyễn.

Con trai: Nho Hành thường gọi Cu Hồ

Con gái: Bà thứ nhất lấy chồng về Sơn Thịnh (gọi là bà Chắt Vọ)

Bà thứ hai lấy chồng về Sơn An (mẹ ông Ôn)

Con ông Mưu:

15A2. Đinh Nho Hoe (thường gọi ông Thống)

Bà:

Con trai: Nho Hiêu (Đôn)

Nho Liêu (Hòe)

Con gái: Bà Thích, chồng Sơn Tiến

Bà Sĩ, chồng Sơn Hòa

Con ông Dụ

15A3. Đinh Nho Mân

Con trai: Nho Minh

Con gái: Thị Chồng họ Nguyễn

Con ông Hạp

15A4. Đinh Nho An (Bá Yên)

Kỵ nhật: 10 tháng 10

Thọ: 61 tuổi

Cựu phẩm Bà Hộ

Con trai: Nho Dy

Con gái: Bà Chắt Tuyên (Sơn Hòa)

Bà Giáo Ân (Sơn Châu)

Bà Hoàn (Sơn Bằng)

Bà Lan (Sơn Thịnh)

Bà Điều(Sơn Bình)

Con ông Hạp:

15A5. Đinh Nho Bằng

Cử nhân Hán học, Tri huyện Nam Đàn, Nghi Lộc, Gio Linh, Cẩm Xuyên, Yên Định. Sau cách mạng chủ tịch Mặt trận Liên Việt xã 1946 mất 15 tháng 12 năm 1952.

Bà cả: Người họ Đặng, Nghệ An có con là bà Nhơn.

Bà hai: Người ở Vinh con là Xuân Hồng.

Bà ba: Lê Thị Muội, Sơn Bình con là Đông Anh

Con gái: Long Nhơn, chồng Nam Trung

Xuân Hồng, chồng Hưng Nguyên

Đông Anh, khu nông nghiệp, trường kỹ thuật Nghệ An.

15A6. Đinh Nho Tuyên

Dạy nho học. Kỵ nhật 17 tháng 1

Bà cả: Họ Nguyễn Xuân, Sơn Thịnh. Kỵ nhật 2 tháng 2

Bà hai: Thái Thị Dương, Sơn Bằng

Con trai: Nho Hưởng

Nho Hoằng

Con gái: Thị Hường chồng Sơn Phúc

Thị Hiểu công nhân nhà máy in Nghệ An

Con ông Quang.

15A7. Đinh Nho Thản

Con trai: Nho Viêm (Hàn Ty)

Con gái: Bà Tường chồng Nghệ An

(Đinh Thị Tụy) mất 1960

15A8. Đinh Nho Kiên

Bà người Sơn Long (Lê Thị Nga)

Con trai: Nho Dật

Nho Cẩm (mất sớm)

Nho Bát

Nho Chú

Nho Thước (ĐV cộng sản hoạt động phong trào TNCQ xã, mất năm 1950)

Con gái: Thị Hảo lấy chồng Sơn Lễ (thường gọi là bà Đậu)

15A9. Đinh Nho Khôn (1888 - 1918)

Cử nhân Hán học, kỵ nhật 6 tháng 12

Cụ bà Tôn Thị Bảy (1888 - 1956)

Là chị của Tôn Quang Phiệt, Tôn Thị Quế

Thanh Chương, Nghệ An. Kỵ nhật 23 tháng 10

Con trai: Nho Tích (cả Đang)

Nho Xuyên (Cự)

Con gái: Thị Thập, chồng là Trịnh Bá Tá (Thanh Chương)

15A10. Đinh Nho Kham (Tú Chinh)

1889 - 1936 Tú Tài Hán học. Kỵ nhật 19 tháng 9

Bà Cao Thị Nhu - Diễn Châu 1893 - 1955. Kỵ nhật 21 tháng 11

Con trai: Nho Linh

Con gái: Thị Cư, chồng Nha Trang

Mỹ Diêu mất 1988

Thanh Phương, hiện ở Hà Nội

Con ông Điển.

15A11. Đinh Nho Cẩn

Kỵ nhật 3 tháng 1

Tú Tài Hán học

Bà Lê Thị Hai, Nam Trung, Nam Đàn, Nghệ An.

Con trai: Nho Hàm

Nho Thành

Nho Đảng

Con gái: Thị Nga, chồng Lê Nguyên Cáp - Nam Trung, Nam Đàn, Nghệ An.

Thị Huệ, chồng Nguyễn Đường bác sỹ hiện ở Đà Nẵng

15A12. Đinh Nho Nhượng

Tú tài hán học.

Bà:

Con trai: Nho Hân

Nho Thân

Nho Chuân

Con gái: Thị Lan, chồng Siêu, Sơn Thịnh.

Thị Bích, Vinh - Nghệ An

Con ông Thiều **(Thanh An - Thanh Chương)**

15A14. Đinh Nho Phán

Con trai: Nho Mại (Võ Văn Mai)

Con gái: Thị Hiền

Thị Minh

Thị Khuân.

Con ông Tình.

15A15. Đinh Văn Lịch.

Con trai: Nho Lương

15A16. Đinh Văn Chi.

Con trai: Nho Đàm

Con ông Nhiếp.

15A17. Đinh Nho Chấn (1863 - 1935)

Cụ Hán Công - Tú tài Hán học chuyên Đông y.

Viết sách thuốc "Trung Việt Dược tính hợp biên"

Danh nhân cận đại. Kỵ nhật 26 tháng 9.

Mộ: áng Phần.

Bà cả: họ Trần. Mộ Đồng Mậu.

Bà hai: họ Pha

Con trai: Nho Hàng

Nho Hành (còn gọi là Củng)

Con gái: Thị Thưởng, chồng Sơn Thịnh mất 1953

Thị Em, chồng họ Lê Sơn Bằng

Thị Tùng, chồng Sơn Lâm

Thị Địu, chồng Phạm Hiếu - Sơn Tiến

15A18. Đinh Nho Đề (Lý Dởn)

Con trai: Nho Đoàn

Nho Thưởng

Nho Đường

Nho Củ (mất sớm)

Nho Tiếp (mất sớm)

Con gái: Thị Tư (mất Sớm)

Thị Lâm (mất sớm)

Thị Đồ thọ 80 tuổi.

15A19. Đinh Nho Yết

Nghề đông y

Hai bà:

Con gái: Bà Viện

Bà Bảng, chồng họ Trần

Bà Câu, chồng họ Sơn Lễ

Bà Xư, chồng họ Sơn Tiến

Bà Xừ, chồng là Lư

Bà Nhi, chồng là Thảo

15A20. Đinh Nho Huy (Cháu Đức).

Kỵ nhật 8 tháng 5

Bà họ Nguyễn

Con trai: Nho Loát

Nho Bát

15A21. Đinh Nho Đường (bà Phù) 1890 - 1960

Cửu Phẩm Bách Hộ, kỵ nhật 3 tháng 11

Bà họ Nguyễn Định kỵ nhật 16 tháng 1

Mộ Phúc De

Con trai: Nho Cự

Nho Cơ

Con gái: Thị Phương (bà trưng chồng Sơn Mỹ)

Thị Quế 1922, chồng Phan Hòa nay ở Mỹ.

Thị Liên 1926 Đảng viên cộng sản cơ sở Cách mạng nội thành Sài Gòn huy hiệu 50 tuổi Đảng. Huân chương kháng chiến 1

Thị Yên (Hương) 1934 chồng Lương Thiều.

Con ông Ân

15A22. Đinh Nho Nụ

Con trai: Nho Dương

Con ông Hẻn:

15A21. Đinh Nho Sáu

Con trai: Nho Quyển

Con gái: Chồng là ông Chắt Thúc

15A22. Đinh Nho Bảy

Con trai: Nho Vượng

Con gái: Thị Lan chồng Lê Bảo

Con ông Yên:

15A23. Đinh Nho Hạng

Con trai: Nho Mận - Sơn Diệm

Con gái: Đinh Thị Hà

15A24. Đinh Nho Yến

Con trai: Nho Lai - Sơn Phố

Con ông Mạo

15A25: Đinh Nho Xuyến

Con trai: Nho Minh (Không có con)

15A26. Đinh Nho Diên

Con trai: Nho Cương

Nho Thường

Nho Lục

Con ông Xạ

15A27. Nho Bảy

Bà họ Nguyễn

Con trai: Nho Bài

Con gái: Thị Điu, chồng họ Nguyễn ở Sơn Tây

15A28. Đinh Nho Mỵ kỵ nhật 20/9

Bà: Nguyễn Thị Nhỏ kỵ nhật 14/10

Con trai: Nho Nguyện

Con gái: Chắt

Loan

Lan

Lự

Tuyết (chồng liệt sĩ)

Con ông Tá

15A29. Đinh Nho Hòa

Con trai: Nho Cung

Nho Cầu

Nho Kính

Con ông Tảo.

15A30. Đinh Nho Chí

Con trai: Nho Nguyện

Nho Tứ

Nho Huân

Con ông Thân (Nho Tiềm)

15A31. Nho Thái.

Con ông Kham

15A32. Đinh Nho Đai (Cháu Phương)

Bà cả họ Lê - Sơn An kỵ nhật 1 tháng 6

Bà hai Nguyễn Khắc - Sơn Hòa kỵ nhật 6 tháng 7.

Con trai: Nho Trương

Nho Cương

Nho Khương

Nho Thường

Nho Thưởng (liệt sĩ)

Nho Đường

Nho Trường (liệt sĩ)

Con gái: Thị Em, chồng họ Phan (bà Tỉu)

Thị Hường, chồng họ Hà

15A33. Đinh Nho Hàm (ông Nghi) 1906 - 1985

Đảng viên Đảng cộng sản. Kỵ nhật 7 tháng 3 thọ 79 tuổi

Bà họ Nguyễn Định. Kỵ nhật 15 tháng 12 thọ 87 tuổi.

Con trai: Nho Nghi

Nho Kỳ

Nho Thi

Con gái:

Thị Cháu (mất sớm)

Thị Hà chồng là Nguyễn Đình Trí

Thị An chồng là Nguyễn Khắc Trọng.

15A34. Đinh Nho Thắm (1915 - 1993)

Đảng viên Đảng cộng sản. Kỵ nhật 15 tháng 1 thọ 79 tuổi.

Bà họ Phan. Kỵ nhật 15 tháng 8

Con trai: Nho Mậu liệt sĩ

Nho Cảnh

Con gái: Thị Châu, chồng họ Tống

Thị Hường, chồng họ Tống

Thị Hảo, chồng họ Đặng

Con ông Ba:

15A35. Đinh Nho Nhi (1902 - 1930)

Kỵ nhật 25 tháng 9 thọ 28 tuổi.

Bà họ Trần

Con trai: Nho Tường

Con gái: Thị Em (mất sớm)

Thị Nhi (mất sớm)

Nho Hạnh (mất sớm)

15A36. Đinh Nho Đào (1906 - 1989)

Kỵ nhật 10 tháng 4. Thọ 83 tuổi

Bà họ Nguyễn Khắc. Kỵ nhật 22 tháng 5

Con trai: Nho Quế liệt sĩ

Nho Lâm

Nho Thành

Con gái: Thị Trầm, chồng họ Hà

Thị Vinh chồng Thanh Hóa

Con ông Nghiên (Viêm)

15A37. Đinh Nho Bút

Đảng viên cộng sản

Bà họ Nguyễn Khắc

Con trai: Nho Lý

Nho Hùng

Con gái: Thị Liên, chồng họ Hồ Sơn Trung

Thị Sen, chồng họ Ngô

Thị Soa, chồng họ Nguyễn

Thị Hòa, chồng Can Lộc

Con ông Yên (Nào)

15A38. Đinh Nho Tao

Đảng viên cộng sản

Bà họ Tống

Con trai: Nho Cảnh

Nho Bình

Nho Liêm

Con gái: Thị Hòa

Con ông Ngụ

15A39. Đinh Nho Quý

Bà họ Nguyễn - Sơn Lễ

Con trai: Nho Hóa (mất sớm)

Nho Sơn (mất sớm)

Nho Hòa

Nho Phúc

Nho Đức

Con gái: Thị Hương, chồng họ Nguyễn Quang

15A40. Đinh Nho Nghị

Bà họ Tống

Con trai: Nho Canh

Con gái: Thị Dung, chồng họ Lê - Sơn Hòa

Thị Hiền chồng Trần Đình Thọ

Thị Thảo chồng họ Nguyễn - Sơn Hòa

Thị Hồng chồng Sơn Ninh

Thị Hoàn

Thị Thành chồng họ Hà - Sơn Thịnh

15A41. Đinh Nho Điu

Đảng viên đảng cộng sản - Đại úy nghỉ hưu

Bà họ Hà

Con trai: Nho Thắng

Nho Toàn

Con gái: Thị Lợi chồng họ Nguyễn - Sơn Phố.

15A42. Đinh Nho Tiu

Đảng viên Cộng sản - Cán bộ ngoại thương tỉnh.

Bà họ Nguyễn:

Con trai: Nho Hợi

Nho Hoài

Con gái: Thị Huệ, chồng họ Nguyễn.

15A43. Đinh Nho Thìn

Kỹ sư xây dựng.

Con trai: Nho Phương

Nho Hoàng

Con gái: Thị Loan

Thị Tâm

Con Ông Ba

15A44. Đinh Nho Khoa

Con trai: Nho Lưu

Nho Tiến

Nho Sự (không con)

Con gái: 1 bà lấy chồng Sơn Ninh.

15A45. Đinh Nho Đăng

Con trai: Nho Kỳ

Con gái: Thị Lan lấy chồng về Can Lộc

Thị Liên, chồng là Bính quê Quảng Trị

Thị Sen, chồng là Dục quê Sơn Thịnh.

Con ông Lâm

15A46. Đinh Nho Liên

Con trai: Nho Châu

Con ông Quy

15A47. Nho Quàm (Sơn Quang)

Con trai: Nho Báo

ĐỜI 16

Con ông Tánh

16A1. Đinh Nho Hành (ông cụ Hồ)

Bà Đoàn Thị Kiều quê Sơn Long

Ông sinh ất Dậu 1885 mất ất Dậu 1945. Kỵ nhật 17 tháng 6

Bà Đoàn Thị Kiều sinh Đinh Hợi 1887 mất 1968. Kỵ nhật 5 tháng 3

Mộ ông bà Đồng Mậu

Con trai: Nho Liên

Nho Võ

Nho Giao

Nho Oánh

Con gái: Thị Liễn lấy chồng là Lê Thạnh (Đức Lạc, Đức Thọ)

Thị Điu chồng là Lê Tính (Sơn Thịnh)

Thị Địu, chồng là Nguyễn Xuân Đồng (Sơn Thịnh)

Con ông Thống

16A2. Đinh Nho Hiệu (Đôn)

Bà Hà Thị Nam

Con trai: Đinh Nho Mại

Đinh Nho Hiểu

Đinh Nho Kỷ liệt sĩ chống Pháp

Đinh Nho Nhâm (mất sớm)

Nho Toản (không con)

Con gái: Thị Lục (mất sớm)

16A3. Đinh Nho Liêu (Hòe)

Bà Lê Thị Chắt. kỵ nhật 2/10

Con trai: Nho Lý liệt sĩ chống Pháp

Nho Lê

Nho Xán

Nho Thìn

Con gái: Thị Lài lấy chồng Sơn Trà

Thị Vỵ (mất 1979)

Con ông Mân.

16A4. Đinh Nho Minh

Bà:

Con trai: Nho Minh

Nho Đường

Con ông An (Yên)

16A5. Đinh Nho Dy

Kỵ nhật 30 tháng 2

Bà: Lê Thị Lý huân chương kháng chiến hạng I

Con trai: Nho Tuấn

Nho Trường

Con ông Gia.

16A6. Đinh Nho Hưởng

Đảng viên, huy hiệu 40 năm tuổi Đảng.

Nguyên chuyên viên UBND Nghệ An.

Bà:

Bà 2: Nguyễn Thị Thí

Con trai: Nho Hiệp

Con gái: Thị Huyền làm nhà khách Nghệ An

Thị Thái làm Hải sản XK Hà Tĩnh

Thị Tâm, chồng Sơn Lễ.

16A7: Đinh Nho Hoằng ở Sơn Tây

Bà:

Con trai: Nho Huân

Nho Biên

Con gái: Thị Thuần chồng ở Hà Tây

Con ông Thản

16A8. Đinh Nho Viêm (Hàn Ty)

Kỵ nhật 5 tháng 8

Bà Nguyễn Thị Ba quê Nam Đàn

Kỵ nhật 24 tháng 10

Con trai: Nho Liêm

Nho Phùng

Nho Dương

Nho Chiêm

Nho Khoát

Con ông Kiên

16A9. Đinh Nho Dật (1968 - 1995)

Trước khi nghỉ hưu, công tác tại Ban công tác miền Tây VP Trung ương Đảng.

Bà Nguyễn Thị Mai, con cụ phó Bảng Nguyễn Cự ở Nam Đàn.

Con trai: Đinh Nho Chương

Con gái: Đinh Thị Khương - Tiến sĩ kinh tế, Đảng viên nguyên phó Vụ trưởng vụ kiế hoạch Bộ nội thương, phó Giám đốc Tổng công ty vải sợi may mặc. Huy chương chống Mỹ hạng I, chồng là Nguyễn Văn Quỳnh.

Đinh Thị Phương 1943. Cán bộ khoa động lực ĐHBK, huân chương chống Mỹ III, chồng là Nguyễn Minh Đường - Nghệ An.

Đinh Lan Hương 1946. Kỹ sư kinh tế, Đảng viên cán bộ viện thông tin. Chồng là Lê Duy Dân - Nghệ An.

16A10. Đinh Nho Cẩm (1911 - 1941)

Con trai: Nho Tuân (mất sớm)

16A11. Đinh Nho Bát (1918 - 1995)

Đậu tú tài Tây, cán bộ tiền khởi nghĩa, Đảng viên nguyên chủ nhiệm chính trị học viện chính trị. Đại tá - huân chương quân II, Huân chương kháng chiến chống Pháp III, chống Mỹ I và nhiều huân chương khác.

Bà Huỳnh Thị Niệm, Đảng viên, bác sĩ nguyên Phó chủ tịch UB bảo vệ bà mẹ trẻ em Khánh Hòa, ủy viên thường vụ Hội Liên hiệp phụ nữ Phú Yên, huân hương kháng chiến chống Pháp II, chống Mỹ I.

Con trai: Đinh Như Hà Bình: 1954, Tiến sĩ, Đảng viên,công tác ở Ban cơ yếu chính phủ chồng là Nguyễn Đức Nghĩa quê Nghĩa Bình.

Đinh Nho Thanh

Đinh Nho Hải.

16A12. Đinh Nho Chú (1922 - 1997)

Cử nhân sự phạm, huân chương kháng chiến chống Pháp III, chống Mỹ I.

Bà Nguyễn Phương Liên, giáo viên, huân chương kháng chiến I.

Con trai: Đinh Nho Hoàng

Đinh Nho Hà

Đinh Nho Hào

Con gái: Đinh Thị Phương Hòa (1955) tiến sĩ Y khoa, công tác viện Nhi Thủy Điển. Chồng là Ngô Q Toàn - Hà Tĩnh.

Đinh Như Hoa - Thạc sĩ công tác tại viện dinh dưỡng. Chồng là Trương Vinh Quang, Nghệ An.

16A13. Đinh Nho Thước (1925 - 1951)

Nguyên giáo viên tiểu học, Đảng viên cộng sản Bí thư đoàn TNCQ xã Sơn Hòa.

Con ông Khôn

16A14. Đinh Nho Đang (1911 - 1972)

Kỵ nhật 16 tháng 5.

Năm 1927, tham gia TNC Cách mạng đồng chí hội.

1930 - 1931: Hoạt động trong phong trào Xô Viết, Nghệ Tĩnh, Đảng viên cộng sản Đông Dương, Bí thư huyện Hương Sơn 1931.

Trong kháng chiến chống PHáp: Chính ủy trung đoàn 103 Giám đốc trường thiếu sinh quân liên khu 4.

Trong chống Mỹ: Chính ủy thành đội Hải Phòng.

Viện trưởng viện kiểm sát quân sự khu III.

Huân chương chiến công I.

Huân chương kháng chiến II, huân chương chiến sĩ vẻ vang I, II, III.

Huy hiệu 40 năm tuổi Đảng.

Bà: Nguyễn Thị Tuyết (1910 - 2007)

Cán bộ lão thành cách mạng, tham gia thanh niên cách mạng đồng chí hội 1928, vào Đảng CSĐD năm 1930. Năm 1930 bị bắt và bị tù. Huy hiệu 50 tuổi Đảng.

Con trai: Đinh Nho Hồng 1943.

Đinh Nho Lưu 1947 - 1988. Kỵ nhật 24/5.

Đinh Nho Thanh (1951 - 1969) liệt sĩ chống Mỹ. Hy sinh 7/9 âm lịch.

Con gái: Đinh Thị Tịnh (1935 - 1955) Kỵ nhật 4 tháng 4.

Đinh Thị Kim Oanh 1941, Tiến sĩ. Khoa học khoa dinh dưỡng chăn nuôi, chồng là Nguyễn Trọng Thi quê Đức Thọ.

16A15. Đinh Nho Xuyến (hay Cự) (1916 - 1990).

Bà là Trương Thị Lang (1920 - 2009) quê Phan Thiết.

Con trai: Đinh Nho Kim 1938

Nho Biên (1941 - 1975) kỵ nhật 29/1.

Nho Hoàng (1944 - 1973) kỵ nhật 28/12

Nho Hồng 1949

Nho Thịnh (1957 - 2007) kỵ nhật 30/1

Nho Tịnh (1961 - 2007) kỵ nhật 24/8.

Con gái: Thị Ngọc 1946, chồng: Bùi Quang Lộc, có 3 con

Thị Nga 1952, chồng: Đổ Lưu Lai, có 3 con

Thị Liên 1954, chồng: Phan Văn Thìn, có 3 con

Thị Hà 1959, chồng: Phan Văn Hồng, có 2 con

Con ông Kham:

16A16. Đinh Nho Linh.

Kỵ nhật 21 tháng 2

Bà: Phạm Thị Chương Mỹ

Con trai: Nho Sanh

Con ông Cẩn:

16A17. Đinh Nho Hàm (1906 - 1955)

Tốt nghiệp thành chung năm 1930 trước năm 1945 là thừa phái Hà Tĩnh, Thanh Hóa, Quảng Nam, nguyên Thẩm phán tòa án nhân tỉnh Quảng Đà thời chống Pháp.

Kỵ nhật 20 tháng 12.

Bà cả người họ Tống (Bình Hòa, Sơn Hòa) không con (mất sớm)

Bà Thái Thị Cháu quê Sơn Long. Kỵ nhật 3 tháng 2.

Con trai: Đinh Thái Chí

Đinh Nho Nghệ (Lê Vinh)

Đinh Nho Viện

Con gái: Đinh Cẩm Hà, chồng là Võ Hoàng Nam (Quảng Ngãi)

Con nuôi: Đinh Thị Xuân lấy chồng quê Sơn Lễ, Hương Sơn.

16A18. Đinh Nho Thành (1909 - 1956)

Đậu tiểu học năm 1925 mở hiệu ảnh "An - Mỹ Photo" năm 1945 - 1952 ủy viên ủy ban hành chính xã Sơn Hòa, Hương Sơn, Hà Tĩnh.

Kỵ nhật 23 tháng 9.

Bà cả người làng Văn Giang xã Sơn Thịnh (không con)

Bà 2 Phạm Thị Tư (1912 - 1954) quê Sơn Long mất 1954.

Con trai: Đinh Nho Lượng (1934)

Đinh Nho Huấn (1940 - 2001)

Con gái: Đinh Thị Phương Lan (1921 - 1996) chồng Phan Huy Trác (Sơn Hòa)

Đinh Thị Hạnh (1937) chồng quê Bình Định.

Đinh Thị Hương (1942) chồng quê Nam Định.

16A19. Đinh Nho Đảng 1913 - 1983.

Tốt nghiệp thành chung, trước năm 1945 làm thẩm phán ở Quy Nhơn, thẩm phán toàn án tỉnh Bình Định sau đó về quê dạy học. Giáo viên cấp 2, mất 1983.

Bà cả: Lê Thị Lê quê Nam Trung, Nam Đàn, Nghệ An cháu nội Tiến sĩ Lê Nguyên Trung thời Tự Đức.

Bà hai: Nguyễn Xuân Xuyến quê Sơn Tiến, mất 1982.

Con trai: Đinh Nho Giảng.

Con ông Nhượng.

16A20. Đinh Nho Hân (1904 - 1934)

Bà Lê Thị Sâm 1918 - 1942 quê Hải Phòng.

Con trai: Đinh Nho Hoan

16A21. Đinh Nho Thân (1914 - 1950)

Bà cả: Phạm Thị Lục

Bà hai: Phạm Thị Thành.

Con trai: Đinh Nho Lâm

Con gái: Đinh Thị Kiều, chồng ở Hương Khê

16A22. Đinh Nho Chuân (1918 - 1955)

Đảng viên cộng sản.

Bà: Lê Thị Lan Thủy, công nhân xe lửa Diêu Trì.

Con trai: Nho Quán.

Con gái: Thị Nga, chồng ở Hà Nội là Hiền.

Con ông Phán (Thanh Chương)

16A23. Nho Mại (Võ Văn Mại)

Con trai: Nho Tình

Nho Bắc

Nho Thiệu

Nho Hiển

Nho Sáu.

Con gái: Thị Quy

Thị Bảy

Thị Hiền

Thị Hà.

Con ông Lịch:

16A23. Đinh Nho Lương

Làm Hương ước.

Bà:

Con trai: Nho Xang

Con gái: Bà Khôi lấy chồng ở Sơn Thịnh (tên Thị Em)

Thị Tửu, chồng Phan Thiện.

Con ông Chí:

16A24. Đinh Nho Đàm

Làm Hương bộ

Bà họ Nguyễn ở Sơn Thịnh.

Con trai: Nho Tuấn

Con ông Chấn

16A25. Đinh Nho Hàng

Tham tá Hồng lô tự khanh

Bà họ Nguyễn.

Con trai: Đinh á Ngọc (1925 - 1952), đại đội phó Quân đội nhân dân.

Đinh Tuấn Lợi

Con gái: Đinh Thị Chanh, chồng Nghĩa Đàn.

16A26. Đinh Nho Củng.

Làm thầu khoán.

Bà họ Lê ở Sơn Thịnh

Con trai: Đinh Văn Lợi

Con ông Đề.

16A27. Đinh Nho Đoàn.

Giáo viên, mất ở Nghĩa Đàn.

Con trai: Đinh Văn Tùng hiện ở Sài Gòn

Đinh Nho Luyện (Bá), hiện ở Hà Nội

Con gái: Đinh Thị..

Đinh Thị..

16A28. Đinh Nho Thưởng

Lính thị vệ nhà vua, mất 28 tháng 2.

Bà Nguyễn Thị Kế được phong tặng bà mẹ Việt Nam Anh hùng.

Con trai: Đinh Văn Sỹ (liệt sĩ chống Pháp).

16A29. Đinh Văn Đường.

Bà Trần Thị Cúc

Con gái: Đinh Thị Cúc, chồng Đậu Hóa.

Con ông Thưởng.

Đinh Thị Liên, chồng Nguyễn Khắc Nhân.

Con ông Huy.

16A30. Đinh Nho Loát (1900 - 1969)

Bà họ Võ mất 1982.

Mộ ở Phúc De

Con trai: Nho Dương

Con gái: Thị Chân, chồng ở Quảng Ninh

Thị An, chồng ở Sông Bé.

Thị Tý, chồng ở Sơn Kim

16A31. Đinh Nho Bát (Còn gọi là Hoe) (1905 - 1997)

Mất ở Pari

Bà quê Long Xuyên - Nam bộ

Con gái: Thị Gòn, chồng người Thụy Sĩ.

....

Con ông Đường.

16A32. Đinh Nho Cự (1914 - 1989)

Kỵ nhật 24 tháng 11, kỹ sư xây dựng.

Chuyên viên bộ kiến trúc, Đảng viên.

Bà cả: họ Tô sinh 1917.

Bà hai: họ Hoàng

Con trai: Đinh Quốc Dũng

Đinh Quốc Việt

Đinh Nho Hải

Nho Bình

Con gái: Thị Yến kỹ sư giám đốc Sở xây dựng TP Hồ Chí Minh, Tiến sĩ, chồng Hoàng Văn Việt

Thị Dung - Dược sĩ hiện ở úc

Đinh Hoàng Hà

Đinh Thị Ngọc Bích cử nhân sư phạm, chồng đỗ Đại lộc.

Đinh Thị Châu chồng Hoàng Tuấn Khanh.

16A33. Đinh Nho Cơ.

Nguyên thiếu tá quân đội NDVN, năm mươi tuổi Đảng. Nhiều huân chương, huy chương các hạng.

Cao nhất: Huân chương quân công hạng 3.

Bà: Phan Thị Hường sinh 1931.

Huân chương kháng chiến hạng 2.

Con trai: Đinh Nho Đồng.

Đinh Nho Lự

Đinh Nho Thắng

Con gái: Bích Hoài 1962 chồng Lê Quang Vinh.

Con ông Nị.

16A34. Đinh Nho Dương (không có con)

Con ông Sáu.

16A35. Đinh Nho Quyển.

Bà người Sơn An, Nguyễn Thị Cháu.

Con trai: Nho Đức

Nho Thắng

Con gái: Thị Xuần, chồng là Nhuận.

Con ông Bảy:

16A36. Đinh Nho Vượng

Bà Lê Thị Hòe

Con trai: Đinh Nho Hòa

Đinh Nho Thuận

Con gái: Đinh Thị Hương, chồng là Dậu quê Hà Tây

Đinh Thị Thanh chồng là Tín - Đức Bình

Đinh Thị Lan, chông là Xanh - Sơn Phố.

Đinh Thị Hường, chồng là Thống - Sơn Phố.

Con ông Hạng.

Gần đây, trong gia tộc ông Mận có gia phả ghi lược như sau: Sơ tổ: Đậu sinh đỗ, mộ tháng lên đó đến đời thứ 6 ở kẻ Oi (phải chăng là kẻ e - Sơn An ngày nay).

Đời 7 làm xã trưởng.

Đời 8 bà họ Nguyễn

Đời 9 Đinh Tựu và 5 con gái.

Đời 10 Lý trưởng Đinh Thiệu, bà Nguyễn Thị Chín.

Đời 11: Đinh Thiện sinh hạ Đinh Cẩn (vô tự) Đinh Điền (đi xa mất tích) Đinh Liên, Đinh Bốn bà là Phan Thị Vẻn.

Đinh Sáu mộ ở Cồn Trọc (hay Cồn Trọt - Sơn Hòa), Đinh Cu Anh, Đinh Cu Em.

Đời 12: Con Đinh Bốn là Đinh Vinh (ở Sơn Hòa hiện có con gái là bà Đào chồng là Bác sĩ Diệp).

Con Đinh Liên - bà Lương Thị Đồ sinh Đinh Nho Học.

16A38. Đinh Nho Mận

Con trai: Đinh Nho Minh

Đinh Nho Ninh

Con ông Yến

16A39. Đinh Nho Lai

Bà là:

Con trai: Nho Hạnh

Con ông Diên:

16A40. Đinh Nho Cường

16A41. Đinh Nho Thường

16A42. Đinh Nho Lục

Bà họ Hà.

Con trai: Nho Quán

Nho Sơn

Nho Đoài

Nho Bình

Nho Minh (...2008)

Nho Hoài

Con ông Bảy

16A43. Đinh Nho Bài kỵ nhật 26/5

Bà họ Nguyễn kỵ 11/4

Con gái: Thanh, Tý Huệ, Hải.

Con trai: Nho Đức

Nho Lợi

Nho Hùng

Con ông My

16A44. Đinh Nho Nguyện Đảng viên 1928 Nguyên Đại biểu HĐND huyện, chủ tịch UBND xã, Huân chương chống Mỹ I, 65 tuổi Đảng.

Bà:

Con trai: Nho Luận

Nho Ngọc (Kỵ nhật 18/12- thọ 31 tuổi)

Nho Tấn

Con gái: Thị Cúc chồng Dương Tùng (Sơn Lễ)

Thị Lan chồng Phạm Đồng (Sơn Hà)

Thị Tâm chồng là Lê Bình (Sơn Tiến)

Thị Tình chồng Nguyễn Mạnh (Sơn Lễ)

Thị Xuân chồng là Nguyễn Bằng (Sơn Lễ)

Con ông Hòa

16A45. Đinh Nho Cung

Bà:

Con trai: Nho Nhâm - Liệt sĩ

Con gái: Thị Oanh chồng Huy Giao

Thị Thiện chống Tống Lạc

Thị Tịnh chồng Sơn Ninh

Thị Hải chồng là Hải - Sơn Thịnh

16A46. Đinh Nho Cầu

Định cư ở miền Nam.

16A47. Đinh Nho Kính (1922 - 1983)

Giáo viên.

Bà: Quê ở Thanh Chương - Lê Thị Hường (1927)

Con trai: Nho Kỳ (1962) vợ Trần Thị Thanh

Nho Sỹ (1969) vợ Nguyễn Thị Thu Trang.

Con gái: Kim Thanh (1950) chồng Phan Thanh

Thị Xanh (1952) chồng là Hà Học Huề (Sơn Hòa)

Kim Anh, chồng là Tống Trần Hưng (không có con)

Nguyễn Văn Nương 5 con.

Cẩm Hà (1957) Chồng Lê Văn Sinh (1958) có 3 con.

Mai Hương (1959) dạy học chồng Hồ Văn Thường (1954) có 3 con.

Phương Lan (1968) giáo viên chồng Trần Thanh Lâm (1962) có 2 con.

Mỹ Linh (1970) bưu điện huyện Xuyên Mộc.

Chồng Phạm Khắc Sâm (1966) có 2 con.

Con ông Chỉ:

16A48. Đinh Nho Nguyện ở Sơn Quang.

16A49. Đinh Nho Tứ ở Sơn Quang

Con trai: Nho Tỉu

16A50. Đinh Nho Huân ở Sơn Quang

Con trai: Nho Dục

Con ông Đai

16A51. Đinh Nho Trương

Sinh 1916 - 1985

Bà Nguyễn Đình

Con trai: Nho Chiến

Nho Thắng

Nho Dân

Con gái: Thị Sâm, chồng họ Tống

Thị Nam, chồng họ Hà

Thị Hòa

Thị Bình

16A52. Đinh Nho Cương (1932 - 2010)

Đảng viên cộng sản

Bà họ Hà sinh 1936.

Con trai: Nho Quang

Nho Hào

Con gái: Thị Sen, chồng Quảng Bình

Thị Hồng, chồng Nghệ An

Thị Hà, chồng Sơn Hòa

16A53. Đinh Nho Khương sống ở Tuy Hòa

Con trai: Nho Danh

Nho Nghĩa

Nho Xuân

Thị Trọng

16A54. Đinh Nho Thường 1938.

Bà họ Võ quê Sơn Bằng sinh 1946.

Con gái: Thị Bích, chồng họ Nguyễn - Đắc Lắc

Thị Thành

16A55. Đinh Nho Đường 1940

Bà họ Hà sinh 1940

Con trai: Nho Sơn (--- 2008)

Nho Giang

Con gái: Thị Hải

Thị Nga

Con ông Hàm

1656. Đinh Nho Nghi sinh 1936.

Đảng viên Đảng cộng sản, thiếu tá quân đội

Huân chương kháng chiến I.

Bà họ Nguyễn, Nghi Lộc, Đảng viên cộng sản

Con trai: Nho Hải 1971

Nho Hồng 1982

Con gái: Thị Hương chồng Sơn Tiến

16A57. Đinh Nho Kỳ 1942.

Đảng viên cộng sản cử nhân toán

Giáo viên cấp 2, nghỉ hưu

Bà: họ Đoàn, Sơn Thủy

Con trai: Nho Hùng

Con gái: Thị Ca, chồng họ Cao, Sơn Lễ

Thị Hoài, chồng họ Lê, Sơn Lễ

16A58. Đinh Nho Thi 1948

Công nhân cơ khí Vinh, Đảng viên cộng sản.

Bà họ Phạm quê Diễn Châu

Con trai: Nho Thuận

Con gái: Thị Thảo

Thị Huyền

Con ông Thắm.

16A59. Đinh Nho Cảnh 1951.

Bà họ Hà 1953

Con trai: Nho Anh

Nho Việt

Nho Quân

Con ông Nhi

16A60. Đinh Nho Tường - Sơn Tiến (1924 - 1995)

Bà họ Võ

Con trai: Nho Mậu

Nho Tình

Nho Tân

Nho Dần

Con gái: Thị Minh, chồng họ Nguyễn - Sơn Tiến

Thị Thảo, chồng quê Sơn Ninh

Thị Mỹ, chồng họ Nguyễn - Sơn Lễ.

Con ông Đào.

16A61. Đinh Nho Lâm 1947.

Đảng viên Cộng sản, bộ đội nghỉ hưu

Bà Dương Thị Huệ (Sơn Thịnh)

Con trai: Nho Long

Con gái: Thị Huyền

Thị Hân

Thị Hải

16A62. Đinh Nho Thành 1949

Đảng viên đảng cộng sản, ở Sở công an Nghệ An.

Bà họ Cam sinh 1947

Con trai: Nho Tài

Con gái: Thị Hiền

Con ông Bút

16A63. Đinh Nho Lý 1952

Bộ đội phục viên

Bà họ Tống - Sơn Hòa

Con trai: Nho Dũng

Nho Luân

Con gái: Thị Hoa

16A64. Đinh Nho Hùng 1967

Bà họ Hà

Con gái: Thị Trang

Con ông Tao.

16A65. Đinh Nho Cảnh 1953

Bà:

Con trai: Nho Quang

Nho Đức

16A66. Đinh Nho Bình (1967 - 2010)

Bà họ Phan

Con trai: Nho Huy

Con gái: Thị Yừn

16A67. Đinh Nho Liêm

Con ông Quý

16A68. Đinh Nho Hòa

Bà: họ Nguyễn

Con trai: Nho Hải

Con gái: Thị Hằng lấy chồng (Bình Phước)

Thị Huyền

Thị Hảo

16A69. Đinh Nho Phúc

Bà họ Nguyễn quê Đức Thọ.

Con trai: Nho Tuấn

Nho Vũ

Con gái: Thị Ngọc

16A70. Đinh Nho Đức

Bà họ Đào

Con: Nho Quân

Con gái: Thị Linh

Con ông Nghị.

16A71. Đinh Nho Canh sinh 1970

Bà họ Trần 1973

Con trai: Nho Châu

Con gái: Thị Ánh

Con ông Điu:

16A72. Đinh Nho Thắng 1964

Bà họ Bùi (Sơn Tiến)

Con gái: Thị Giang

Thị Thúy

Thị Dương

16A73. Đinh Nho Toàn

Con ông Tiu

16A74. Đinh Nho Hợi 1970

Bà: Đặng Thị Yến

Con gái: Đinh Hồng Hà

Đinh Châu Giang

16A75. Đinh Nho Hoài 1975

Bà: Phan Thị Trường

Con gái: Đinh Nguyễn Uyển Nhi

Con ông Thìn:

16A76. Đinh Nho Phương 1975

Con trai: Đinh Nho Minh

Đinh Nho Quyết

16A77. Đinh Nho Hoàng 1985

Con ông Khoa

16A78. Đinh Nho Lưu

Bà:

Con trai: Đinh Nho Hanh

16A79. Đinh Nho Tiến

Đảng viên Cộng sản - huân chương kháng chiến I.

Bà cả - Thị Tiến (Sơn Hà)

Bà hai: Thị Hinh (Sơn Hà)

Con trai: Nho Khanh

Con gái: Thị Hường, chồng là Đức Sơn

Thị Sâm, chồng miền Nam liệt sĩ chống Mỹ.

Thị Khâm, chồng Sơn Bằng

Thị Nga, cán bộ Ngân hàng - Đức Thọ

Thị Hòa, chồng Đức Thọ

16A80. Đinh Nho Quý ở Sơn Quang

Con trai: Đinh Nho Minh

Con ông Liên.

16A81. Đinh Nho Châu

Con trai: Nho Phúc

Nho Dần

Nho Thìn

Nho Thân

Con ông Quàm

16A82. Đinh Nho Báo - Sơn Quang 1988

Con ông Quàng, Cháu ông Quỳ

Đảng viên cộng sản

Bà: Võ Thị Hai sinh 1915

Con trai: Nho Quý

Nho Hóa

Con gái: Thị Lý, chồng là Thanh - Sơn Thủy

Thị Hồng, chồng Sơn Quang

ĐỜI 17

Con ông Hành

17A1. Đinh Nho Liên

Sinh ất Tỵ (1905), mất: Ất Dậu (1945) Bính Tuất

Kỵ nhật 27 tháng 12

Mộ hợp táng ở Đồng Mậu

Bà cả: ở Sơn Ninh

Bà hai: Võ Thị Tầm quê Trà Bồng - Quảng Ngãi

Mất 20 tháng 9 Quý Dậu 1973

Mộ tại Trà Bồng

Con trai: Đinh Nho Quỳ

Đinh Nho Trúc

Nho Mai (mất sớm)

Con gái: Kim Sen 1935, chồng Quảng Nam là Lê Phao

Thị Sâm (mất sớm)

17A2. Đinh Nho Võ

Sếp ga xe lửa, nghỉ hưu trước 1975

Sinh.... mất 13/9/1981 - kỵ nhật 16/8

Bà quê Bắc Ninh mất 8 tháng 12 Đinh Tỵ (1978)

Con trai: Đinh Nho Quân

Con gái: Thị Vân chồng là Tâm - Sài Gòn

Thị Lan chồng là Chơn ở Mỹ

Thị Huệ (mất năm 19..)

Thị Hường, chồng là Hinh - Sơn Trà

Thủy Tiên

17A3. Đinh Nho Giao (gọi là Liêm)

Mất 1962, Đại úy, quận trưởng

Bà cả: Nguyễn Thị Ky

Con gái: Đinh Thị Oanh (1941 - 1999) chồng là Đậu Văn Khương quê ở Xuân Hội.

Bà hai:

Con trai: Đinh Nho Mỹ

Bà ba: Quê Cần Thơ

Con gái: Đinh Thị Lam Hồng

17A4. Đinh Nho Oánh (gọi Ban)

Công chức tổng kho Long Bình trước 1973

Sinh... mất 1987 - Kỵ nhật 23/8

Bà: Lê Thị Mộng Lý, quê Sơn Tân, mất 6/5/1985, kỵ nhật 7/3

Con trai: Đinh Quý Ân

Đinh Tấn Đạt

Đinh Mạnh Hùng

Đinh Hùng Dũng (mất sớm)

Đinh Quốc Thắng

Đinh Hòa Bình

Đinh Quốc Tuấn

Con gái: Đinh Thị Minh Nguyệt

Cẩm Khương

Mỹ Nga

Mộng Ly

Con ông Đôn.

17A5. Đinh Nho Mại

Sinh...., mất 1

Bà cả: Đào Thị Nhị

Bà hai: Đào Thị Hà, quê Sơn Ninh

Con trai: Nho Kiểu

Nho Điểu (đã mất)

Nho Trọng

Nho Trang

Con gái: Thị Liệu chồng Đức Thọ

Thị Trinh chồng Sơn Ninh

Thị Xoan chồng Đức Thọ

Thị Tỉu chồng Sơn Hòa

17A6. Đinh Nho Hiểu kỵ nhật 12/8

Bà: Trần Thị Liên

Con trai: Đinh Nho Dương (- 2007)

Con gái: Thị Xanh chồng là Quỳnh ở Sơn Ninh

Thị Mỹ chồng là Định ở Sơn Thịnh

Thị Dung chồng là Liên ở Sơn Hòa

Thị Hòa miền Nam.

17A7. Đinh Nho Kỷ (liệt sĩ)

17A8. Nho Nhâm mất sớm

17A9. Nho Toản kỵ nhật 15/5

Bà Đặng Thị Xanh

Con ông Hòe(Liêu)

17A10. Đinh Nho Lý liệt sĩ chống Pháp

17A11. Đinh Nho Lê

Bà Tống Thị Vỹ

Con trai: Nho Việt

Nho Thanh

Nho Minh

Con gái: Thị Tịnh, chồng là Minh ở Sơn Hòa

Thị Bình, chồng là Đức ở Sơn Tây

Thị Liên, chồng Sơn Hòa

Thị Hoa, chồng ở Diễn Châu

17A12. Đinh Nho Xán ở Sơn Diệm (1937 - 2009)

Thương binh 2/4

Huân chương kháng chiến hạng 3

Bà: Nguyễn Thị Ca

Con trai: Nho Ninh

Nho Quyết

Nho Hào

Con gái: Thị Thơm

17A13. Đinh Nho Thìn

Kỹ sư cơ khí, Đảng viên, nguyên Phó chủ tịch UBND thành phố Vinh, Giám đốc Công ty giày da xuất khẩu - Huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng 3.

Bà: Phạm Thị Thất quê Đức Thọ.

Con trai: Nho Thái

Con gái: Thị Thương

Lệ Thủy

Con ông Minh

17A14. Đinh Nho Minh

Đảng viên cộng sản, cán bộ miền Nam tập kết bộ Giao thông vận tải.

Con trai: Nho Diên

Nho Lạc

17A15. Đinh Nho Đường

Bà: Nguyễn Thị Lục

Con trai: Nho Nguyên

Con gái: Thị Sen, chồng Sơn Thịnh

Con ông Di

17A16. Đinh Nho Tuấn

Bà: Cao Thị Huế

Con trai: Đinh Nho Đức

17A17. Đinh Nho Trường

Bà: Nguyễn Thị Tuyết

Con trai: Đinh Gia Huy

Con ông Hưởng.

17A18. Đinh Nho Hiệp

Sinh 1961 tốt nghiệp SPKT 3 Vinh

Công tác nhà máy cơ khí Vinh

Bà:

Con trai: Nho Hào 1994

Nho Hùng 1999

Con ông Hoằng

17A19. Đinh Nho Huân 1977

17A20. Đinh Nho Biên 1981

Con ông Viêm.

17A21. Đinh Nho Liêm (mất 1952)

Kỵ nhật 19 tháng 5

Bà: Hồ Thị Giữa, quê Quỳnh Lưu mất 2008 (Kỵ nhật 11/12)

Con trai: Đinh Mỹ Sơn

17A22. Đinh Nho Phùng (1924 - 1970)

Kỵ nhật 9 tháng 11

Giáo viên cấp 2.

Bà: Phạm Thị Nam, quê Sơn Tiến mất 2009 (kỵ nhật 17/8)

Con trai: Đinh Xuân Tùng

Nho Tuấn

Con gái: Kim Yến giáo viên cấp 2, chồng Nghệ An có 2 gái và 1 trai

Tuyết Mai, chồng Nghệ An, có 2 con gái.

17A23. Đinh Nho Dương (1928 - 1991)

Kỵ nhật 26 tháng 10, Đảng viên cộng sản

Thiếu tá Công an vũ trang

Bà Nguyễn Thị Thanh - Sơn Hòa (mất 2004) kỵ nhật 18/4

Con trai: Nho Hùng

Nho Tuấn

Nho Dũng

Con gái: Thị Hà, chồng Sơn Trung

17A24. Đinh Nho Chiêm 1932

Cử nhân kinh tế - đại tá Quân đội nhân dân

Trưởng phòng tại vụ Quân khu 4.

Bà Hà Thị Đào, giáo viên cấp 2 Sơn Hòa

Con trai: Đinh Chí Dức 1960

Nho nghĩa 1969

Chí Thọ 1963

1 Nho Hải 1976

17A25. Đinh Nho Khoát 1939

Kỹ sư

Bà: Bùi Thị Nhàn

Con trai: Nho Thắng

Con gái: Thị Tuyết Nhung, chồng quê Hà Tĩnh có 2 con

Hồng Nhung 1982

Con ông Dật.

17A26. Đinh Nho Chương 1934.

Tiến sĩ Toán, nguyên CN khoa Toán ĐH Hà Nội, Đảng viên CS. Nhà giáo ưu tú, huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng 2. Huy chương sự nghiệp đào tạo.

Bà: Đỗ Thị ánh Nguyệt - Đảng viên nguyên hiệu trưởng trường khí tượng thủy văn Hồ Chí Minh - Huy chương kháng chiến chống Mỹ hạng I, Huy chương vì sự nghiệp đào tạo.

Con trai: Đinh Nho Khiêm

Con gái: Đinh Thị Đoan Khanh.

Con ông Bát.

17A27. Đinh Nho Thanh 1957.

Tiến sĩ, Đảng viên cộng sản.

Thượng tá quân đội, công tác tại Học viện Hải quân Nha Trang

Bà: Nguyễn Thị Nhạn, quê Vĩnh Phú

Thạc sĩ Luật, công tác khai thác khoáng sản Nha Trang.

Con trai: Đinh Nho Minh

17A28. Đinh Nho Hải 1956.

Công tác tại tỉnh đội Khánh Hòa, đã nghỉ hưu.

Con ông Chú:

17A29. Đinh Nho Hoàng 1956

Kỹ sư điện, cử nhân kinh tế

Đảng viên cộng sản - công tác tại Công ty truyền tài Điện I Hà Nội

Bà: Trần Thị Kim Anh 1963 ở Nhà Trang

Bác sĩ đa khoa

Con trai: Đinh Nho Hùng

17A30. Đinh Nho Hà 1958 - 1994

Đại úy quân đội - Đảng viên cộng sản, mất tại Cần Thơ.

17A31. Đinh Nho Hào 1961

Tiến sĩ khoa học toán, công tác tại Viện Toán học.

Bà: Nguyễn Phương Chi (Tiến sĩ)

Con trai: Đinh Nho Anh Minh

Con ông Đang.

17A32. Đinh Nho Hồng 1943.

Tiến sĩ KH Kỹ thuật - Đại tá QĐNH

Đảng viên cộng sản - Tùy viện quốc phòng tại Liên Bang Nga và tại Cộng hòa Bun Ga Ri.

Bà: Thái Thị An (1951 -) quê Đức Thọ

Con trai: Đinh Nho Khuê (1977 - 1993) Kỵ nhật 3/3.

Kiện tướng cờ vua, huy chương vàng hội khỏe Phù Đổng, vô địch cờ vua thiếu niên, học sinh Hà Nội.

Đinh Nho Minh (1983 -)

17A33. Đinh Nho Lưu

Kỵ nhật 23 tháng 5

Bà: Công Thị Nga (1951 -) quê Từ Liêm - Hà Nội

Con trai: Đinh Nho Thông 1983

Con gái: Đinh Kim Thu 1978

17A34. Đinh Nho Thanh (1957 - 1969)

Liệt sĩ chống Mỹ, kỵ nhật 7/9

Con ông Xuyến.

17A35. Đinh Nho Kim 1938

Bà: Hồ Thị Bạch Thu 1940 quê Nha Trang

Con trai: Nho Sơn ở Mỹ (1965)

Nho Hải ở úc (1969)

17A36. Đinh Nho Biên 1941 — 1975, Kỵ nhật 29/1

Bà Lê Thị Hồng Nhân 1951 quê Phan Thiết

Con trai: Nho Dũng 1968

Nho Tài 1972 - 1983

Con gái: Thị Yến 1970

Thị Xuân 1974 - 1978

Thị Hồng Xuân 1973 - 1975

17A37. Đinh Nho Hoằng 1944 — 1973, kỵ nhật 28/2

Bà Phạm Thị Lượng 1949

Con trai: Đinh Nho Ánh 1973

Con gái: Đinh Thị Oanh 1968

Đinh Thị Yến 1970

17A38. Đinh Nho Hồng 1949-2006, kỵ nhật 19/6

Bà Ngô Thị Hoài Phương

Con trai: Nho Hoài Viêm 1972

Nho Viễn Du 1973

Nho Du Vy

Nho Vỹ Nhật 1976

Nho Nhật Thái 1978

Nho Thái Hiển 1991 - 1993

17A39. Đinh Nho Thịnh 1952-2007, kỵ nhật 30/1

Bà: Nguyễn Thị Hạnh

Con trai: Nho Minh Vũ 1983

Con gái: Nhật ánh Sương 1989

17A40. Đinh Nho Tịnh 1961-2007, kỵ nhật 24/8

Bà: Ngọc Hiệp

Con trai: Nho Lâm Pham 1987

Nho Lân Tây 1992

Con ông Linh:

17A41. Đinh Nho Sanh 1944

Nguyên Phó phòng tổng hợp trường THKTNN Trung Ương - huân chương kháng chiến hạng III, huân chương giải phóng II và III và huy chương khác.

Bà: Nguyễn Thị Thánh 1951

Con trai: Đinh Nho Hải Hà 1976 - cử nhân hóa dầu

Đinh Nho Toàn 1980

Con ông Hàm.

17A42. Đinh Thái Chí 1936

Cán bộ nghỉ hưu - Huân chương kháng chiến II.

Bà: Lương Thị Mỹ Thuần 1946 - Giáo viên - Huân chương kháng chiến III.

Con trai: Nho Hùng - TN học viện quân sự.

Nho Hào sinh viên SP

Con gái: Thị Hiền chồng Cù Tăng - Sơn Long

Thị Hoa

17A43. Đinh Nho Nghệ (Lê Vinh năm Tân Tị 1941).

Đảng viên cộng sản - kỹ sư máy tính

Trưởng phòng thuộc tổng cục thống kê.

Bà: Trần Thị Phương quê Thạch Hà - Hà Tĩnh.

Con trai: Đinh Lê Anh, vợ Châu Thị Minh Anh

Con gái: Đinh Thị Tịnh, chồng quê Nam Hà.

17A44. Đinh Nho Viện (năm Nhâm Ngọ 1942)

Đảng viên Cộng sản - giám đốc xí nghiệp 26 tháng 3.

Bà: Đặng Thị Thanh quê Thanh Hà

Con trai: Nho Hoàng

Nho Huy

Con gái: Đinh Thị Mai.

Con ông Thành

17A45. Đinh Nho Lượng (Đinh Nhất Lượng) 4/1/1934

Cử nhân sư phạm 26 Hàng Bè - Hà Nội

Bà: Nguyễn Thị Khiên quê Hải Dương

Con trai: Nho Tuân

Nho Tú

Con gái: Thị Mai Lan chồng là..

Thị Liên chồng là..

17A46. Đinh Nho Huấn (1940 - 2001)

Bà: Nguyễn Thị Tuyết - Cao Đẳng sư phạm Phú Thái - Kim Môn Hải Dương

Con trai: Đinh Văn Sơn (1977)

Đinh Văn Hà (1979)

Con ông Đảng:

17A47. Đinh Nho Giảng

Kỹ sư xây dựng - Đảng viên Cộng sản

Bà: Trần Thị Mai - Giáo viên cấp 2

Con trai:Nho Thức

Con gái: Thị Hồng chồng là..

Thị Lan chồng là□

Con ông Hân:

17A48. Đinh Nho Hoan (1993) Quỳnh Lưu - Nghệ An.

Cử nhân sư phạm - huân chương chống mỹ hạng I.

Bà: Hồ Thị Thảo, giáo viên.

Con trai: Nho Huy

Nho Hùng

Nho Dũng

Con gái: Thị Thanh, chồng dạy học ở Hà Nội

Con ông Thân.

17A49. Đinh Nho Lâm (193..) 25A, Ngõ 267 Hoàng Hoa Thám - Hà Nội

Bà Trần Thị Thi, quê Nam Định

Con trai: Nho Hưng (1976)

Con gái: Thị Văn

Thị Thủy

Thị Vân, chồng ở Đức

Con ông Chuân

17A50. Đinh Nho Quán (1945 -)

Bác sĩ quân Y - Đảng viên

Bà: Nguyễn Thị Nụ (1954 -) quê Ninh Nhất - Hoa Lư - Ninh Bình

Con trai: Nho Quân (1983 -) Cử nhân kinh tế

Con gái: Như Hoa (1980) cử nhân kinh tế, chồng là Nguyễn Phú Hảo (1980) TP. HCM.

Con ông Tình (Thanh Chương)

17A51. Đinh Nho Việt Anh

17A52. Đinh Nho Tuấn Anh

Con ông Bắc

Con gái: Hoàng Thi

Cẩm Tú

Cẩm Ly

Con ông Thiệu

17A53. Đinh Nho Thành Vinh

17A54. Đinh Nho Anh Dũng

Con ông Hiểu

17A55. Đinh Nho Việt Hoàng

Con ông Lương

17A56. Đinh Nho Xanh

Bà họ Phan

Con trai: Nho Bàng

Nho Nhuận

Nho Trang

Nho Tuệ (liệt sĩ chống Mỹ)

Nho Duệ

Con gái: Thị Minh

Con ông Đàm

17A57. Đinh Nho Tấn 1931

Huân chương kháng chiến hạng II

Thư ký hợp tác xã khóa II

Bà: Phan Thị Huệ

Con trai: Nho Ngự

Nho Huấn

Nho Luận

Nho Ký

Nho Duyệt

Nho Minh

Con gái: Thị Hà, chồng Sài Gòn

Thị Nguyệt, chồng họ Phan - Sài Gòn

Con ông Hàng

17A58. Đinh Tuấn Lợi.

Kế toán trưởng nhà may dệt 8/3 Hà Nội

Bà Lê Thị Mươi - Đảng viên HH 50 tuổi Đảng

Phó quản đốc nhà máy 8/3

Huân chương kháng chiến hạng I

Con trai: Đinh Phúc Như

Đinh Chiến Quốc

Đinh Hồng Kỳ

Con gái: Thị Như

Con ông Củng:

17A59. Đinh Văn Lợi

Cán bộ Nhà máy in Bộ nông nghiệp;

Huân chương kháng chiến hạng I

Bà: Tống Thị Khương - Sơn Hòa

Con trai: Nho Sơn

Nho Nam

Con gái: Thị Tâm cư trú ở Nga

Thị Hiếu - CĐ nuôi dạy trẻ - Hà Nội

Con ông Đoàn

17A60. Đinh Văn Tùng

Đảng viên huy hiệu 50 tuổi Đảng

Đại tá công an Cục phản Gián

Bà:

Con trai: Đinh Nho Thản công tác Hà Nội.

Con gái: Đinh Thị Thảo - Dược sĩ công tác tại bệnh viện Bộ Nội vụ

Đinh Thị Hương

Con ông Loát.

17A61. Đinh Văn Dương

Mất 1996

Bà: Lê Thị Hà - Sơn Bằng

Con trai: Nho Hà

Sông Bé

Nho Kính

Sài Gòn

Nho Chương

Nho Tiến

Con gái: Thị Hải chồng Sơn La

Thị Phương chồng họ Trung - Sơn Hòa

Thị Hương

Thị Minh, chồng Hồ Học

Thị Tuyết ở Sơn La

Con ông Bát (paris Pháp)

17A62, 63, 64…

Con ông Cự

17A65. Đinh Quốc Việt

Tiến sĩ khoa công tác tại bệnh viện Chợ Rẫy.

Bà: Nguyễn Thị Nga - ĐH sư phạm

Con trai: Đinh Quốc Tuấn

Con gái:Đinh Thị Phương Hồng - Đại học Y

17A66. Đinh quốc Dũng

17A67. Đinh Nho Hải

Tiến sĩ điện tử P. Giám đốc nhà máy điện nguyên tử ở Úc - vợ người Anh.

Con trai: Gôn Phờ Rây

Con gái: Đinh Tê Rê Xa

17A68. Đinh Nho Bình

Kỹ sư cơ khí ở Úc

Con trai: Clere Đinh

Cleristophe Đinh

Con gái: Đinh Bình Minh ở Úc

Con ông Cơ.

17A69. Đinh Nho Đồng 1957.

Đảng viên - Dược sĩ Đại úy quân đội

Bà: Hồ Thị Ngọc Bích - Trung cấp dược.

Huân chương kháng chiến hạng III.

Con trai: Nho Dũng

Con gái: Thùy Dung

17A70. Đinh Nho Lự 1959

Đảng viên - Trung tá Công an - Huân chương kháng chiến.

Bà: Lê Thị Lương - CN may mặc

Con Trai: Đinh Hồng Lĩnh

Con gái: Đinh Thị Xuân Hương

17A71. Đinh Nho Thắng (1972 -)

Kỹ sư xây dựng.

Bà:

Con trai: Nho Thống

Con gái: Minh Anh

Con ông Quyển.

17A72. Đinh Nho Đức (…)

Bà: Phan Thị Long (Sơn Hòa)

Con gái: Thị Thanh

Thị Thủy

17A73. Đinh Nho Thắng

Bà: Nguyễn Thị Thơ (Sơn Hòa)

Con trai: Nho Anh

Nho Sơn

Con gái: Thị Tú

Con ông Vượng

17A74. Đinh Nho Hòa

Bà: Hà Thị Anh

Con trai: Nho Hoàng

Con gái: Thị Trang

17A75. Đinh Nho Thận

Con ông Mận (Sơn Diệm)

17A76. Đinh Nho Ninh (ở Hà Nội)

Trung tác công an Trưởng phòng cảnh sát giao thông tỉnh Hà Tây.

Bà: Thị Hải

Con trai: Nho Hưng

Nho Dung

Con gái: Thị Hằng

17A77. Đinh Nho Minh ở Vinh

Bà là Phạm Thị Thái

Con trai: Nho Sáng

Nho Đức

Con gái: Thị Hiền

Con ông Lai

17A78. Đinh Nho Hạnh

Bà: Lê Thị Nguyệt

Con trai: Nho Quân

Con gái: Thùy Dung

Thủy Chung

Con ông Lục.

17A79. Đinh Nho Quán

Bà: Nguyễn Thị Xuân

Con trai: Nho Anh

Nho Quân

Con gái: Thị Nga

17A80. Đinh Nho Sơn

Bà: Đặng Thị Hai

Con trai: Nho Đức

Con gái: Thị Hạnh

Thị Thủy

17A81. Đinh Nho Bình

Bà: Nguyễn Thị Bích

Con trai: Nho Công

Nho Thái

17A82. Đinh Nho Minh

Bà: Phan Thị Hà (- 2009) kỵ nhật 24/4

Con trai: Nho Lương

Nho Hưng

Con gái: Thị Hiền

17A83. Đinh Nho Đoài

Bà: Bùi Thị Yên

Con gái: Thị Hương

17A84. Đinh Nho Hoài

Bà: Nguyễn Thị Hiền

Con trai: Nho Bảo

Con ông Bài.

17A85. Đinh Nho Đức Thương binh

Bộ đội nghỉ hưu ở Đức Lập

Bà: Nguyễn Thị Mười

Con trai: Nho Phi

Nho Đàm

Con gái: Thị Khuyên, chồng ở Sông Bé

Thị Hằng

Thị Hoài

17A86 Đinh Nho Lợi

Bà: Võ Thị Linh

Con trai: Nho Luật

Nho Thuyên

Nho Thuyết

Con gái: Thị Nhung

Thị Nhuyến

17A87. Đinh Nho Hùng

Bà: Nguyễn Thị Thuần

Con trai: Nho Duẩn

Nho Tuấn

Con gái: Thị Vân

Con ông Nguyện

17A88. Đinh Nho Luận

Bà cả: Phạm Thị Ngà

Bà hai: Bùi Thị Hiền

Con trai: Nho Toản 1989

Con gái: Thu Hà 1983

17A89. Đinh Nho Ngọc kỵ nhật 18/12

Bà: Nguyễn Thị Lài

Con trai: Nho Sáng 1992

Con gái: Thị Ánh 1994

17A90. Đinh Nho Tấn

Bà Nguyễn Thị Vân 1973

Con trai: Nho Huy 2003

Nho Đạt 2009

Tiếp từ con các ông từ 18A111 trở đi chưa ghi vì chưa sinh

Con ông Kính

17A91. Đinh Nho Kỳ 1962. Dạy học

Bà: Trần Thị Thanh (1964) Thanh Hóa.

Con trai: Nho Thiện (1990)

Con gái: Thị Thuận (1993)

17A92. Đinh Nho Sỹ (1969 -)

Bà: Ng Thị Thu Trang (1970 -)

Con trai: Nho Phước (1997 -)

Nho Lộc (1999 -)

Con gái: Kim Nhung (1991 -)

Kim Hồng (1995 -)

Con ông Tứ.

17A91. Đinh Nho Tỉu

Con ông Huân

17A92. Đinh Nho Dục

Con trai: Nho Sĩ

Nho Đào

Con ông Trương

17A93. Đinh Nho Chiến 1946

Bà: họ Hà

Con trai: Nho Chinh

Con gái: Thị Thủy

Thị Ngân

17A94. Đinh Nho Thắng 1949

Bà họ Nguyễn - Sơn Lễ

Con trai: Nho Huấn

Nho Hoàn

Nho Huế

17A95. Đinh Nho Dân

Bà: họ Nguyễn - Sơn An

Con trai: Nho Danh mất năm…

Con gái: Thị Hằng

Con ông Cương

17A96. Đinh Nho Quang 1962

Bà: họ Quang - Quế Phong

Con trai: Nho Thạch

Con gái: Thị Ngọc

17A97. Đinh Nho Hào 1969

Bà: Tống Thị Thủy

Con trai: Nho Cường 1992

Con gái: Thị Hoài An 2005.

Con ông Đường.

17A98. Đinh Nho Sơn (- 2008) kỵ nhật 29/6

Bà: Hà Thị Phượng

Con trai: Nho Nghĩa 3/5/2002

Con gái: Thị Mơ

Thị Hiền

17A99. Đinh Nho Giang

Bà: Đinh Thị Thủy

Con trai: Nho Trung

Con gái: Thị Duyên

Con ông Nghi

17A100. Đinh Nho Hải 1971

Bà: họ Trần 1973 Sơn Tiến

Con trai: Nho Huỳnh 13/4/1995

Con gái: Đinh Thị Bích 1/6/2003

17A101. Đinh Nho Hồng 1982

Con gái: Đinh Bảo Ngọc 30/8/2009

Con ông Kỳ

17A102. Đinh Nho Hùng 1977

Bà: họ Nguyễn - Sơn Lễ

Con trai: Nho Hào

Con gái: Thị Hiền

Con ông Thi

17A103. Đinh Nho Thuận 1972

Bà: họ Trịnh - Nam Đàn

Con trai: Nho Hiếu

Con ông Cảnh

17A104. Đinh Nho Anh

Con trai: Nho Duẩn 6/7/2006

17A105. Đinh Nho Việt

Con trai: Đinh Nho Phương Nam 3/2/2007

17A106. Đinh Nho Quân

Bà:

Con trai: Đinh Nho Vinh 14/3/2007

Con ông Tường

17A107.0Đinh Nho Mậu 1952

Bà: họ Nguyễn

Con trai: Nho Công

Nho Đức

Con gái: Thị Trang

17A108. Đinh Nho Tình 1956

Bà: họ Thái - Sơn Tiến

Con trai: Nho Quân

Nho Quang

Con gái: Thị Hải

17A109. Đinh Nho Tân

Bà: họ Nguyễn - Sơn Tiến

Con trai: Nho Sơn 1996

Nho Cường 23/5/2000

17A110. Đinh Nho Dần

Bà: họ Phan - Sơn Tiến

Con trai: Nho Thìn 2000

Con gái: Thị Thu

Thị Thủy

Con ông Lâm

17A111. Đinh Nho Long

Con ông Thành

17A112. Đinh Nho Tài

Con ông Lý

17A113. Đinh Nho Dũng

Công tác tại Bộ chỉ huy quân sự Hậu Giang

Bà: Phan Thị Hiếu Giang (Hậu Giang)

Con trai: Anh Duy (9/1/2007)

17A114. Đinh Nho Luân

Con ông Cảnh

17A115. Đinh Nho Quang

Con ông Hòa

17A116. Đinh Nho Hải

Con ông Phúc

17A117. Đinh Nho Tuấn

17A118. Đinh Nho Vũ

Con ông Canh

17A119. Đinh Nho Châu

Con ông Lưu

17A120.Đinh Nho Hanh

Bà: họ Nguyễn - Sơn Lễ

Con trai: Nho Quý

Con gái: Thị Hóa, chồng Sơn Hồng

Con ông Tiến

17A121. Đinh Nho Khanh

Bà Lê Thị Phúc

Con trai: Nho Thành

Nho Đồng

Nho Bằng

Nho Thái

Con gái: Đinh Nguyễn Anh Thư: 24/11/2007

Con ông Kỳ

17A122. Đinh Nho Quảng

Bà: Nguyễn Thị Hoa

Con trai: Đinh Nho Anh

Con gái: Đinh Thị Nguyệt

Đinh Thị Nga

Con ông Quý

17A123. Đinh Nho Minh - Sơn Quang

Con ông Châu

17A124. Đinh Nho Phúc ở Hà Nội

Bà: Nguyễn - Vĩnh Phúc

Con trai: Nho Đức

Con gái: Thị Hạnh

Thị Nguyệt

17A125. Đinh Nho Dần

Bà: Nguyễn Thị Hường

Con trai: Nho Tuấn

Nho Anh

17A126. Đinh Nho Thìn

Bà: Hà Thị Hương

Con trai: Nho Thắng

Nho Minh

17A127. Đinh Nho Thân

Bà: Đinh Thị Hương - Sơn Thịnh

Con trai: Nho Hoàng

Con gái: Thị Thơm

Thị Phượng

Con ông Báo

17A128. Đinh Nho Quý ở Sơn Quang

Bà: Hồ Thị Hồng

Con trai: Nho Phong

Nho Bảo

Con gái: Thị Lân, chồng Sơn Giang

Thị Thường, chồng Sơn Diệm

17A129. Đinh Nho Hóa 1950

Bà: Nguyễn Thị Hường 1952

Con trai: Nho Hảo - Cử nhân sư phạm

Nho Hùng

Nho Hướng

Con gái: Thị Hòa

ĐỜI 18

Con ông Liên

18A1. Đinh Nho Quỳ 1937

Cử nhân sư phạm - Huân chương kháng chiến hạng nhì

Huy hiệu vì sự nghiệp giáo dục

18 lần là giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh

Bà: Thái Thị Sâm 1949

Cao đẳng sư phạm

Con Trai: Đinh Hải Quân

Con gái: Đinh Đỗ Quyên, chồng Vũ Anh Tuấn ở Nam Định, con Vũ Tuấn Phong và Vũ thị Bích Trâm

Đinh Ly San, chồng Vũ Quốc Doanh (Bắc Giang), con Vũ Hà Linh

18A2. Đinh Nho Trúc 1939

Hiện ở Gò Vấp

Bà cả: Nguyễn Thị Mộng Lý

Bà hai: Võ Thị Kim Châu

Con trai: Nho Cường

Nho Quốc

Nho Bảo

Nho Luyện

Nho Chương

Con gái: Cẩm Hà, chồng là Khánh

Cẩm Hường, chồng (Thanh Hóa)

Cẩm Hằng, chồng (Đắc Lắc)

Con ông Vũ

18A3. Đinh Nho Quân

Công nhân cấp thoát nước Sài Gòn hiện ở Công ty PINACO

Bà: Lê Thị Lương

Con trai: Đinh Anh Vũ

Con gái: Ngọc Tú

Con ông Dao

18A4. Đinh Nho Mỹ bác sĩ

Bà:

18A5. Đinh Hương Sơn

Bà:

Con trai: Đinh Nho..

Con ông Oánh

18A6. Đinh Quý Ân

Bà:

Con trai: Sĩ Toàn

Con gái: Cẩm Thúy

Bích Trâm

Băng Huyền

18A7. Đinh Nho Đạt (hay Tấn Đạt)

Bà: Thị Phụng

Con trai: Tấn Khải

Con gái: Kim Quy

18A8. Đinh Nho Hùng

Bà: Tôn Thị Phước

Con trai: Nho Phối

Nho Phúc

Con gái: Thị Phương

18A9. Đinh Nho Thắng

18A10. Đinh Nho Bình (Hòa Bình)

18A11. Đinh Nho Tuấn (Quốc Tuấn)

Con ông Mại

18A12. Đinh Nho Kiểu

Cử nhân sư phạm

Bà: Nguyễn Thị Lý (Can Lộc)

Cao đẳng sư phạm

Con trai: Nho Sơn

Nho Cảng

Con gái: Lan Hương - Cử nhân sư phạm

18A13. Đinh Nho Trọng

Kỹ sư lâm nghiệp.

Bà: Trương Thị Lý

Con trai: Nho Huấn

Con gái: Thị Hà

18A14. Đinh Nho Trang

Bà: Lê Thị Oanh

Con gái: Tâm Linh

Thùy Anh

Thị Cẩm Tú

Con ông Hiểu

18A15. Đinh Nho Dương

Bà: Đào Thị Hiền

Con trai: Nho Thắng

Nho Long

Con gái: Thị Thúy

Thị Lan

Con ông Lê

18A16. Đinh Nho Việt

Bà: Trịnh Thị Liềm (Cà Mau)

Con trai: Nho Trung

Con gái: Vân Anh

18A17. Đinh Nho Thanh

Bà: Nguyễn Thị Nam - Sơn Hòa

Con trai: Nho Quân

Nho Thành

18A18. Đinh Nho Minh

Con ông Xán

18A19. Đinh Nho Ninh

Bà: Nguyễn Thị Dung - Sơn Diệm

Con trai: Nho Sang

18A20. Đinh Nho Quyết

Bà:

Con trai: Nho Biên

Con gái: Khánh Linh (2005)

18A21. Đinh Nho Hào

Con trai: Nho Vũ 2005

Con gái: Thu Ngà 2007

Con ông Thìn

18A22. Đinh Nho Thái

Con ông Minh

18A23. Đinh Nho Diên - kỹ sư

Bà:

Con trai: Nho Hải

Nho Hà

Con ông Đường

18A24. Đinh Nho Nguyên

Kỹ sư đường sắt

Bà: Nguyễn Lệ Thục - Sơn Diệm

Cử nhân sư phạm

Con trai: Thanh Hà

Thanh Hải

Con ông Liêm

18A25. Đinh Mỹ Sơn 1950

Kỹ sư Thủy lợi nghiên cứu Thủy lợi Quốc gia

Bà: Nguyễn Thị Hương kỹ sư Thủy lợi Quảng Ngãi.

Con trai: Đinh Nguyễn Hoàng (1983 -) cử nhân

Con gái: Thị Hà (1980 -) cử nhân

Con ông Phùng

18A26. Đinh Xuân Tùng 1963

Bà: Lê Thị Lý, quê Nghệ An

Con trai: Đinh Lê Bá 1994

Đinh Lê Trọng Bằng 1996

18A27. Đinh Nho Tuấn 1970

Kỹ sư Thủy lợi

Bà: Cao Thị Hường

Con trai: Đinh Cao Minh Quân

Con gái: Đinh Cao Thảo Nguyên

Con ông Dương

18A28. Đinh Nho Hùng 1960

Bà: Đỗ Kim Hiệp

Con trai: Nho Thức 1991

Con gái: Thị Quỳnh Anh 2005

18A29. Đinh Nho Tuấn 1970

Bà: Đỗ Bích Thủy

Con gái: Đinh Hoàng Bảo Linh 1997

18A30. Đinh Nho Dũng 1973

Con ông Chiêm

18A31. Đinh Chí Đức 1960

Kỹ sư

Bà: Võ Thị Khánh Vân ở Nghi Lộc

Con gái: Khánh Linh 1987

Mai Trang 1991

18A32. Đinh Chí Thọ 1963

Bà: Phạm Huyền Nga

Con trai: Nho An 2008

Nho Khang 2007

18A33. Đinh Nho Nghĩa 1969

Kỹ sư

Bà: Phạm Thị Hoài

Con gái: Đinh Thị Hoàng Mai 2005

18A34. Đinh Nho Lộc 1972

Kỹ sư

Bà: Nguyễn Thị Kim Thanh

Con gái: Đinh Bảo Trâm 2009

18A35. Đinh Nho Hải 1976

Kỹ sư

Bà: Phạm Thu Hương

Con gái: Hương Giang 2007

Trà My 2008

Con ông Khoát

18A36. Đinh Nho Thắng 1972

Bà: Lê Thị Trâm Thân

Con trai: Đinh Việt Hà 2008

Con gái: Tuyết Nhung chồng là Quốc Nam có 2 con gái

Đinh Thị Mỹ Nhung 1982

18A37. Đinh Nho Khiêm

Kỹ sư luyện kim

Bà: Nguyễn Thị Kim Chung

Con trai: Nho Bảo

Nho An

Con ông Thạnh

18A38. Đinh Nho Minh

Con ông Hoàng

18A39. Đinh Nho Hùng

Cong ông Hồng

18A40. Đinh Nho Khuê (1977 - 1993) kỵ nhật 3/3

Kiện tướng cờ vua, Huy chương vàng hội khỏe Phù Đổng, vô địch cờ vua thiếu nhi học sinh Hà Nội.

18A41. Đinh Nho Minh (1983 -)

Con ông Lưu

18A42. Đinh Nho Thông

Con ông Kim

Đinh Nho Sơn

Bà: Đoàn Thị Thanh Hằng

Con: Vivian Đinh

18A43. Đinh Nho Hải ở úc

Bà: Ngô Thị Cao Nguên

Con trai: Nho Nhân (Brian Đinh)

Con gái: Thị Nini (Marian Đinh)

Con ông Biên

18A44. Đinh Nho Dũng

Bà: Phan Thị Đức Hoàng

Con gái: Thu Hương

Thu Hân

Thu Ngân

18A45. Đinh Nho Tài (1972-1983), kỵ nhật□□

Con ông Hoàng

18A46. Đinh Nho ánh

Bà: Lê Thị Kim Phượng

Con trai: Đinh Nho Gia Bảo

Con gái: Quỳnh Như

Con ông Hồng

18A47. Đinh Nho Hoài Viễn

Bà: Từ Thị Hiền

Con gái: Lam Luyến

Khả Thư

18A48. Viễn Du

Bà: Mai Phương Tân

Con trai: Hồng Ân

Hồng Phúc

18A49. **Du Vỹ**

18A50. Vỹ Nhật

Bà: Dương Thị Hồng Thao

Con trai: Nhật Khoa

18A51. Nhật Thái

Bà: Nguyễn Thị Kim Anh

18A52. Thái Hiền (1991-1993)

Con ông Thịnh

18A53. Đinh Minh Vũ

Con ông Tịnh

18A54. Đinh Nho Lâm Phan

18A55. Đinh Nho Gia Tân

Con ông Sanh

18A56. Đinh Nho Toàn

Con ông Chí

18A57. Đinh Lương Hùng

Đảng viên kỹ sư VTĐ

Công tác tại QK4

Bà: Nguyễn Thị Phương Thảo

Con gái: Đinh Hiểu Phương 4/10/2008

18A58. Đinh Lương Hào 1981

SV ĐHSP Vinh

Bà: Hà Hải Yến

Con trai: Đinh Nho Gia Hưng 03/8/2008

Con ông Nghệ

18A59. Đinh Lê Anh 1975

Kỹ sư hóa thực phẩm

Bà: Châu Thị Minh Anh

Con trai: Nho Khô Nguyên 2004

Nho Khôi Đăng 2007

Con ông Viện

18A60. Đinh Nho Hoàng năm 1978

Kỹ sư Lâm nghiệp

18A61. Đinh Nho Huy 1984

Kỹ sư Bách Khoa

Con ông Lượng

18A62. Đinh Minh Tuấn

Bà : Nguyễn Hồng Hạnh

18A63. Đinh Thanh Tú

Bà: Âu Thị Vân

Con ông Huấn.

18A64. Đinh Văn Sơn (1977)

Công nhân nhà máy xi măng Hoàng Thạch

18A65. Đinh Văn Hà 1979

Cao Đẳng Sư phạm

Con ông Giảng

18A66. Đinh Nho Thức 1982

Sinh viên ĐH xây dựng

Con ông Hoan

18A67. Đinh Nho Huân 1961

Bà: Trần Thị Hiền

Con gái: Đinh Trần Thảo Phương 2005

Đinh Trần Phương Vân 2007

18A68. Đinh Nho Huy 1965

Kỹ sư giao thông

Bà: Dương Cẩm Tú

Con trai: Nho Tường 1995

Con gái: Thị Dương Hà 2001

18A69. Đinh Nho Hùng 1971

Bà: Trần Bích Liên

Con trai: Nho Hiển

Nho Hưng 2008

Con ông Lâm

18A70. Đinh Nho Hưng 1976

Chuyên viên bộ ngoại giao

Bà: Lê Mai Khanh

Con gái: Hồng Anh 2001

Con ông Quán

18A71. Đinh Nho Quân

Kỹ sư ở Thành phố HCM

Bà: Trương Thị Bích Hoa

Con ông Việt Anh

Con ông Tuấn Anh

Con ông Thành Vinh

Con ông Anh Dũng

Con ông Việt Hoàng

Con ông Xang

18A72. Đinh Nho Bàng 1935 - 1998

Bà: quê ở Sơn Thịnh

Con trai: Nho Quyền

Con gái: Bích Thuần

Cẩm Tú, cử nhân sư phạm

18A73. Đinh Nho Nhuận

Đảng viên ĐCS - Trưởng trạm máy kéo Huyện, nghỉ hưu chuyển định cư vào miền Nam.

Bà: Lê Thị Hường

Con trai: Nho Đạt

Nho Thắng

Con gái: Thị Lan

18A74. Đinh Nho Trang

Bà: Nguyễn Thị Tuyết

Con trai: Nho Trung

Con gái: Thị Hải

18A75. Đinh Nho Duệ

Đại úy công an

Con trai: Nho Tuấn

Con gái: Thị Nguyệt

Con ông Tấn

18A76. Đinh Nho Ngự - Kỹ sư Lâm nghiệp

Bà: Thị Hạnh

Con trai: Nho Anh

18A77. Đinh Nho Huấn 1953

Đảng viên cán bộ UB xã

Bà: Nguyễn Thị Hòa

Con trai: Nho Hùng

Con gái: Thị Hiền

Thị Hoài

18A78. Đinh Nho Luận 1960

Bà: Nguyễn Thị Hải

Con trai: Nho Hào

Con gái: Thị Thảo

Thị Thu

18A79. Đinh Nho Ký 1963

Bà: Phan Thị Hòa

Con trai: Nho Giáp

Con gái: Thị Thuận

18A80. Đinh Nho Duyệt

18A81. Đinh Nho Minh

Con ông Tuấn Lợi

18A82. Đinh Nho Chiến Quốc

Tiến sĩ ở úc

Bà:

Con trai: Nho Khôi

Con gái: Thị Thư

18A83. Đinh Nho Hồng Kỳ

Bà: Hồ Thị Phượng

Con trai: Nho Thái

Con gái: Bảo An

Con ông Văn Lợi

18A84. Đinh Nho Sơn

Con trai: Đinh Nho Long

18A85. Đinh Nho Nam

Con ông Luyện

18A86. Đinh Quốc Khánh

18A87. Đinh Nho Thành

18A88. Đinh Nho Thắng

Con ông Dương

18A89. Đinh Nho Hòa

18A90. Đinh Nho Kính

18A91. Đinh Nho Chương

18A92. Đinh Nho Tiến

Con ông Việt

18A93. Đinh Quốc Tuấn

18A94. Đinh Bình Minh

18A95. Đinh Bảo Ngọc

Con ông Đồng

18A96. Đinh Nho Dũng

Con ông Lữ

18A97. Đinh Hồng Lĩnh

Con ông Thắng

18A98. Đinh Nho Thống

Con ông Hạnh (Sơn Phố)

18A99. Đinh Nho Quân

Con ông Quán

18A100. Đinh Nho Anh

Bà cả: Cung Thị Hợp

Con gái: Thị Dung

Bà hai: Lê Thị Đức

Con:..

18A101. Đinh Nho Quân

Con ông Sơn

18A102. Đinh Nho Đức

18A103. Đinh Nho Hạnh

Con ông Đoài

18A104. Đinh Nho Thái

Con ông Đức

18A105. Đinh Nho Phi

Công tác tại Cty thủy lợi Bình Thạnh

18A106. Đinh Nho Đàn

Công tác Lâm Nghiệp Bình Dương

Con ông Lợi

18A107. Đinh Nho Luật

18A108. Đinh Nho Thuyên

18A109. Đinh Nho Thuyết

Con ông Hùng

18A110. Đinh Nho Duẩn

18A111. Đinh Nho Tuấn

Con ông Hanh

18A112. Đinh Nho Quý 1953

Bà: Hà Thị Trầm

Con trai: Nho Hùng

Con gái: Thị Huyền

Thị Hoài

Con ông Khanh

18A113. Đinh Nho Thành (..)

Bà: Nguyễn Thị Thơ

Con gái: Đinh Nguyễn Anh Thư (2007 -)

18A114. Đinh Nho Đồng

18A115. Đinh Nho Bằng

18A116. Đinh Nho Thái

Con ông Quảng

18A117. Đinh Nho Anh

Con ông Minh

18A118. Đinh Nho…

18A119. Đinh Nho..

Con ông Phúc (Hà Nội)

18A120. Đinh Nho Đức

Con ông Dần

18A121. Đinh Nho Tuấn

18A122. Đinh Nho Anh

Con ông Thìn

18A123. Đinh Nho Thắng

18A124. Đinh Nho Minh

Con ông Thân

18A125. Đinh Nho Hoàng

Con ông Phong (Sơn Quang)

18A126. Đinh Nho Đức 1996

18A127. Đinh Nho Nhật 1999

Con ông Bảo (Sơn Quang)

Con ông Hảo (Sơn Quang)

Con ông Hùng (Sơn Quang)

con ông Hướng (Sơn Quang)

ĐỜI 19

Con ông Quỳ

19A1. Đinh Hải Quân 1972

Kỹ sư địa chất công tác tại Sài Gòn

Bà: Nguyễn Thị Hường 1975 quê Nam Đàn

Con trai: Đinh Nho Hoài Nam (7/8/2007)

Con gái: Đinh Hà An (23/12/2001)

Đinh Nam Phương (11/4/2005)

Con ông Trúc

19A2. Đinh Nho Cường

Bà: Cầm Thị Thái

Con gái: Đinh Cẩm Trân

Đinh

19A3. Đinh Nho Quốc 1970

19A4. Đinh Nho Bảo (1971 -)

Bà: Hồ Thị Bích Thuận

Con trai: Đinh Nho Việt Anh

19A5. Đinh Nho Luyện

19A6. Đinh Nho Chương

Con ông Quân

19A7. Đinh Anh Vũ

Con ông Ân

19A8. Đinh Sĩ Toàn

Con ông Đạt

19A9. Đinh Tuấn Khải

Con ông Hùng

19A10. Đinh Nho Phối (Khôi)

19A11. Đinh Nho Phúc

Con ông Kiểu

19A12. Đinh Nho Sơn

Bà: Lê Thị Hoan

Con trai: Đinh Nho Minh Trí

Con gái: Đinh Thị Khánh Thư

19A13. Đinh Nho Cảng

Bà: Nguyễn Thị Diên

Con gái: Đinh Minh Anh

Con ông Trọng

19A14. Đinh Nho Huấn

Con ông Dương

19A15. Đinh Nho Thắng

19A16. Đinh Nho Long

Con ông Việt

19A17. Đinh Nho Trung

Con ông Thanh

19A18. Đinh Nho Quân

19A19. Đinh Nho Thành

Con ông Ninh

19A20. Đinh Nho Sang

Con ông Quyết

19A21. Đinh Nho Biên

Con ông Hào

19A22. Đinh Nho Vũ

Con ông Diên

19A23. Đinh Nho Sơn

Con ông Lạc

19A24. Đinh Nho Hải

19A25. Đinh Nho Hà

Con ông Nguyên

19A26. Đinh Thanh Hải

Con ông sơn

19A27. Đinh Nho Hương

Con ông Khiêm

19A28. Đinh Nho Bảo

19A29. Đinh Nho An

Con ông Huy

19A30. Đinh Nho Tường

Con ông Bàng

19A31. Đinh Nho Quyền

Kỹ sư giám đốc công ty công trình đô thị quận 7 Sài Gòn

Bà: Tống Thị Nhơn

Con trai: Nho Việt

Nho Hoành

Con ông Nhuận

19A32. Đinh Nho Đạt

19A33. Đinh Nho Thắng

Con ông Trang

19A34. Đinh Nho Trung

Con ông Duệ

19A35. Đinh Nho Tuấn

Con ông Ngự

19A36. Đinh Nho Anh

Con ông Huấn

19A37. Đinh Nho Hùng

Con ông Luận

19A38. Đinh Nho Hào

Con ông Ký

19A39. Đinh Nho Giáp

Con ông Chiến Quốc

19A40. Đinh Nho Khôi

Con ông Hồng Kỳ

19A41. Đinh Nho Thái

Con ông Sơn

19A42. Đinh Nho Long

Con Nho Phi

19A43. Nho Vũ

19A44. Nho Ân

Con ông Quý

19A43. Đinh Nho Hùng

ĐỜI 20

Con ông Hải quân

20A1. Đinh Nho Hoài Nam

Con ông cường

20A3

Con ông Bảo

20A4

Con ông Đinh Nho Sơn

20A5. Đinh Nho Minh Trí

Con ông Cảng

20A6. Đinh Minh Anh

Con ông Quyền

20A7. Đinh Nho Việt

20A8. Đinh Nho Hoành

CHI THỨ

DÒNG ĐỜI TỪ ĐINH NHO THẬN

ĐỜI TAM

Đinh Nho Công sinh hạ

1. Đinh Trạch con cháu thuộc dòng chi trưởng
2. Nho Huân mất sớm
3. Nho Hoàn chỉ có 3 con gái
4. Nho Thận con cháu về dòng chi thứ
5. Nho Thường cháu chắt vào ngụ cư ở Can Lộc
6. Nho Côn con cháu sang ở Thanh Chương

ĐỜI TÁM

CHI THỨ: ĐINH NHO THẬN

Con thứ tư là ông Nho Thận (bà hai sinh hạ) tính ôn hòa, trung hậu, làng xóm ai cũng suy tôn. Ngài sinh hạ những ông: Nho Thành, Nho Quýnh, Nho Ngụ, Hầu Trng Doãn; trước đây những ông Đồng Trị Nho Chân, ông Lương Trung Nho Kiểm là liên duệ Ngài. Hiện nay thiệt là phồn thịnh.

Kỵ nhật: Ngày 7 tháng 12 mộ Ngài ở núi Ngọc Sơn sau dời lên áng phần.

Bà là người họ Bùi kỵ nhật 1 tháng 7 mộ trên đỉnh núi Chó Rú. Ông bà sinh hạ 3 con.

1. Nho Thành
2. Nho Ngụ
3. Nho Phiên tức Hầu Trung Doãn không có con

ĐỜI THỨ 9

9B1. Đinh Nho Thành

Con cả Đinh Nho Thận sinh hạ 4 con

Đinh Nho Quýnh

Đinh Nho Trung

Đinh Nho Quán

Đinh Nho Giai

Kỵ nhật 14 tháng 12. Mộ ở Đùng Đình, nay đã bốc lên ở áng Phần.

Bà họ Nguyễn kỵ nhật 20 tháng 3

Mộ ở Bại Giải

9B2. Đinh Nho Ngụ. Sinh hạ được 3 con

Nho Kiều

Nho Khung

Nho Thủ

Kỵ nhật 20 tháng giêng mộ ở Cây Cối - Xuân Tri xã Sơn An

Bà họ Phan kỵ nhật 20 tháng 12 mộ ở Cây Sơn Xuân Trì (Sơn An)

9B3. Nho Phiên: Hầu Trung Doãn tên chữ là Duy Phiên. Ngài cúng các hạ điện làng ta, ngày nay vẫn còn. Ngài không có con.

ĐỜI THỨ 10

Con ông Thành

10B1. Đinh Nho Quýnh: Con Nho Toại

10B2. Nho Dạng: Con Văn Giai ở Lộc Châu

10B3. Nho Trương: Con Văn Thành ở Lộc Châu

10B4. Nho Cung: Con Nho Huỳnh - Nho Tập

10B5. Nho Quán: Con NHo Tốn - Dãn Văn

10B6. Nho Giai: Con Văn Tấn

Con ông Ngụ

10B7. Nho Kiều: Con Nho Hiếu - Hữu Dũng

10B8. Nho Khung: Con Nho Bình - Văn Anh, Duy Khiêm

10B9. Nho Thủ: Di dời sang Sơn Tân - Lập thành chi ở Xa Lang ngay là Sơn Tân.

ĐỜI THỨ 11

Con ông Quýnh

11B1. Nho Toại

Cố Bách Tuế sống 100 tuổi - được vua ban 2 chữ "Thọ Dân"

Bà: họ Lê

Con trai: Văn Nhu

Khắc Khâm

Con ông Dạng

11B2. Nho Giai

Con trai: Nho Hai

Nho Ba

Nho Châu

Cả 3 anh em chuyển về Nghi Xuân

Con ông Trương

11B3. Nho Thành

Con Nho Thường chuyển về Nghi Xuân

Con ông Cung

11B4. Nho Huỳnh

Không có con - Bà họ Trần

11B5. Nho Tạp

Bà: họ Văn

Con trai: Nho Khiêm

Văn Giật

Con ông Quán

11B6. Nho Tốn

Bà: họ Võ

Con trai: Văn Hành

Văn Quyền, không có con

Văn Dinh

Văn Tuy: Không có con

Văn Viêm, không có con

Văn Củ

11B7. Doãn Văn

Bà: họ Nguyễn

Con trai: Khắc Hiếu

Khắc Hữu

Khắc Mục, không con

Khắc Nhân

Con ông Giai

11B8. Văn Tấn

Con là Văn Thuật

Con ông Kiều

11B9. Nho Hiển

Bà: họ Nguyễn

Con trai: Văn Mậu

Nho Dờn

11B10. Hữu Dũng

Bà: họ Lê

Con trai: Văn Hạp

Văn Kiểm, không con

Văn Toàn

Văn Trung

Con ông Khung

11B11. Văn An

Con trai: Văn Bình

11B12. Duy Khiêm

Con trai: Văn Tình

Văn Giai (không con)

ĐỜI THỨ 12

Con ông Toại

12B1. Văn Nhu: con cố Bách Tuế

Con trai: Văn Hội

Văn Thức

12B2. Khắc Khâm:

Con trai: Văn Thiều

Văn Nhạ

Văn Nhạc

Con ông Tập

12B3. Nho Kiêm (quan Viên phụ)

Bà: họ Lê

Con trai: Nho Hóa

Nho Chân

Nho Kiểm

12B4. Văn Dật

Con trai: Văn Tôn sang ở Sơn Châu

Con ông Tốn

12B5. Văn Củ: di vào Sơn Tiến

Con trai: Văn Cử

Con ông Văn

12B7. Văn Hữu biện lại

Con trai: Văn Châu

Con ông Tấn

12B9. Văn Thuật

Con trai: Văn Song - mất sớm

Văn Long

Văn Lương

Con ông Hiển

12B10. Văn Mậu

Con trai: Nho Ngân

12B11. Nho Đờn

Con trai: Viết Tân

Viết Túc

Viết Phong

12B12. Văn Hạp

Con trai: Văn Giáo

12B13. Văn Toàn

Con trai: Văn Hoạch

12B14. Văn Trung

Con trai: Văn Trực

12B15. Văn Định

Con trai: Văn Huy, không con

Văn Đỉnh

Văn Chung

Con ông Khiêm

12B16. Văn Tình

Con trai: Văn Phức

Văn Lam

ĐỜI THỨ 13

13B1. Văn Hội

Con trai: Văn Yên

Văn Lối

13B2. Văn Thức

Con trai: Văn Tuấn

Văn Việt

Con ông Khâm

13B3. Văn Thiều

Bà: họ Phan

Con trai: Nho Kiều

Nho Lựu

Nho Lưu

Con gái: Thị Toại

13B4. Văn Nhã

Con: Văn Trại

Văn Nại

Văn Bảy, không con

Văn Tám, không cháu

13B5. Văn Nhạc

Con trai: Văn ủy

Văn Trị

Văn Chín

Con gái: Thị Quỵ, lấy chồng ở Sơn Bằng

Con ông Khiêm

13B6. Nho Hóa

Kỵ nhật 11 tháng 12

Bà: họ Lê

Con trai: Nho Trì tức ông Duy

Con gái: Đinh Thị Nam (… - 1929), lấy chồng Nguyễn Khắc tức là bà cụ Hoàng, mẹ ông Nguyễn Khắc Niêm

Bà Quản Chương

13B7. Nho Chân

Thường gọi là cố Huyện đậu cử nhân làm tri phủ. Mộ ở Đồng Mậu

Bà: họ Nguyễn

Con trai: Đinh Nho Thái

Nho Kỳ

Nho Mỵ

Con gái: Bà Huấn Đỉnh (bà Phủ Lam)

Bà Đồ Hạnh (bà nội ông Đinh Trạch)

Bà Cụ Ký (Bà Thị Đính - Sơn Tiến)

Bà huyện Nghi Lộc có cháu là Phúc vợ ông Đài

Bà Tám ở Sơn Tiến

13B8. Nho Kiểm

Con trai: Nho Thung

Con gái: Cố Xuyên, lấy chồng Sơn Thịnh

Cố… lấy chồng họ Tống - con cháu ông Dọng - ông Lập

Con ông Dật

13B9. Văn Tồn sang ở Sơn Châu

Con trai: Văn Quý

Văn Quy

13B10. Văn Nam không có con

Con ông Củ

13B11. Văn Cử di vào Sơn Tiến

Con trai: Văn Huyên

Có cháu: Văn Lậm: Cha Đinh Đường - Đinh Danh

Con ông Hữu

13B12. Văn Chân

Con ông Thuật

13B14. Văn Long

Con trai: Văn Huyên (con gọi là Quỳnh)

13B15. Văn Lương

Con trai: Nho Thiện

Nho Phương

Nho Trương

Nho Cương

Nho Tiềm, không con

Con gái: Thị Nhỏ (Bà Cảo)

Thị Đàn (chồng ở Sơn Thủy)

Con gái: Thị Lan, con gái Thị Lục chồng họ Võ

Con ông Mậu

13B16. Nho Ngân (hay Ngụ)

Con ông Đờn

13B17. Nho Tân (Tú tài)

Con trai: Nho Liên

Nho Lệ

Nho Tăng (có hai con gái bà Y, bà Võ)

Nho Văn, không con

13B18. Văn Túc Chuyển đi Sơn Tây

Con trai: Nho Biền

Nho Đang

13B19. Văn Phong

Con trai: Nho Diệu

Nho Thực, không con

Nho Lực, không con

Nho Đức, không con

Con gái: Thị Thường

Thị Cần

Con ông Hạp

13B20. Văn Giáo không con

Con ông Toàn

13B21. Văn Hoạch

Con trai: Văn Thích

Văn Vệ

Văn Lương

con ông Trung

13B22. Văn Trực

Con trai: Văn Triêm

Văn Giai

Văn Đoài

Văn Bình

Văn Lương

Văn Chín

Văn Trụ

Con ông Định

13B23. Văn Huy không con

13B24. Văn Đỉnh

Con trai: Văn Luận

Văn Thuyết ở Sơn An

13B25. Văn Chung

Con trai: Văn Hộ sinh được 1 gái

Con ông Tình

13B26. Văn Phức

Con trai: Văn Ôn

Văn Khai

Văn Quý

13B27. Văn Lâm

Con trai: Văn Sinh

Văn Yêm (không có con)

Văn Kiêm

ĐỜI 14

Con ông Hội

14B1. Văn Yên

Con trai: Văn Diên (cu Đắc)

14B2. Văn Lối

Con gái: Bà Han, cố nội ông Bùi Tâm ở Sơn Tiến

Bà Văn, cố nội ông Lê Thân ở Sơn An

Con ông Thức

14B3. Văn Tuấn

Con trai: Văn Giảng

Con gái: Bà cháu Thức (mẹ ông Đàm, ông Thi)

14B4. Văn Việt (Thường gọi là cố Trùm Hứng)

Con trai: Nho Lục

Con gái: Bà Tường lấy chồng ở Sơn Hòa

Bà Định lấy chồng ở Sơn Tiến

Bà Chiêm lấy chồng ở Sơn Thịnh

14B5. Nho Kiều không con

14B6. Nho Lựu bà họ Nguyễn

Con trai: Nho Kiều

Nho Mai

Nho Điều, liệt sĩ

Nho Tùng, liệt sĩ

Con gái: Đinh Thị Toại: Mộ ở Sơn Tiến

Con Nho Hoạch

14B7: Nho Thích

Con ông Nhã

14B8. Văn Trại

Con trai: Nho Tạo

Nho Táo đã từng là cua rơ xe đạp được giải 2 vòng quanh Đông Dương bị bệnh mất sớm khi 28 tuổi. có con gái Thị Thiêm lấy chồng là Nguyễn Khắc Hoàn Đại tá quân đội có 4 con

Nho Ngọ, không con.

Con gái: Bà Ngôn (lấy chồng về Sơn Thịnh)

Đinh Thị Thảo (mất sớm)

14B9. Văn Nại

Con trai: Nho Bằng

Nho Bồng, không con

Con ông Nhạc

14B10. Văn ủy kỵ nhật:

Bà: là Phan Thị Chắt kỵ nhật

Con trai: Văn Luyến

Nho Lộc

Con gái: Thị Mận, lấy chồng ở Sơn Long

14B11. Văn Trị

Con trai: Nho Hựu

14B12. Văn Chín

Bà Chín

Con trai: Văn Bính

Văn Dinh

Con gái: Bà Hy lấy chồng ở Sơn Bằng

Bà Thảo lấy chồng ở Sơn Lễ

Bà Yên lấy chồng ở Sơn Hòa

Con ông Hóa

14B13. Nho Trì: ông Duy

Bà cả: họ Trần - Sơn Châu

Bà hai: Họ Đinh Xuân ở Đông Mỹ thường gọi cố Bật

Kỵ ông: 26 tháng 10

Kỵ bà: 2 tháng 4

Con trai: Nho Hoán

Nho Thiện

Nho Bạt sau đổi là Xuân Bật

Con gái: Bà Hàn Trí lấy chồng họ Lê - Sơn Thịnh

Bà Bốn lấy chồng ở Sơn Lễ

Bà Phan Ba chồng Sơn Tiến, ngụ cư Sơn Hòa

Bà Gia: Chồng Nghệ An, không con

Bà Hàn Tuyên

Con ông Chân

14B14. Nho Thái

Cố Cả Hài - bà cả là bà Thái

bà hai là bà Nghi

Con trai: Nho Phổ (cháu Hải)

Nho Thục: tham gia ĐKNT - biệt danh Doãn Tế

Nho Thiếp

Nho Phố

Nho Bộc tham gia cần Vương, tù Côn Đảo

Con gái: bà cả Hài (bà Đạt)

Bàn Hàn Hiến lấy chồng họ Nguyễn ở Sơn Lễ

Nho Thành ở Sơn Lễ chồng họ Nguyễn Quang

Bà Nhung chồng họ Nguyễn Khắc (con Cửu Minh)

Bà Sâm chồng họ Tống (Tống Trần Hoàn)

14B15. Nho Kỳ (cụ Mậu)

Bà: họ Lê mộ ở Đồng Mậu

Con trai: Nho Đoan (ông Tú Mậu)

Nho Đoàn

Nho Khoan

Nho Loan

Nho Phiên mất sớm

Nho Đàn

Con gái: Bà Hường Thức - Sơn Châu, mẹ ông Trần Quốc Nghệ (Tú Nghệ)

Bà ấm Viện

Bà Mười (bà ấm Viên ở Sơn Long)

Bà Soa ở Nghệ An

14B16. Đinh Nho Mỵ (thường gọi Cố Kiểm)

Đậu cử nhân Hán học

Bà họ Trần em bà Hàn Lệ (cô một ông Trần Khắc Thiệu)

Mộ đông Đồng Mậu

Mộ bà Phúc De

Con trai: Nho Dinh

Con gái: Bà Nhuận

Bà Lục ở Sơn Thịnh

Bà Toản ở Sơn Trung

Bà Mai ở Sơn Hà

Con ông Kiểm

14B17. Nho Trung

bà họ Phan - Sơn Tiến

Con trai: Nho Phong

Nho Khôi

Nho Mai không con mất ở miền Nam

Nho Đào

Con gái: Bà Đàm con là Chiên ở Sơn Tiến

Bà Cấp lấy chồng ở Sơn Tiến

Con ông Tồn (Sơn Châu)

14B18. Nho Quý ở Sơn Châu

Con trai: Văn Phú

Nho Ninh

Nho Phương mất tích

14B19. Văn Quy ở Sơn Châu

Con trai: Văn Chương mất tích

Văn Tứ

Con ông Cử (Sơn Tiến)

14B20. Văn Lâm ở Sơn Tiến. Kỵ nhật 9 tháng 10

Con trai: Văn Huyên. Kỵ nhật 10 tháng 09

Con ông Long

14B21. Văn Chuyên

Con gái: Thị Thảo

14B22. Văn Huyên có 2 bà còn gọi là Quỳnh ở Nông Cống - Thanh Hóa.

Con trai: Quỳnh (liệt sĩ), Thoa, Thi (liệt sĩ)

Đồng, Cang, Kiên, Trí, Bền

Con gái: Lưu, Chiến, Huệ

Con ông Lương

14B23. Nho Trương

Bà: Trần Thị Ả

Con trai: Nho Kiệm

Nho Chính

Nho Thiềm

Nho Yêm

Nho Thìn

Con gái: Thị Hồng lấy chồng ở Sơn Trung

Thị Phương ở Sơn Hòa

14B24. Nho Cương

Con trai: Nho Khang

Con ông Ngụ

14B25. Nho Cân

Bà: Đinh Thị Phùng Đường. Kỵ nhật 14 tháng 12

Con trai: Nho Quế

Nho Bình

Con gái: Đinh Thị Bé lấy chồng Sơn Hòa

Đinh Thị Mùi chồng họ Phan - Sơn Tiến nay ở Vinh

14B26. Nho Thuận tức ông Đồng

Con trai: Nho Ngạch

Nho Thạc

Con gái: ….. Sơn Lễ

Bà Châu ở Sơn Thịnh

Con ông Tân

14B27. Nho Liên cố trùm Chương

Bà: Cao Thị Lập. Kỵ nhật 9 tháng 12

Con trai: Nho Bính (ông cháu Cán)

Nho Huề di ở Sơn Tây (Hương Sơn)

Con gái: Bà Tuất ở Sơn Tiến

Bà Tuân ở Hương Khê

14B28. Nho Lệ đậu tú tài

Kỵ nhật 20 tháng 9

Bà: Trần Thị Chất 3 tháng 12 (chi bà Cữ Mỹ)

Con trai: Đinh Nho Vỵ

Đinh Nho Chước

Nho Cự

Nho Phu

Con gái: Bà Chương ở Sơn Lễ

Con ông Biền

14B29. Nho Ý

Con trai: Nho Thân

Nho Trân (mất 1959)

Nho Khan

Con ông Phong

14B30. Nho Diệu

Bà: Tống Thị Mười

Con trai: Nho Khác

Nho Cáp

Con gái: Thị Hoàn

Thị Hóa

Con ông Hoạch

14B31. Nho Thích Kỵ nhật 16/11

Bà: Trần Thị Tam kỵ nhật 23/12

Con trai: Đinh Nho Nhỏ (hay Thi)

Đinh Nho Dần (hay Hậu)

Con gái: Chắt ả (gọi là Lan) lấy chồng về Sơn Thủy - Hương Sơn

Thị Điu thất lạc từ nhỏ

Thị Thêm (gọi là Hoa) chồng ở Sơn Thịnh

14B32. Văn Giai

Con trai: Văn Chú

Con ông Trực

14B33. Văn Triêm tức Uyển

Bà: họ Trần

Con trai: Văn Nhu

Nho Vấn

Nho Cầm

Nho Huyền

Con gái: Thị Khôi

14B34. Văn Bình

Con trai: Nho Sum

Nho Chất

14B35. Văn Lương

Con trai: Nho Mai

Nho Cần

Nho Giai

14B34. Văn Chín

Con trai: Nho Tám

Nho Thiềm

14B35. Văn Trụ

Con trai: Văn Vỵ

Con ông Đỉnh

14B36. Văn Luân (Thuyết)

Con trai: Văn Luận

Con ông Phức

14B37. Văn Ôn

Con trai: Đinh Cửu

Đinh Hán

Đinh Khán

Con ông Lam

14B38. Văn Sinh

Con gái: Thị Trung

Thị Vượng

14B39. Văn Kiệm (gọi Đinh Chuyên)

Con trai: Đinh Kỳ

Đinh Sâm

Đinh Thuật

ĐỜI 15

Con Văn Yên:

15B1. Văn Diên (Cu Đắc)

Con trai: Không có

Con gái: Đinh Thị Cu, lấy chồng Phan Hoạch ở Sơn Hòa, nay ở Điện Biên

Đinh Thị Lan lấy ông Thước ở Sơn Hòa nay vào Nam

Đinh Thị Lộc lấy chồng Trần Khắc Ngự ở Sơn Hòa, nay ra Thanh Hóa

Con ông Tuấn

15B2. Văn Giảng

Con gái: Bà Cháu Thức lấy chồng họ Nguyễn bố ông Đàm, ông Thi.

Con ông Việt (Cố Hứng)

15B3. Đinh Nho Lục

Sinh…

Kỵ nhật: 14 tháng 2 Mộ ở Đồng mậu Sơn Hòa

Bà: Phan Thị Chất cháu ông Phan Huy Truy (thường gọi Tổng Truy)

Con trai: Đinh Nho Xu liệt sĩ

Đinh Nho Cơ

Đinh Nho Cầm

Con gái: Đinh Thị Vy lấy chồng ở Sơn Châu

Đinh Thị Kỳ lấy chồng ở Hưng Nguyên

Con ông Lựu

15B4. Nho Khiều

Bà: Phạm Thị Huế

Con trai: Nho Hoàng

Nho Niêm

Nho Hoan

Con gái: Thị Lợi chồng họ Nguyễn

Thị Nguyệt chồng họ Nguyễn

Thị Nga chồng họ Cao

Thị Thịnh chồng họ Trần

Thị Hoàn chồng họ Trần

15B5. Nho Mai

Bà: Nguyễn Thị Đào

Con trai: Nho Ninh

Nho Bình

Nho An

Nho Giang

Con gái: Thị Mận, chồng họ Nguyễn

Con ông Trại

15B6. Nho Tạo

Bà…

Con trai: Đinh Nho Liêm

Đinh Nho Tứ

Đinh Nho Lương

Con gái: Đinh Thị Thanh, chồng Phan Đồng ở Sơn Hòa (con bà Hàn Ba con gái ông Trì)

Con ông Văn Ủy

15B7. Văn Luyến tên thường gọi là ông Quản Oanh (vì làm quan giáp) mộ ở Đồng Mậu kỵ nhật 16/3

Bà: Trần Thị Tứ - kỵ nhật 5/5 mộ ở Đồng Mậu

Con trai: Đinh Nho Tiến

Con gái: Đinh Thị Oanh chồng họ Trần 5 con (4 gái, 1 trai)

Đinh Thị Cát chồng là Thuyên ở Phố Châu nay ra Hà Nội có 6 con (3 trai, 3 gái)

Đinh Thị Lan chồng là Cư ở Sơn Trung có con ở Hà Nội, 2 trai, 1 gái)

15B8. Nho Lộc ngày kỵ 26 tháng 6

Bà: Lê Thị Thiệm ở Sơn Ninh

Con trai: Đinh Nho Phúc ở Đắc Lắc

Con gái: Đinh Thị Nhung dạy tiểu học chồng là Hồng ở Sơn Thịnh, có 3 con (2 gái, 1 trai).

Con ông Nho Trị

15B9. Đinh Nho Hựu

Con: Đinh Nho Phúc

Con ông Nho Chín

15B10. Đinh Nho Bính

Bà: Phan Thị Ngụ mộ ở Đồng Mậu

Con trai: Nho Lâm

Nho Trầm

Con gái: Đinh Thị Sâm chồng Trần Khắc Lợi có 2 con

Đinh Thị Quế chồng Trần Quảng có 3 con (1 trai)

15B11. Đinh Nho Dinh

Ngày kỵ 1 tháng 5

Mộ ở Đồng Mậu, bà người Sơn An

Con trai: Đinh Nho Hạnh ởThị trấn Sơn Tây

Con gái: Đinh Thị Phú chồng Nguyễn Kim Đường quê Sơn Thịnh, ngụ cư Sơn Hòa.

Đinh Thị Vinh chồng là Xanh ở Sơn hòa

Đinh Thị Điều chồng là ….

Con ông Trì (Duy)

15B12. Đinh Nho Hoán

Ngày giỗ 23 tháng 9

Bà: Lê Thị Em, mộ ở Đồng Mậu

Con trai: Đinh Nho Huề

Đinh Nho Xanh

Đinh Nho Bả

Đinh Nho Khoách

Đinh Nho Trự

Con gái: Đinh Thị Viện, lấy chồng Thanh Chương, chồng hy sinh 30 tháng 3

Đinh Thị Liễu chồng ở Sơn Tiến

15B13. Đinh Nho Thiện

Bà Nguyễn Thị Ngọc ở Sơn Lễ

Mộ ông bà ở Phúc De

Con trai: Văn Tiệp

Nho Hân

Nho Phi

Nh Lạm

Nho Nhiên

Con gái: Bà Đinh Thị Xoan chồng là Phan Luyện ở Sơn Tiến (con Phan Đính hiệu trưởng)

Bà Lê Xuân ở Sơn Thịnh

Bà Đinh Thị Quý chồng là Nguyễn Khánh Phùng ở Sơn Tân (giáo viên tiểu học)

15B14. Đinh Nho Bạt

Trước làm ở Sở Cảng sàn kho (Hải Phòng) sau chuyển về quê dạy học.

Ngày giỗ 23 tháng 6

Bà họ Nguyễn Xuân ở Sơn Thịnh

Con: Cử nhân Nguyễn Xuân Thưởng

Mộ ông bà ở Đồng Mậu

Con trai: Đinh Xuân Bính

Đinh Xuân Thịnh

Đinh Xuân Vinh

Con gái: Đinh Thị Liêm (bà Thứ)

Đinh Thị Tường ở Sơn Tiến - chủ tịch Hội LHPN Hà Tĩnh - huy hiệu 50 tuổi Đảng.

Bà Nhuận tức bà Hòe - Sơn Thịnh

Bà ở Sơn Tiến chồng là Nguyễn Duy Bách ở Sơn Tiến

Con ông Thái (Phái)

15B15. Đinh Nho Phổ

Ngày kỵ:

Bà cả:

Bà Kế:

Con trai: Đinh Nho Đài

Con gái: Bà Bách chồng ở Sơn An có con gái là Thị Gòn lấy chồng về Thanh Chương

Bà Đường ở Sơn Thịnh họ Đặng

Bà Hoành ở Sơn Phố

15B16. Đinh Nho Thiếp (cụ Kiều)

Bà ở Sơn Thịnh

Con trai: Nho Kiều: không con

Nho Cừ

Nho Cảng

Con gái: Thị Cúc kỵ nhật 14/6 lấy chồng là Lê Văn Trọng (Nghi Xuân được 7 con (4 trai) kỵ nhật 24/12..

Thị Tứ, Thị Lục chồng là Lê Dụ

15B17. Đinh Nho Thục: Hoạt động cách mạng cùng với Phan Ngọc, Phan Bội Châu, lấy bí danh là Doãn Tế. Trên đường từ Xiêm về mắc bệnh và mất ở Lào năm 1910.

15B18. Đinh Nho Bộc

Tham gia hoạt động phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục

Bị bắt tại Vinh đêm 31/8/1921, sau bị đày ra Côn Đảo

Con trai: Đinh Nho Đức chết sớm

Đinh Nho Tiệp; có con gái là Đinh Thị Hợi

Bà là em ông Lê Đức Hóa ở Sơn Thịnh

15B19. Đinh Nho Phố

Bà người họ Phan hiện ở Lào (Phan Thị Diệp)

Con trai: Đinh Nho Hoài

Đinh Nho Tiêu

Con gái: Đinh Thị Liên chồng là Lưu Văn Tiếp 1938 hiện ở Pháp có 7 con (3 trai)

Đinh Thị Sửu chồng Phan Văn Tuyên (Hà Nam) có 6 con; 2 trai gia đình ở Xa vân khét (Lào)

Con ông Kỳ

15B20. Đinh Nho Đoan: ông Tú Mậu

Bà Phan Thị Cháu tham gia hoạt động cách mạng ở Xiêm trong phong trào tiền Cộng Sản.

Phần mộ:

Kỵ nhật:

Con trai: Nho Huỳnh mất sớm

Nho Dinh

Con gái: Đinh Thị Chắt (bà cháu Cán Sơn Thịnh) có con là Hà Học Vỵ

Đinh Thị Phong, ở Sơn Thịnh con là..

Bà út ở Nghĩa Đàn chồng là…

15B21. Nho Đoàn

Phần mộ:

Bà Trần Thị Niềm ở Sơn Châu

Ông bà song táng ở Đồng Mậu

Con trai: Đinh Nho Điềm

Con gái: Bà Tửu ở Sơn Bằng

Bà Nhiệu ở Sơn Tiến

Bà Điu ở Lào

15B22. Đinh Nho Khoan

Đi lính ở Pháp

15B23. Đinh Nho Loan

Bà người họ Nguyễn Quang ở Sơn Lễ

Bà cả ở Đức Thọ

Con trai: Đinh Nho Dần

Đinh Nho Cổn chết sớm

Con gái: Bà Diêu con vợ cả ở Đức Thọ có con Thị Nga cử nhân sư phạm

Bà Thị Khương lấy chồng ở Quảng Trị

Bà Thị Lợi lấy chồng Sơn An

Bà Thị Nam ở Nghĩa Đàn

Bà Thị Cúc ở Sơn Hòa

15B24. Đinh Nho Đàn

Ngày kỵ: ……Mộ ở Đồng Mậu

Bà Nguyễn Thị Tám mất 26 tháng 2

Con trai: Đinh Nho Đông

Đinh Nho Đệ

Đinh Nho Duyệt

Đinh Nho Tùng mất sớm

Đinh Nho Thảo mất sớm

Đinh Nho Thìn mất sớm

Con gái: Đinh Thị Dung cử nhân sư phạm - nhà giáo ưu tú chồng Nguyễn Khắc Đạng ở Sơn Hòa

Con ông Mỹ

15B25. Đinh Nho Định

Phần mộ:

Ngày kỵ:

Bà:

Phần mộ

Con trai: Đinh Nho Cảnh

Con gái: Đinh Thị Hanh (bà Hàm Sơn Thủy)

Đinh Thị Sâm ở Sài Gòn

Đinh Thị Nhung ở Nghệ An

Đinh Thị Lộc ở Sơn Trung

Đinh Thị Hòe ở Sơn Bình

Đinh Thị Quế ở Miền Nam lấy chồng Nguyễn Khắc Luận

Con ông Thung (cố ấm Thung)

15B26. Đinh Nho Phong

Ngày kỵ:

Phần mộ: ở Sơn Tiến

Con trai: Đinh Nho Châu

15B27. Đinh Nho Khôi

Cán bộ tiền khởi nghĩa, Đảng viên Cộng Sản

Chủ bút báo Hà Nội mới

Phần mộ: Văn Điển

Bà là người Quảng Trị.

Con trai: Đinh Nho Bình

Con gái: Đinh Thị Hương ở Hà Nội

15B28. Đinh Nho Đào

Bà cả: 1 con trai ở Sài Gòn

Bà hai: 2 con trai ở Đà Nẵng

15B29. Đinh Nho Ninh ở Sơn Châu

Con: Nho Tịnh

Nho Lâm ở Sơn Châu

Nho Trâm liệt sĩ

Con gái: Thị Liệu lấy chồng ở Sơn Tây

Con ông Quý (Sơn Châu)

15B30. Văn Tứ

Bà:

Mộ: ở Sơn Châu

Con trai: Nho Phương

Nho Cương liệt sĩ

Nho Cường ở Sơn Phố

Con gái:

Thị Nhỏ chồng là:

Thị Phúc

Thị Lan

Thị Hồng

Thị Thường

Con ông Lâm (Sơn Tiến)

15B31. Văn Huyên ở Sơn Tiến

Kỵ nhật 25 tháng 1

Bà họ Trần

Con trai: Đinh Danh

Đinh Đường

Con gái: Lan chồng Duy Thường

Hồng chồng Khắc Khải

Thị Thuận giáo viên mẫu giáo.

Con ông Trương

15B32. Nho Kiệm

Bà: Phan Thị Dần

Con gái: Thị Hoa

Thị Mỹ Linh

15B33. Đinh Nho Chính

Tốt nghiệp Đại học, ở Sở Công an Hà Tĩnh

Bà: Nguyễn Thị Mùi

Con trai: Nho Thanh

Nho Hải

Nho Tuấn

15B34. Đinh Nho Thiềm

Tốt nghiệp Đại học

Bà: Nguyễn Thị Nhung

Con trai: Nho Phú

Con gái: Thị Cẩm

15B35. Đinh Nho Yêm

Bà: Đậu Thị Mai

Con trai: Đinh Nho Quý

Con gái: Đinh Thị Thủy Tiên

15B36. Đinh Nho Thìn

Con trai: Nho Thành 2005

Nho Vũ

Con ông Cương

15B37. Đinh Nho Khang

Bà: Nguyễn Thị Lan

Con trai: Đinh Nho Sơn

Đinh Chương

Con ông Căn

15B38. Đinh Nho Quế ở Hải Phòng

Con trai: Nho Hùng

15B39. Đinh Nho Bình

Ngày kỵ: 27 tháng 10

Bà: 1. Phan Thị Điền kỵ nhật 9 tháng 1

2. Lê Thị Tuyền, người Sơn Bình, kỵ nhật 14 tháng 1

Con trai: Đinh Nho Trường

Con ông Đồng (Quảng Thuận)

15B40. Đinh Nho Ngạch ở Sơn Phú

Bà Nguyễn Thị Sâm

Con trai: Đinh Nho Mạo

Đinh Nho Cừ

Đinh Nho Lâm

Đinh Nho Hiền

Con gái: Bà Truật ở Sơn Thịnh

Bà Thắm chồng Võ Cường

Bà Loan chồng là Thiếp

15B41. Đinh Nho Thạc

Bà Nguyễn Thị Tân

Con trai: Đinh Nho Lĩnh

Đinh Nho Chương

Con gái: Đinh Thị Bé

Con ông Liên

15B42. Đinh Nho Bính; Ông cháu Cán

Kỵ nhật 1 tháng 1

Bà Lê Thị Ba, kỵ nhật 1 tháng 6

Con trai: Đinh Nho Toản

Đinh Nho Lạc

Con gái: Bà Nguyễn Khắc Chinh

15B43. Đinh Nho Huề ở Sơn Tây

Ngày kỵ 19 tháng 4

Bà Phan Thị Tám, kỵ nhật 8 tháng 4

Con trai: Đinh Nho Hòe

Đinh Nho Tùng

Đinh Nho Bá (liệt sỹ chống Mỹ)

Con gái: Đinh Thị Hợi chồng là Khánh ở Sơn Bằng

Đinh Thị Mai

Con ông Lệ

15B44. Đinh Nho Vỵ

Trước làm ở Tòa Khâm sử Play Ku, sau Cách mạng tháng 8 làm phó chủ tịch UBCHC tỉnh Gia Lai.

Bà cả người họ Tống, Tống Thị Thiệm

Ngày kỵ 14 tháng 5

Bà Nguyễn Thị Chắt ở Sơn Ninh - Kỵ nhật 1 tháng 1

Mộ ở Phúc De

Con trai: Đinh Nho Thanh

Đinh Nho Ân

Con gái: Thị Lai, chồng Phan Hạnh ở Sơn Hà

15B45. Nho Chước

Kỵ nhật 16 tháng 6

Bà Hà Thị Cháu kỵ nhật 7 tháng 11

Mộ song táng ở Đồng Mậu

Con trai: Đinh Nho Bích

Đinh Nho Hướng

Con gái: Đinh Thị Hòa ở Sơn An

Đinh Thị Phương ở Bãi Vọt

15B46. Đinh Nho Cự

Bà Nguyễn Thị Huệ mất 11 tháng 1

Ông kỵ nhật 17 tháng 3 mộ ở Phúc De

Con trai: Nho Cận

Nho Thâm

Con gái: Đinh Thị Hường ở Sơn Hà

Đinh Thị Soa

15B47. Đinh Nho Phu

Cán bộ ấn loát

Bà Tống Thị Thảo, quê Sơn Thịnh

Con trai: Đinh Nho Toàn

Con ông ý

15B48. Nho Thân

Bà là:

Con trai: Nho Hạnh (1973 -)

4 gái là:…

Con ông Diệu

15B49. Đinh Nho Khác

Bà Nguyễn Thị Chiểu

Con trai: Nho Quang

Con gái: Thị Hòa

Thị Thuận

Thị Hạnh

Thị Phúc

15B50. Đinh Nho Cáp

Giáo viên ở Nghệ An

Con trai: Đinh Mạnh Tùng (hiện ở Sài Gòn)

Con gái: Thị Dung

Thị Hương

Thị Hà

Thị Huệ

Thị Hoa

Thị Hồng

Con ông Thích

15B51. Đinh Nho Thi (Nhỏ)

Bộ đội tình nguyện Lào - Đảng viên CS, huân chương kháng chiến chống Pháp 3 - chống Mỹ I.

Trú quán: Thị xã Sơn La

Bà: Nguyễn Thị Hoàn, huân chương chống Mỹ I

Con trai: Nho Bằng (mất sớm)

Nho Thịnh

Gái: Thị Hải lấy chồng Hà Nội

15B52. Đinh Xuân Hậu (Nho Dần)

Đảng viên, kỹ sư thủy lợi, nghỉ hưu, huân chương kháng chiến chống Mỹ I, thương bình 4/4.

Bà: Trần Thị Tứ, đảng viên, HC chống Mỹ hạng III.

Con trai: Đinh Nho Hùng

Con gái: Việt Hà, cử nhân kinh tế chồng ở Vinh

Việt Hồng, cử nhân sư phạm chồng ở Vinh

Con ông Triêm

15B53. Đinh Văn Nhu ông Chắt Mười

Bà Nguyễn Thị Chắt Em

Ông chết năm 1935. Bà mất 1968

Con trai: Nho Cảng chết 1943

Nho Thiện hay Lạm ở Sơn Tân

Con gái: Thị Điền

15B54. Đinh Nho Vấn

Mất 1956

Bà Đậu Thị Kỳ mất 1986

Con trai: Đinh Nho Chương ở Vinh

Đinh Nho Nhuận

Con gái: Đinh Thị Dần chồng là Hoa ở Quảng Trị

Đinh Thị Sửu ở Sơn Hòa

15B55. Đinh Nho Cầm kỵ nhật 7/9

Bà họ Lương kỵ nhật 16/11

Mộ ông ở Đức Thọ

Con trai: Đinh Nho Bảng ở Hà Nội

Con gái: Thị Thanh chồng họ Phan Văn Bô

Thị Liên chồng Nguyễn Khắc Lựu (liệt sĩ) có 2 con gái.

Thị Thuận chồng Trần Khắc Mai có 7 con

15B56. Đinh Nho Huyền

Con trai: Đinh Nho Khuyên ở Quảng Ninh

Đinh Thị Phương

Đinh Thị Nhỏ chồng là Mai

Con ông Bình

15B57. Đinh Nho Sum

Con trai: Nho Vụ (Vệ)

15B58. Đinh Nho Chất

Con ông Lương

15B59. Đinh Nho Mai

Con trai: Nho Huy

Nho Chương

Nho…

15B60. Nho Cần

Con trai: Nho Tứ

15B61. Đinh Nho Giai (Sơn Lễ)

Con trai: Nho Do

Nho Đoài

Con ông Chín

15B62. Đinh Nho Tám

15B63. Đinh Nho Thiềm

Con ông Trụ

15B64. Đinh Nho Vỵ

Con ông Luận (Sơn An)

15B65. Đinh Văn Luận

Con trai: Văn Xân

Văn Châu (Hà Nội)

Con ông Ôn

15B66. Đinh Nho Cửu không có con

15B67. Đinh Nho Tâm

Mất 1965

Bà: Lê Thị Cúc

Con trai: Nho Sơn

Nho Hòa

Nho Lý

Nho Sự

Con gái: Thị Đường chồng Lê Học - Sơn Phố

Thị Thuận chồng là: Có:

Phương Thảo chồng là: Có:

Con ông Khai

15B68. Đinh Nho Hán

Bà Lê Thị Nga

Con trai: 16B Nho Xin - Con: Đinh Nho Đạt

Con gái: Thị Hương dạy học ở Trà Vinh chồng Nguyễn Trí Nghĩa Sơn Thịnh có 2 con.

Thị Liên chồng Sơn Thịnh

15B69. Đinh Nho Khán

Con trai: Nho Thắm

Nho Thiết

Nho Tình

Con gái: Thị Phương chồng Cao Lý - Sơn Hòa

15B70. Đinh Nho Kỳ

Con trai: Nho Đài

Nho Khai

Nho Trang

15B71. Nho Thuật

Con trai: Nho Quốc

Nho Hùng

Nho Sơn

Nho Mận

15B72. Đinh Nho Sâm

Con trai: Nho Bính

Nho Hợi

ĐỜI 16

Con ông Lục

16B1. Nho Cơ (1937 -)

Đảng viên, tuyên huấn huyện ủy Hương Sơn, hiện định cư Sài Gòn

Bà: Trần Thị Huê giáo viên cấp 2

Con trai: Nho Hòa (1982 -) Cao đẳng KT

Con gái: Thị Hiền (1985 -) ĐH Ngân hàng

16B2. Nho Cầm (1954 -) cán bộ hưu trí

Bà Lan cán bộ phòng thuế Hương Sơn nghỉ hưu.

Con trai: Nho Mạnh sinh viên ĐHKT 1982 định cư Sài Gòn, vợ Nguyễn Thị Kiều Diễm cử nhân kinh tế

Nho Cường (1985 -) cử nhân kiến trúc.

Con gái: Thị Trà (1988 -) sinh viên y học cổ truyền…

Con ông Khiều

16B3. Nho Hoàng

Bà: Trần Thị Cúc

16B4. Nho Niệm

Bà: Nguyễn Thị Minh

16B5. Nho Hoan

Bà: Nguyễn Thị Lưu

Con ông Mai

16B6. Nho Ninh sinh 1978

16B7. Nho Bình sinh 1981

16B8. Nho An sinh 1983

16B9. Nho Giảng sinh 1986

Con ông Tạo

16B10. Đinh Nho Liêm (1924 - 2008) kỵ nhật: 1/10

Sinh 18/11/1924 - Giáp Tý

Nguyên ủy viên Trung ương Đảng khóa 5 - 6.

Nguyên: Thứ trưởng thứ nhất Bộ ngoại giao đã từng Đại sứ: Ai Cập - Lào - Liên Xô cũ…

Trưởng đoàn đàm phán Việt Nam - Trung Quốc năm 1980

Huy hiện 50 năm tuổi Đảng, huân chương độc lập hạng 2 - huân chương kháng chiến hạng nhất.

Bà: Lê Thị Lương ở Đức Thọ

Con trai: Đinh Dũng sinh 1951: Tiến sĩ

Đinh Nho Hùng sinh 1953

Đinh Thị Hoa sinh 1961

16B11. Nho Tứ phóng viên báo Hà Nội mới

Công đoàn Hà Tĩnh

Bà: Trần Thị Phương

Con gái: Đinh Thị Nam

Thị Hà

Thị Giang

16B12. Nho Lương giáo viên cấp 3

Bà: Nguyễn Thị Bích Nam

Con trai: Đinh Nho Chương

Con gái: Thị Hương

Thị Hường

Con ông Luyến

16B13. Đinh Nho Tiến Đảng viên trước tham gia cán bộ Đoàn Thanh niên cứu quốc huyện - sau chuyển sang dạy học cấp 2. kỵ nhật: 17/1

Bà: Dương Thị Hồng - kỵ nhật: 24/4

Con trai: Nho Quang - Bác sĩ y khoa

Nho Vinh

Con gái: Thị Nguyệt chồng Trần Khắc Hùng

Thị Dung: giáo viên cấp 2, chồng l□

Cao Cường ở Lâm Đồng

Con ông Lộc

16B14. Đinh Nho Phúc

Định cư ở Đắc Lắc

Bà: Hà Thị Linh (quê ở Sơn Hòa)

Con trai: Nho Quân

Nho Hải

Nho Quyền

Con ông Hựu

16B15. Đinh Nho Phúc

Định cư ở Sơn Hồng

Con trai: Nho Kế

Con gái: Thị Huệ chồng là…

Con ông Bính

16B16. Đinh Văn Lâm - Đảng viên, HCKT I

Bà: Lê Thị Thảo

Con trai: Nho Sơn

Con gái: Đinh Thị Kiều Nga chồng là: Lê Bình - Hà Tĩnh

Có con 4 (2 trai)

Xuân Hương chồng là Nguyễn Khắc Thường (Nghệ An)

Con 3 trai 2 gái.

Thị Hoa chồng là Trần Văn Sơn (Ninh Bình)

Con: 2 (1 trai, 1 gái)

Thị Hải chồng là Trần Hoa (Hà Tĩnh) 2 con (1 trai, 1 gái)

16B17. Đinh Nho Trầm Đảng viên, thiếu tá QĐND nghỉ hưu TP. Hà tĩnh

Bà: Phan Thị Đức (Sơn Hòa)

Con gái: Thị Quý

Thị Quyên tốt nghiệp ĐH, chồng Phan Văn Long có 2 con 1 trai, 1 gái

Thị Quỳnh… tốt nghiệp ĐH

Con ông Dinh

16B18. Nho Hạnh: đảng viên

Bà là:

Con gái: Thị Tâm

Thị Hằng

Thị Liên

Con ông Hoán

16B19. Nho Huề: Gia đình có công với Cách mạng, từng tham gia hoạt động yêu nước thời kỳ tiền khởi nghĩa, sau CM chuyên bốc thuốc.

Bà Phạm Thị Mười ở Đức Thọ

Con trai: Nho Diệm, nhà thờ Quỳnh Dao

Đinh Phạm Toản: Giáo viên cấp 2

Đinh Phạm Thái: Tiến sĩ khoa Luyện kim

Con gái: Thị Thiệm, lấy ông Nguyễn Khắc Chuyết có 3 con

Thị Cúc lấy ông Đinh Phúc Lộc

Thị Phúc lấy ông Tống Trần Quỳnh

Thị Vinh chồng l□ Lâm Sinh Sắc

16B20. Nho Xanh: Thầy thuốc

Bà họ Nguyễn

Con trai: Đinh Nho Hãn, giám đốc

Con gái: Đinh Thị Sâm, lấy ông Sinh, Sơn Thịnh liệt sĩ có 1 con.

16B21. Nho Bả

Bà cả:

Bà hai:

Bà ba: Người họ Nguyễn - Sơn Thịnh

Con trai: Nho Khánh

Con gái: Thị Phương (chồng là Lô)

Thị Thảo lấy ông Nguyễn Khắc Phiệt.

16B22. Nho Khoách: Hoạt động tiền khởi nghĩa 30 - 31

Phó bí thư huyện ủy, huân chương Độc lập.

Bà cả: Họ Ngô, Ngô Thị Tý ở Sơn Thịnh

Bà hai: Họ Lê, Lê Thị Phú ở Sơn Bình

Con trai: Nho Thắng

Con gái: Thị Hồng chồng là Hà Học Ngô có

Thị Đạm chồng là Phan Văn Minh (Sơn Hòa) có

Thị Huyền chồng là..

Thị Mai chồng là..

16B23. Nho Trự

Con trai: Đinh Nho Bá: Liệt sĩ

Con gái: Thị Tý, chồng Nguyễn Trọng Thiên, Sơn An

Thị Thanh chồng Nguyễn Hiền Lương, Sơn Thịnh có 3 con.

Con ông Thiện

16B24. Văn Tiệp: Giáo viên, hiệu trưởng trường Sơn Thịnh, Huân chương KC hạng 1, mất năm 1973.

Bà: Lê Thị Gia: Lạc Thiện, Đức Thọ, mất năm 1996

Con trai: Thanh Tịnh, vợ là Võ Thị Hường

Thanh Toàn

Con gái: Thị Loan chồng ở Đức Thọ

Thị Nga chồng là Hà Học Hợi có… con

Thị Vân chồng là Khinh ở Huế có … con

Thị Thu, tiến sĩ Y khoa chuyên khoa nhi, chồng là Niêm ở Đức Phúc, Đức Thọ có… con.

Thị Dung chồng là Thân ở Phố Châu có… con

16B25. Nho Hân

Đảng viên CS, thư ký UBKCKC Hương Sơn, mất 1952 tại Việt Bắc

Bà: Lê Thị Lựu

Con trai: Nho Hoan, Thạc sĩ toán học

Con gái: Thị Hà, dược sĩ cao cấp, chồng Nguyễn Văn Lang (Thanh Hóa)

Thị Châu, kỹ sư Hóa, chồng người Huế có… con

Thị Chi, giáo viên, chồng là, con là…

Thị Hằng

Thị Tâm, Thạc sĩ toán học, chồng là..

16B26. Nho Phi: Giáo viên

Bà cả: Nguyễn Thị Vinh

Bà hai: Bà Phương ở Sơn Lễ

Con trai: Nho Dương

Nho Hùng

Nho Chiêu (mất sớm)

Nho Cường

Nho Trung (mất lúc 16 tuổi)

Con gái: Thị Phượng chồng Tống Trần Lập có…

16B27. Nho Lạm

Bà: Nguyễn Thị Tý

Con trai: Đinh Thanh Đoài liệt sĩ

Con gái: Đinh Thị Hoa Lệ chồng là Ban - Sơn Bình..

Thị Anh chồng Đức Thọ có…

Lệ Thủy chồng là Hà Chí Thành có…

Lệ Trang chồng Đức Thọ, sống tại Long An

16B28. Nho Nhiên

Bà: Phạm Thị Vĩnh Thọ

Con trai: Nho Nghĩa

Con ông Bật

16B29. Xuân Bính: Chủ tịch UBHCKH Hương Sơn

Giáo viên chính trị trường Phan Đình Phùng

Công tác Ban Việt kiều ở Trung ương

Bà: Bà Hà Thị Thu ở Sơn Thịnh

Bà Nguyễn Thị Hường ở Hà Bắc

Con trai: Xuân Hùng

Xuân Việt

Xuân Minh

Xuân Ninh

Con gái: Thị Liên chồng Lê Hùng - Sơn Thịnh có con…

16B30. Xuân Thịnh: Giáo viên

Bà: Lê Thị Quỳnh - Sơn Hòa

Con trai: Đinh Xuân Hà

Xuân Sơn (liệt sĩ)

Xuân Viên

Con gái: Thị An chồng Lê Khánh Hán - Sơn An có…con

Thị Hiền chồng Ngô Đình Kế - Đức Thọ có.. con

Thị Bình chồng Nguyễn Minh - Thạch Hà có… con

16B31. Xuân Vịnh Trước CM làm thông phán tòa sứ Vinh sau CM ông chuyên nghiên cứu khảo đính lịch sử và địa lý gắn liền với động vật, thực vật, được công nhận nhà văn hóa dân gian. Công trình nghiên cứu được giải nhất Hội VN Dân gian VN - Huân chương lao động hạng 2.

Bà: Nguyễn Thị Khải - Nam Đàn (1925 - 1974) kỵ nhật 11/12

Con trai: Xuân Dục 1943

Xuân Huy (1957 - 1976) kỵ nhật 19/3

Xuân Hoàng 1959 thạc sĩ

Xuân Hải 1961

Con gái: Xuân Dung - GV kinh tế Hà Nội, chồng…

Xuân Hòa - Giáo viên Hà Nội chồng…

Con ông Phổ (ông Cháu Hải)

16B32. Xuân Đài: Xã đội trưởng sau CM tháng 8 kỵ nhật 25/2

Năm 19555: Công nhân lâm trường Thanh Hóa, huân chương kháng chiến hạng 1.

Bà cả: Nguyễn Thị Phúc ở Nghi Lộc, cháu ngoại họ Đinh, chiến sĩ cộng sản 1930 - 1931 bị bắt và chết trong tù.

Bà hai: Hồ Thị Cháu (Sơn Hàm) kỵ nhật 15/7

Con trai: Đinh Nho Lộc (con bà Phúc chết 7 tuổi)

Đinh Chí Tài

Đinh Chí Đức

Con gái: Đinh Thị Nữ, giáo viên chồng là Bùi Túc - Sơn Tiến có 2 con trai.

Đinh Thị Tú giáo viên, chồng là Phan Phúc Kỹ sư có 2 con 1 trai.

Con ông Thiếp

16B33. Nho Kiều mất sớm.

16B34. Nho Cừ kỵ nhật 25/8

Đảng viên, công nhân cơ khí, giáo viên trường dạy nghề.. huân chương kháng chiến hạng I.

Bà cả: Thị Cừ

Bà hai: Thị Hợi - kỵ nhật 21/1

Con trai: Nho Minh

Nho Công

Con gái: Thị Hương ở Bãi Vọt có 1 con

Thị Hoa dạy học, chồng Đinh Phùng Sơn có 2 con

16B34. Nho Cảng Kỵ nhật 20/4. Việt kiều Pháp về nước năm… công tác phiên dịch kế toán ở nông Trường Nghĩa Đàn.

Bà: Hà Thị Oánh kỵ nhật 11/6

Con trai: Nho Hà

Nho Sào (mất sớm do bệnh hiểm nghèo năm 21 tuổi) kỵ nhật 11/12

Con ông Phố

16B35. Nho Hoài (1935) hiện ở Bắc Giang - kỹ sư điện.

Phó giám đốc Sở điện lực Hà Bắc nghỉ hưu.

Huân chương kháng chiến hạng I, Đảng viên, cộng tác viên tạp chí điện lực

Bà: Nguyễn Thị Tần (quê Thanh Hóa) cử nhân kinh tế 1948

Con trai: Nho Nam 1979 kỷ sư tin học

Con gái: Thanh Hà, kỹ sư kinh tế 1976 chồng Nguyễn Trọng Toàn (Nam Đàn)

16B36. Nho Tiêu ở Pháp (1942 - 2009) kỵ nhật 30/12

Bà: Lâm Thị Đào quê gốc tại Huế - hiện định cư ở Pháp.

Con trai: Nho Thắng 1967

Quốc Việt 1980 kỹ sư tin học

Con gái: Thị Diễm 1968 chồng là Chương (Hăng Ri) Henri

Thị Phương 1970 chồng người Pháp

Ô Bi 1971 chồng người Pháp

Mimi (Thị Thu) 1974 cử nhân kinh tế .

Con ông Đoan (Tú Mậu)

16B37. Nho Dinh (-) kỵ nhật

Bà cả: Phan Thị Lịch - Đức Thọ

Bà hai: ở Thái Lan

Con trai: Nho Hanh

Nho Sinh

Nho Thái

Con ông Đoàn (Khanh)

16B38. Nho Điểm: Đảng viên, CN báo nhân dân

Bà: Thái Thị Thơm quê Sơn Long

Con trai: Đinh Mạnh Đôn

Nho Đảm

Nho Định

Con gái: Thị Oanh nhà máy in Nghệ An, chồng là Đặng ở Miền Nam

Thị Yến

Con ông Loan

16B39. Nho Dần: Huân Chương chống Mỹ I kỵ nhật:

Bà: Thị Mai

Con trai: Nho Thắng

Nho Lợi

Con gái: Thị Hương chồng là..

Thị Xuân chồng là …

Con ông Đàn

16B40. Nho Đông: Đảng viên - Huân chương kháng chiến hạng I. Cán bộ giao thông Hà Tĩnh.

Con trai: Nho Huấn

Nho Dũng

Con gái: Thị Châu, tốt nghiệp đại học thương mại, chồng là… có con

Thị Lý giáo viên ở Đắc lắc chồng là… có con..

Thị Hương kế toán bệnh viện Hương Sơn, chồng là Cường.

Thị Hòa giáo viên, chồng Đức Thọ

16B41. Nho Đệ

Kỹ sư thủy lợi, phó giám đốc thủy lợi Quảng Ninh

Bà: Vũ Thị Lý

Con trai: Nho Lương

Nho Trí

Con gái: Thị Hương, chồng là Lương

Thị Trang chồng là…

16B42. Nho Duyệt

Phó giám đốc - Thạc sĩ vật lý

Bà Lê Thị Yến, giáo viên người Nghi Xuân cư trú tại Hải Phòng

Con trai: Nho Minh

Con gái: Thị Hải chồng là..

Con ông Dịnh

16B43. Nho Cảnh

Bà: Hồ Thị Khánh

Con trai: Nho Nghệ

Nho Phước

Nho Vinh

Con gái: Thị Phong chồng ở Sơn Ninh có… con

Thị Vinh chồng ở Sơn Thủy có con…

Con ông Nho Phong

16B44. Nho Châu

Bà: Phan Thị Quế ở Sơn Tiến

Con trai: Nho Hòa

Con gái: Thị Ngọc ở Sơn Tiến, chồng là…

Thị … ở Sơn Tiến, chồng là..

Con ông Khôi

16B45. Nho Bình

Con ông Đào ở miền Nam

Con ông Ninh (Sơn Châu)

16B46. Nho Tịnh ở Sơn Châu kỵ nhật:

Con trai: Nho Điểu

Thị Loan chồng…

Thị Kiểu chồng…

16B47. Nho Lâm ở Sơn Tây

Con trai: Nho Thanh

Nho Minh

Nho Long

Nho Mạnh

Con gái: Thị Bình

Thị Lanh

Con ông Tứ (Sơn Bình)

16B48. Nho Phương ở Sơn Châu (1937 -) đảng viên, huy hiệu 40 năm tuổi Đảng, huân chương kháng chiến I, huân chương It - xa - ra (Lào) hạng I.

Con trai: Nho Phong

Nho Phi

Nho Chí

16B49. Nho Cường ở Sơn Phố

Con trai: Nho Thái

Thị Chi chồng là…

Con ông Huyên (Sơn Tiến)

16B50. Nho Đường ở Sơn Tiến

Sinh 1948, Đảng viên

Bà: Trần Thị Khương

Con trai: Nho Hậu 1979

Nho Phương 1981

Nho Đông 1987

Nho Đoài 1990

Con gái: Thị Hiền 1977

16B51. Nho Danh ở Sơn Tiến (1955 - 2010) kỵ nhật:

Bà: Phạm Thị Hường

Con trai: Nho Nam 1986

Con gái: Thị Hằng sinh 1982 lấy chồng Nguyễn Hùng - Sơn Lễ

Thị Nhàn 1993

Con ông Chính

16B52. Nho Thanh

16B53. Nho Hải

16B54. Nho Tuấn

Con ông Nho Thiềm

16B55. Nho Phú

Con ông Yêm

16B56. Nho Quý

Con ông Thìn

16B57. Nho Vũ

Con ông Khang

16B58. Nho Sơn

Bà: Phan Thị Bích Thủy

Con trai: Nho Hoàng

Con gái: Trà My

16B59. Nho Chương

Bà: Nguyễn Thị Oanh

Con trai: Nho Đức

Con ông Quế (Hải Phòng)

16B60. Nho Hùng Con ông Quế ở Hải Phòng

Con trai: Nho Dũng

Nho Trung

Con ông Bình

16B61. Nho Trường

Bà: Nguyễn Thị Liệu ở Sơn Hòa

Con trai: Đức Tài 1997

Con gái: Hồng Giang 1994

Con ông Ngạch

16B62. Nho Mạo 1965 ở Sơn Phúc

Bà: Nguyễn Thị Hương

Con trai: Nho Thức 1992

Con gái: Thị Thơm 1990

Thị Thoa 1994

16B63. Nho Cừ 1968 ỏ Sơn Phúc

Bà: Uông Thị Hồng

Con trai: Nho Cương 1992 (mất)

Đinh Nho Việt Hoàng 7/10/2008

Con gái: Thị Cảnh 1996

Nho Lâm 1971 ở Sơn Phú

Bà: Nguyễn Thị Thao

Con trai: Nho Liễu 1995

Con gái: Thị Linh 1997

16B64. Nho Hiền 1973 ở Sơn Phú

Bà: Tống Thị Long

Con gái: Đinh Thị Quỳnh Trang

Đinh Đức Nhân

Con ông Thạc

16B65. Nho Lĩnh 1975

16B66. Nho Khương 1977

Bà:

Con gái: Đinh Thị Nhiên

Đinh Thị Trà

Con ông Cháu Cán

16B67. Nho Toản

Bà cả: Võ Thị Tuyên

Bà hai: ở Quảng Bình

Con trai: Nho Hoan sinh 1952

Nho Tịnh

Nho Toàn

Con gái: Thị Thủy 1980

16B68. Nho Lạc

Bà: Phan Thị Thanh - Sơn Thịnh

Con trai: Nho Hiệp

Nho Định

Nho Hữu

Con gái: Thị Tâm chồng Trần Tuấn

Thị Liên

Thị Lý

Con ông Huề (Sơn Tây)

16B69. Nho Hòe

Bà: Lê Thị Thất

Con trai: Nho Hòa 1955

Nho Hải 1959

Nho Huyên 1962

Con gái: Thị Hoàn 1964, chồng Trần Lục - Can Lộc

Thị Hiên 1967, chồng Phan - Sơn Tây

Thị Thủy

16B70. Nho Tùng

Bà: Nguyễn Thị Phương

Con trai: Nho Chiến 1966

Nho Sỹ 1969

Nho Hoài

Con gái: Thị Thi 1971, chồng Phan Huấn

Con ông Vy

16B71. Nho Thanh: Giáo viên, nguyên hiệu trưởng cấp 2,3. vừa học vừa làm. Huân chương kháng chiến hạng I.

Sinh 1934 cộng tác viên báo chí.

Bà: Nguyễn Thị Thiện.

Nguyễn Thị Hương, giáo viên, huân chương kháng chiến hạng 3.

Con trai: Đinh Tuấn Anh

Đinh Tú Anh 1969

Con gái: Ngọc Anh chồng Đặng Quang Bắc

Vân Anh chồng Bùi Văn Tuyển ở Hải Dương

Việt Anh giáo viên chồng là Phan xuan Truong…

16B72. Nho Ân Sinh 1947, hiệu tưởng cấp 2, Cương Gián - Nghi Xuân

Bà: Lại Thị Lý giáo viên, Hiệu trưởng

Con trai: Nho Hải

Con gái: Thị Tình giáo viên..

Con ông Chước

16B73. Nho Bích: Đảng viên nguyên bí thư chi bộ - kỵ nhật 14/3

Bà: Nguyễn Thị Hồng - Sơn Lễ

Con gái: Thị Thìn

Thị Mạo chồng …. quê Sơn Thịnh

Thị Huệ chồng … Sơn Tân

16B74. Nho Hướng sinh 1936

Cán bộ nông trường - Nghĩa Đàn

Bà: Hà Thị Diện ở Sơn Thịnh, giáo viên

Con trai: Nho Long

Nho Thắng

Nho Cảnh

Con gái: Thị Hương

Con ông Cự

16B75. Nho Cận sinh 1936, giáo viên, Huân chương kháng chiến hạng I.

Bà: Nguyễn Thị Thao giáo viên quê Đức Thọ

Thị Hòe hiệu trưởng cấp I.

Con trai: Nho Hòa

Nho Thắng

Nho Đạt

Con gái: Thị Bình 1974, chồng Nguyễn Phúc - Sơn Tiến

16B76. Nho Thâm: Trung úy QĐNDVN

Bà: Nguyễn Thị Lý

Con trai: Đinh Nho Mạnh

Con ông Phu

16B77. Nho Toàn cán bộ TBXH

Bà:

Con trai: Quang Tuấn

Con ông Hạnh

16B78. Đinh Nho Liêm

Bà:

Con trai: Đinh Nho Luyện 2001

con ông Khác

16B79. Nho Quang

Bà: Nguyễn Thị Quế

Con trai: Nho Long

Nho Quyền

Con gái: Loan Anh

Con ông Cáp

16B80. Mạnh Tùng Sinh 1953

Bà: Thị Quy 1956

Con trai: Tuấn Minh 1988

Con gái: Thị Huyền 1996

Con ông Thi

16B81. Đinh Nho Thịnh (hay Sơn Thịnh) kinh doanh ở Sơn La

Bà: Nguyễn Thị Hương

Con trai: Đinh Nho Thanh

Con gái: Đinh Thị Thảo

Con ông Hậu

16B82. Đinh Nho Hùng kỹ sư tin học

Bà: Lê Thị Thanh Tú - cử nhân sư phạm

Con trai: Đinh Nho Dũng

Con ông Nhu

16B83. Nho Thiện ở Sơn Tiến

Bà: Trần Thị Huệ

Con trai: Nho Anh

Nho Hùng

Con gái: Hoài Nam

Thanh Hải

Con ông Vấn

16B84. Nho Chương

Bà: Trần Thị Huệ ở Vinh

Con trai: Nho Lâm

Gái: Thị Hiền

16B85. Nho Nhuận

Bà: Thị Xuân

Con trai: Nho Vịnh

Nho Phong

Nho Lan

Con gái: Thị Hoa

Con ông Cầm

16B86. Nho Bảng: nguyên P. GĐ ngân hàng ngoại hối, cử nhân kinh tế - Đảng viên, nghỉ hưu.

Bà: Trần Thị Hà quê Can Lộc

Con trai: Nho Sơn

Con gái: Thị Hòa

Thị Thủy

Con ông Huyền

16B87. Nho Khuyên ở Hải Phòng

Bà: Nguyễn Thị Cúc

Con gái: Thị Yến

Con ông Sum

16B88. Nho Vệ (Vy)

Con trai: Nho Hạnh

Nho Thứ

Con ông Mai

16B89. Nho Huy

Bà: Thị Quế

Con trai: Nho Thắng

16B90. Nho Chương

Con trai: Nho Liên

Nho Sơn

Con gái: Thị Trà

Thị Hương

16B91. Nho Hộ

Con trai: Nho Hoài

Nho Hoằng

Nho Tân

Con gái: Thị Huyền

Con ông Cần

16B92. Nho Tứ

Con trai: Nho Tín

Nho Tú

Nho Thuần

Con gái: Thị Thảo

Thị Thao

Thị Thơm

Thị Thoan

Con ông Giai

16B93. Nho Do

Bà: Nguyễn Thị Long

Con trai: Nho Quân, Nho Sang, Thị Lam, Thị Thu

16B94. Nho Đoài vợ Nguyễn Thị Thư

Con: Nho Thái, Nho Đàn, Thị Phượng

Con ông Thuyết (Luận)

16B95. Nho Xân

Bà: Nguyễn Thị Kỷ

Con trai: Nho Tiền, Nho Phong, Thị Long, Thị Hương, Thị Liên

16B96. Đinh Nho Châu (ở Hà Nội)

Bà: Đoàn Thị Em

Con trai: Nho Khánh

Con gái: Thị Ngọc

Thị Ngà

16B97. Đinh Nho Mận

Bà: Nguyễn Thị Liệu

Con trai: Nho HIền

Con gái: Thị Hồng

Thị Hà

Thị Hiền

16B98. Đinh Nho Mỵ (Sông Bé)

Bà: Đường Minh Huệ

Con trai: Nho Hoang

Nho Khoa

Con gái: Thị Oanh

16B99. Đinh Nho Đức

Bà: Nguyễn Thị Loan

Con trai: Đinh Nho Toàn

Đinh Nho Quân

Con gái: Đinh thị..

Con ông Tâm (Sơn Phố)

16B100. Nho Sơn Cử nhân kiến trúc, sinh 1952

Bà: Nguyễn Thị Thanh, cử nhân kinh tế

Con trai: Hoàng Hà 1990

Con gái: Hoàng Lương 1982

16B101. Nho Hòa sinh 1954, giám đốc công ty xe taxi

Bà: Châu

Con gái: Kiều Trang

16B102. Nho Lý sinh 1959

Bà: Thị Minh - Cẩm Xuyên

Con gái: Hiền Lương 1987

Cẩm Liên 1990

16B103. Nho Sự sinh 1962, ở Sân bay Vinh

Bà: Phạm Thị Hạnh

Con trai: Nho Cương

Nho Đức 2006

Con ông Hán (Sơn Lễ)

16B104. Nho Xin

Bà: Võ Thị Ngân Hoa

Con trai: Nho Đạt 2008

Con gái: Nguyệt Hà 2005

Con ông Khán

16B105. Nho Thắm

Bà: Nguyễn Thị Điu

Con trai: Nho Giang

Con gái: Thị Hà

16B106. Nho Thiết

Bà: Trần Thị Thanh

Con trai: Nho Dũng

Nho Toàn

Con gái: Thị Hằng

Thị An

16B107. Nho Tình

Bà: Nguyễn Thị Long

Con trai: Nho Linh

Nho Tuấn

Con gái: Thị Lý

Con ông …

16B108. Nho Bính

16B109. Nho Hợi

Con ông Kỳ (Sơn Lễ)

16B110. Nho Đài

Con trai: Nho Cần

Nho Văn

Nho Minh

16B111. Nho Khai

Con trai: Nho Nguyên

Nho Thủy

16B112. Nho Trang

Bà: Nguyễn Thị Hải

Con trai: Nho Duy

Con gái: Thị Thương

Con ông Thuật (Sơn Lễ)

16B113. Nho Quốc Vợ Nguyễn Thị Thơm

Con trai: Nho Ngọc

16B114. Nho Hùng Vợ Nguyễn Thị Thành

Con trai: Nho Mạnh

Nho Tài

Nho Tuấn

Nho Anh

16B115. Nho Sơn

16B116. Nho Mận

Bà: Nguyễn Thị Sửu

Con trai: Nho Huỳnh

Nho Huân

Con ông Sâm

16B117. Nho Bính

Bà: Nguyễn Thị Sâm

16B118. Nho Hợi

Bà: Nguyễn Thị Nguyệt

ĐỜI 17

Con ông Cơ

17B1. Nho Hòa (1982 -)

Con ông Cầm

17B2. Nho Mạnh (1982 -)

Bà: Nguyễn Thị Kiều Diễm - cử nhân kinh tế định cư ở Sài Gòn

17B3. Nho Cường (1985 -) Cử nhân kinh tế

con các ông Hoàng - Ninh - Bình .. (chị ông Mai - Sơn Trường)

Con ông Liêm

17B4. Nho Dũng (Đinh Dũng): Giáo sư, Tiến sĩ khoa học Toán, sinh 1951.

Bà: Đỗ Kim Phượng - Cán bộ khoa học Nhà nước ở Hà Nội

Con gái: Thùy Dương

Thùy Dung

17B5. Nho Hùng 1953 (Đinh Hùng): Thạc sĩ máy tính Tin học

Bà: Nguyễn Bích Thu thạc sĩ dược

Con trai: Nho Tân

Nho Minh

Con ông Lương

17B6. Nho Chương

Bà: Chu Nguyệt Hà - Kinh Doanh

Con gái: Đinh Thanh Huyền

Đinh Huyền Linh

17B7. Nho Quang - Bác sỹ Y khoa Hà Tĩnh

Bà: Nguyễn Thị Nga

Con trai: Nho Tuấn

Con gái: Ngọc Lê

17B8. Nho Vinh

Bà: Nguyễn Thị Mai

Con trai: Đinh Nho Hải Long 2006

Con gái: Đinh Thúy Hằng 2004

Con ông Phúc (Đắc lắc)

17B9. Nho Quân

17B10. Nho Quyền

17B11. Nho Hải

Con ông Phúc (Sơn Hồng)

17B12. Nho Kế

Con ông Lâm

17B13. Nho Sơn

Bà: Hà Thị Minh

Con trai: Nho Giang

Nho Việt 10/02/2010

Con gái: Thị Thủy

Con ông Huề

17B14. Nho Diệm

Bà: Lâm Thị Đậu

Con trai: Đinh Nguyên Hà liệt sĩ

Con gái: Đinh Thị Đường

Đinh Thị Hạnh

17B15. Đinh Phạm Toản: Đảng viên, giáo viên, huân chương kháng chiến hạng I

17B16. Đinh Phạm Thái: Giáo sư, tiến sĩ khoa học Đại học Bách Khoa Hà Nội.

Bà: Tống Thị Phú Sơn - kỹ sư hóa chất.

Con trai: Đinh Hùng Việt

Con gái: Kiều Duyên, chồng Minh Đức

Con ông Xanh

17B17. Nho Hãn: Giám đốc, kỹ sư

Bà: Nguyễn Thị Thanh - Hải Dương

Con trai: Hồng Lĩnh - kỹ sư điện tử vợ Đỗ Thị Bích Ngọc

Con gái:

Con ông Bả

17B18. Nho Khánh

Bà: Nguyễn Thị Lý: Giáo viên

Con trai: Nho Quốc, cử nhân KT vợ là Đặng Thị Thâm

Nho Hội, cử nhân KT

Con ông Khoách

17B19. Nho Thắng

Bà: Thị Phượng

Con trai: Nho Tùng

Nho Thanh Sơn

Con ông Tiệp

17B20. Thanh Tịnh: Kỹ sư Trắc địa, cử nhân toán học, thông thạo 5 ngoại ngữ, sáng lập viên và là giám đốc công ty dịch thuật quốc tế, đồng tác giả của 4 từ điển chuyên ngành, tác giả và dịch giả của 3 sách chuyên ngành về trắc địa đã xuất bản.

Bà: Võ Thị Hường - Sơn Tiến

Con trai: Nho Hưng, kỹ sư Mỏ Địa Chất

Nho Thông, cử nhân kinh tế vợ Cao Thị Thanh Hiền

Con gái: Đinh Thanh Thủy

Đinh Thị Thanh Hương

17B21. Thanh Toàn; Giáo viên

Bà: Trần Thị Thanh; giáo viên

Con trai: Đinh Thanh Thế

Con gái: Thị Thảo

Thị Hương Giang

Thị Tiên

Con ông Hân

17B22. Nho Hoan: Giáo viên trường CĐ sư phạm, thạc sĩ Toán

Con trai: Nho Quang

Nho Hiếu

Con ông Phi

17B23. Nho Dương

Bà: Hà Thị Hợi

Con trai: Nho Hoàng

Nho Hải

Con gái: Thị Hà

17B24. Nho Hùng

Bà: Nguyễn Thị Thuận

Con trai: Đinh Nho Huy

Con gái: Thị Yến

17B25. Nho Cường

Bà: Nguyễn Thị Hồng - Nghệ An

Con trai: Đinh Nho Nam

Đinh Nho Nhân

Con gái: Thị Quý

Con ông Nhiên

17B26. Nho Nghĩa

Bà:

Con trai: Đinh Chiến Thắng

Con ông Bính

17B27. Xuân Hùng

Bà: Thị Vân ở Sơn Bình

Con trai: Nho Mạnh

Con gái: Thị Hoa - kế toán, chồng là… dạy ..

17B28. Xuân Việt

Đảng viên, phó bí thư tỉnh ủy, huân chương chống mỹ I.

Bà: Đinh Phùng Thị Hòa

Con trai: Đinh Nho Thuận

Con gái: Đinh Thị Giang

17B29. Xuân Minh

Bà: Thị Hương

Con trai: Xuân Cường

Xuân Kiên

17B30. Xuân Ninh

Con trai: Đinh Thị Khánh Ly

Đinh Nho Nguyên (7/6/2009 kỷ Sửu)

Con ông Thịnh

17B31. Xuân Hà: Giáo viên

Bà: Nguyễn Thị Hải Dương

Con trai: Xuân Hiệp

Con gái: Thị Thu

17B32. Xuân Sơn (liệt sĩ)

17B33. Xuân Viên, đại tá quân Đội ND

Bà: Thị Huy

Con ông Vịnh

17B34. Xuân Dục

Con gái: Thị Phong

Thị Yến

Thị Vân

17B35. Xuân Hùng (1959 - 1976) kỵ nhật 9/3

17B36. Xuân Hoàng thạc sĩ (1959 -) cử nhân sư phạm

17B37. Xuân Hải 1961 - 1969 kỵ nhật 24/8

Con ông Đài

17B38. Chí Tài: Kỹ sư trường kỹ thuật 3

Bà: Phan Thị Lam

Con gái: Thị Tâm cử nhân kinh tế, chồng là…con…

Thị Vân

17B39. Chí Đức

Cử nhân kinh tế, P. Tổng GĐ tổng cty lương thực.

Bà: Dương Thị Nhẫn - kỹ sư kinh tế

Con trai: Nho Lương

Con gái: Thị Linh

Con ông Cừ

17B40. Nho Minh

Bà: Trần Thị Lan

Con trai: Nho Lâm

Nho Thắng

Con gái: Thị Anh

17B42. Nho Công - Cán bộ công an

Bà: Vũ Thị Hương

Con trai: Nho Quang

Nho Thành

Con ông Cảng

17B43. Nho Hà

Con: Đinh Thị Thủy

Đinh Thị Thùy Linh

17B44. Nho Sào (mất năm 17 tuổi)

Con ông Hoài

17B45. Nho Nam (1979 -) kỹ sư tin học.

Bà: Nguyễn Thị Thúy (1983 -) cử nhân kinh tế quê Bắc Giang

Con ông Tiêu

17B46. Nho Thắng (1967 -)

Bà: Sandfine Maubert

Con trai: Đinh Nho Hoàng Long

Con gái: Đinh Thị Hồng Lĩnh

Thiên Nga

17B47. Quốc Việt (1967 -)

Con ông Dinh (Thái Lan)

17B48. Nho Hanh: Cử nhân Vật Lý

Bà: Vũ Thị Luyến

Con trai: Nho Tài Nhân vợ Lương Thị Kim Dung

Nho Hạnh

Nho Hồng

Con gái: Thị Tâm

Thị Nhân

17B49. Nho Sinh - Cử nhân vật lý

Con trai: Đinh Lê Minh vợ Trần Minh Tâm

Con gái: Minh Thu, chồng…

17B50. Nho Thái

Con trai: Đinh Nho Bình vợ Trần Thị Phương Thanh

Con gái: Phương Anh

Phương Thảo

Con ông Điềm

17B51. Mạnh Đôn: Hiệu trưởng trường Đảng Hà Tĩnh - nhà giáo ưu tú - Huân chương độc lập

Bà: Phan Thị Lục

Con trai: Mạnh Hà

17B52. Nho Đản Cử nhân sư phạm

Bà:

Con:

17B53. Nho Định

Con ông Dần

17B54. Nho Thắng

17B55. Nho Lợi

Con ông Đông

17B56. Nho Huấn

Bà: Nguyễn Thị Thủy

Con gái: Thị Hà 1992

17B57. Nho Dũng

Bà: Tăng Thị Hồng

Con trai: Nho Việt 1997

Con ông Đệ

17B58. Nho Lương

Bà: Nguyễn Thị Thu Hương

Con gái: Thị Tâm

Đinh Hồng Phúc (sinh 2004)

17B59. Nho Trí

Con ông Duyệt (Hải phòng)

17B60. Nho Minh

Bà: Nguyễn Thị Hoài Trang

Con trai: Đinh Nho Thái Sơn (Sinh 2005)

Con ông Cảnh

17B61. Nho Nghệ: 1963

Bà: Nguyễn Thị Tịnh

Con trai: Nho Hảo 07/1991

Con gái: Thị Tâm 07/1994

Thị An

17B62. Nho Phước sinh 1966

Bà: Hồ Thị Tân (kỵ nhật…)

Thị Thắm

Con trai: Nho Hoàng 1981

Nho Mạnh 1992

Nho Cường 1999

17B63. Nho Vinh

Bà: Thị Thủy

Con gái: Thanh Huyền 29/2/1962

Hùng Linh 2008

17B64. Nho Lộc

17B65. Nho Hòa

Con ông Tịnh

17B66. Nho Điểu

Bà: Huỳnh Thị Thúy Hà

Con gái: Đinh Khánh Linh

Đinh Minh Phúc (2007 -)

Con ông Lâm (Sơn Tây)

17B67. Nho Thanh

Con trai: Nho Hùng

Nho Dương

Con gái: Thị Hằng

Thị Hiền

17B68. Nho Minh

17B69. Nho Long

17B70. Nho Mạnh

Con ông Phương

17B71. Nho Phong 1977

Bà: Nguyễn Thị Thanh Hương

Con trai: Nho Phước (2007 -)

17B72. Nho Phi 5/11/1980 kỷ sư xây dựng

17B73. Nho Chí (1983 -) Sỹ quan quân đội

Bà: Phan Thị Vinh Hoa

Con gái: Bảo Ngọc (2010)

Con ông Cường

17B74. Nho Thái

Con ông Hùng

17B75. Nho Dũng

Con ông Trường

17B76. Nho Tài

Con ông Mạo

17B77. Nho Thức

Con ông Từ

17B78. Nho Cương

Con ông Lâm

17B79. Nho Liễu

Con ông Toản

17B80. Nho Hoan 1952

Bà: Hà Thị Liên

Con trai: Nho Hùng 1978

Nho Thọ 1983

Nho Thái 1985

Con gái: Thị Thủy 1980

Con ông Lạc

17B81. Nho Hiệp

Bà: Hà Thị Cảnh

17B82. Nho Định

Bà: Nguyễn Thị Tùng

17B83. Nho Hữu

Bà:

Con:

Con ông Hòe (Sơn Tây)

17B84. Nho Hòa 1955

Bà: Nguyễn Thị Liên

Con trai: Nho Tuấn 1981

Nho Thanh 1986

17B85. Nho Hải 1959

Bà: Nguyễn Thị Hoan

Con trai: Nho Hinh 1992

Nho Hiếu 1994

17B86. Nho Huyền 1962

Bà: Nguyễn Thị Huyền

Con trai: Nho Thành

Nho Đồng 1992

Con ông Tùng (Sơn Tây)

17B87. Nho Chiến: 1966, Giám đốc Nhà máy Việt Thái ở Biên Hòa

Bà: Hồ Thị Vinh

Con: Thị Trang

Thị Anh

Nho Quốc Bảo 2005

17B88. Nho Sỹ 1969

Con trai: Nho Nam 2001

Con gái: Hương Mây 2005

17B89. Nho Hoài 1974

Con gái: Đinh Ngô Cẩm Tú 2006

Con ông Thanh

17B90. Tuấn Anh 1957, Công ty Than Cao Sơn

Bà: Nguyễn Thị Thuận

Con trai: Đinh Thái Hà 1994

Đinh Nguyễn Anh Hưng 17/12/2003

17B91. Tú Anh 1969, kỹ sư, cử nhân kinh tế

Bà: Mai Thị Thúy Hà

Con:

Con ông Â (Nghi Xuân)

17B92. Nho Hải

Bà: Trần Thị Mai Hiên

Con trai: Đinh Việt Nhật 14/11/2006

Con gái: Nhật Anh

Con ông Hướng (Nghĩa Đàn)

17B93. Nho Long

17B94. Nho Thắng

17B95. Nho Cảnh

Con ông Cận

17B96. Nho Hòa

Bà:

Con gái: Đinh Thúy Hiền

17B97. Nho Thắng, thạc sĩ toán, giáo viên trường chuyên Lê Thế Vinh (biên Hòa)

Bà: Nguyễn Thị Nhung, thạc sĩ sinh vật, giáo viên phổ thông trung học Trấn Biên (Biên Hòa)

Con trai: Đinh Quốc Hùng

17B98. Nho Đạt

Con ông Thâm

17B99. Nho Mạnh

Con ông Toàn

17B100. Quang Tuấn

Con ông Tùng (Sài Gòn)

17B101. Tuấn Minh

Con ông Quang

17B102. Nho Long

17B103. Nho Quyền

Con ông Thiện (Sơn Tân)

17B104. Nho Anh

Con trai: Việt An

Nho Dũng 20/11/2006

17B105. Nho Hùng

Con ông Chương (Vinh)

17B106. Nho Lâm

Con gái: Thị Duyên

Con ông Nhuận

17B107. Nho Vịnh

Con: Nho Vũ 1/9/2002

17B108. Nho Phong

17B109. Nho Lan

Con ông Bảng (Hà Nội)

17B110. Nho Sơn

Bà: Hà Thị Châu

Con trai: Đinh Nhật Quang

Con ông Vệ

17B111. Nho Hạnh

Con trai: Nho Phú

17B112. Nho Thứ

Con trai: Nho Quyết

Nho Chí

Con ông Huy

17B113. Nho Thắng

Con ông Chương

17B114. Nho Liên

17B115. Nho Sơn

Con ông Hộ (Sơn Phúc)

17B116. Nho Hoài

17B117. Nho Hoàng

17B118. Nho Tân

Con ông Tứ (Sơn Phúc)

17B119. Nho Tín

Con trai: Nho Bảo

Con gái: Thị Nhàn

Thị San

Thị Như

17B120. Nho Tứ

Con trai: Nho Việt

Con gái: Thị Hương

17B121. Nho Thao

Bà:

Con: Nho Thuần

Nho Đạt

Thị Thùy

Con ông Do

17B122. Nho Quân

17B123. Nho Sang

Con ông Đoài

17B124. Nho Sang

17B125. Nho Đàn

Con ông Xâm

17B126. Nho Tiền

17B127. Nho Phong

Con ông Châu

17B128. Nho Khánh

Con ông Mận

17B129. Nho Hiền

Con ông My

17B130. Nho Hoàng

Con: Nho Tân 27/08/2009

17B131. Nho Khoa

ĐỜI THỨ 18

Con ông Hòa

Con ông Mạnh

Con ông Cường

Các cháu ông Hoàng - Ninh - Bình - An - Giang

Con ông Dũng

Con ông Hùng

18B1. Nho Tân

18B2. Nho Minh

Con ông Chương

Con ông Quang

18B3. Nho Tuấn

Con ông Vinh

18B4. Đinh Nho Hải Long

Con ông Phúc (Đắc Lắc)

18B5. Nho Quân

18B6. Nho Quyền

18B7. Nho Hải

Con ông Sơn

18B8. Nho Giang

18B9. Nho Việt

Con ông Thái

18B10. Đinh Hùng Việt kỹ sư hóa

Bà: Nguyễn Thu Hiền

Con trai: Nho Hoàng (2003)

Con gái: Bảo Châu

Con ông Hãn

18B11. Hồng Lĩnh - kỹ sư điện tử

Bà: Đỗ Bích Ngọc

Con gái: Hồng Vân (2001)

Mỹ Hạnh (2005)

18B12. Hồng Sơn

Con ông Khánh

18B13. Nho Quốc

Bà: Đặng Thị Thơm

Con gái: Đinh Thị Bảo Châu (11/1/2009)

18B14. Nho Hội

Con ông Thắng

18B15. Thanh Tùng

18B16. Nho Thanh Sơn

Con ông Tịnh

18B17. Nho Hưng - kỹ sư mỏ địa chất, tổng giám đốc cty CP đầu tư nhà, đô thị.

Bà: Phạm Thị Phương Linh

18B18. Nho Thông cử nhân kinh tế.

Bà: Cao Thị Thanh Hiếu

Con trai: Đinh Quốc Anh (18/12/2006)

Con gái: Đinh Bảo Ngọc

Con ông Toàn

18B19. Thanh Thế

Con ông Hoan

18B20. Nho Quang

18B21. Nho Hiền

Con ông Dương

18B22. Nho Hoàng

Con trai: Đinh Nho Đức

Con gái: Đinh Phan Thanh Trâm

Đinh Thị Trâm Anh 29/12/2006

Con ông Hùng

18B23. Nho Huy

Con ông Cường

18B24. Nho Nam

18B25. Nho Nhân

Con ông Nghĩa

18B26. Chiến Thắng

Con ông Hùng

18B27. Nho Mạnh

Con trai: Đinh Nho Nguyên Hưng (9/6 ks)

Con ông Việt

18B28. Nho Thuận

Con ông Minh

18B29. Nho Cường

18B30. Nho Kiên

Con ông Ninh

18B31. Đinh Nho Nguyên

Con ông Hà

18B32. Xuân Hiệp (hay Thế Hiệp)

Bà:

Con trai: Đinh Nho Dũng

Con gái: Đinh Thị Khánh Vân 2004

Con ông Hoàng

Con ông Đức

18B33. Nho Lương, tốt nghiệp Đại học

Bà: Thị Trang

Con trai: Đinh Nho Khang (2011-)

Con ông Minh

18B34. Nho Lâm

Bà: Nguyễn Thị Phượng

Con trai: Nho Tuấn

Nho Lộc

18B35. Nho Thắng:

Bà: Lê Thị Thu Hiền

Con gái: Thảo Oanh

Con ông Công

18B36. Nho Quang

18B37. Nho Thành

Con ông Nam (ở Bắc Giang)

Con ông Sào (ở Pháp)

Con ông Nam (ở Pháp)

Con ông Thắng (ở Pháp)

Con ông Hanh (ở Hưng Yên)

18B38. Tài Nhân

Bà: Lương Thị Kim Dung

Con gái: Minh Khuê

18B39. Nho Hạnh sinh 1978 - cử nhân

18B40. Nho Hồng sinh 1982

Con ông Sinh (Hà Nội)

18B41. Lê Minh - Cử nhân

Bà: Trần Minh T rân

Con gái: Minh Thư

Con ông Thái

18B42. Nho Bình

Bà: Trần Thị Thanh

Con ông Đôn

18B43. Mạnh Hà

Con ông Đản

Con ông Định

Con ông Huấn

Con ông Dũng

18B44. Nho Việt sinh 1997

Con ông Lương

Con ông Trí

Con ông Minh

Con ông Nghệ

18B45. Nho Hảo

Con ông Phước

18B46. Nho Hoàng

18B47. Nho Mạnh

18B48. Nho Cường

Con ông Vinh

Con ông Lộc

Con ông Hòa

Con ông Điều

Con ông Thanh (Sơn Tây)

18B49. Nho Hùng

18B50. Nho Hưng

Con ông Minh

Con ông Lương

Con ông Mạnh

Con ông Phong

Con ông Phí (Sơn Bình)

Con ông Chí (Sơn Bình)

Con ông Thái (Sơn Phố)

Con ông Tài

Con ông Thao (Sơn Phúc)

18B51. Nho Thuần

Bà:

Con gái: Thị Hà 1994
Thị Hằng 1996
Thị Hoàn 1999

18B52. Nho Đạt

Con ông Cương (Sơn Phúc)

Con ông Liễu (Sơn Phúc)

Con ông Hoan

18B53. Nho Hùng sinh 1978

Bà: Trần Thị Hồng

Con trai: Hồng Sơn sinh 2000

18B54. Nho Thọ

18B55. Hồng Sơn

Nho Thái sinh 1985

Con ông Hiệp

Con ông Định
Con ông Hữu
Con ông Hòa
18B56. Nho Tuấn sinh 1981
18B57. Nho Thanh sinh 1986
Con ông Hải (Sơn Tây)
18B58. Nho Hinh sinh 1992
18B59. Nho Hiếu sinh 1994
Con ông Huyền (Sơn Tây)
18B60. Nho Thanh sinh 1989
18B61. Nho Đồng sinh 1982
Con ông Chiến (Sơn Tây)
Con ông Sỹ (Sơn Tây)
Con ông Hoài (Sơn Tây)
Con ông Tuấn Anh
Con ông Hải (Nghi Xuân)
Con ông Lung (Nghĩa Đàn)
Con ông Thắng (Nghĩa Đàn)
Con ông Cảnh (Nghĩa Đàn)
Con ông Hòa (Biên Hòa)
Con ông Thắng
Con ông..
Con ông Mạnh
Con ông Tuấn (Hà Nội)
Con ông Minh (Sài Gòn)
Con ông Lung
Con ông Quyền
Con ông Anh
Con ông Hùng
Con ông Lâm
Con ông Phong
Con ông Vinh
Con ông Lan
Con ông Sơn (Hà Nội)
18B62. Nhật Quang

Con ông Hạnh (Sơn Phúc)

18B63. Nho Phú

Con ông Thứ (Sơn Phúc)

18B64. Nho Quyết

18B65. Nho Chí

Con ông Thắng

Con ông Hoàng

Con ông Tân

18B66. Nho Tín

Con gái: Thị Nhàn
Thị Như

Con ông Tứ

18B67. Nho Thao

bà:

Con trai: Nho Đạt

Con gái: Thị Thùy

18B68. Nho Thuần

Con gái: Thu Hà
Thị Hằng 1996
Thị Hoài 1999

Chú thêm về chi Cụ Huyên ở Thanh Hóa

Nho Long

Nho Huyên (hay Quỳnh) có 2 bà:

Bà cả sinh ra:

Quỳnh Liệt sĩ, Thoa, Thi (liệt sĩ), Hải.

Bà 2 sinh ra: Đồng, Cay, Kiên, Trí, Bền.

Con gái; Lưu, Chiến, Huệ.

Đời 16B của Chi này (ở Thanh Hóa)

Con ông Thoa: Thuật, Quyết, Định, Thị Thúy, Thị Quý.

Con ông Hải: Dương, Dị, Oanh, Tuấn (3 gái)

Con ông Đồng: Trai: Thu; Gái: Chung, Thanh, Minh

Con ông Cang: Trai; Hùng, Hoan; Gái: Cảnh, Đào, Hải

Con ông Kiên: Trai: Hân; Gái: Hiền

Con ông Trí: Trai: Tân; Gái: Vân, Sen.

Con Bền: Trai: Tuấn; Gái: Lành.

Đời 17

Con ông Thuật (cháu ông Thoa) Trai: Tùng; gái (Vân)

Con ông Thu (cháu ông Đồng): Dũng

Đời 19:

Các con của các ông ở đời 18B đã được ghi trong hộ của các ông đó. Vì đời 19 các cháu chưa lập gia đình, nên chưa có điều kiện ghi thành hộ riêng như:

19B….

19B…..

Đề nghị sau này, ban biên tập sẽ tập hợp lại do các tiểu chi hoặc các chủ hộ ở đời 18 ghi báo, sẽ lập sau.

BAN BIÊN TẬP

PHỤ LỤC

Danh sách các liệt sỹ (không tính 2 chi Sơn Tây - Sơn Châu)

TT	Họ và tên liệt sĩ	Con ông, bà	Hy sinh năm
	Đinh Văn Sỹ	Đinh Nho Thưởng	1953
1		Nguyễn Thị Kế	
2	Đinh Nho Thu	Đinh Nho Lục	1952
3	Đinh Nho Lý	Đinh Nho Liêu (Hòe)	1952
4	Đinh Nho Điều	Đinh Nho Lựu	1960
5	Đinh Nho Tùng	Đinh Nho Lựu	1969
6	Đinh Nho Quế	Đinh Nho Đào	
7	Đinh Nho Bá	Đinh Nho Trự	
8	Đinh Nho Đoài	Đinh Nho Lạm	
9	Đinh Nho Sơn	Đinh Nho Thịnh	
10	Đinh Nguyên Hà	Đinh Nho Diệm	
11	Đinh Nho Nhâm	Đinh Nho Cung	
12	Đinh Nho Thưởng	Đinh Nho Đai	
13	Đinh Nho Trường	Đinh Nho Đai	
14	Đinh Nho Mậu	Đinh Nho Thắm	
15	Đinh Nho Bá	Đinh Nho Huề (Sơn Tây)	
16	Đinh NhoTuệ	Đinh Nho Xang	
17	Đinh Nho Thanh	Đinh Nho Đang	
18	Đinh Nho Trâm	Đinh Nho Ninh	
19	Đinh Nho Cương	Đinh Nho Tứ	
20	Đinh Nho Sung	Đinh Nho Huyên	
21	Đinh Nho Lương	Đinh Nho Nghiêm	
22	Đinh Nho Quỳnh	Đinh Nho Huyên (Thanh Hóa)	
23	Đinh Nho Thi	Đinh Nho Huyên (Thanh Hóa)	

DANH SÁCH CÁC VỊ KHOA BẢNG

A. Trước 1945:	Hoàng Giáng (Đệ nhị Tiến sĩ)	Đinh Nho Hoàn
	Tiến sĩ (Tam giáp)	Đinh Nho Công
		Đinh Nho Điển
		Đinh Nho Thận
		Đinh Nho Côn
		Đinh Thái Lãng
		Đinh Duy Hàn
		Đinh Nho Chân
		Đinh Nho Kiểm
		Đinh Nho Quang
		Đinh Nho Khôn
	Tú Tài	Đinh Nho Chấn
		Đinh Nho Hoán
		Đinh Nho Xanh
		Đinh Nho Đoan
		Đinh Nho Bát (TT Tây học)
		Đinh Nho Kham

B. Từ sau 1945

Tiến sĩ khoa học (TSKH) và tiến sĩ (TS)

1. Đinh Nho Chương	17A
2. Đinh Thị Khương	17A
3. Đinh Thị Oanh	17A
4. Đinh Nho Hồng	17A
5. Đinh Nho Thanh	17A
6. Đinh Như Hà Bình	17B
7. Đinh Thị Ngọc Bích	17A
8. Đinh Thị Phương Hòa	17A phong Phó GS 2010
9. Đinh Quốc Việt	17A

10. Đinh Nho Hải 17A
11. Đinh Nho Hào (TSKH) 17A phong GS năm 2010
12. Đinh Thị Xuyến 17A
13. Đinh Phạm Thái (TSKH) 17B hàm giáo sư
14. Đinh Bích Thu 17B
15. Nguyễn Phương Chi (vợ ông Đinh Nho Hào) 17A: Tiến sĩ
16. Đinh Dũng (TSKH) 17B
17. Đinh Chiến Quốc 18A

2. Thạc sĩ, sau đại học:

1. Đinh Nho Bảng 16B
2. Đinh Nho Hoan 17B
3. Đinh Nho Duyệt 16B
4. Đinh Thị Tám 17B
5. Đinh Nho Hùng 17B
6. Đinh Thị Hải Phong 18B
7. Đinh Nho Sinh 17B
8. Đinh Xuân Hoàng 17B
9. Đinh Nho Thái 17B
10. Đinh Chí Tài 17B
11. Đinh Nho Thắng 17B

3. Cử nhân, kỹ sư, bác sĩ và dược sĩ cao cấp.

1. Đinh Nho Chú	16A	41. Đinh Hải Quân	19A
2. Đinh Nho Cự	16A	42. Đinh Nho Sơn	19A
3. Đinh Nho Kỳ	16A	43. Đinh Nho Cảng	19A
4. Đinh Nho Thìn	17A	44. Đinh Thị Lan Hương	19A
5. Đinh Nho Chiêm	17A	45. Đinh Nho Quyền	19A
6. Đinh Nho Khoát	17A	46. Đinh Nho Lương	16B
7. Đinh Thị Lan Hương	17A	47. Đinh Nho Hạn	17B
8. Đinh Nho Hoàng	17A	48. Đinh Thanh Tịnh	17B
9. Đinh Nho Nghệ	17A	49. Đinh Nho Thắng	17B

10. Đinh Nho Lượng	17A	50. Đinh Nho Hào	17B
11. Đinh Nho Giảng	17A	51. Đinh Thị Tâm	17B
12. Đinh Nho Hoan	17A	52. Đinh Xuân Việt	17B
13. Đinh Nho Quán	17A	53. Đinh Xuân Hà	17B
14. Đinh Nho Bình	17A	54. Đinh Xuân Dục	17B
15. Đinh Nho Đồng	17A	55. Đinh Nho Hoàng	17B
16. Đinh Nho Thắng	17A	56. Đinh Chí Đức	17B
17. Đinh Nho Tùng	18A	57. Đinh Nho Hạnh	17B
18. Đinh Nho Kiều	18A	58. Đinh Mạnh Đôn	17B
19. Đinh Nho Mỹ	18A	59. Đinh Nho Dũng	17B
20. Đinh Nho Trung	18A	60. Đinh Tú Anh	17B
21. Đinh Nho Diên	18A	61. Đinh Nho Thắng	17B
22. Đinh Nho Lạc	18A	62. Đinh Nho Sơn	17B
23. Đinh Nho Nguyên	18B	63. Đinh Nho Minh	18B
24. Đinh Mỹ Sơn	18A	64. Đinh Thị Hải Vân	18B
25. Đinh Dũng Tuấn	18A	65. Đinh Thị Hải Yến	18B
26. Đinh Chí Đức	18A	66. Đinh Tài Nhân	18B
27. Đinh Nho Lộc	18A	67. Đinh Thị Tâm	18B
28. Đinh Nho Nghĩa	18A	68. Đinh Nho Thắng	18B
29. Đinh Nho Hải	18A	69. Đinh Nho Hạnh	18B
30. Đinh Nho Thắng	18A	70. Đinh Thị Hồng	18B
31. Đinh Lương Hùng	18A	71. Đinh Nho Hoài	16B
32. Đinh Nho Hàng	18A	72. Đinh Nho Đệ	16B
33. Đinh Lê Anh	18A	73. Đinh Nho Sơn	16B
34. Đinh Nho Lê Anh	18A	74. Đinh Nho Chính	15B
35. Đinh Nho Hưng	18A	75. Đinh Nho Thân	15B
36. Đinh Nho Hưng	18A	76. Đinh Nho Quang	17B
37. Đinh Nho Thái	18A	77. Đinh Nho Thắng	17A
38. Đinh Nho Hảo	18A	78. Đinh Nho Công	17B
39. Đinh Nho Ngự	19A	79. Đinh Nho Ninh	17A
40. Đinh Nho Quân	19A	80. Đinh Nho Quỳ	18A

81. Đinh Thị Tuyết Nga	17B	82. Đinh Thị Vân	17B
83. Đinh Thị Bích Thu	17B	84. Đinh Thị Châu	17B
85. Đinh Thị Thanh Hà	17B	86. Đinh Nho Hoàng	19A
87. Đinh Thị Hà	19A	88. Đinh Thị Hồng Nhung	
89. Đinh Nho Nam	17B	90. Đinh Thị Khuyên	19A
91. Đinh Thị Hà	17B	92. Đinh Nho Thắng	17B
93. Đinh Nho Lương	18B	94. Đinh Thị Thủy	17B
95. Đinh Lê Minh	17B	96. Đinh Nho Minh	17B
97. Đinh Nho Hưởng	18B	98. Đinh Nho Thủy	18B
99. Đinh Hùng Việt	18B	100. Đinh Nho Khiêm	18A
101. Đinh Nho Quyết	18B	102. Đinh Thị Dung	18B
103. Đinh Xuân Dục	17B	104. Đinh Thị Hải Vân	18B
105. Đinh Thị Hải Yến	18B	106. Đinh Tài Nhân	18B
107. Đinh Thị Tâm	18B	108. Đinh Nho Thắng	18B
……	(chua thống kê được đầy đủ)		

CÁC VỊ ĐÃ ĐẢM TRÁCH CÁC CHỨC VỤ QUAN TRỌNG HOẶC CÓ PHẨM HÀM

(Phần trước 1930, phong kiến và chế độ cũ)

1. Đinh Phúc Diên (1) Tả hiệu công Tây hầu (Tiền Lê)
2. Đinh Hữu Luân (6) Huyện tá Đông Ngạn (Triều Lê)
3. Đinh Nho Công (7) Giám sát ngự sử Lê khoa công cấp sự trung - Thiêm đô đài ngự sử (triều Lê) - Kim Vĩnh Lộc Đại phu, lễ bộ tạ Thị Lang (triều Lê)
4. Đinh Nho Hoàn (8) Đốc Trấn Cao Bằng, Tham chính Sơn Tây - Thượng bảo tự khanh bồi thị (triều Lê) - Kim Vĩnh Lộc Đại phu, Lễ bộ Tại Thị Lang (Triều Lê)
5. Đinh Nho Côn (8b) Hương Nghĩa hầu - Đốc lĩnh binh (Triều Lê)
6. Đinh Nho Tể (16A) Hoàng tín đại phu thái bộc tự khanh văn lĩnh hầu (Triều Lê)
7. Đinh Nho Quý (11A) Đồng Tri hoan Trung hầu.
8. Đinh Thái Lãng (12A) Triều liệt đại phu hàn lam viện thị Giảng học sỹ
9. Đinh Nhật Thận (13B): Tri phủ triều Nguyễn

10. Đinh Nho Điển (14A) hình bộ sự vụ, Hồng lộ tự khanh - Trung thuận thuận đại phu, biện lý ấn triêu (Triều Nguyễn)

11. Đinh Nho Quang (14A) Tuần vũ hưu trí (Triều Nguyễn)

12. Đinh Nho Bằng (15A) Tri huyện Nam Đàn, Nghi Lộc, Giao Linh, Cẩm Xuyên, Yên Định, Vinh - chủ tịch mặt trận Liên việt xã.

13. Đinh Nho Võ (17A) Sếp ga xe lửa Phan Thiết, Mường Mán, Sài Gòn.

14. Đinh Nho Dao (17A) Quận trưởng (Mỹ Tho) thời Mỹ ngụy.

HUÂN CHƯƠNG ĐỘC LẬP

Đinh Nho Liêm

Đinh Nho Khoách

Đinh Mạnh Đôn

HUY HIỆU ĐẢNG

50 năm tuổi Đảng:	Đinh Nho Chiêm
	Đinh Nho Liêm
	Đinh Nho Khoách
	Đinh Nho Cơ
	Đinh Nho Cự
	Đinh Thị Liên
40 năm tuổi Đảng:	Đinh Nho Đang
	Nguyễn Thị Tuyết
	Đinh Nho Hưởng
	Đinh Nho Trương
	Đinh Nho Cừ
	Đinh Nho Dương
Huân chương quân công:	Đinh Nho Cơ
	Đinh Nho Dương
	Đinh Nho Chiêm

CÁC VỊ ĐÃ (HOẶC ĐƯƠNG) GIỮ CHỨC VỤ QUAN TRỌNG (SAU 1930, PHẦN CM)

1. Đinh Nho Đang (16A)

- Bí thư Huyện ủy Hương Sơn năm 1931
- Chính ủy trung đoàn 103
- Giám đốc trường Thiếu sinh quân KN
- Chính ủy thành đội Hải Phòng
- Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự Quân khu 3. Trung tá QĐ

2. Đinh Nho Liêm (16B)

- ủy viên Trung ương Dảng khóa 5 và 6.
- Đại sứ VN tại Ai Cập, Lào, Liên Xô (cũ)
- Thứ trưởng thứ nhất Bộ ngoại giao
- Trưởng đoàn VN, đàm phán giữa VN và TQ năm 1980

3. Đinh Nho Bát (16A) Đại tá - Chủ nhiệm Học viện chính trị.

4. Huỳnh Thị Niệm (vợ ông Bát): Phó chủ nhiệm UBBVBMTE Khánh Hòa, ủy viên thường vụ Hội LHPN tỉnh Phú Yên.

5. Đinh Nho Dật (16A): Ban công tác miền Tây văn phòng trung ương Đảng.

6. Đinh Nho Bảng (16B): Phó GĐ ngân hàng Ngoại hối

7. Đinh Thị Khương (17A): Tiến sĩ - Phó Tổng giám đốc công ty vải sợi may mặc - Phó vụ trưởng vụ kế hoạch Bộ nội thương

8. Đinh Nho Hồng (17A): Tiến sĩ - Đại tá - Tùy viên quân sự Đại sứ quán VN tại Nga, Bungari.

9. Đinh Nho Chiêm (17A): Đại tá, trưởng phòng tài vụ quân khu 4.

10. Đinh Nho Thìn (17A): Phó chủ tịch UBND thành phố Vinh - Giám đốc Xí nghiệp dày da xuất khẩu Nghệ An.

11. Đinh Xuân Bính (16B): Phó chủ tịch UBND huyện Hương Sơn sau CM T8

12. Đinh Nho Khoách (16B): Phó Bí thư huyện ủy lâm thời 1930 - 1931, phó bí thư huyện ủy Hương Sơn sau CMT8.

13. Đinh Xuân Tùng (16A): Đại tá, Cục phản gián Bộ nội vụ

14. Đinh Nho Khôi (15B): Tổng biên tập báo thủ đô (Hà Nội mới)

15. Đinh Nho Hoài (16B): Phó giám đốc Sở Điện lực Bắc Giang.

16. Đinh Nho Mận (16B): Giám đốc xí nghiệp 26/3

17. Đinh Nho Viện (17A): Giám đốc xí nghiệp 26/3/

18. Đinh Nho Hãn (17B): Giám đốc công ty Tàu cuốc

19. Đinh Nho Đệ (16B): Phó giám đốc công ty thủy lợi Quảng Ninh

20. Lê Thị Mươi (16A vợ Đinh Tuấn Lợi): PHó giám đốc Nhà máy 8/3

21. Đinh Nho Chương (17A): Tiến sĩ - Chủ nhiệm khoa toán ĐHSP Hà Nội

22. Đinh Chí Đức (18A): Giám đốc công ty cấp thoát nước Bà Rịa - Vũng Tàu

23. Đinh Nho Quyền (19A): Phó giám đốc công ty công trình đô thị quận 7.

24. Đinh Nho Hải (17A): Tiến sĩ - Phó giám đốc nhà máy điện nguyên tử ở Australia.

25. Đinh Xuân Viện (17B): Đại tá chánh văn phòng quân khu 7

26. Đinh Nho Bình (17A): Kỹ sư - P. giám đốc xưởng cơ khí ở Australia

27. Đinh Quốc Việt (17A): Tiến sĩ y khoa - chủ nhiệm khoa ngoại BV chợ Rẫy.

28. Đinh Thị X Yến (17A): Giám đốc sở xây dựng TP. Hồ Chí Minh

29. Đinh Xuân Việt (17B): TV tỉnh ủy - Bí thư thị ủy Hà Tĩnh - phó bí thư thường trực tỉnh ủy nhiệm kỳ 2010 - 2015.

30. Đinh Mạnh Đôn (17B): Hiệu trưởng trường Đảng tỉnh Hà Tĩnh

31. Đinh Nho Cơ (16A): Thiếu tá - tiểu đoàn trưởng, trưởng ban tuyên huấn sư đoàn 346.

32. Đinh Nho Nghi (16B): Thiếu tá - trung tá đoàn trưởng huấn luyện.

33. Đinh Chí Đức (17B): Trưởng phòng Tài vụ công ty Lương thực Nam Định. Phó tổng giám đốc Tổng công ty lương thực.

34. Đinh Nho Tứ (16B): Thường vụ Liên hiệp CĐLĐ Hà Tĩnh

35. Đinh Nho Nghệ (17A): Trưởng phòng thuộc tổng cục thống kê

36. Quỳnh Dao (17B): Chủ bút Báo Đông Tây, đại biểu quốc hội khóa I.

37. Đinh Nho Vỵ (15B): Phó chủ tịch UB tỉnh Gia Lai năm 1946.

38. Đinh Nho Hàm (16A): Thẩm phán Tòa án liên tỉnh Quảng Đà trước 1954.

39. Đinh Nho Ninh (17A): Trưởng phòng cảnh sát giao thông công an Hà Tây.

CÁC VỊ CÓ TÁC PHẨM (SÁNG TÁC, DỊCH THUẬT) XUẤT BẢN

Đinh Nho Hoàn (8): Mặc ông Sứ tập

Đinh Nhật Thận (13B); Thu Dạ Lữ Hoài ngâm

Đinh Nho Chấn (15A): Trung Việt được tính hợp biên.

Đinh Xuân Lâm (Chi Sơn Tây): Hơn 350 công trình nghiên cứu được công bố.

Quỳnh Dao (Nho Diệm: 17B) "tiếng chuông chiều" "Tơ tráng", "Dưới cấu Giang Tô" và có tác phẩm trong tuyển tập Nhà văn Việt Nam thế kỷ 20.

Đinh Phạm Thái (17B): "Sóng loang xa" "Ngấm nước"

Đinh Xuân Vịnh (16B): "Sổ tay địa chí Việt Nam" và nhiều công trình nghiên cứu khái đăng trên các báo Trung ương.

Đinh Thanh Tinh (17B): Dịch giả các sách đã xuất bản: Trắc địa công trình, bình sai lưới trắc địa (Nga - Việt), đồng tác giả sai số trong đo đạc (Tiếng Việt), đồng tác giả của 4 tự điển: KHoa học trái đất (Anh - Việt), Từ điển trắc địa (Nga Việt), từ điển thương mại - Tài chính (Việt An), từ điển xây dựng (Việt An).

Đinh Nho Hồng (17A): Lá cờ và vầng trăng (thơ) v□ một số tác phẩm khác

Đinh Nho Tiêu (16B): Có thơ đăng trong tuyển tập "1000 năm thơ tứ tuyệt Việt Nam".

Đinh Nho Hoài (16B): Tác phẩm thơ (Nhà xuất bản dân tộc) đăng trong tạp chí điện lực Việt Nam, 1 số thơ đăng trong báo ngành.

Đinh Nho Liêm (16B): Một số bài viết nghiên cứu đăng báo nhân dân, Hà Nội mới, đại đoàn kết, Hà Tĩnh.

TỘC TRƯỞNG CÁC ĐỜI

Đời 8: Đinh Nho Trạch (1656 - 1711)

Đời 9: Đinh Nho Trực (1679 - 1757)

Đời 10: Đinh Nho Tể (1705 - 1765)

Đời 11: Đinh Nho Quý (1721 - 1788)

Đời 12: Đinh Nho Vượng (Thái Lãng) (1753 - 1809)

Đời 13: Đinh Nho Tự

Đời 14: Đinh Nho Siêu

Đời 15: Đinh Nho Tánh

Đời 16: Đinh Nho Hành (Hồ) (1885 - 1945)

Đời 17: Đinh Nho Liên (1905 - 1946)

Đời 18: Đinh Nho Quỳ (1937 -)

Đời 19: Đinh Hải Quân (1972 -)

Đời 20: Đinh Nho Hoài Nam (2008 -)

CHUYỆN NGÔ TIÊN SINH (TQ) VÀ NGÀI HỮU LUÂN

Ngài hữu Luân (đời thứ 6 - 1602 - 1676) lúc làm huyện tá Đông Ngạn (Thanh Hóa) nhân cứu một chiếc thuyền buôn của tàu bị trôi dạt. Ngài liền cấp tiền, gạo để về nước. Sau chừng 6, 7 tháng, người khách ấy đưa sang một thầy phong thủy gọi là Ngô Tịnh Tiên sinh nói rằng: "Cảm ơn tái tạo của ông, không dám đem vàng bạc tạ lòng trong trắng, chúng tôi đem vị tiên sinh này ở bản quốc, đã phát phúc cho nhiều nhà sang cốt để báo cái đức thiện của nhà ông, xin ông nhận lời".

Ngài nghe nói, mừng rỡ khôn xiết nhận lời, cáo bệnh từ chức rồi cùng Ngô Tiên sinh về quê.

Ngài thưa với Ngô Tiên sinh:

"Tiên gia này từ ái Châu vào đây đã gần trăm năm, đời đời độc đinh, trai gái muộn màng. Vả đời nào cũng chăm chỉ về sự học mà khoa giáp chưa bỏ công đèn sách muốn nhờ Tiên sinh định liệu thì may cho Tiện gia này lắm".

Tiên sinh trầm ngâm chốc lát rồi nói rằng: "Nhà ông tích thiện đã mấy đời nên các mộ tổ đều yên cả. Ta nay vì người khách, chẳng quản sông sâu biển cả lặn lội tới đây chỉ cót báo cái đức cho nhà ông. Xem sơn thủy ở huyện Hương Sơn này quyết không tiếc gì. Ngày nay, phúc nhà ông tới đâu, tức mắt ta có thể trông tới đấy nào là phú quý phiến diện, nào… thế xuất danh nho đã bày ra trước mắt, dám quyết làm cho ông được thôi, xin chớ lo gì".

Tiên sinh ở được vài tháng, điểm một Âm phần ở núi Trai Sơn (Thuộc xã Sơn Tiến ngày nay) Ngài bèn đưa hai thân hợp táng ở đó. Đây là địa cát "kế thế đăng khoa" mà có lần có kể muốn đặt trộm để hưởng phần đã bị con cháu họ ta kiên quyết phản đối, bảo vệ tốt mộ phần tổ tiên (xem bài nhà thờ họ Đinh và ..)

Tiên sinh lại lập một dương cơ ở xứ Nương cự thôn Gôi Mỹ (tức xóm 9 xã Sơn Hòa ngày nay, mà dặn rằng: Con cháu cứ chăm chỉ học hành thì đời đời đạt Dương cơ này, nguyên là của quan Đô đài họ Nguyễn, tên chữ là Văn Trọng, đỗ tiến sĩ khoa Nhâm Tuất (1502) hiệu Cảnh thống đời vua Hiến Tôn, làm quan đến đô đài ngự sử. Hai con cùng đỗ trường sinh nhưng về sau con cháu khinh khí đất đai, bỏ hoang hủy. Ngài bèn nói với hương trưởng đổi cho ruộng tốt rồi làm nhà

ở đó, tuy có bị một vài lần hỏa tai, nhưng Ngài vẫn cứ sửa sang lại để ở. Từ đó gia kế một dồi dào, trong làng ai cũng mến phục.

Bàn về dương cơ này, trong quyển địa lý của Vương Dư Dụ, người Nam Kim Nam Đàn - Nghệ An viết rằng: "Đây là thế Bàn Long Tả Cục" (Xem nhà thờ họ Đinh ở Gôi Mỹ).

Trong thời gian Ngô Tiên Sinh lưu lại đã truyền dạy các phép phong thủy cho Ngài, phàm các Kỳ Sơn, thủy thủ không chỗ nào mà không xem tới. Những mộ phần ở Ngọc Sơn (Sơn Long) Phúc đậu (Sơn Phúc) đều do Ngài làm cả.

Trong truyện kể truyền cho con cháu có nói đến ngôi mộ táng chung với mộ tổ đời thứ 2 của họ Nguyễn ở Sơn Bàng là lòi Chim Chim. Kể rằng đây là địa cát mà Ngô Tiên sinh nói: "Kế thế đăng khoa, đại đại bất tuyệt" Có thơ về Điểu lĩnh (là Chân Chim) như sau:

"Triều lương, điểu lĩnh phát ban xuân

Hòe quế hữu duyên nhiễm thử thần"

Hai ngôi mộ này đề là dòng đời thứ 2 (nhị thị tổ) của cả 2 họ. Phần đất nào là mộ của tổ nào (con cháu hai họ đều không rõ nên hàng năm tảo mộ đều thắp hương chung. Đến năm 1994, con cháu của hai họ mới xây lăng chung để cùng thờ phụng đề câu đối:

"Điều lĩnh chung linh địa

Ngân sơn tạo hóa thiên

Xét trong "Hương yên phổ tự" thì không thấy nói về ngôi mộ này, vậy ghi ra đây để con cháu tham khảo.

Lúc Ngài lâm chung, Ngài dặn con cháu rằng;

"Nhà ta đội ơn Ngô Tiên sinh không biết chừng nào, nhưng 2 nước xa nhau, ta chỉ nhớ được Tiên sinh họ Ngô. Tiên sinh hơn ta vài tuổi. Vậy ta lập một cái am nhỏ thờ ở bên nhà thờ ta để đến ngày kỵ ta tức là kỵ cả Ngô Tiên sinh, cho đến những tiết lễ như chính đán, thường tân, đoan ngộ hầu tỏ chút lòng thành của ta đó thôi, há đủ báo đáp ân đức Tiên sinh".

Trước kia bên tả từ đường có lập một cái am nhỏ để thường kính tế tiên sinh, đến sau tổ ta đã tứ thế rồi, theo lễ thiêu diêu thần chủ cho nên cái am cũng nhân đó mà bỏ đi luôn.

I. ĐẠI VƯƠNG PHỤ

Đinh Nho Công (1637 - 1695)

1. Ngài Đinh Nho Công chăm học, thông minh 14 tuổi đã đậu ưu tú trường (1650) nhưng do gia cảnh khó khăn Ngài phải bỏ học, ở nhà đi cày.

Một hôm, Ngài đang đi cày ỏ xứ Thác Lác, bỗng thấy một bà già chào và nói rằng: "Ngài sứ công làm gì việc ấy, mau mau trở về học hành sẽ hơn trăm ngàn sự cày cấy đó". Nói rồi, bà lão biến mất. Ngài lấy làm lạ, về cáo cùng thân phụ xin trở lại theo thầy tới kinh học tập, Ngài làm bạn với quan giám sinh họ Trần người Châu ái (Thanh Hóa) sớm hôm tập rèn kinh sử.

Tháng 3 năm Kỷ Dậu (1669) Ngài từ biệt Trần công về quê ứng thi. Đến ngày khảo hạch, Ngài đi đến núi Eo Trèo (địa phận làng Văn Giang - Sơn Thịnh ngày nay) bỗng lại thấy Trần công cầm tay mà nói: "Mừng ông sang năm đậu tiến sĩ, xin đừng quên cố nhân, lập cho tôi một cái am hương hỏa vạn đại, tôi sẽ vì ông mà giúp đỡ chốn trường ốc".

Ngài nói: Tôi dám quên ơn cố nhân, nhưng khi thành đạt, làm sao gặp được lại Ngài để được hàn huyên, chỉ bảo, Trần công nói: “Phận duyên tôi mỏng, chỉ như áng mây bạc ngàn bay. Ngài lập am cho tôi ở chỗ có áng mây bạc này đóng là tôi đã mãn nguyện lắm rồi”. Nói xong biến mất. Bây giờ Ngài lấy làm lạ, bồi hồi trong dạ, phải chăng Trần công đã mệnh một lúc Ngài về quê chăng? Ôi, lời vàng đá, nghĩa thủy chung, lẽ nào quên được!

Khi Ngài khảo hạch về, theo lời dặn Ngài thắp hương khấn Trần Công. Bỗng thấy trên trời có một đám mây bạc bay rồi đứng yên một chỗ. Ngài liền dựng một cái am thờ Trần Công ở đó. Đó chính là Cồn Trúc ở làng Thịnh Xá (tức đền Thịnh Xá ngày nay) Cồn Trúc hiện nay vẫn còn lại cồn, nhưng cây trúc thì không còn nữa.

Tương truyền đền Thịnh Xá rất thiêng, trong vùng đã truyền tụng: Ai đi qua cổng đền mà không cất mũ nón về nhà thế nào cũng ốm, phải lên đền lệ tạ mới khỏi. Cố Bợ một nhân vật huyền thoại trong dân gian Nghệ Tĩnh, giỏi bơi lội nhưng khi đi từ Đức Thọ về Hương Sơn đoạn qua đền phải lặn ngụp chỗ sông

Choi không dám ngửng cao đầu. Con cháu hàng năm, đến khoa thi, đến am cầu nguyện thường được linh ứng.

Đến triều Cảnh Hưng nhà Lê, Ngài Trần Công được phong Đại vương. Đền thờ có đôi câu đối của Ngài Nho Công ghi:

Thần bút hà niên hoàng bảng trợ

Linh từ chung cổ Bạch vân lưu

Thanh Hóa khoa danh tiêu thần kế

Bạch vân do thị mộng trung sinh

2. Sau khi đậu tiến sĩ, Ngài được nhà vua giao cho các chức: Giám sát Ngự sử lê khoa công, khoa cấp sự trung. Đốc thị bản hạt, cánh sứ, sau thăng Ngự Sử Đài Thiêm Đô.

Ngài có tính liêm năng, được nhà vua triệu vào bệ kiến, ban cho một đồng tiền vàng để khuyến khích. Thị sát thanh tra các xứ Kinh Bắc, Sơn Tây. Từng làm quan giám khảo sỹ nhân, được phong chức "khoa thượng khảo".

Trong lần đi chánh sứ bản hạt ở Châu Hoan, Ngài tra xét ngục tù thấy Viên thủ bộ nguyên người họ Phan bị tù chung thân, xét thấy án sai, Ngài tha ngay.

Viên thủ bộ tạ ơn cứu sinh, đem vàng bạc, châu báu để tạ ơn nhưng Ngài không nhận một thứ gì. Sau này Ngài làm quan Thiêm đô, cho ông Thủ bộ theo hầu. Khi Ông bệnh nặng, trước khi lâm chung đã cầm tay con gái mà nói rằng: "Ta đội ơn quan Thiêm đô họ Đinh xét ngục tha cho, như là được sống lại, ơn ấy bể rộng trời cao chưa biết khi nào trả được, nghĩ con là thân gái, hãy giúp ta nên được việc gì". Nói xong liền tắt thở. Sau này người con gái ấy đã lấy lẽ (ẽ thất) quan Tả thị lang Nho Hoàn. Đó là bà Phan Thị Viên (xem sự tích Bà Tiết Nghĩa).

3. Tương truyền, lúc Ngài làm chánh sứ bản hạt ở Châu Hoan, có vị tướng họ Tống đánh giặc, bị thua và lâm nạn ở Sông Lam, địa phận huyện Nam Đàn - Nghệ An ngày nay. Có 2 mẹ con là vợ và con của vị tướng đó đã được bà cả và Ngài Nho công cưu mang, nhận về quê nuôi làm con nuôi. Sau này, người con trưởng thành là vị tổ của di duệ họ Tống ở Sơn Hòa. Trong gia phả họ Tống ở Sơn Hòa có ghi:

"Theo quê mẹ về nơi Gôi Mỹ

Làm con nuôi Đinh Thị Đại Vương"

II. ĐẠI VƯƠNG TỬ MẶC TRAI

Nho Hoàn (1671 - 1716)

1. Ất Mùi (Vĩnh Thịnh, năm thứ 11 (1815) (Thanh) Khang Hy thứ 54)

Mùa Xuân, tháng giêng sai sứ thần Nguyễn Công Cơ, Lê Anh Tuấn (người xã Thanh Mai). Đinh Nho Hoàn (người An ấp huyện Hương Sơn) Nguyễn Mận ích (người Kim Sơn huyện Gia Lâm) sang Thanh.

(Trích từ Đại Việt sử ký toàn thư)

1. Chú: Tháng giêng, mùa xuân sai sứ thần sang nhà Thanh.

Chánh sứ: Hộ bộ tả Thị Lang Nguyễn Công Cơ và Thái bộc Tự khanh Lê Anh Tuấn.

Phó sứ: Thượng bảo Tự khanh Đinh Nho Hoàn và Lại khoa cấp sự trung Nguyễn Mậu ánh sang nhà Thanh dâng lễ tế cống. Đến năm sau, bọn Công Cơ trở về nước phụng chỉ dụ của vua Thanh nói: Phẩm vạt túc công, lư hương và bình hoa bằng vàng, chậu bằng bạc từ sau được theo số lượng đã định mà thay thế thành vàng đỉnh, bạc đỉnh rồi giao cho quan chức tỉnh Quảng Tây thu nhận, lưu trữ. Còn ngà voi tê giác đều được miễn, người tùy hành cũng liệu lượng, giảm bớt.

(Trích: Việt Nam thông gián cương mục chính biên tập XVI)

2. Ngài là con thứ 3 của bà cả họ Đặng Chính Thất Ngài Nho Công, sớm thông minh, kiến văn rộng rãi.

14 tuổi đậu tứ trường (1684) - 23 tuổi đạt giải nguyên (1693) - 24 tuổi đình đối văn sách ưu, sung vào toàn nội diên (1694), đến 1700, thi hội đậu đệ nhị giáp tiến sĩ lúc Ngài 30 tuổi.

Lúc bái yến phụng ban một bài thơ quốc âm đường luật, thọ chức Hàn lâm biện học sĩ.

Tháng 8 năm Nhâm Ngọ (1702) làm tham chánh Sơn Tây.

Tháng 7 Giáp Thân (1704) Đốc trấn Cao Bằng ở vị trí này Ngài lo về sự hưng lợi, trừ hại, giảm thuế má cho bọn khách Thanh ở các tỉnh Giang Tây, Giang Nam, Quảng Đông, Quảng Tây, Phúc Kiến, Hồ Quảng, Triều Châu sang ta buôn bán.

Bọn họ đã làm bia để kỷ niệm công đức Ngài, đặt trước tòa Hội quán gọi là "Đức Chính bi".

Xem bài dịch ở phần VI (phụ lục) nêu lên 3 công đức lớn của Ngài:

- Sửa đường, phá ghềnh đá trên sông để đi lại dễ dàng
- Bớt phiền hà khi khám xét.
- Giảm thuế.

3. Khi làm Đốc trấn đưa hoạn bỗng về lo việc thân cố, đặt tự điền kính tế từ đường, có bia ký rõ ràng (xem bài dịch ở phần V)

4. Năm Vĩnh Thịnh thứ 8 (1712) làm khánh Mặc Trai, đề từ như sau:

"Phàm vật tĩnh giả tịch, khấu giả thanh, thanh chi phát các dị khánh chi thanh, thanh nhi tiết, đạm nhi tuấn hữu tự phù ngô nhân chi gĩa. Dư cố ái chi, hóa nhất phiến, huyền tu am tả, mệnh chi viết: Mặc Trai khánh dĩ trường dư chí.

Thời Hoàng triều Vĩnh Thịnh vạn vạn niên chi bát Nhâm Thìn trọng thu cốc nhật.

Tứ Canh Thìn khoa đệ nhị Giáp tiến sĩ xuất thân Hoàng tín Đại phu Thượng bảo tự khanh Hoan Hương Mặc Trai Đinh Nho Hoàn tự Tồn Phác cẩn tu.

Khánh hiện còn lưu giữ ở đền Gôi Mỹ Hương Sơn (xem bài dịch mục VI).

5. Năm Vĩnh Thịnh thứ 10 (1715) vua hạ chỉ sang sứ Tàu, phong ban 2 bài ngự thi quốc âm. Bái thị tượng họa, rồi về quê lo việc tư trang, lập con út của anh cả (Già tiên nhân) là Nho Hoành làm tự tử (con nuôi kế tự), dựng một cái am rồi cúng cho làng 15 mẫu ruộng, 100 quan tiền để tứ quý kính tế. Ngài lập văn bia để răn dạy cho cháu toàn văn như sau:

Mặc tử tôn
Tu trung hiếu, phác hậu
Thanh kiệm lạc bần
Tiến vi nghĩa sĩ
Thoái vị lương nông
Vật kiêu dâm
Vật phạm thượng
Vật tranh tụng
Vật đổ bác

Phương khả cận tư am

6. Trên đường đi sứ, Ngài làm thơ ngâm vịnh, tập hợp hơn 130 bài trong tập "mặc ông sứ tập" sách dày 57 trang bằng chữ Hán, hiện lưu giữ tại thư viện Hán nôm, ký hiệu A1409. Đánh giá về tập thơ, nhà nghiên cứu Chương Thâu có viết "Đây là một tập thơ vắn có nhiều bài rất hay" (Phần tập hợp và đề từ là do con rễ Ngài: Nguyễn Trọng Thường làm)

Nội dung Thơ vịnh phong cảnh khi đi sứ cảm tác, nhớ vua, nhớ nước, nhớ cha mẹ, nhớ vợ con. Các bài họa, đáp, tiến tặng bạn bè… có cả bài về đặt ruộng thơ cúng. Bài khắc trên khánh đá ở chùa Thượng Bảo, bài răn dạy con cháu…

(Trích thư ông Chương Thâu gửi ông Đinh Nho Liêm ngày 10/3/2000 về ý định viết: "Danh nhân lịch sử Đinh Nho Hoàn). Toàn bộ tập thơ "Mặc trai sứ tập" đã được con cháu cư trú ở Hà Nội đóng góp và nhờ Ban liệc lạc (chủ trì là ông Đinh Dũng, con ông Đinh Nho Liêm, Đinh Nho Bàng, Đinh Phạm Thái…) nhờ người phiên âm, dịch thành thơ và xuất bản năm 2009, con cháu hiện nay ở quê đều được biếu tặng mỗi gia đình 1 cuốn xem như ngọc phả.

7. Đây chỉ là tương truyền, dị bản: Câu chuyện đi sứ, khi sang đến Tàu, vua Tàu đòi các sứ thần vào bái yết, nhưng cửa điện đóng chặt, trước cửa của viết chữ: Đông… thật lớn".

Ngài đoán là ngày 18 (…) mới khai (theo lối viết chiết tự từ chữ đông). Quả thật đúng, Ngài có tài ứng đối, lúc nào cũng trôi chảy vững vàng.

8. Trên đường công cán, do thời tiết khắc nghiệt Ngài lâm bệnh và mất vào ngày 27 tháng 12 âm lịch.

Vua tàu thương tiếc, viết ngự văn tế (xem bài họ Đinh ở Hương Sơn)

9. Văn tế của Triều đình Trung Quốc.

Khang Hy ngũ thập ngũ niên, thập nhị nguyệt, nhị thập thất thập.

Hoàng đế khiển Lệ Bộ viên ngoại lang gia nhất cấp Cam lại dụ tế An Nam quốc tiến công bồi thần Đinh Nho Hoàn chi linh viết:

Chức Cống lai đình, hiệu Thân chi đại nghĩa.

Suy ân tuất tử thị hoài viễn chủ thâm nhân. Nhị phụng nhị quốc Vương chi mạch

Bạt thiệp viễn lai

Chiêm bái Động đình

Quyết sự phụ thoan

Hạp yên trường thệ

Trẫm dụng mận yên

Đặc ban tế điển

Dị ủy u minh

Ô hô!

Sơn Xuyên du viễn, vu dịch trì khu

Tận tụy vận thân, hồn quy cố thổ

Nhị linh bất dẫn

Kỳ khâm thừa chi

10. Văn tế của triều đình vua Lê:

Vĩnh Thịnh thập nhị niên, thập nguyệt nhật Hoàng đế đặc khiển Kim tử Vinh Lộc Đại phu Thượng bảo Tự Khanh Tạ Đăng Huân tứ tế vu Thượng bảo Tự Khanh Đinh Nho Hoàn chi linh cửu viết:

Phỉ cung cầu tế, thần tử đôn vi quốc chi truy

Khảo điện thị ai, triều đình hữu báo ân chi nghĩa

Duy công

Hệ xuất thế gia, danh cao giáp đệ

Ngu đình túc mục tán tương trợ xiển ư đế mô

Chu đạo uy trị mậu miễn các cầu ư Vương sự

Phương trướng

Du vãng hữu công, hoàng tuất hoài quy y giới

Đoạn vọng nhất trình tái sậu, hoàng hoa chi tinh giá ngôn hoàn. Khỉ kỳ vi khuyết tài lâm ủng tuyết chi sứ mao độc trụy. Phó hội chi âm tín cự vãn, ai mận chi tình hạt dị.

Điệu lễ liêu trần

Sảng linh dụng ủy

Công kỳ hưởng chi

(Tạ Đặng Huân: Hoàng giáp đồng khoa, người xã Đại bằng, huyện Đan Phương, tỉnh Hà Tây)

B. Các bản dịch: Đức chính bi

Bia của Hoa thương chép công đức cụ Đốc Trấn cao Bằng Đinh Nho Hoàn

"Xưa nay xưng tụng công đức của các quan lớn thường để đến khi đã ly nhậm rồi, hoặc làm đền, làm bia thì lòng cảm mộ có đến các hàng năm cũng chưa có gì làm muộn.

Nay quan Đốc trấn mới tới Cao Bằng 5 tháng mà người khách chúng tôi đã ca tụng, ấy là vì Ngài có lòng trung chính khoan bình khiến chúng tôi cảm mộ.

Thế không đợi đến hàng năm được, vậy nên chúng tôi lập một cái bia ở trước hội quán mà chép công đức như sau này:

Ngài là người tỉnh Nghệ An, đời đời văn chương, đời đời tiến sĩ. Ngài đậu đệ nhị Giáp tiến sĩ, làm quan trong ngoài lại có tài quả quyết gần được coi khuyên. Quân dân đều được đội ơn. Khách thương chúng tôi vẫn không được biết, chúng tôi chỉ biết tiếng hát đầy đường, tiến ca đầy chợ mà thôi.

Về phần chúng tôi đội ơn thì những việc sau này:

Khi xưa con sông ở Giang Tây hiểm trở lắm, giữa sông có những tre mọc, đá dô, ghe thuyền tới gần chỗ ấy vẫn cũng biết tránh, nhưng gặp lúc nước lớn, chảy mạnh tránh không kịp, thuyền liền bị đắm, của cái chìm hết thường năm tổn hại không biết bao nhiêu và kể.

Khi Ngài tới, cưỡi ngựa ra xem, thuê thợ đục đổ những đá nổi và phát dọn những tre mọc giữa lòng sông. Mấy lâu nay ghe thuyền thới đó đã không phải tránh mà cũng không bị chìm. Bà con chúng tôi đi tới đó trỏ lòng sông mà nói với nhau rằng: "Đó là nhờ sức của Ngài cả" ấy là một sự công đức.

Khi xưa, thuyền khách của chúng tôi tới, thì quan trấn xét hỏi đánh thuế quá nghiêm ngặt, khiến chúng tôi phải dừng chân, nay thì những tệ ấy đã trừ hết. Xưa hàng chúng tôi đến, nha lại không chịu khám vật hàng để lâu bị hỏng. Nay thời thuyền đến khám liền, vóc lụa đóng dấu không để chậm trễ. Thuyền khách về thì cấp vé ngay những người coi chợ cũng không dám sách nhiễu.

Đó là hai điều công đức.

Cửa sông Mục thành nước chảy đông giá thường cuối mùa đông hay mùa xuân, nước rút, khó đi, có khi phải theo lạch giá mà đi đến 12 ngày mới tới chợ không bị đá thì lại cạn.

Còn cuối mùa hạ, mùa thu, nước to chảy mạnh lại khổ sở hơn, không đứt neo thì gãy sào, thiệt là nguy hiểm, chậm trễ. Tuy vậy, mà thuế thì không giảm, vì ngạch định đã lâu không thượng đến. Duy chỉ có Ngài thường đến khách buôn vì sự mạo hiểm mà giảm thuế cho chúng tôi đã cảm ơn sâu của Ngài. Ngài lại đóng dấu phế bằng giao cho chúng tôi, để về sau những người thu thuế không được nhiễu hại nữa, nay mới thấy đức chức công bằng, ấy là sự công đức.

Chúng tôi thấy lòng Ngài sáng như gương, sạch như vẽ. Xưa nay các quan thương dân cũng có, nhưng chưa có ai thương đến khách buôn như Ngài.

Xưa kia ông Dương thúc tử áo mũ khoan thai, trăm dân cảm đức, núi Nghiễn Sơn lưu một bia cao.

Nay Ngài cũng là ông Thúc Tử, mà ngúi Nghiễn Sơn là Hội quán này.

Trung thành Ngài, loài vật còn cảm động

Đức chính Ngài, cây cỏ còn xanh tươi

Kính chúc Ngài quan cao, chức trọng

Khách chúng tôi trông tưởng biết chừng nào!

7. Bia của Ngài Đinh Nho Hoàn cúng ruộng tế Từ đường.

(*Bản dịch của Cụ Bố Cự bố vợ của ông Đinh Nho Dật 16A)*

"Tiện nhân Mặc ông này, nhiều đời chăm việc nông, cũng nhiều đời chăm việc học, thường chỉ bo bo giữ thói nhà quê mà không hay làm văn giữ được lòng chất phác của Trời đất vẫn dư lâu ngày. Thân phụ tôi, giữ nhà có phép, đậu Tiến sỹ khoa Canh Tuất khi 34 tuổi. Làm quan đến quan Ngự sử. Đến năm ất Hợi là năm 59 tuổi thì Ngài quy tiên. Trong Châu quận ai cũng khen là trong thẳng. Khi Ngài sắp mất, thay chiếu rồi, dặn con cháu không có điều gì lạ, chỉ bảo một lời: Phải trung hiếu mà thôi.

Lọt lòng 12 người con, tôi là con thứ khi tôi 30 tuổi là khoa Canh Thìn thi Hội đậu đệ nhị Giáp Tiến sĩ. Đến tháng 8 năm Nhâm Ngọ được bổ làm Tham chính ở tỉnh Sơn Tây, đến tháng 7 năm Giáp Thân được bổ làm đốc trấn tỉnh Cao

Bằng. Tỉnh ấy giáp với nước Tàu, khí hậu lạnh lẽo, trông về quê như một hạt lúa, đường xa hơn ba ngàn dặm, đoái trông non cũng mây bạc xa xăm, hiu hắt gió thu, tin nhà vắng vẻ.

Ngồi nghĩ lại, cha con chúng tôi trả xong nợ đèn sách cũng nhờ tổ tiên đời đời không làm điều dữ nên chi chồi mậm lành dần dần mọc lên, chứ không phải sức của một người mà hay như thế. Tôi bèn hẹn với anh tôi cúng cho họ một ngàn thước ruộng, Lại cúng cho làng năm nghìn thước đất để hàng năm cúng tế một lần. Tuy một nắm xôi thơm chưa chắc Tiên nhân đã hưởng, nhưng một tấm lòng thành in khắc nghìn thu, may thỏa Tiên Phụ tôi ở dưới suối vàng. Vậy tôi bèn khắc vào đá từ năm Vĩnh Thịnh thứ tư này.

8. Bài Minh khắc trên Khánh đá ở Đền Gôi.

Phàm vật để yên thì lặng, gõ vào thì kêu. Nhưng âm thanh phát ra mỗi vật mỗi khác. Âm thanh của khánh trong trẻo mà có tiết tấu, nhạt nhẹ mà cao vang, tựa như có cái cao thượng của con người. Ta vì vậy mà yêu thích âm thanh của khánh, bèn xuất tiền, làm một chiếc, treo ở phía bên trái am, đặt tên là khánh Mặc Trai để tăng thêm ý chí của ta.

Bây giờ là đời Hoàng triều ngày tốt tháng trọng thu (tức tháng 8) năm Nhâm Thìn (1712) niên hiệu Vĩnh Thịnh muôn muôn năm, năm thứ 8.

Người được Vua ban Đệ nhị giáp tiến sĩ xuất thân khoa Canh Thìn, quê huyện Hương Sơn - Châu Hoan là Đinh Nho Hoàn, tự Tồn Phác kính cẩn soạn.

(Bản dịch của Ngô Đức Thọ, Viện Hán Nôm thuộc ủy ban khoa học XH)

9. Lời bia răn con cháu khi lập am, trước khi đi sứ Trung Quốc.

Bài dịch 1: Của ông Ngô Đức Thọ, chuyên viên Viện Hán nôm UB KHXH.

"hễ con cháu Mặc ông thì phải
Trung hiếu, thật thà, trong sạch, cần kiệm, lạc bần
Tiến lên làm kẻ nghĩa sĩ lui về làm kẻ lương nông
Chớ kiêu dâm, chớ phạm thượng, chớ tranh kiệm, chớ bạc cờ
Như thế mới gần được Am nhà ta"

Bài dịch 2: Của ông Đinh Nho Thanh đời 16, diễn ca

Đã là con cháu Mặc Ông

Thật thà, trung hiếu, sạch trong, kiệm cần
Gặp khi gia cảnh túng bần
Vẫn vui mà quyết lập thân sau này
Tiến được quyền chức trong tay.
Lấy nhân làm gốc, lòng đầy nghĩa nhân
Lui về cày ruộng với dân
Giữ mình lương thiện, chữ nhân làm đầu
Dâm loàn phải biết tránh mau
Với trên phải biết kính cầu phân minh
Không được kiện cáo linh tinh
Rượu chè, cờ bạc giữ mình tránh xa
Nếu không giữ được đạo nhà
Thì không được đến Am ta viếng thờ

10. Ngự văn vua Khang Hy viếng (Bản dịch của Viện Hán nôm thuộc UBKHXH)

Ôi! người Nam Giao ta ơi!
Người sao chẳng sống
Sống nên khoa mục
Sống ấy là vinh
Ôi! Người Nam Giao ta ơi!
Người ai chẳng chết
Chết vì việc nước
Chết ấy như sống
Trẫm tế Ngươi ba tuần rượu
Ngươi có thiêng thì về hưởng

11. Văn tế của Triều đình nhà Thanh.

(Bản dịch của viện Hán Nôm thuộc UBKHXH)

Ngày 27 tháng 12 năm Khang Hy thứ 35, Hoàng đế sai Viên ngoại lang Bỗ lễ, gia một cấp tên là Cam Lai, dụ tế trong khi phó sứ dâng lễ cống nước An Nam là Đinh Nho Hoàn rằng:

Đi sứ đến triều đình ta để tỏ việc đại nghĩa trung thành thân thiện. Vua, thương người quá cố đó là lòng nhân sâu quan tâm tới nơi xa. Ông phụng mệnh quốc vương Nam Việt. Từ phương xa vượt biển trèo non.

Hồ động đình bái tạ ngắm trời
Công việc ấy vừa xong xuôi
Sao ông đã rời cõi thế
Trẫm nay vô cùng tiếc thương
Ta đắc ban cho ông lễ phúng
Để thỏa lòng ở cõi u minh
Than ôi!
Núi sông xa cách, duổi rong nơi trạm dịch hoang vu
Tận trung mà hy sinh tính mệnh, hồn về đất cũ
Ông linh thiêng hãy còn quanh quất
Xin kính cẩn nhận lễ tế này

12. Văn tế của triều đình Nhà Lê

(Bản dịch của Viện Hán nôm thuộc UBKHXH). Ngày 10 tháng 10 năm Vĩnh Thịnh thứ 12 Hoàng đế đặc biệt sai Kim Tử Vinh Lộc Đại Phu, Thượng Bảo Tự Khanh là Tạ Đăng Huân kính tế linh cửu Thượng Bảo Tự Khanh Đinh Nho Hoàn rằng:

Kẻ làm tôi không cậy mình, thần tử dốc lòng trung với nước non
Xét điển lễ tỏ lòng với triều đình đã có đền ân báo nghĩa
Nhớ ông thay!
Dòng dõi thế gian, danh cao khoa giáp
Sân nhà Ngu nghiêm kính giúp mở mưu mô lớn cho vua
Đường nhà Chu rong tuổi, nghĩ phải gắng chăm lo việc nước
Đường đi xa để tỏ công lao, sao nghĩ đến chuyến về ngày tận thế
Trông đường hành trình gấp rút, cờ xe sứ thần sầm sập trở về
Ngờ đâu về đến cửa khuyết, cờ tuyết vua sứ giả lẻ lo rọi xuống
Ta cáo phó mới nghe, tình thương sao dễ vậy
Nay bày lễ tế cho thỏa vong linh
Ông hãy về hưởng lễ

II. Bà tiết phụ.

Bà Tiết phụ là vợ thứ 2 quan tả thị lang họ Đinh. Bà là người Do lễ, phủ Hưng Nguyên tỉnh Nghệ An.

Khi xưa, đời Cảnh Trị nhà Lê thân phụ quan Tả thị Lang khâm mạng vua làm giám sát Ngự sử ở bản trấn (Châu Hoan)

Năm ấy bị trời đại hạn, vâng chiếu chỉ vua đi dốc thị bản hạt chánh sứ, tra xét ngục tù xem có ai oan uổng không.

Khi ấy, trong lao có một ông Thủ bộ họ Phan bị giam đã lâu, các quan tỉnh cho là hạng tù không thể tha được. Ngài xét biết là bị oan liền ra lệnh tha. Sau Ngài làm quan Thiêm đô lại đem ông ấy vào hầu trong nha môn. Được mấy năm, vợ ông Thủ bộ sinh được một con gái.

Lúc đứa con gái ấy lên 3 tuổi thì ông ta bị bệnh nặng gần chết, nắm tay con mà than thở rằng: "Ta đội ơn quan Thiêm đô họ Đinh xét ngục tha cho, như là được sống lại. Ơn ấy bể rộng trời cao chưa biết khi nào trả được, nghĩ con là thân con gái, giúp ta nên được viết gì?" . Nói xong liền tắt thở.

Đến sau bà mẹ người con gái ấy, nhân lúc loạn ly dắt con ra Thăng Long trú tại chợ Đồng Xuân bên cửa Nam khi ấy người con gái ấy đã 15 tuổi. Dung mạo nết na, ai cũng khen ngợi. Các thân sĩ dòng dõi ở kinh thành thư đi tin lại không biết bao nhiêu lần nhưng bà mẹ chưa chịu gả cho ai cả.

Chẳng như là có duyên trời xui khiến lúc ấy con thứ 3 quan Thiêm đô đã nối được nghiệp nhà. Ngài đỗ đệ nhị giáp tiến sĩ khoa Canh Thìn niên hiệu Chính Hòa, làm quan ở Bộ, ai ai cũng biết tiếng.

Có một hôm nhân lúc rãnh việc, Ngài đi dạo mát ở phố cửa Nam, thấy có một nhà hàng sạch sẽ liền bước vào nghỉ chân. Khi đầu, Ngài chưa biết cửa hàng của ai, thấy một bà già ra tiếp khách. Bà già thấy Ngài sửng sốt hỏi các lính hầu là quan gì, hương quán ở đâu? Lính đáp thiệt lại. Bà ta nghe rồi kinh ngạc và mừng lắm, hỏi lại lính hầu rằng:

Ngài có phải là con quan Thiêm đô đó chăng? Lính đáp phải

Bà nghĩ "Quan Thiêm đô đã cứu sống chồng tôi. Chồng tôi chưa biết lấy gì đền đáp mà đã mất rồi. Ăn mận trả đào, chính là lúc này vậy".

Nhân mời Ngài uống trà, bà ta rón rén thưa rằng:

"Mụ già này là vợ ông Thủ bộ bản trấn Ngài. Tiên nhân Ngài đã cứu cho chồng tôi ra khỏi chốn lao tù cũng như khỏi chết. Ơn ấy, chồng tôi chưa trả được mà đã chết đi. Chẳng dè ngày nay được thấy Ngài là con quan Thiêm đô, Tôi chỉ có một đứa con gái khi chồng tôi lâm chung đinh ninh về việc chưa trả được ơn, cầm tay nó mà than thở. Bây giờ nó đã khôn lớn, nếu Ngài thương đến thì tôi xin dâng hầu Ngài để trả ơn sâu cho thỏa lòng người quá cố". Nói xong, liền bảo người con gái ra chào.

Ông Thị Lang lúc đó ngồi nghĩ mãi sau mới nói rằng: "Xưa nay nhân duyên gặp gỡ là có tiền định. Ngày nay gặp được người tốt, cũng là ơn tiên nhân tôi để lại". Bèn cưới nàng làm vợ hầu. Khi về nhà chồng bà đã 16 tuổi, công dung ngôn hạnh, bốn đức đều tốt và thông chữ nghĩa, văn bài hay. Vợ cả Ngài là Lê phu nhân cũng khen là người hiền lành nết na.

Năm ất Mùi dời Vĩnh Thịnh nhà Lê, quan Tả thị lang vâng mệnh đi sứ Tàu xe ngựa xăm xăm lên đường hớn hở. Bà đưa Ngài đến trạm Lữ Khôi (còn gọi là Lã côi, Yên Viên - Ga Lâm ngày nay) mà nói rằng: "Thiếp nghe kẻ đại trượng phu không được làm quan tướng mà được làm quan sứ, lấy miệng lưỡi mà dẹp yên việc nước cũng là sự hay. Xin quân tử giữ lòng trung trinh cho được như các quan sứ thần lành đời trước, đứng lấy cớ vợ con mà quan hoài".

Bà lại làm 10 bài thơ tặng Ngài, nói rằng: "xin dâng thơ để Ngài đi đường được khuây khỏa" Mười bài thơ, nay chỉ lưu được 3 bài.

Bài 1:

Hành hành bất thị cố quan san
Kỷ hử u tình dục thoại nan
Vi thẩm hồi văn hà nhật ký
Khuyến quân vô cửu bắc thiên hàn

Dịch nghĩa: Bước chân ra thì non nước đều lạ. Muốn ngõ tình riêng cũng khó nói hết. Sẽ có ngày học tiếng "Chức cẩm hồi văn" dâng lên để Ngài về, khỏi ở lâu bên Tàu rất lạnh.

Bài 2:

Đậu mục Linh thần kỳ ngộ dị

Tô Khanh Phú bật hữu nhân nan

Nã ông vật dị thuyền quyên cố

Đai đắc trung lương nhị tự hoàn

Dịch nghĩa: Ông Đậu mục, ông Lưu thần gặp con gái tiên là việc dễ. Ông Tô Vũ, ông Phú Bật đi sứ giỏi việc khó hơn. Xin Ngài đừng vì có tôi là vợ trẻ mà quan hoài. Ngài hãy mang cho được hai chữ Lương Trung trở về thì hơn.

Bài 3:

Kim triều thành thị do Nam Quốc

Dị nhật ý quan thị Bắc Triều

Liệt Nhật, thu sương quân phận nội

Thiếp tương thùy vị trọng yêu kiều

Dịch nghĩa: Thành thị hôm nay là bầu trời nước Nam, áo mũ ngày khác đã là triều nước Tàu rồi. Phận sự Ngài đi sứ phải như mặt trời nóng, gió thu lạnh. Còn về phần thiếp trẻ trung thì cũng không mượn ai vẽ làm gì?

Khi Ngài lên đường, cởi áo hiện mặc trong mình tặng bà. Bà bùi ngùi đứng trông, xiết tình thương cảm. Khi về nhà, một đèn, một gối, ngủ không thành giấc, sớm mai chập tối buồn bã xiết bao. Thường xúc cảm nên thơ, kể những chuyện ở ngoài quan ải, xa xăm, chép không hay hết.

Có một ngày về thăm quê ngoại, bà mẹ muốn lưu bà ở lại. Bà nói rằng:

"Chồng con đang đi sứ đường xa khó nhọc, con xiết nỗi lo phiền lẽ đâu ở lại mà chơi được. Nội trong ngày hôm nay con xin được trở về cùng bà cả để một lòng kính thuận.

Chẳng may, khi việc sứ vừa xong, trên đường về nước, Ngài cảm bệnh mà mất ở Vũ Hán. Khi tin buồn về đến nhà, bà cười nói như không lấy gì làm buồn bã. Người ngoài ai cũng chê bai, lạ lùng. Đến lúc quan tài của Ngài Tả thị lang đưa về cửa ải và chuyển cửa đến quê nhà, bà ra lạy đón. Đêm về trong phòng bà lấy áo của chồng tặng bà lúc ra đi thắt cổ tự vẫn.

Bà cả phu nhân xiết bao đau đớn, đem văn cáo trước linh cửu quan Tả thị lang, sai người đưa thư và bạc sang cho bà Phan Mẫu.

Bà Lê phu nhân cũng làm một bài văn tế bà Phan Thị.

Được ít hôm, chọn ngày lành an táng quan Tả thị lang và phụ táng bà Phan Thị ở một bên. Lăng mộ Ngài và Bà ở lăng Sắn Trà (làng Đông Mỹ nay là xã Sơn Hòa). Lăng cây cỏ xanh tươi, cổ thụ nhiều, nhưng đến năm 1956 bị chặt phá thành bãi hoang. Đến năm 1976, con cháu đã đi hài Ngài lên núi áng phần, sau đó năm 1985 thì cải táng.

Lại nói, khi người nhà đưa thư sang nhà họ Phan ai nấy đều cũng đều than thở, chỉ có bà mẹ nói rằng: "Xưa nay đàn bà có đức trọng được tiết hạnh là ít, chẳng dè con ta lại hay như thế, chết như vậy thì cũng như sống, có oán thán gì! Tôi nhờ trả lời cáo với linh hồn con tôi nên theo quan Tả thị lang mà phụng thờ Ngài trên mây bạc, chớ vì cớ bà già này mà không siêu thoát được".

Việc bà tận tiết, quan tỉnh tâu lên, vua đời Lê ban khen, cho biển vàng đề 3 chữ "Tiết phụ môn" treo trước cửa và sai quan tỉnh lập biển, lập đền thờ bà.

Bà mất lúc 21 tuổi, tên húy là Viên.

2. Trích chính sự: Đại Việt sử ký toàn thơ tập 1 trang 103.

" Biểu dương người xã Do lễ, huyện Hưng Nguyên (Nghệ An) là vợ bé Đinh Nho Hoàn. Nho Hoàn đi sứ phương Bắc, chết dọc đường. Sau khi đưa về chôn cất Phan Thị thương nhớ tự thắt cổ chết. Việc này đến tai triều đình. Sai quan cấp cho ruộng thời tặng phong là ẽ Thân Nhân, lập đền và ban cho bảng vàng khắc 2 chữ "Tiết phụ" treo để biểu dương.

Tháng 10, mùa Đông Đinh Dậu năm thứ 13 (1717) (Nhà Thanh, năm Khang Hy thứ 56)(Việt sứ thông giam cương mục).

3. Văn tế quan Tả Thị Lang (của Bà Phan Thị Viên)

Ô hô!

Phu quân hà chi

Hà hữu vọng nhi vô quy

Hà tiết mao hề cự lạc

Hà kỳ vị hề sậu kỳ

Y!

Hướng giả khinh cừu phì mã

Kim yêu đan triệu tố nhi
Hướng giả tràng đình tặng cú
Kim yêu phỉ lộ ai từ
Liêu liêu nhạn tín
Vọng vọng thiên nhi
Hồn tiêu loan cánh
Trường đoạn la y
Y!
Sinh ư khoa, giáp
Danh thọ bảng bi
Tử ư quốc sự
Chí thù cách thi
Giả vinh giả ai
Hà Xá hà bi
Thiếp khỉ bất tri
Sự nan khấp chuyển
Vạn lệ hà tỳ
Thiếp khỉ bất tri
Trần gian nhất nhật
Minh phủ thiên kỳ
Y!
Uyên loan thất ngẩu
Nhi nữ tình si
Bạo vu trù bạn
Phiếm bách trù y
Túng giao thiên thọ
Bách dị vi kỳ
Chung thương bồ liễu
Đồ mai chung quỳ
Dự kỳ khế khoát
Hạt tự truy tùy

Vi tỵ dực điểu

Viên liên lý chi

Y!

Sinh nhi cân trất

Hạnh vô duy ly

Cửa nguyên hữu phụ

Hà bất tiến di

ỷ lư hữu mẫu

Hà bất tâm di

Cam tâm minh mục

Dị nhi dị nhi

Ô hô phu quân! Giám ty giám ty

Ô hô! Y hi.

Dịch nghĩa:

Hỡi ôi

Phu quân đi đâu

Đi sao mà không trở lại

Khiến thiếp âu sầu

Mao tiết nọ sao mà rụng vội

Kỳ vị kia sao đã cưỡi mau

Than ôi

Xưa kia lừng lẫy, cưỡi ngựa mắc cừu

Giờ sao thảm đạm, xe trắng cờ đào

Xưa kia tiễn biệt, thi cú tặng nhau

Giờ sao ca vãn, phỉ lộ thương đau

Tin nhạn trông mà vắng ngắt

Ven trời ngóng ở nơi nao

Xem gương loan mà mất vía

Thấy áo là mà ruột rầu

Hỡi ôi!

Sống nên khoa giáp
Bia bảng còn ghi
Chết vì việc nước
Thỏa chí cách thi
Tử sinh cũng vậy
Than thở làm chi
Thiếp sao chẳng biết
Chết không sống lại
Khóc có ích gì
Thiếp sao chẳng biết
Một ngày dương thế
Ngàn thuở âm ty
Hỡi ôi!
Chim uyên chim loan một chốc lạc đàn
Tình si nhi nữ ngán nỗi cô đơn
Gối chiếc lạnh lẽo cùng ai thở than
Chiếc bách lênh đênh giữa ai bàn hoàn
Dẫu trời cho thọ
Đến tuổi kỳ vi (100 tuổi - bách tuế)
Phận hèn bồ liễu
Uổng lấp chung quỳ
Sống mà cách trở
Thà thác theo đi
Làm chim liền cánh
Làm gỗ liền chi
Hỡi ôi!
Đỡ gối nâng khăn
Trước sau một tiết
Cha dưới suối vàng
Lòng chừng thỏa thiếp
Dầu mẹ có trông

Tưởng cùng ý hiệp

Nhắm mắt đành lòng

Thôi là hết kiếp

Hỡi ôi phu quân! xin soi lòng thiếp!

Ôi thương ôi!

Thư tạ bà Lê phu nhân

Thiết niệm thiếp

Thân thế phù bình

Phong tư bồ liễu

Hàn môn tiều tụy, cảm vãn quê tú giai nhân

Cù mộc huy oanh, cửu mộc hà chu nhã hóa

Hà hạnh thước sào đông Phúc Khánh

Thực đa chung vũ quảng bao dung

Tự tòng nhân bí sàng chinh thiếp dự quân

Tử cộng nhiễm hoài nhân chi mộng

Nhất đán tiết mao tuyết lạc, thiếp dự

Quân tử đồng canh phiến bách chi thi

Tự thỉ mỹ tha, các thành ngô chí

Ngã gia hương hỏa

Tu quân tử hề thi tảo tần

Đế sở y quan

Nguyện thiếp thân hề cung thị phụng

Tâm thậm tràng nhi phác thậm đoản

Cảm tích châu trầm

Tử chi nhật do sinh chi niên

Hạnh duy đan chiếu

Dịch:

Trộm nghĩ thiếp

Thân thế bọt bèo

Phong tư yếu ớt

Thói nhà hèn hạ, dám khoe phái tốt dịu dàng

Nấp bóng cây cao, nhờ được phu nhân dạy bảo

Chung chạ đã vịnh câu Sào Thước

Bao dung nhớ lại Khúc Chung từ

Từ phen vó ngựa bước lên đường, bà cùng thiếp vẫn một lòng mộng tưởng.

Đến lúc cờ mao bay rụng tuyết, thiếp cùng bà đành chiếc bách lênh đênh!

Vẫn thề nhau một kiếp thờ chồng

Nhưng vì nỗi đôi đường khác nẻo

Đốt hương khói ở nơi miếu tổ, bà phải còn chăm sóc việc cúng cơm sửa áo Xiêm chầu đức Ngọc Hoàng, thiếp không thác lấy ai hầu hạ.

Lòng tuy dài mà kiếp ngắn ngọc chìm nào dám tiếc đâu

Ngày đã chết như buổi đương còn, lòng đã dám xin soi tới.

Thư tạ mẹ là Phan Thị.

Bất năng tất hạ thừa hoan, tốt tiết sảnh ôn chi luyến

Vụ học đình tiền hý thái, cự tình ly biệt chi thư

Như hà như hà, tri tội tri tội

Như chất đàm uyển chuyển, tiếu thâm khuê cô

Vô đoạn hiệp mộng hủy xà, hà hành tịch đầu loan phụng

Trinh kỳ kỷ hỉ, thượng vô phụ mẫu duy ly

Xuân mộng vi viên, thúc nhi công gia bất tại

Thệ bất Lý thê, Trương phụ tự sài tục nữ gia lưu

Cẩu truyền tuyết tháo băng tâm, hạnh viết ngã gia hữu tử

Tư duy đồng huyệt

Nguyện thỉ mỵ tha

Huyết lệ hòa đô

Liêu đại quy minh chi cáo

Đan thần vị tử

Tràng mình vọng cực chi ân

(Sở hữu ngân can lượng phụng vi từ mẫu thọ)

Dịch:

Khi ấm lạnh cách xa dưới gối, việc thừa hoan con những đau lòng

Vẽ hoa lan chưa múa trước sân

Thư ly biệt từ đâu đem tới

Tội thì đã vậy, tình biết làm sao

Con sức vẫn đã yếu hèn, tình càng khuê cách

Mộng xà hủy, hổ sinh ra gái

Duyên loan hoàng, may được gặp người

Tình cờ chưa được bao lâu, may cũng khỏi tiếng chê đến mẹ

Giấc mộng còn đương chếch mác vì đâu việc nặng tới chồng

Mình con chẳng như ai, thề không học gái Trương, vợ Lý

Phận gái phải lo cho sạch, may người khen cháu giống con dòng

Rày xin một thác theo chồng, thề chẳng hai lòng trông nọ

Vài lời huyết lệ gửi về thay lời cáo quy minh

Một tấm lòng son chưa mất bởi nhớ ơn vọng cực

(Vậy có mấy lượng bạc xin gửi về mừng thọ mẹ)

IV. LỜI DẪN TẬP THU DẠ LỮ HOÀI NGÂM

Tác giả Khúc ngâm là Đinh Nhật Thận, người huyện Thanh Chương - Nghệ An. Ông sinh năm 1815 và mất 1866. Năm Minh Mệnh thứ 19 (1838) đậu tiến sĩ, được bổ nhiệm làm Tri phủ, bị can cửu nghi có dính dấp đến một vụ bê bối, bị triệu về kinh cứu xét.

Ông nổi tiếng thông minh, hay chữ, giỏi thơ văn. Tác phẩm Thu dạ lữ hoài ngâm được viết trong thời gian ông bị triệu về Huế, bày tỏ tâm sự, tình cảm đối với gia đình, quê hương trong cảnh bị cưu lưu nơi đất khách quê người. Toàn khúc ngâm được viết bằng chữ Hán theo thể song thất lục bát. Ông cũng diễn ra quốc âm cùng thể. Bố cục khúc ngâm có thể chia:

1. Cảnh gợi tình người lữ thú
2. Nhớ cảnh lúc ra đi và tâm sự phải sống một mình nơi quê người.

3. Hình dung cảnh sống đau buồn của vợ con ở nhà cùng với những lời trách móc thường tình, nhẹ nhàng.

4. Nghĩ đến cả bạn bè, mong con cháu ở nhà và hy vọng có ngày gặp lại tất cả hàn huyên. Khúc ngâm tuyệt nhiên không bộc lộ một nỗi oán vọng, một lời cầu xin nào mà chỉ giàn trãi nỗi "Sầu ly biệt chảy đầy hai mắt" bóng hương qua xa khuất dặm ngàn của ông một nỗi buồn da diết gây cho ta những bất bình với những thế lực đã tạo ra cảnh ngộ mà tác giả đang sống.

(không ghi tác giả bài viết)

Những chuyện kể về đền thờ cụ Hường

Đinh Nho Điển (xóm Thịnh Lộc, Sơn Thịnh)

Hồi còn nhỏ, cụ Điển thường hay đi tắm sông Phố vào buổi chiều. Sau khi đi tắm xong, cụ lên ngồi dưới cây đa cổ thụ trước ngôi miếu thờ thổ thần ở phía trên bãi tắm. Truyền truyết kể lại rằng: Sau mỗi lần tắm xong ngồi nghĩ dưới gốc đa cụ thường nói to lên với cây đa về sau này khi ta mất ta sẽ về sống ở đây. Đến lúc cụ đậu Tiến sĩ, vào làm Ngự sử ở kinh, do việc triều đình Huế dâng tỉnh Thừa Thiên cho Pháp, cụ ngăn không được uất ức lâm bệnh mà mất. Quan tài được chở từ kinh về làng, đến bãi sông Choi (ngang nơi cụ tắm lúc bé) thì bỗng dâng thuyền không đi được dù các tay chèo tìm mọi cách để đẩy thuyền. Không còn cách nào khác, buộc phải đưa di hài lên cạn và đặt tạm ở bên bãi, cạnh miếu thờ thổ thần. Sau đó đưa về Gôi an táng cụ. ít lâu sau, tự dưng một biểu chiều giông tố, mưa lớn, miếu thổ thần bị đổ. Cùng đêm đó Cụ bộ lão trong xóm (người hay ra cũng, chủ tế ở thổ thần) được một người báo mộng: "Nay miếu thờ ta phải di dời và xây chỗ khác cho ta vì nơi này đã có quan tiến sĩ ở". Nói xong biến mất, Cụ bô lão đó tỉnh giấc lấy làm lạ. Sáng mới kể cho dân làng nghe. Kết hai chuyện Cụ Hường lúc nhỏ tắm và hay ngồi ở miếu, lúc thuyền về đến bến không dời được, dân làng cho là 2 điều linh ứng để lập đền thờ cụ ở đúng chỗ miếu thổ thần.

Đó chính là vị trí đền thờ cụ Hường ở xóm Bại ngày nay. Từ khi có đền thờ, dân làng thờ phụng rất chu đáo và thường cầu xin hay được linh ứng. Hàng năm,

cứ đến ngày kỵ nhật cụ hay tết Nguyên Đán, đêm đêm dân thường thấy "Tinh lạc" từ phía đông bay về đền!

(Đinh Nho Quỳ sưu tầm và biên soạn)

V. ĐINH DOÃN TẾ (TỨC ĐINH NHO THỤC)

Đinh Doãn Tế người huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh. Trầm nghị, ít nói, thật là một người quân tử đích thực. Năm Mậu Thân (1908) vào Đồng Văn thư viên Nhật, vì hết tiền ăn học nên phải bỏ đi Xiêm, ngụ ở Thành Băng Cốc. ở Xiêm, ông định về nước vận động cử sự, nhưng vì đau chân chưa đi. Lúc đó là một mùa xuân năm Canh Tuất (1910) tôi và Phan Bá Ngọc, có mưu sự ở biên giới Nghệ Tĩnh, đi đường Xiêm trước qua thành Băng Cốc, ông gặp, xin cùng đi. Tôi thấy ông đau chân, chưa khỏi hẳn, ngăn cản lại mà không được, thế rồi cùng đi. Trèo núi, lội khe, ngủ rừng, uống suối, phấn đấu với lam chướng như thế hơn một tháng. Đất phủ xa quân bệnh ông phát lên mạnh. Lúc đó nhân việc chúng tôi làm hơi lộ, nên mọi người chia nhau trốn tránh. Ông cũng nhân thế bệnh nặng thêm gần chết, nhưng còn nuối tiếc không có gì khác là gọi tên tôi và tên ông Phan và nói "Giết giặc Pháp! Giết giặc Pháp" cứ như thế đến 5 và 6 ngày. Hôm ấy, ông Phan đến, ông rất mừng, tinh thần trở nên như thường, ngồi dậy nói chuyện với Phan độ 6 tiếng đồng hồ rồi bỗng nhiên chết. Lúc đó, ông mới 26 tuổi.

(Bài viết trong quyển "Việt Nam nghĩa liệt sĩ, soạn giả Đặng Đoàn Bằng, tu đính Phan Thị Hán. Tô Quang Phiệt dịch và chú tích nhà XBVH 1972)

Nhưng theo "Việt Nam Niên Biểu" thì tác giả là Phan Bội Châu viết bằng chữ Hán ở Trung Quốc và xuất bản trước năm 1920 ở Trung Quốc

2. Thơ điếu và liễn viếng

1. Sất vũ khu phong tráng thử hành
Quan sơn thiên lý cương nam chinh
Mã từ lập vị ta hà nhật
Kiếm hốt ly thao khái bán tình
Bệnh đáo trầm kha tồn nhiệt huyết
Nhân ư sinh tử kiến giao tình
Cửu long giang thượng trào thanh cấp

Nhất vọng mê ly tổng bất bình

Dịch:

Đuổi gió gào mưa mạnh bước đường
Quan Sơn nghìn dặm hướng Nam san
Yên vừa đóng ngựa đang chờ đợi
Võ rút gươm rồi phải dở dang
Bệnh đến mê trầm còn máu nóng
Người khi sống chết thấy giao bằng (1)
Tiếng triều kêu mạnh trên sông Khoóng
Trông cảnh mê ly lại bát bằng

(1) Tình giao thiệp giữa bằng hữu

Liễn Viếng

Bất năng tử hại bất năng sinh, triển chuyển bệnh tuy hồn quốc nạn cứu thống sử đáo quân vô đế thống

Dữ cân xuất thùy dữ câu nhập, tiêu điều vong hậu kiếp thiên hư hão giác, bi trường nhậm ngã tự do bi

Dịch

Chết không được, sống cũng lại không xong, bệnh hồn dằn vặt bấy lâu, nạn nước thù nhà, đau đớn anh ơi không kể xiết

Ra với nhau về biết cùng ai nhỉ, thân thế tiêu điều lắm nỗi chân trời góc bể, thương thầm tôi cũng biết sao đây?

VI- ĐINH NHO BỘC: TƯ LIỆU ẢNH, GHI CHÚ Ở PHÍA SAU

"Ông Đinh Nho Bộc người làng Gôi Mỹ - Hương Sơn - Hà Tĩnh, hoạt động cách mạng với ông Ngô Quảng, bị bắt đến 31/8/1924 tại Vinh, sau khi đã thoát nạn ở Phù xá phủ Hưng Nguyên - Nghệ An và bị mất 2 khẩu súng và 14 viên đạn do tên tri phủ Hưng Yên bắt được (do Phan Đình Đồng sưu tầm tại Ty công an Nghệ An ngày 25 tháng 6 năm 1962) sau đó cụ Bộc bị giam ở Côn Đảo. ở trong tù, Cụ vẫn giữ tròn khí tiết Cách mạng. Cụ có làm một bài thơ gửi về nhân chuyến thăm tù của bà vợ cụ. Bài thơ chỉ được phổ biến trong gia đình, trong đó bà Đinh Thị Sâm (con cố Nghi là em cùng cha khác mẹ với cụ Bộc còn thuộc

đến bây giờ trong đó có đôi chỗ không chính xác, xin được chép ra đây để làm tư liệu quý khi tham khảo về cụ Bộc). Bài thơ viết khoảng năm 1924.

Miền Đông Hải đang cơn sùi sụt
Gót anh hùng lắm lúc buồn cười
Bước vào cửa đóng theo cài
Vầng mây trông tổ, lưu đài ngổn ngang
Kìa xa huyện là trường Cao đẳng
Mở chín lầu bước thẳng thâm cung
Anh hùng mới biết anh hùng
Rày xem bốn bể nhất cùng một nơi
Mặt nhìn mặt càng thêm tươi
Kẻ hô vạn phúc, người thời thiên thu
Đền rút nguyệt bốn bề đổi chác
Trong vườn hoa mấy khúc tù tùng
Cửa kim tỏa mấy lần nghiêm ngặt
Đền văn minh một giọt sáng choang
Ngoài canh gác 2 hàng cơ vệ
Trong tôi hầu mấy kẻ thanh niên
Vẫn cơm ban áo phát tuy bốn bể
Vẫn ơn vua nợ nước để hai vai
Mặt nhìn mặt trần ai, ai siết nhẽ
Tưởng làm trai cho rạng vẻ sắc này
Trước mừng nhạc mậu giao chúc hồng kỳ
Liễu đào bông thắm lan chi hương nồng
Còn con rẽ bước phong trần
Bình an nhờ có giang sơn trên đầu
Sinh phải buổi gió Âu, mưa á
Tướng làm trai cho phỉ chí tang bồng
… mái chèo thề với non sông
Náo hơn năng rút tùy miền A hải

Thiên lý tại mà nhân tâm bất tại
Buổi sinh ra thương hại đa đoan
Giang sơn đâu cũng giang sơn
Giang sơn đâu cũng giang sơn cửa nhà
Kìa nam tử yên vì thiên hạ
Tu tích nhân thêm vẹn lý tình
Thôi thì ngoảnh mặt làm thinh
Cái gan tráng sĩ, đã coi khinh rồi
Có lưu lạc mới trải mùi nhân thế
Mặt anh hùng rõ buổi bôn ba
Bằng này thích lấy một nhà
Trên là từ tạ, dưới là khuyên lơn
Nói với người giữ tình sau trước
Đạo vợ chồng non nước ba sinh
Bấy lâu vắng mặt xa tình
Biết đâu bờ cõi là miền tiêu giang
Chiều hôm trông nước mây dồn
Lòng đâu dạ đó, ai phiền hơn ai
Đường gia thất nào ai chẳng có
Trên một hai thân phụ nhớ thương
Thân già phơ phất mái sương
Con thơ măng sữa vả đương bù chì
Trên phụng sự một bề hiếu kính
Dưới mượn mình đợ gánh cho dây
Dạy mồi nuôi trẻ thơ ngây
Xin mình hãy quyền môn trước đã
Đừng nghĩ mình vất vả trong mình
Có ông Xanh trên ấy định rồi

Bài tán.

BỐN VỊ PHÚC THẦN HỌ ĐINH TA

Trên chín bệ nối trời trị nước
Dưới muôn dân no đức say nhân
Có giang sơn có tổ thần
Phúc đào giòng họ ơn nhuần hưng thôn
Đức Anh nghị khơi nguồn Đinh thủy
Xây đắp nên phúc chỉ xưa nay
Từ phen rồng hãy chờ mây
Điềm thần đã hiện những ngày lạ sao
Đội Thác Lác sớm chào Ngự Sử
Chốn Eo Trèo trước hử cao khoa
Đã vin ngành quế cung nga
Đường mây thẳng lối bước qua Bá đài
Vâng bút ngự Kim bài rực rỡ
Chữ "Phong Lăng Ngôn Ngữ" càng vinh
Thủy chung một tiết liêm trinh
Thanh danh trước ấy anh linh sau này
Ngôi Đắc Đạt lại hay hoa kế
Nếp trâm anh dáng vẻ danh gia
Bia tây giám bảng Đông Ba
Đã khoa Canh Tuất lại khoa Canh Thìn
Biên phương thuở cần quyền Đốc trấn
Tiếng giản thanh kinh chấn Hoa dy
Cao Bằng "Đức Chính" có bi
"Mặt ông sứ tập" có thi Hoa tình
Tiết ngọc xẩy Yên Kinh tuyết nhuộm
Mà tôn mưu đã sớm sửa sang
Từ phen hồi quán tư trang
Nửa đeo việc nước, nửa mang việc nhà
Dựng am tháp mấy tòa tịnh túc
Đặt tự điền hương tộc phân canh
Rõ ràng bi ký khánh minh
Để cho con cháu tuân hành lưu xa

Ngôi á thận là bà Phan thị
Dung hạnh mà thêm vẽ văn chương
Thuở đưa xe sứ lên đường
Lã côi đã gửi can trường với nhau
Tình lưu khứ mây sầu gió tủi
Áo Hoàng Hoa mở cởi cho ra
Trông vời tin nhạn xa xa
Thơ đưa còn đó áo là còn đây
Xe ải Bắc vừa ngày quy sấn
Quyết đem mình tòng tuẫn cho xong
Thư tạ mẹ văn khóc chồng
Mấy dòng tuyết lệ một lòng giá sương
Biển "Tiết Phụ" vàng dương ba chữ
Ruộng Tàm Tang hương lửa ngàn xuân
Sắc rồng sánh với phu quân
Tấc lòng tiết nghĩa muôn phần vinh ai
Hầu Hương Nghĩa đủ tài văn võ
Khoa danh mà gồm có lược thao
La sơn trước thí ngưu đao
Kỳ anh Đốc lĩnh đổi vào Tổng binh
Đã nối gót cha anh từ trước
Lại đội ơn làng nước về sau
Vừa năm tu bổ binh đao
Một tay quyền cán công lao còn truyền
Danh hổ tướng vang miền biên thú
Nòi lân nhi dọi vẻ văn thân
Trên hộ nước, dưới che dân
Một nhà, bốn vị phúc thần vinh bao!
Mày mặt nở non Tiêu nước Phố
Đời đời thêm miếu vũ nguy nga
Dân ta thờ phụng thần ta
Dưới là con cháu, trên là cha ông
Lời Tổ Huấn in trong bia đá
Đoàn con em xem đó mà ghi

Chớ đua kiện, chớ bạc cờ
Chớ kiêu dâm, chớ phi vi lăng loàn
Nòi trung hiếu giữ nền chất phác
Cam thanh bần kiệm ước cho qua
Bằng hay giữ đặng phép nhà
Tiến là nghĩa sĩ, thối là lương nông
Thường năm tiết khai xuân quý tế
Họp họ hàng dâng lễ minh huân
Tâm thành thấu đến hương nguân
Miếu đình phảng phất tinh thần cảm thông
Xin ai nấy dốc lòng kính tế
Sách có câu thần thánh hòa bình
Ngàn năm hòa mục yên lành
Bản chi càng vững tâm anh càng dài

Thái bộc tự khanh Đinh Huy Tăng (Nho Tĩnh)

Vang vọng tiếng khánh của Đinh Nho Hoàn

Gần đây, mới phát hiện trên cái khánh ở đền làng Gôi - Mỹ (trước là An ấp) thuộc xã Sơn Hòa, huyện Hương Sơn, bài văn của Đinh Nho Hoàn, được chuyên gia giỏi ở Viện Hán Nôm Ngô Đức Thọ (người huyện Can Lộc) phiên âm và chú thích. Nội dung như sau:

Phàm vật ở yên thì lặng, gõ vào thì kêu. Những âm phát ra thì mỗi vật mỗi khác, Âm thanh của khánh trong trẻo mà có tiết tấu nhẹ mà cao vang tựa như có cái cao thượng của con người. Ta vì vậy mà yêu thích âm thanh của khánh bèn xuất tiền đúc một chiếc treo phía bên trái Am đặt tên là: "Khánh Mặc Trai" để tăng thêm ý chí.

Tiến sĩ năm Canh Dần (1670) Đinh Nho Hoàn được làm Đốc trấn (tỉnh trưởng) Cao Bằng. Trong mấy năm ở một tỉnh biên giới có buôn bán qua lại ông thực hiện một số cải cách kinh tế:

- Khơi dòng sông (đục đá nổi và dọn gốc tre) để thuyền bè đi lại dễ dàng.
- Giảm thuế và làm thủ tục nhanh chóng
- Cấp giấy phép cho người Trung Quốc đã nộp thuế để làm ăn thuận tiện.

Khi ông thôi làm đốc trấn Cao Bằng, nhiều người buôn Trung Quốc đã dựng bia "Đức Chính bi" để ghi nhớ công lao to lớn của ông.

Năm ất Mùi (1715) được cử làm Phó sứ đi Trung Quốc, vào đời nhà Thanh. Trước khi lên đường, ông về quê thu xếp chu đáo việc thờ phụng tổ tiên và việc làng. Lập một cái bia khuyên con cháu, đại ý:

Hễ con cháu Mặc - Ông thì phải trung hiếu thật thà, trong sạch, cần kiệm, tiến lên làm kẻ nghĩa sĩ, lúc về làm kẻ lương nông, chớ kiêu dâm, chớ cờ bạc, như thế mới gần được am ta.

Trên đường đi, Ông bị bệnh và mất ở Vũ Hán năm 1716, thọ 45 tuổi. Văn tế của triều đình nhà Lê, lời lẽ thống thiết, ca tụng ông "Dốc lòng trung với nước non, giúp mở mưu lớn". Nhà Thanh có văn tế với câu "Đi sứ đến triều đình ta, để tỏ đại nghĩa thân thiện; chết vì việc nước, chết cũng như sống".

Khoảng 300 năm trôi qua, từ khi có Đinh Nho Hoàn, có bia và khánh của ông, theo lời dạy của tổ tiên trong đó có Đinh Nho Hoàn, con cháu họ Đinh Nho đã cố gắng lo việc nước. Tham gia phong trào yêu nước thời Pháp thuộc, tham gia cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng. Một số người trong quân đội, công an, dân công… chiến đấu cho độc lập và thống nhất của Tổ quốc, có người anh dũng hy sinh, nhiều người theo lời dạy "Tiến lên làm kẻ nghĩa sĩ, lui về làm kẻ lương nông", Chăm đọc sách đời đời thi đậu" (cần độc thư, kế thế đăng khoa), đã tốt nghiệp đại học, một số ít là tiến sĩ, phó tiến sĩ, thạc sĩ, giáo sư, phó giáo sư .vv.. Một số đã thành công nhân và nông dân sản xuất giỏi ..v.. kết quả đó mới là bước đầu.

Âm thanh của khánh Đinh Nho Hoàn còn vang vọng đến ngày nay, thúc dục con cháu họ Đinh nay đã đến đời thứ 20, cố gắng xứng đáng với dân tộc, với Đảng và với tổ tiên. Âm thanh của khánh tăng thêm ý chí của mỗi người trong họ, vươn lên không ngừng, cố gắng đáp ứng đến mức cao lòng mong ước của cha ông. Vì tổ quốc và vì nhân dân, xứng đáng là người dân Hà Tĩnh.

Hoa Lư

DÒNG HỌ ĐINH NHO Ở HƯƠNG SƠN

Dòng họ Đinh Nho là một cự tộc thế phiệt trâm anh ở Hương Sơn và xứ Nghệ dưới chế độ phong kiến Lê - Trịnh - Nguyễn. Dòng họ này đã sản sinh ra nhiều nhân vật nổi tiếng cả trong chốn khoa mục, quan trường và võ bị.

Ông nguyên tổ là Đinh Phúc Diên vốn là hậu duệ của Đinh Công Trứ, Đinh Bộ Lĩnh, thuở Lê Triều, Đinh Phúc Diên làm quan với Lê, về phe với Lê Tuấn Mậu chống Mạc. Việc vỡ lở, Lê Tuấn Mậu bị Mạc Đăng Dung giết, Đinh Phúc Diên bị truy lùng phải trốn vào Hương Sơn lập nghiệp. Về đây ông lại giương cờ phù Lê diệt Mạc, cùng với Phạm Phúc Kính, thủy tổ họ Phạm ở làng Hữu Bằng. Vì có công phù Lê nên sau khi nhà Lê trung hưng, Phạm Phúc Kính ở Hữu Bằng được nhà Lê phong tước Phú lân hầu, ích quan điện. Đinh Phúc Diên được phong Tả hiệu điểm công Tây hầu.

Đến thế kỷ 17, họ Đinh Nho ở Gôi Mỹ (Hương Sơn) đã phát triển đông đúc và có thế lực trở thành một cự tộc danh giá dưới triều Lê - Trịnh. Sự phát triển của dòng họ Đinh Nho đủ mọi lĩnh vực hoạt động xã hội về khoa mục, về quan trường, về võ bị.

Người mở nền móng cho sự phát triển rực rỡ của dòng họ ấy là Đinh Nho Công (1637 -) Đinh Nho Công đã đậu tiến sĩ khoa Canh Tuất (1670). Con trai Đinh Nho Công là Đinh Nho Hoàn (1671 - 1715) đỗ Nhi giáp Tiến sĩ (tức Hoàng Giáp) khoa Canh Thìn (1700). Em ruột ông Hoàng Giáp Đinh Nho Hoàn là Đinh Nho Côn đỗ giải nguyên (đỗ đậu thi Hương), đồng thời có tài quân sự, bỏ nghiệp văn chương sang võ bị. Ông Côn được chúa Trịnh Doanh cử làm Đốc lĩnh Nghệ An đóng quân ở Kỳ Hoa. Ông này là một "tôi trung" rất cực đoạn đối với Chúa Trịnh chống cuộc khởi nghĩa Lê Duy Mật (1738 - 1769) rất quyết liệt. Bởi vậy ông Đinh Nho Côn mâu thẫn gay gắt với người anh cả ủng hộ Lê Duy Mật đến nỗi hai anh em không ở được với nhau. Cho nên ông Đinh Nho Côn dời sang xã Cát Văn huyện Thanh Chương (Nghệ An). Sau này tại Thanh Chương chắt nội của ông Đinh Nho Côn là Đinh Nhật Thận, một nhân vật nổi tiếng dưới triều Tự Đức đời Nguyễn. Đinh Nhật Thận là bạn thân với Cao Bá Quát. Sau khi Cao Bá Quát bị giết thì Đinh Nhật Thận đã sáng tác Thu dạ lữ hoài ngâm. Khi còn sống, cố giáo sư Đặng Thai Mai đã đánh giá Thu dạ lữ hoài ngâm là một trong 4 khúc ngâm hay nhất của văn thơ cổ điển Việt Nam. Đó là: Chinh phụ ngâm của Đặng Trần Côn, bản dịch của Đoàn Thị Điểm, Cung oán ngâm khúc của Ôn Như Hầu,

Nguyễn Gia Thiều, Truyện Kiều của Nguyễn Du và Thu dạ lữ hoài ngâm của Đinh Nhật Thận.

Cùng gốc với họ Đinh Nho ở Hương Sơn, di duệ họ này dời lập nghiệp ở các tỉnh khác cũng sinh ra nhiều nhân vật nổi tiếng như tiến sĩ Đinh Bát Tụy ở Hưng Nguyên, Thám hoa Đinh Lưu ở Hải Dương, một ông Hoàng giáp (họ Đinh Nho) ở Sơn Nam…

Em ruột Đinh Nho Hoàn là Đinh Nho Côn đỗ Hương cống hàm quan tước Hương nghĩa hầu.

Đời Nguyễn có Đinh Nho Điển (1848 - 1885) đỗ tam giáp tiến sĩ khoa ất Hợi (18750 đời Tự Đức.

Những nhân vật ấy của họ Đinh dưới thời phong kiến không chỉ chiếm Bảng vàng bia đá để lưu danh tên tuổi nghìn thu mà thật sự họ là những con người hành động việc nghĩa, góp phần thúc đẩy xã hội tiến lên. Đinh Nho Công, Đinh Nho Hoàn là những năng thần đời trị. Đinh Nhật Thận dám ủng hộ Cao Bá Quát chống chế độ phong kiến nhà Nguyễn.

Cách mạng tháng Tám thành công, họ Đinh Nho ở Hương Sơn là một trong những dòng họ có nhiều cống hiến vào sự nghiệp cách mạng và kháng chiến, kiến quốc của nhân dân ta. Họ Đinh Nho ở Hương Sơn đã có những người con ưu tú, tài hoa trong mọi lĩnh vực chính trị , quân sự, khoa học như Đinh Nho Hân từng là ủy viên thư ký ủy ban kháng chiến hành chính huyện Hương Sơn từ những ngày đầu Cách mạng. Đinh Nho Liêm hoạt động chính trị có năng lực, từng giữ cương vị Thứ trưởng thứ nhất Bộ ngoại giao. Đinh Xuân Bính một vị lão thành cách mạng, một tri thức yêu nước từng làm Bí thư huyện ủy, chủ tịch ủy ban kháng chiến hành chính huyện Hương Sơn thời kháng chiến chống Pháp. Cụ Đinh Nho Huề, Đinh Nho Diệm vừa nhà nho vừa nhà thơ có uy tín của Liên khu 4 cũ.

Ngày nay có rất nhiều con cháu các đời như: Giáo sự Đinh Nho Chương, Giáo sư tiến sĩ Đinh Phạm Thái…v.. là những nhà khoa học có tiếng tăm, con cháu họ Đinh Nho lại đang tiếp bước cha ông phát huy thế mạnh của dòng họ có truyền thống lâu đời về học vấn và cách mạng trên khắp mọi lĩnh vực công tác và trên khắp mọi miền đất nước.

Họ Đinh Nho thật sự xứng đáng là dòng họ giàu truyền thống văn vật của đất Hương Sơn.

Hồ Hữu Phước (Hội khoa học lịch sử tỉnh Hà Tĩnh)

THƯ NGÕ CỦA BAN BIÊN TẬP "GIA PHẢ HỌ ĐINH NHO (HƯƠNG SƠN) GỬI CON CHÁU NỘI TỘC

Chào đón thiên niên kỷ mới, Ban biên tập "Gia phả họ Đinh Nho (Hương Sơn)" đã bước đầu biên soạn xong bộ (mới) của họ Đinh Nho ta. Kể từ quyển đầu do quan Tả thị lang đời 8 viết bị thất truyền, tiếp quyển "Hương Yên phổ tự" của Quan Thái Lãng, sau này phát triển thêm các quyển của Ban tộc biểu viết năm 1972, các quyển của các tiểu chi…; quyển này là quyển tổng hợp của các quyển trên, tương đối đầy đủ và chi tiết, liệt kê được quá trình phát triển của dòng họ, các công tích, đạo đức của tiền nhân và con cháu trong vòng 20 đời nay.

Tuy nhiên, quyển này chưa thể kết thúc mà phải nhờ con cháu về sau làm tiếp, vì những lẽ sau:

1. Sự phát triển của dòng tộc là liên tục, nên muốn đầy đủ, con cháu tiếp sau từ thế kỷ 21 trở đi phải viết tiếp vào Gia phả cho hoàn chỉnh.

2. Đây là quyển Tổng hợp nhưng do điều kiện lịch sử, việc tập hợp, hiệu đính các dòng đời, tuy có nhiều cố gắng của Ban biên tập và sự ủng hộ kê khai, cấp tư liệu, góp ý của con cháu nhưng chắc chắn chưa đầy đủ, thậm chí có thể có nhầm lẫn, sai sót. Mong rằng sau này con cháu có điều kiện và tư liệu chuẩn xác đính chính lại.

3. Trong bài tổng hợp "Họ Đinh Nho ở Hương Sơn" viết ở đầu quyển, vì điều kiện lịch sử chưa thể liệt kê đầy đủ các gương mặt điển hình, tiêu biểu của con cháu, đặc biệt là ở giai đoạn nửa sau của thế kỷ, nhiều công ích chỉ mới điểm qua, chưa có điều kiện viết tỉ mỉ. Việc viết tiếp sau này, Ban biên tập (tiếp nối) có trách nhiệm viết vào để cho khỏi thất truyền những điều hay, việc tốt của tiền nhân.

Trên đây là những lời ngõ của Ban biên tập gửi gắm lại con cháu, cũng là lời cuối của bộ "Gia phả" này.

Sau này khi chúng tôi đã là người thiên cổ, theo bước các tiền nhân, chúng tôi mong mỏi con cháu thông cảm và thực hiện những phần còn lại mà hiện nay chúng tôi chưa làm được. Có như vậy quyển "Gia phả Họ Đinh Nho (Hương Sơn)" mới thực sự hoàn chỉnh, trở thành một tư liệu quý cho dòng họ và mãi mãi trường tồn.

Kính thư

Ban Biên tập

TƯ LIỆU

Lược trích bản dịch gia phả của chi họ Đinh ở xã Thanh Liêu huyện Thanh Chương - tỉnh Nghệ An.

Bản gốc là bản chữ Hán do Ngài Đinh Nhật Thận sao chép và ghi tiếp những phần sau của bản chi. Năm Canh Dần 2010 nhân dịp sang dự lễ tổ họ ta ngày 9/1 một số đại biểu con cháu chi này gồm 10 người trong đó đại diện là ông Đinh Viết Hiểu đã biếu tặng bản photo cuốn gia phả này. Sau đó, tôi đã nhờ ông Nguyễn Xuân Triêm (Sơn An) dịch. Sau đây là một số điểm chính trong bản dịch đó, có nói đến gốc chi họ này vốn ở họ Đinh Nho ta ở An ấp (xưa) và lý do vì sao có gốc quyển chép này (đây được xem là bản gốc của Thái Lãng (đời 12) làm và ông Thận sau khi nhận họ đã xin sao chép lại.

Trích 1 "…….. Thái Lãng cung thuật":

Họ Đinh ta là một họ lớn ở huyện Gia Viễn, Ái Châu….(bị mất) ly tán vào Hoan Châu, Nam Đàn, Châu Phúc, Nghi Xuân, Hương Sơn mấy huyện. Sau ở lại Tổng An ấp huyện Hương Sơn.

(Gia viễn thuộc Ninh Bình, Nam Đàn, Nộm Thổ, Châu Phúc thuộc Nghi Xuân)

Trích 2: Nhất thế.

Sơ tổ Phúc Diên Tả hiệu điểm công tây hầu, ngụ cư tại làng Bình Hòa khai khẩn các xứ Thác Lác, Tham Chàng sau có công dẹp giặc được phong chức ấy. Hưởng thọ 93 tuổi (kỵ: mồng 9 tháng giêng).

Chánh thất bà họ Đào thọ 85 tuổi (kỵ 5/4)

Lăng hiện nay thuộc địa phận xóm Cống làng Thịnh Xá.

Trích 3: Cha tôi (tức cụ Thận: Người dịch chú) là Thời Lệ. Lúc nhỏ mồ côi, nghèo khổ lớn lên theo học nghề thuốc với Quý Viễn tiên sinh.

Trích 4: Năm ấy tháng 3, tiết xuân ông bị bệnh. Thận này từ Kinh đô về tỉnh vào mùa đông tháng 10.

Mùa xuân năm mới, Thận được bổ làm tri phủ Kinh môn cha vẫn thản nhiên không tỏ ra ý gì mừng rỡ.

Ngày 19 tháng 7 (năm ấy nhuần) vào giờ Dần cha mất. Thọ 57 tuổi.

Năm thứ 3 đời Thiệu Trị, ngày 1 tháng 8 năm Quý Mão (1843) con hư là Thận này nước mắt rướm máu kính ghi.

Trích 5: (Là ở bản dịch trang 9, 8 và 2 có liên quan gọi là song thanh gia ký (chuyện nhà).

Tự sự và thống loại là loại ký của 1 gia đình, truyền đời này sang đời khác, không thể không giảng ra điều đó.

Thanh Liêu, Thanh Chương dòng họ Đinh Nhuận, Tây loại theo sổ bộ là họ Nguyễn. Đời Nguyễn Triều, vua Minh Mạng mới cho cải chính sang họ Đinh. Từ đó mới biết thế gốc gác ở Hương Sơn vậy.

Tiếp đến, việc sao chép gia phả đời trước, mới biết nguồn gốc họ ta - một cự tộc gốc Gia viễn vào Hoan Châu, phân tán một bộ phận đến làng Gôi Vỹ xã An Ấp huyện Hương Sơn. Truyền nhiều đời, đậu hương cống, kế đến đậu Tiến sĩ. Ta là lớp sau vậy - ôi! thế là phúc ấm tổ tông di mưu lại cho con cháu, ta chính là miên duệ của Hương An. Còn về thế thứ, cũng do đó bản chi cũng do đó mà phân biệt. Không dám tự tiện thêm bớt ta chỉ ghi những điều mình biết cho đời sau hay. Những điều tốt đẹp, ước mong về sau sẽ xuất hiện nhiều khanh hầu, danh tướng đại tài, nhiều con hiền dâu thảo.

Nói vài lời về gia thế truyền lại vốn gốc Hương Sơn - hai ba đời họ Đinh cùng nói tiên tổ của ta có gốc rễ hào hùng…

Ta là hậu duệ của người con thứ ba đang tồn tại.

GIA PHẢ HỌ ĐINH

Xã Cương Gián, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh.

Hôm nay ngày 16 tháng 05 năm 2007 - Đinh Hợi con cháu dòng Đinh tộc kính cẩn xin tổ tiên đồng hiệp lực sao lại gia phổ

XUẤT XỨ DÒNG HỌ

Bản gia phổ thần tổ hiệp tướng hồi phùng tử thượng vị thiên chi sinh. Hữu chí hữu chu.

Nhị chi sinh kỳ quan, Do tổ cận vãn truyền vị ngã: Tiên tổ cư Thanh Hóa Ngoại xứ Gia Viễn huyện. Kỳ gia nhập Nghệ An tỉnh, Nghi Xuân huyện, Cường Đô xã. Trú cư huynh đệ nghi nhân. Tái tửu Hương Sơn huyện Uyên Ấp xã kì đệ La Sơn huyện Cổ ngô xã lịch nhị đại. Chính tôn thần cư Yên ấp xã. Kì hậu Lê Triều: Hữu: Đinh Công Nhu. Đinh Công Khanh, phủ tứ thí trung tiến sỹ kì thị tổ tự Yên Ấp như lai cư vu Can Lộc huyện, Minh Lương xã. Tư dục kỉ tiên nhân Chi sự tích. Duy hậu tự lực, tự cường tằng tổ khảo. Tôn phai thân thuộc sử minh danh húy di chí nhật nguyệt. Chi ki hợp, phần mộ tự táng hà xứ sự dũng tu trí dị minh. Tổ hệ Chi Siêu sinh dị viện tử tôn chi vinh hiển.

Nhưng thư bi chú liệt vị: Tổ tiên cập bản chi thứ tự cụ Trần Tu Tuyển sự hậu vinh chiếu.

GIA PHẢ HỌ ĐINH TẠI XÃ TRUNG LƯƠNG - ĐỨC THỌ

" Xưa nay thường có câu: Trời sinh muôn vật, có trước, có sau, con người phải có tổ có tông".

Đã được nghe truyền lại: Tổ tiên ta xưa ở huyện Gia Viễn phía ngoài xứ Thanh Hóa (1), rồi vào ở xã Đô Cương, huyện Nghi Xuân, đất Nghệ An. Anh em có hai người. Người anh lại tới xã Yên ấp, huyện Hương Sơn. Người em đến xã Cổ Ngu, huyện La Sơn (2). Trải qua 2 đời, dòng chính tông ở lại xã Yên ấp, con cháu sau này có cháu con Đinh Công Nho thi đậu tiến sĩ đời Lê. Cụ tổ đầu dòng họ từ xã Yên ấp, chuyển về xã Minh Hương huyện Can Lộc (3)

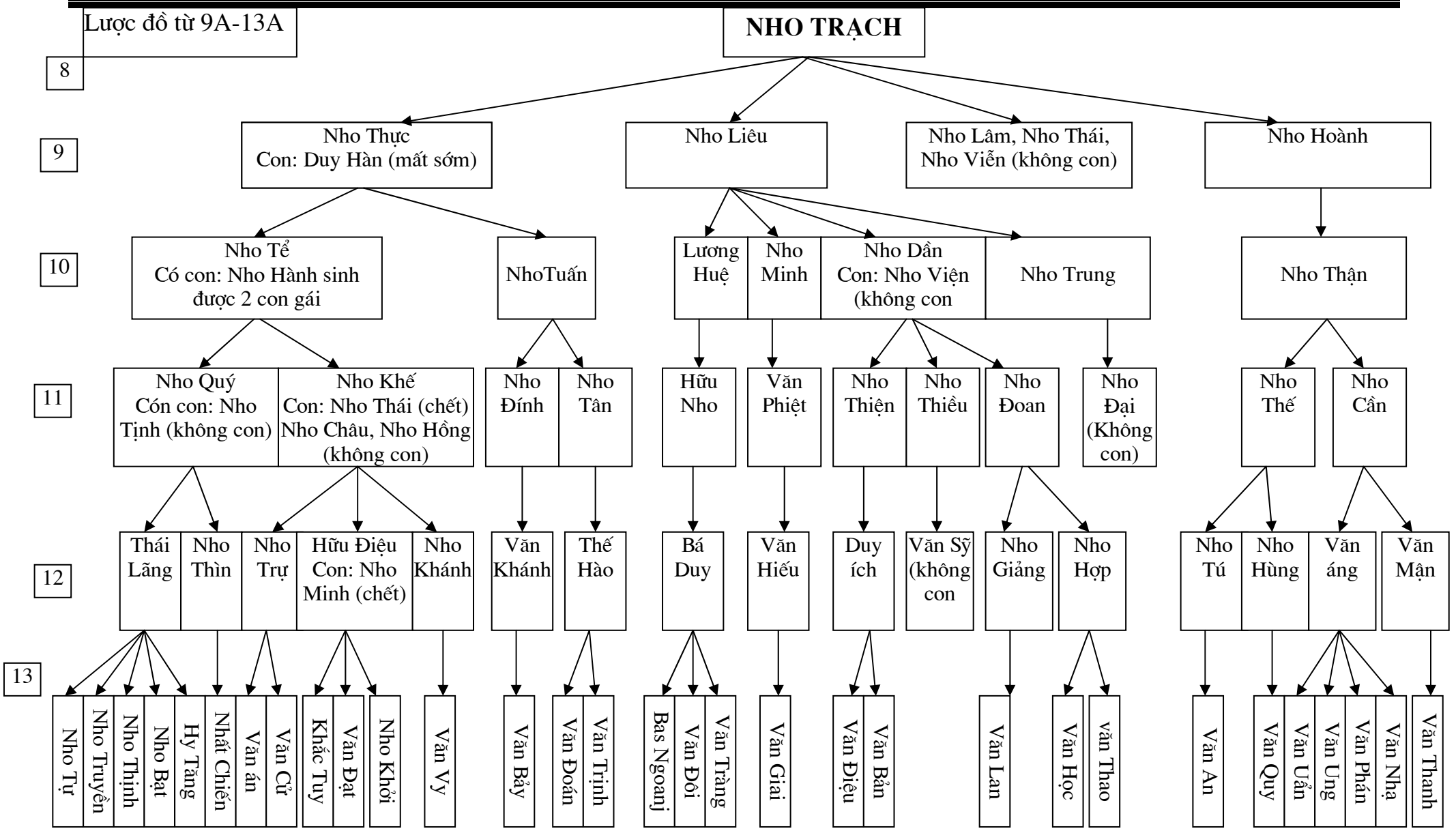
Nay muốn ghi lại sự tích của các bậc xưa để cho con cháu muôn đời biết. Kể từ tên húy các cụ Cao, Tằng, Tổ khảo, các thân thuộc các chi, nhánh, đến ngày giỗ chạp, mồ mả, nơi chôn cất, đều chép lại để con cháu tỏ tường công đức gây dựng của Tổ tiên, vì sự phồn vinh của con cháu. Vậy xin theo thứ tự ghi rõ liệt vị tổ tiên riêng thuộc các chi ta để làm tài liệu căn cứ lâu đời".

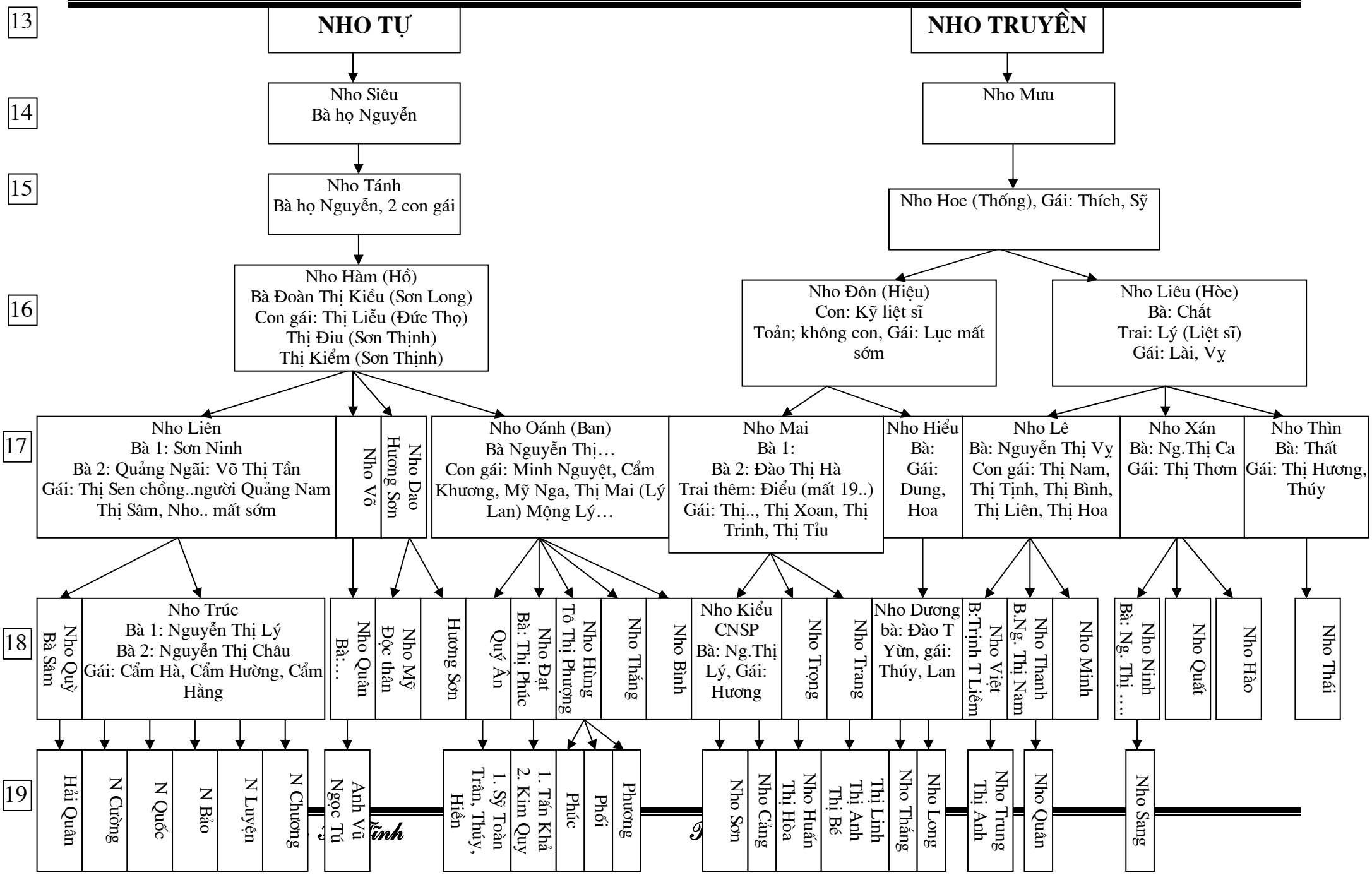
(1) tức Thanh Hóa ngày nay

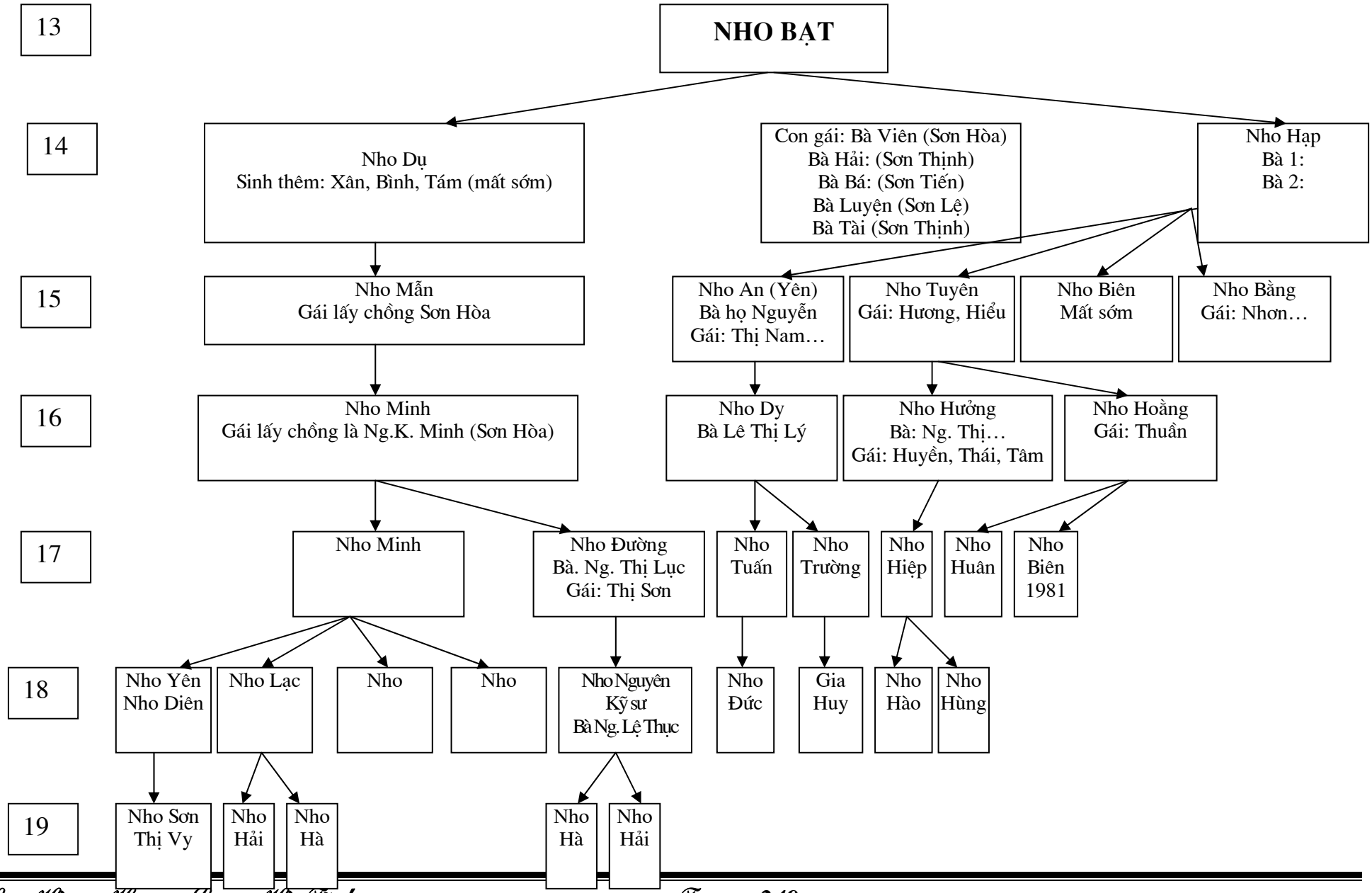
(2) Tức Đức ngày nay

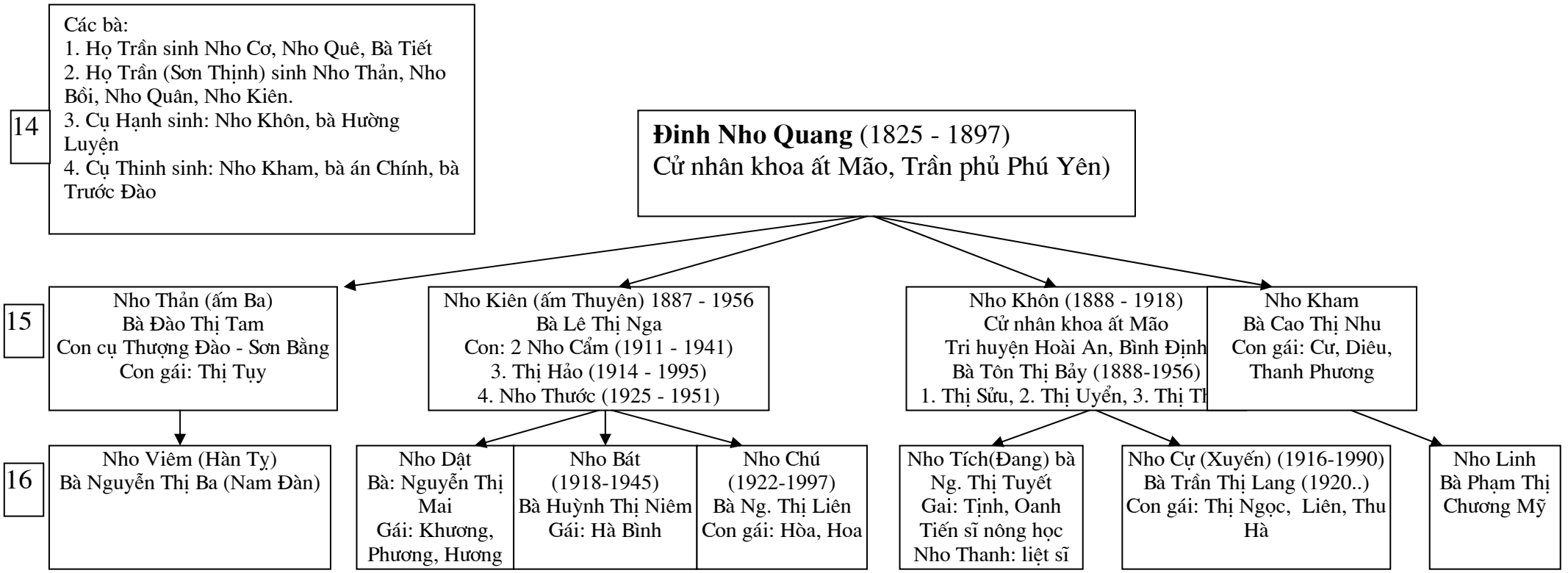
(3) Gia phả bắt đầu ghi từ ông Tổ về ở xã Minh Lương, huyện Can Lộc.

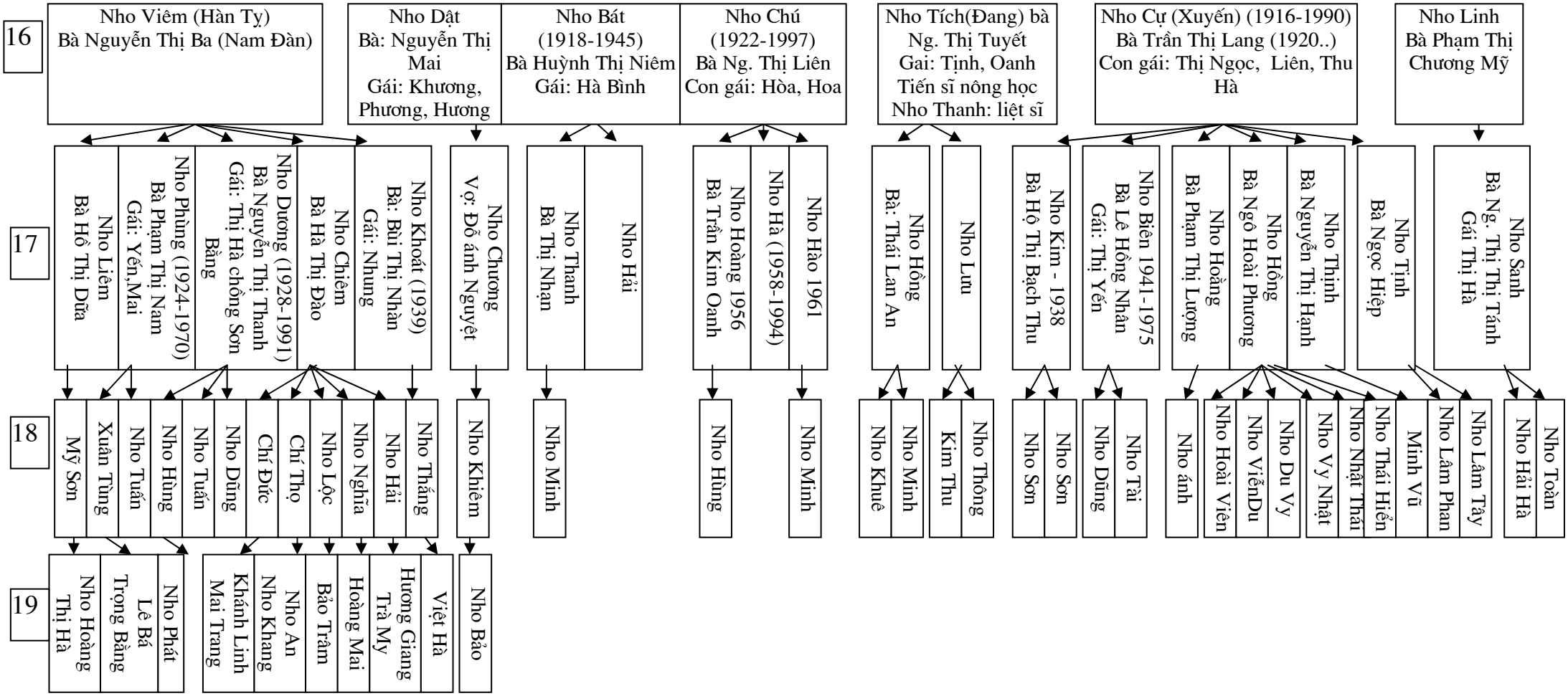
Lược đồ từ 9A-13A

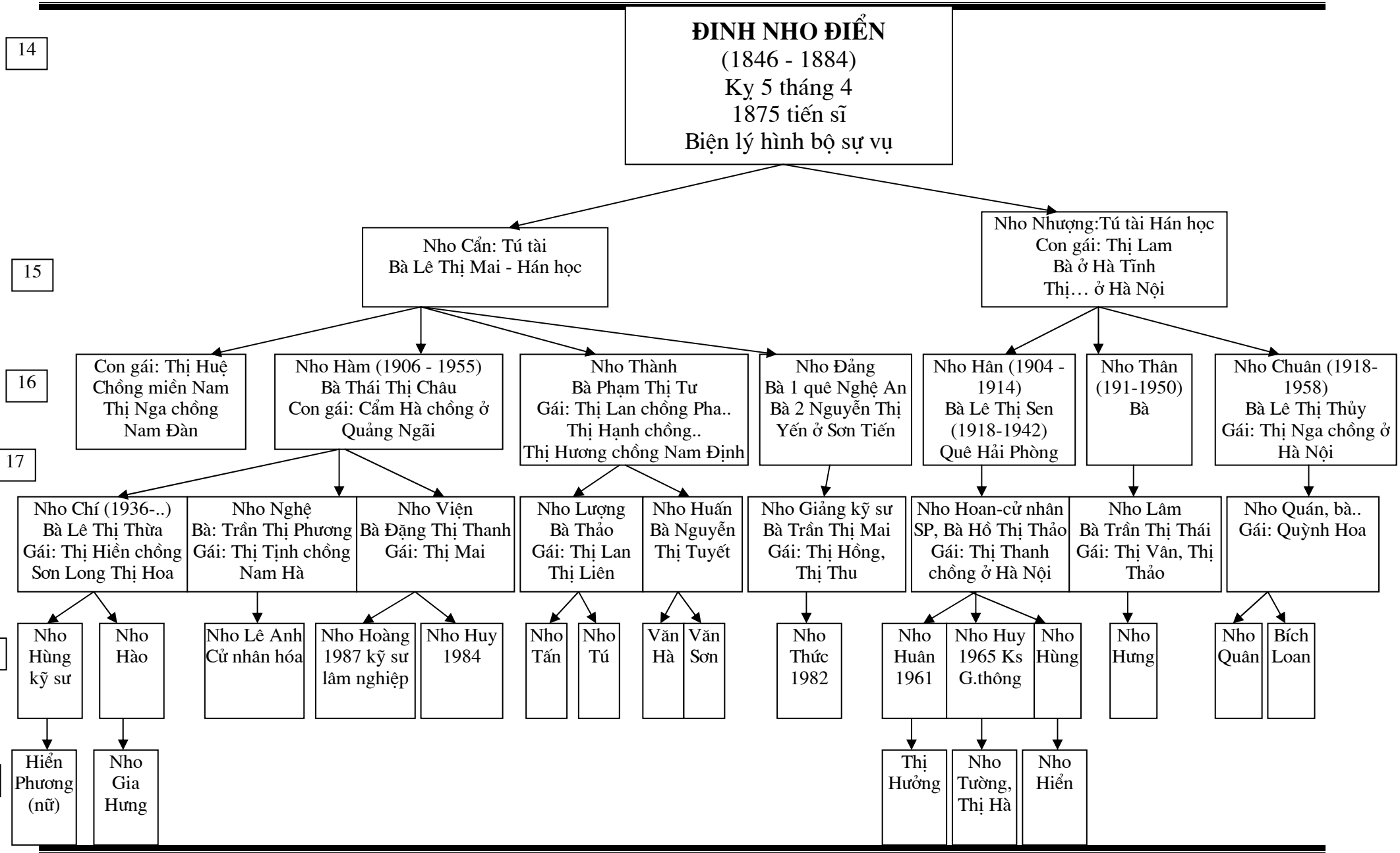


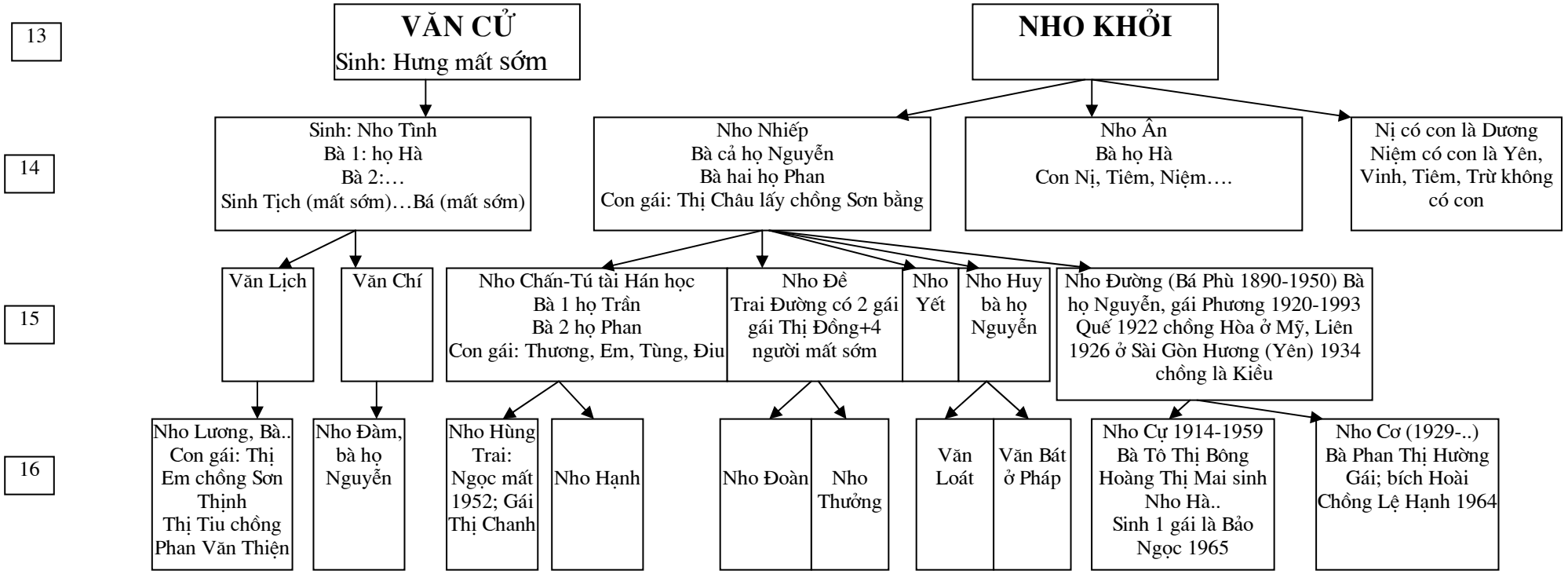

13
14
15
16
17
18
19
NHO TỰ
NHO TRUYỀN
Nho Siêu
Bà họ Nguyễn
Nho Mưu
Nho Tánh
Bà họ Nguyễn, 2 con gái
Nho Hoe (Thống), Gái: Thích, Sỹ
Nho Hàm (Hồ)
Bà Đoàn Thị Kiều (Sơn Long)
Con gái: Thị Liễu (Đức Thọ)
Thị Điu (Sơn Thịnh)
Thị Kiểm (Sơn Thịnh)
Nho Đôn (Hiệu)
Con: Kỹ liệt sĩ
Toản; không con, Gái: Lục mất sớm
Nho Liêu (Hòe)
Bà: Chắt
Trai: Lý (Liệt sĩ)
Gái: Lài, Vy
Nho Liên
Bà 1: Sơn Ninh
Bà 2: Quảng Ngãi: Võ Thị Tần
Gái: Thị Sen chồng..người Quảng Nam
Thị Sâm, Nho.. mất sớm
Nho Võ
Nho Dao
Hương Sơn
Nho Oánh (Ban)
Bà Nguyễn Thị…
Con gái: Minh Nguyệt, Cẩm Khương, Mỹ Nga, Thị Mai (Lý Lan) Mộng Lý…
Nho Mai
Bà 1:
Bà 2: Đào Thị Hà
Trai thêm: Điểu (mất 19..)
Gái: Thị.., Thị Xoan, Thị Trinh, Thị Tỉu
Nho Hiểu
Bà:
Gái: Dung, Hoa
Nho Lê
Bà: Nguyễn Thị Vy
Con gái: Thị Nam, Thị Tịnh, Thị Bình, Thị Liên, Thị Hoa
Nho Xán
Bà: Ng.Thị Ca
Gái: Thị Thơm
Nho Thìn
Bà: Thất
Gái: Thị Hương, Thúy
Nho Quỳ
Bà Sâm
Nho Trúc
Bà 1: Nguyễn Thị Lý
Bà 2: Nguyễn Thị Châu
Gái: Cẩm Hà, Cẩm Hường, Cẩm Hằng
Nho Quân
Bà:…
Nho Mỹ
Độc thân
Hương Sơn
Quý Ân
Nho Đạt
Bà: Thị Phúc
Nho Hùng
Tô Thị Phượng
Nho Thắng
Nho Bình
Nho Kiểu
CNSP
Bà: Ng.Thị Lý, Gái: Hương
Nho Trọng
Nho Trang
Nho Dương
bà: Đào T Yừn, gái: Thúy, Lan
Nho Việt
B:Trịnh T Liễm
Nho Thanh
B.Ng. Thị Nam
Nho Minh
Nho Ninh
Bà: Ng. Thị ….
Nho Quất
Nho Hào
Nho Thái
Hải Quân
N Cường
N Quốc
N Bảo
N Luyện
N Chương
Anh Vũ
Ngọc Tú
1. Sỹ Toàn
Trân, Thúy, Hiền
1. Tấn Khả
2. Kim Quy
Phúc
Phối
Phương
Nho Sơn
Nho Cảng
Nho Huấn
Thị Hòa
Thị Linh
Thị Anh
Thị Bé
Nho Thắng
Nho Long
Nho Trung
Thị Anh
Nho Quân
Nho Sang

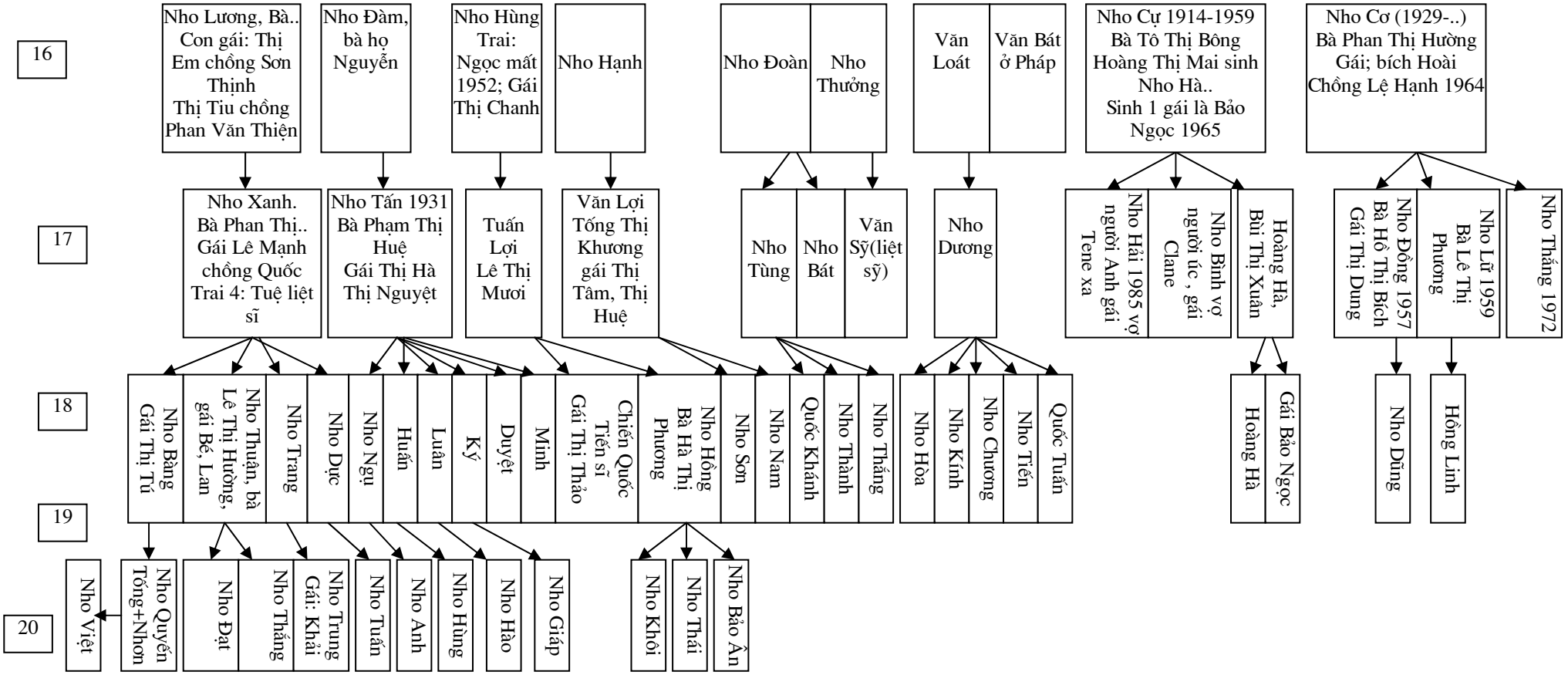

13
NHO BẠT
14
Nho Dụ
Sinh thêm: Xân, Bình, Tám (mất sớm)
Con gái: Bà Viên (Sơn Hòa)
Bà Hải: (Sơn Thịnh)
Bà Bá: (Sơn Tiến)
Bà Luyện (Sơn Lệ)
Bà Tài (Sơn Thịnh)
Nho Hạp
Bà 1:
Bà 2:
15
Nho Mẫn
Gái lấy chồng Sơn Hòa
Nho An (Yên)
Bà họ Nguyễn
Gái: Thị Nam…
Nho Tuyên
Gái: Hương, Hiểu
Nho Biên
Mất sớm
Nho Bằng
Gái: Nhơn…
16
Nho Minh
Gái lấy chồng là Ng.K. Minh (Sơn Hòa)
Nho Dy
Bà Lê Thị Lý
Nho Hưởng
Bà: Ng. Thị…
Gái: Huyền, Thái, Tâm
Nho Hoằng
Gái: Thuần
17
Nho Minh
Nho Đường
Bà. Ng. Thị Lục
Gái: Thị Sơn
Nho Tuấn
Nho Trường
Nho Hiệp
Nho Huân
Nho Biên 1981
18
Nho Yên
Nho Diên
Nho Lạc
Nho
Nho
Nho Nguyên
Kỹ sư
Bà Ng. Lệ Thục
Nho Đức
Gia Huy
Nho Hào
Nho Hùng
19
Nho Sơn
Thị Vy
Nho Hải
Nho Hà
Nho Hà
Nho Hải

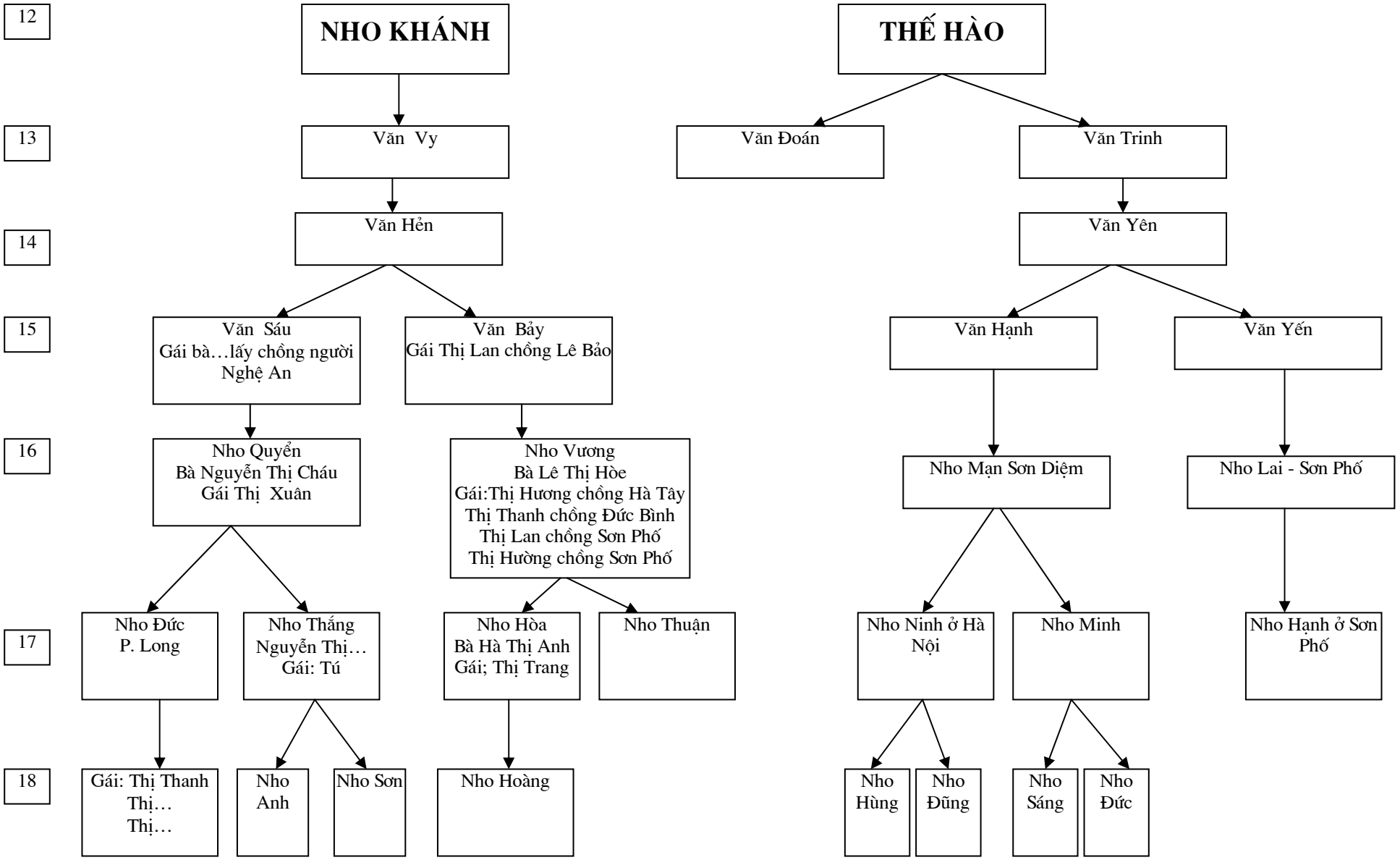

Các bà:
1. Họ Trần sinh Nho Cơ, Nho Quê, Bà Tiết
2. Họ Trần (Sơn Thịnh) sinh Nho Thản, Nho Bồi, Nho Quân, Nho Kiên.
3. Cụ Hạnh sinh: Nho Khôn, bà Hường Luyện
4. Cụ Thinh sinh: Nho Kham, bà án Chính, bà Trước Đào
14
Đinh Nho Quang (1825 - 1897)
Cử nhân khoa ất Mão, Trần phủ Phú Yên)
15
Nho Thản (ấm Ba)
Bà Đào Thị Tam
Con cụ Thượng Đào - Sơn Bằng
Con gái: Thị Tụy
Nho Kiên (ấm Thuyên) 1887 - 1956
Bà Lê Thị Nga
Con: 2 Nho Cẩm (1911 - 1941)
3. Thị Hảo (1914 - 1995)
4. Nho Thước (1925 - 1951)
Nho Khôn (1888 - 1918)
Cử nhân khoa ất Mão
Tri huyện Hoài An, Bình Định
Bà Tôn Thị Bảy (1888-1956)
1. Thị Sửu, 2. Thị Uyển, 3. Thị Th
Nho Kham
Bà Cao Thị Nhu
Con gái: Cư, Diêu, Thanh Phương
16
Nho Viêm (Hàn Tỵ)
Bà Nguyễn Thị Ba (Nam Đàn)
Nho Dật
Bà: Nguyễn Thị Mai
Gái: Khương, Phương, Hương
Nho Bát
(1918-1945)
Bà Huỳnh Thị Niêm
Gái: Hà Bình
Nho Chú
(1922-1997)
Bà Ng. Thị Liên
Con gái: Hòa, Hoa
Nho Tích(Đang) bà Ng. Thị Tuyết
Gai: Tịnh, Oanh
Tiến sĩ nông học
Nho Thanh: liệt sĩ
Nho Cự (Xuyến) (1916-1990)
Bà Trần Thị Lang (1920..)
Con gái: Thị Ngọc, Liên, Thu Hà
Nho Linh
Bà Phạm Thị Chương Mỹ

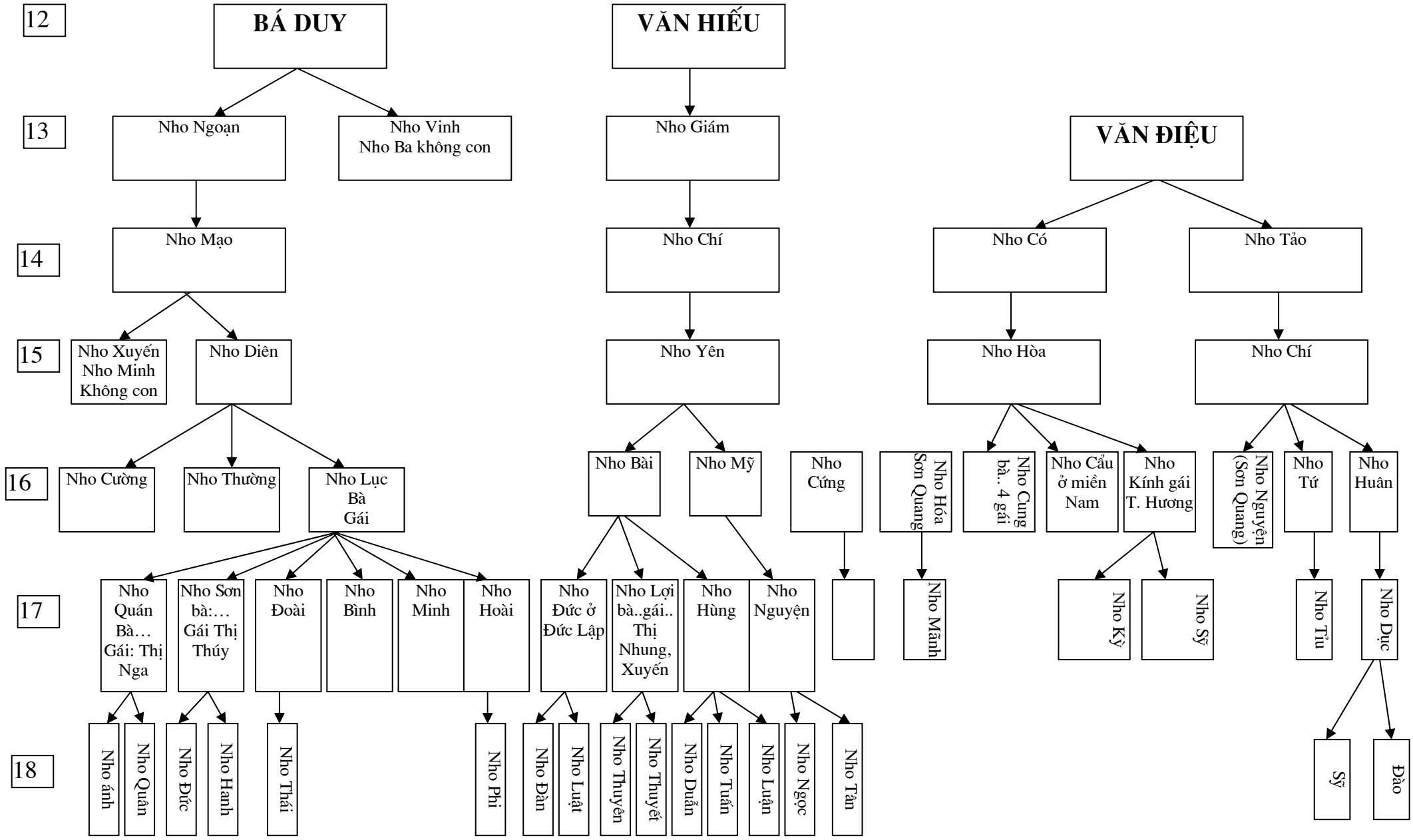

16
17
18
19
Nho Viêm (Hàn Tỵ)
Bà Nguyễn Thị Ba (Nam Đàn)
Nho Dật
Bà: Nguyễn Thị Mai
Gái: Khương, Phương, Hương
Nho Bát
(1918-1945)
Bà Huỳnh Thị Niêm
Gái: Hà Bình
Nho Chú
(1922-1997)
Bà Ng. Thị Liên
Con gái: Hòa, Hoa
Nho Tích(Đang) bà Ng. Thị Tuyết
Gai: Tịnh, Oanh
Tiến sĩ nông học
Nho Thanh: liệt sĩ
Nho Cự (Xuyến) (1916-1990)
Bà Trần Thị Lang (1920..)
Con gái: Thị Ngọc, Liên, Thu Hà
Nho Linh
Bà Phạm Thị Chương Mỹ
Nho Liêm
Bà Hồ Thị Dừa
Nho Phùng (1924-1970)
Bà Phạm Thị Nam
Gái: Yến,Mai
Nho Dương (1928-1991)
Bà Nguyễn Thị Thanh
Gái: Thị Hà chồng Sơn Bằng
Nho Chiêm
Bà Hà Thị Đào
Nho Khoát (1939)
Bà: Bùi Thị Nhàn
Gái: Nhung
Nho Chương
Vợ: Đỗ ánh Nguyệt
Nho Thanh
Bà Thị Nhạn
Nho Hải
Nho Hào 1961
Nho Hà (1958-1994)
Nho Hoàng 1956
Bà Trần Kim Oanh
Nho Hồng
Bà: Thái Lan An
Nho Lưu
Nho Kim - 1938
Bà Hộ Thị Bạch Thu
Nho Biên 1941-1975
Bà Lê Hồng Nhân
Gái: Thị Yến
Nho Hoằng
Bà Phạm Thị Lượng
Nho Hồng
Bà Ngô Hoài Phương
Nho Thịnh
Bà Nguyễn Thị Hạnh
Nho Tịnh
Bà Ngọc Hiệp
Nho Sanh
Bà Ng. Thị Thị Tánh
Gái Thị Hà
Mỹ Sơn
Xuân Tùng
Nho Tuấn
Nho Hùng
Nho Tuấn
Nho Dũng
Chí Đức
Chí Thọ
Nho Lộc
Nho Nghĩa
Nho Hải
Nho Thắng
Nho Khiêm
Nho Minh
Nho Hùng
Nho Minh
Nho Khuê
Nho Minh
Nho Thông
Kim Thu
Nho Sơn
Nho Sơn
Nho Tài
Nho Dũng
Nho ánh
Nho Hoài Viên
Nho ViễnDu
Nho Du Vy
Nho Vy Nhật
Nho Nhật Thái
Nho Thái Hiển
Minh Vũ
Nho Lâm Phan
Nho Lâm Tây
Nho Hải Hà
Nho Toàn
Nho Phát
Lê Bá Trọng Bằng
Nho Hoàng Thị Hà
Nho An
Nho Khang
Khánh Linh
Mai Trang
Bảo Trâm
Hoàng Mai
Hương Giang
Trà My
Việt Hà
Nho Bảo

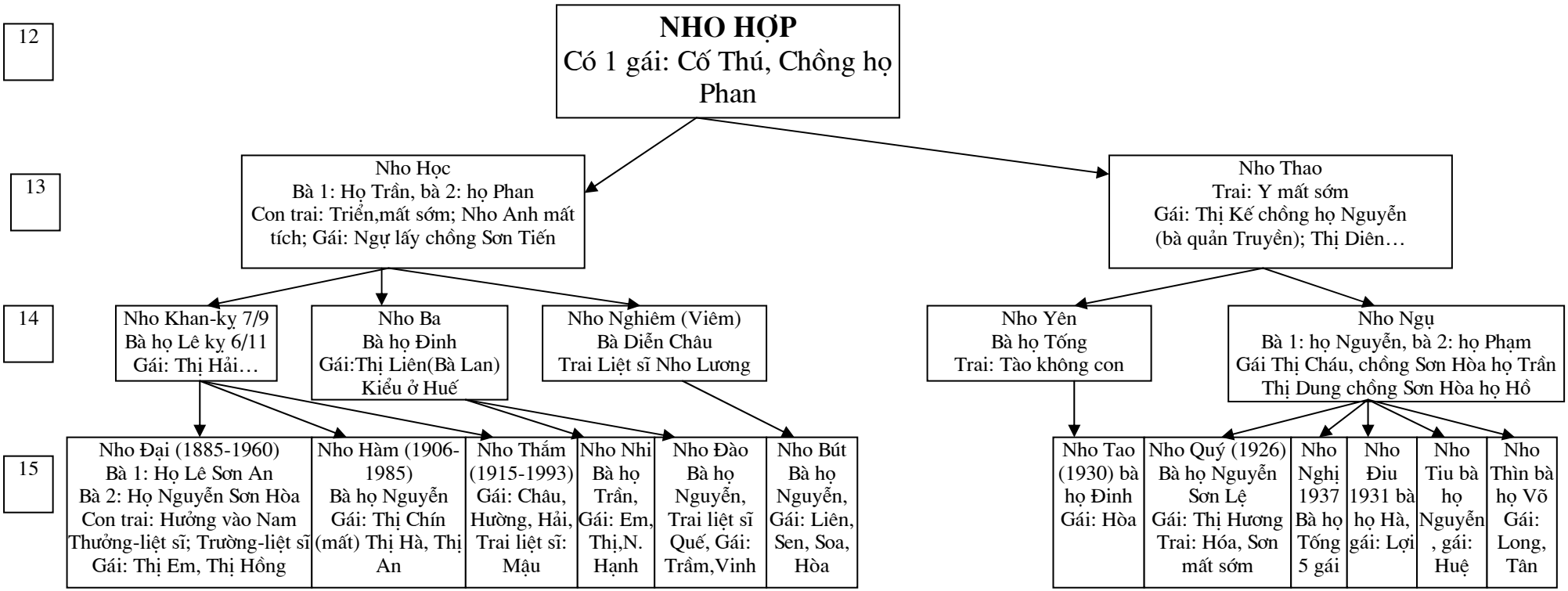

14
ĐINH NHO ĐIỂN
(1846 - 1884)
Kỵ 5 tháng 4
1875 tiến sĩ
Biện lý hình bộ sự vụ
15
Nho Cẩn: Tú tài
Bà Lê Thị Mai - Hán học
Nho Nhượng:Tú tài Hán học
Con gái: Thị Lam
Bà ở Hà Tĩnh
Thị… ở Hà Nội
16
Con gái: Thị Huệ
Chồng miền Nam
Thị Nga chồng
Nam Đàn
Nho Hàm (1906 - 1955)
Bà Thái Thị Châu
Con gái: Cẩm Hà chồng ở
Quảng Ngãi
Nho Thành
Bà Phạm Thị Tư
Gái: Thị Lan chồng Pha..
Thị Hạnh chồng..
Thị Hương chồng Nam Định
Nho Đảng
Bà 1 quê Nghệ An
Bà 2 Nguyễn Thị
Yến ở Sơn Tiến
Nho Hân (1904 - 1914)
Bà Lê Thị Sen
(1918-1942)
Quê Hải Phòng
Nho Thân
(191-1950)
Bà
Nho Chuân (1918-1958)
Bà Lê Thị Thủy
Gái: Thị Nga chồng ở
Hà Nội
17
Nho Chí (1936-..)
Bà Lê Thị Thừa
Gái: Thị Hiền chồng
Sơn Long Thị Hoa
Nho Nghệ
Bà: Trần Thị Phương
Gái: Thị Tịnh chồng
Nam Hà
Nho Viện
Bà Đặng Thị Thanh
Gái: Thị Mai
Nho Lượng
Bà Thảo
Gái: Thị Lan
Thị Liên
Nho Huấn
Bà Nguyễn
Thị Tuyết
Nho Giảng kỹ sư
Bà Trần Thị Mai
Gái: Thị Hồng,
Thị Thu
Nho Hoan-cử nhân
SP, Bà Hồ Thị Thảo
Gái: Thị Thanh
chồng ở Hà Nội
Nho Lâm
Bà Trần Thị Thái
Gái: Thị Vân, Thị
Thảo
Nho Quán, bà..
Gái: Quỳnh Hoa
18
Nho Hùng
kỹ sư
Nho Hào
Nho Lê Anh
Cử nhân hóa
Nho Hoàng
1987 kỹ sư
lâm nghiệp
Nho Huy
1984
Nho Tấn
Nho Tú
Văn Hà
Văn Sơn
Nho Thức
1982
Nho Huân
1961
Nho Huy
1965 Ks
G.thông
Nho Hùng
Nho Hưng
Nho Quân
Bích Loan
19
Hiển Phương
(nữ)
Nho Gia Hưng
Thị Hưởng
Nho Tường, Thị Hà
Nho Hiển

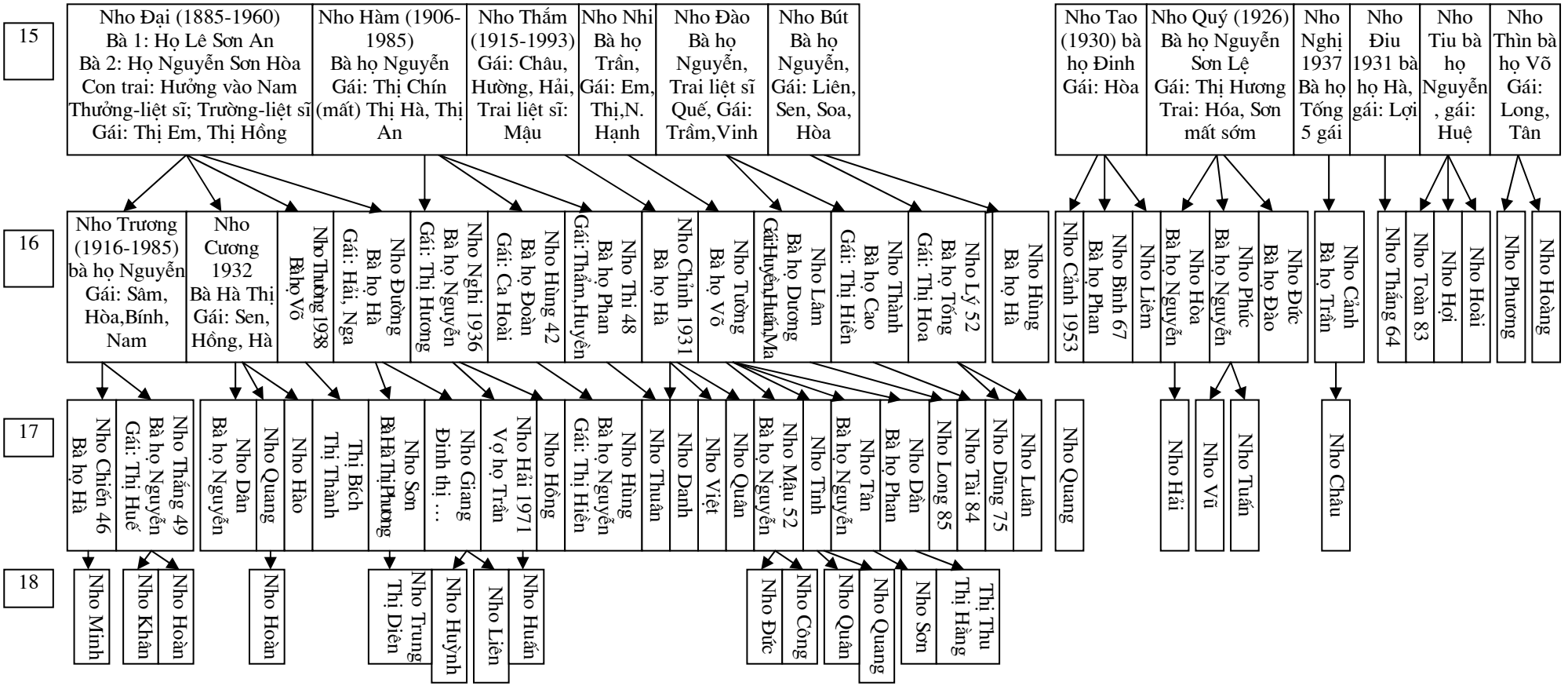

13
14
15
16
VĂN CỬ
Sinh: Hưng mất sớm
NHO KHỞI
Sinh: Nho Tình
Bà 1: họ Hà
Bà 2:…
Sinh Tịch (mất sớm)…Bá (mất sớm)
Nho Nhiếp
Bà cả họ Nguyễn
Bà hai họ Phan
Con gái: Thị Châu lấy chồng Sơn bằng
Nho Ân
Bà họ Hà
Con Nị, Tiêm, Niệm….
Nị có con là Dương
Niệm có con là Yên, Vinh, Tiêm, Trừ không có con
Văn Lịch
Văn Chí
Nho Chấn-Tú tài Hán học
Bà 1 họ Trần
Bà 2 họ Phan
Con gái: Thương, Em, Tùng, Điu
Nho Đề
Trai Đường có 2 gái gái Thị Đồng+4 người mất sớm
Nho Yết
Nho Huy bà họ Nguyễn
Nho Đường (Bá Phù 1890-1950) Bà họ Nguyễn, gái Phương 1920-1993 Quế 1922 chồng Hòa ở Mỹ, Liên 1926 ở Sài Gòn Hương (Yên) 1934 chồng là Kiều
Nho Lương, Bà..
Con gái: Thị Em chồng Sơn Thịnh
Thị Tiu chồng Phan Văn Thiện
Nho Đàm, bà họ Nguyễn
Nho Hùng
Trai: Ngọc mất 1952; Gái Thị Chanh
Nho Hạnh
Nho Đoàn
Nho Thưởng
Văn Loát
Văn Bát ở Pháp
Nho Cự 1914-1959
Bà Tô Thị Bông
Hoàng Thị Mai sinh Nho Hà..
Sinh 1 gái là Bảo Ngọc 1965
Nho Cơ (1929-..)
Bà Phan Thị Hường
Gái; bích Hoài
Chồng Lệ Hạnh 1964

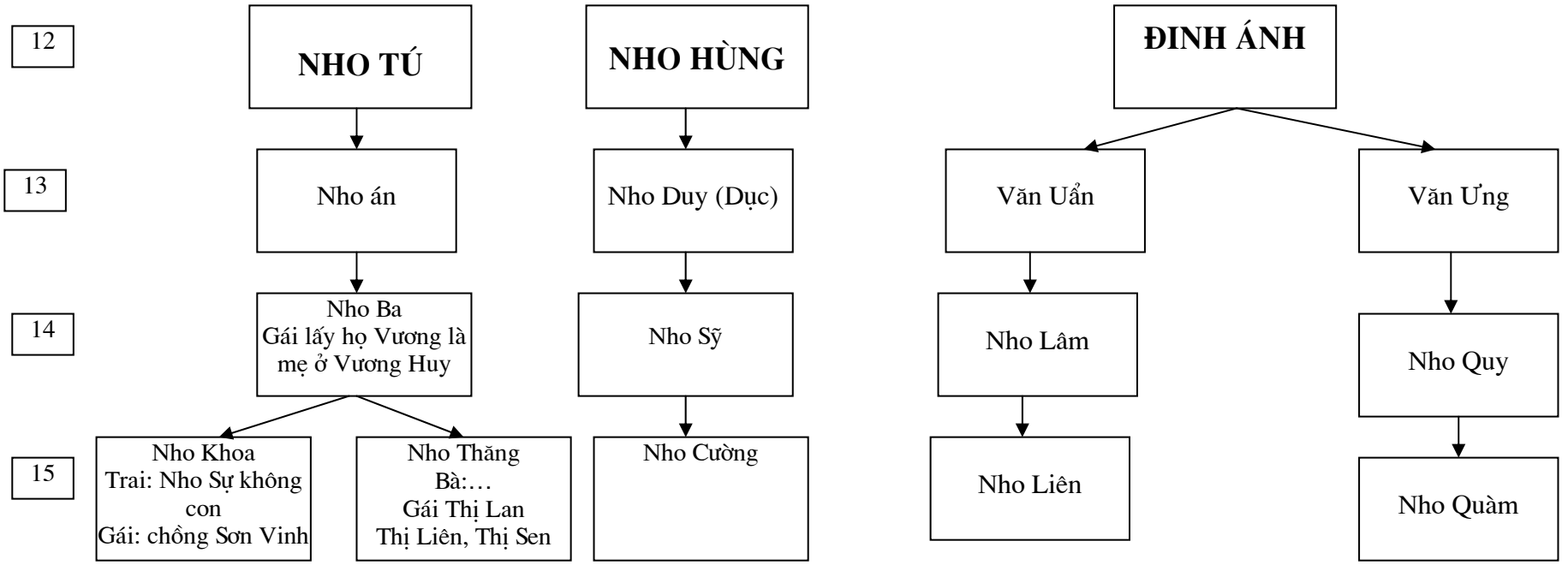

16
17
18
19
20
Nho Lương, Bà.. Con gái: Thị Em chồng Sơn Thịnh Thị Tiu chồng Phan Văn Thiện
Nho Đàm, bà họ Nguyễn
Nho Hùng Trai: Ngọc mất 1952; Gái Thị Chanh
Nho Hạnh
Nho Đoàn
Nho Thưởng
Văn Loát
Văn Bát ở Pháp
Nho Cự 1914-1959 Bà Tô Thị Bông Hoàng Thị Mai sinh Nho Hà.. Sinh 1 gái là Bảo Ngọc 1965
Nho Cơ (1929-..) Bà Phan Thị Hường Gái; bích Hoài Chồng Lệ Hạnh 1964
Nho Xanh. Bà Phan Thị.. Gái Lê Mạnh chồng Quốc Trai 4: Tuệ liệt sĩ
Nho Tấn 1931 Bà Phạm Thị Huệ Gái Thị Hà Thị Nguyệt
Tuấn Lợi Lê Thị Mươi
Văn Lợi Tống Thị Khương gái Thị Tâm, Thị Huệ
Nho Tùng
Nho Bát
Văn Sỹ(liệt sỹ)
Nho Dương
Nho Hải 1985 vợ người Anh gái Tene xa
Nho Bình vợ người úc , gái Clane
Hoàng Hà, Bùi Thị Xuân
Nho Đống 1957 Bà Hồ Thị Bích Gái Thị Dung
Nho Lữ 1959 Bà Lê Thị Phương
Nho Thắng 1972
Nho Bằng Gái Thị Tú
Nho Thuận, bà Lê Thị Hường, gái Bé, Lan
Nho Trang
Nho Dực
Nho Ngụ
Huấn
Luân
Ký
Duyệt
Minh
Chiến Quốc Tiến sĩ Gái Thị Thảo
Nho Hồng Bà Hà Thị Phương
Nho Sơn
Nho Nam
Quốc Khánh
Nho Thành
Nho Thắng
Nho Hòa
Nho Kính
Nho Chương
Nho Tiến
Quốc Tuấn
Hoàng Hà
Gái Bảo Ngọc
Nho Dũng
Hồng Linh
Nho Việt
Nho Quyến Tống+Nhơn
Nho Đạt
Nho Thắng
Nho Trung Gái: Khải
Nho Tuấn
Nho Anh
Nho Hùng
Nho Hào
Nho Giáp
Nho Khôi
Nho Thái
Nho Bảo Ân

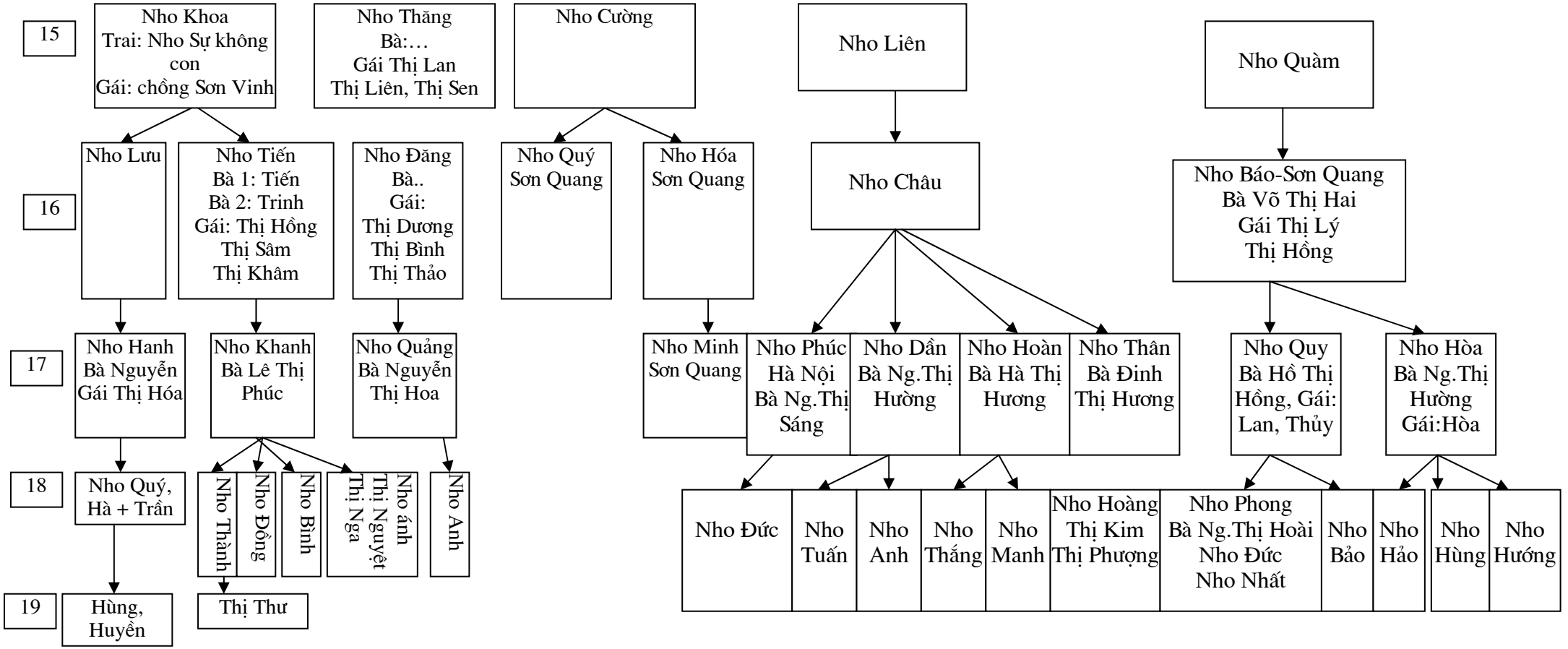

12
13
14
15
16
17
18
NHO KHÁNH
Văn Vy
Văn Hẻn
Văn Sáu
Gái bà…lấy chồng người Nghệ An
Văn Bảy
Gái Thị Lan chồng Lê Bảo
Nho Quyển
Bà Nguyễn Thị Cháu
Gái Thị Xuân
Nho Vương
Bà Lê Thị Hòe
Gái:Thị Hương chồng Hà Tây
Thị Thanh chồng Đức Bình
Thị Lan chồng Sơn Phố
Thị Hường chồng Sơn Phố
Nho Đức
P. Long
Nho Thắng
Nguyễn Thị…
Gái: Tú
Nho Hòa
Bà Hà Thị Anh
Gái; Thị Trang
Nho Thuận
Gái: Thị Thanh
Thị…
Thị…
Nho Anh
Nho Sơn
Nho Hoàng
THẾ HÀO
Văn Đoán
Văn Trinh
Văn Yên
Văn Hạnh
Văn Yến
Nho Mạn Sơn Diệm
Nho Lai - Sơn Phố
Nho Ninh ở Hà Nội
Nho Minh
Nho Hạnh ở Sơn Phố
Nho Hùng
Nho Đũng
Nho Sáng
Nho Đức


12
13
14
15
16
17
18
BÁ DUY
VĂN HIẾU
VĂN ĐIỆU
Nho Ngoạn
Nho Vinh
Nho Ba không con
Nho Giám
Nho Mạo
Nho Chí
Nho Có
Nho Tảo
Nho Xuyến
Nho Minh
Không con
Nho Diên
Nho Yên
Nho Hòa
Nho Chí
Nho Cường
Nho Thường
Nho Lục
Bà
Gái
Nho Bài
Nho Mỹ
Nho
Cứng
Nho Hóa
Sơn Quang
Nho Cung
bà.. 4 gái
Nho Cẩu
ở miền
Nam
Nho
Kính gái
T. Hương
Nho Nguyện
(Sơn Quang)
Nho
Tứ
Nho
Huân
Nho
Quán
Bà…
Gái: Thị
Nga
Nho Sơn
bà:…
Gái Thị
Thúy
Nho
Đoài
Nho
Bình
Nho
Minh
Nho
Hoài
Nho
Đức ở
Đức Lập
Nho Lợi
bà..gái..
Thị
Nhung,
Xuyến
Nho
Hùng
Nho
Nguyện
Nho Mãnh
Nho Kỳ
Nho Sỹ
Nho Tíu
Nho Dục
Nho ánh
Nho Quân
Nho Đức
Nho Hanh
Nho Thái
Nho Phi
Nho Đàn
Nho Luật
Nho Thuyên
Nho Thuyết
Nho Duẫn
Nho Tuấn
Nho Luận
Nho Ngọc
Nho Tân
Sỹ
Đào

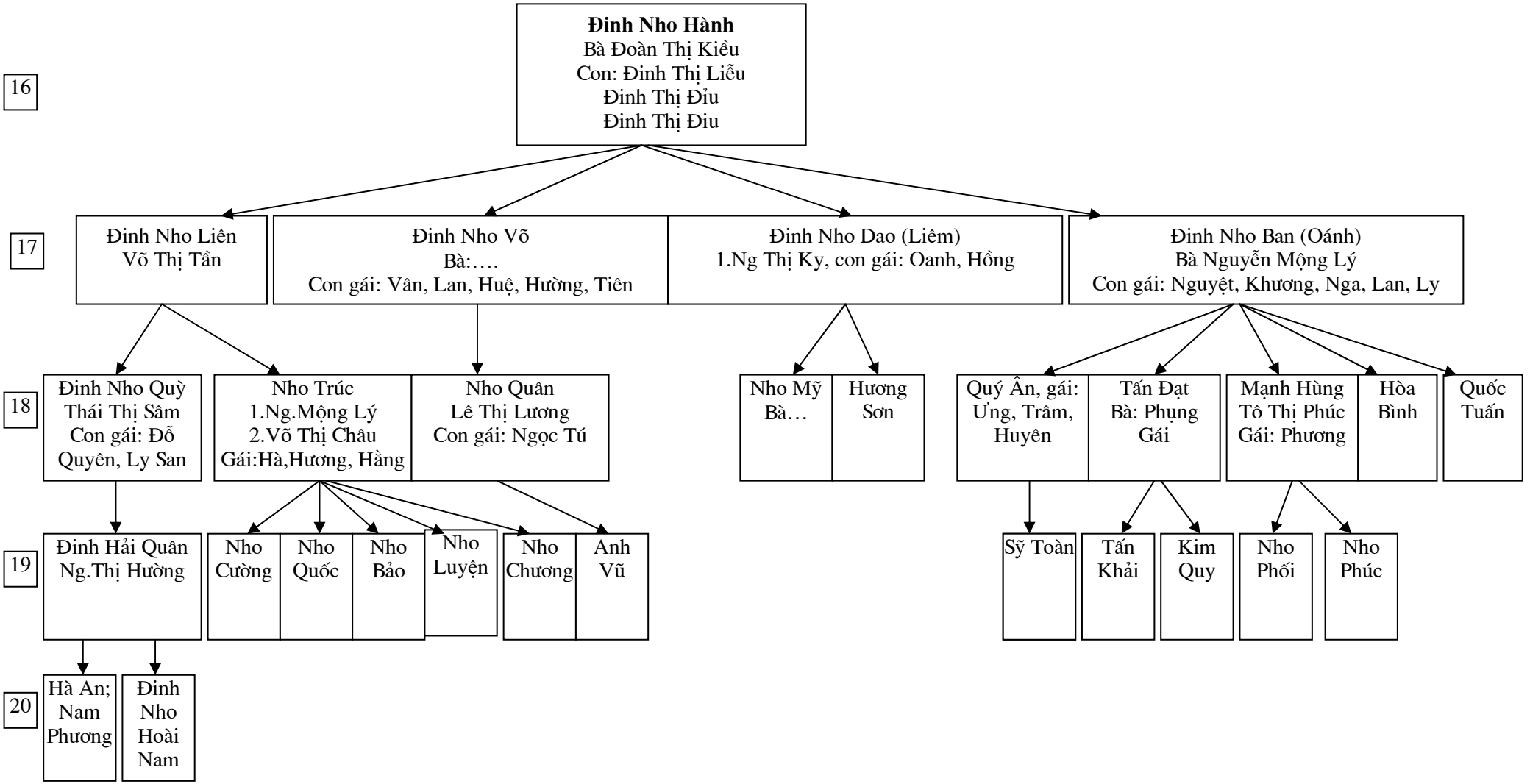

12
13
14
15
NHO HỢP
Có 1 gái: Cố Thú, Chồng họ Phan
Nho Học
Bà 1: Họ Trần, bà 2: họ Phan
Con trai: Triển,mất sớm; Nho Anh mất tích; Gái: Ngự lấy chồng Sơn Tiến
Nho Thao
Trai: Y mất sớm
Gái: Thị Kế chồng họ Nguyễn (bà quản Truyền); Thị Diên…
Nho Khan-ky 7/9
Bà họ Lê ky 6/11
Gái: Thị Hải…
Nho Ba
Bà họ Đinh
Gái:Thị Liên(Bà Lan) Kiểu ở Huế
Nho Nghiêm (Viêm)
Bà Diễn Châu
Trai Liệt sĩ Nho Lương
Nho Yên
Bà họ Tống
Trai: Tào không con
Nho Ngụ
Bà 1: họ Nguyễn, bà 2: họ Phạm
Gái Thị Cháu, chồng Sơn Hòa họ Trần
Thị Dung chồng Sơn Hòa họ Hồ
Nho Đại (1885-1960)
Bà 1: Họ Lê Sơn An
Bà 2: Họ Nguyễn Sơn Hòa
Con trai: Hưởng vào Nam Thưởng-liệt sĩ; Trường-liệt sĩ
Gái: Thị Em, Thị Hồng
Nho Hàm (1906-1985)
Bà họ Nguyễn
Gái: Thị Chín (mất) Thị Hà, Thị An
Nho Thắm (1915-1993)
Gái: Châu, Hường, Hải,
Trai liệt sĩ: Mậu
Nho Nhi
Bà họ Trần,
Gái: Em, Thị,N. Hạnh
Nho Đào
Bà họ Nguyễn,
Trai liệt sĩ Quế, Gái: Trầm,Vinh
Nho Bút
Bà họ Nguyễn,
Gái: Liên, Sen, Soa, Hòa
Nho Tao (1930) bà họ Đinh
Gái: Hòa
Nho Quý (1926)
Bà họ Nguyễn Sơn Lệ
Gái: Thị Hương
Trai: Hóa, Sơn mất sớm
Nho Nghị 1937
Bà họ Tống
5 gái
Nho Điu 1931 bà họ Hà,
gái: Lợi
Nho Tiu bà họ Nguyễn, gái: Huệ
Nho Thìn bà họ Võ
Gái: Long, Tân


15
Nho Đại (1885-1960) Bà 1: Họ Lê Sơn An Bà 2: Họ Nguyễn Sơn Hòa Con trai: Hưởng vào Nam Thưởng-liệt sĩ; Trường-liệt sĩ Gái: Thị Em, Thị Hồng
Nho Hàm (1906-1985) Bà họ Nguyễn Gái: Thị Chín (mất) Thị Hà, Thị An
Nho Thắm (1915-1993) Gái: Châu, Hường, Hải, Trai liệt sĩ: Mậu
Nho Nhi Bà họ Trần, Gái: Em, Thị,N. Hạnh
Nho Đào Bà họ Nguyễn, Trai liệt sĩ Quế, Gái: Trầm,Vinh
Nho Bút Bà họ Nguyễn, Gái: Liên, Sen, Soa, Hòa
Nho Tao (1930) bà họ Đinh Gái: Hòa
Nho Quý (1926) Bà họ Nguyễn Sơn Lệ Gái: Thị Hương Trai: Hóa, Sơn mất sớm
Nho Nghị 1937 Bà họ Tống 5 gái
Nho Điu 1931 bà họ Hà, gái: Lợi
Nho Tiu bà họ Nguyễn, gái: Huệ
Nho Thìn bà họ Võ Gái: Long, Tân
16
Nho Trương (1916-1985) bà họ Nguyễn Gái: Sâm, Hòa,Bính, Nam
Nho Cương 1932 Bà Hà Thị Gái: Sen, Hồng, Hà
Nho Thường 1938 Bà họ Võ
Nho Đường Bà họ Hà Gái: Hải, Nga
Nho Nghi 1936 Bà họ Nguyễn Gái: Thị Hương
Nho Hùng 42 Bà họ Đoàn Gái: Ca Hoài
Gái:Thẩm,Huyền
Nho Thi 48 Bà họ Phan
Nho Chỉnh 1931 Bà họ Hà
Nho Tường Bà họ Võ
Nho Lâm Bà họ Dương Gái:Huyền,Huấn,Ma
Nho Thành Bà họ Cao Gái: Thị Hiền
Nho Lý 52 Bà họ Tống Gái: Thị Hoa
Nho Hùng Bà họ Hà
Nho Cảnh 1953
Nho Bình 67 Bà họ Phan
Nho Liêm
Nho Hòa Bà họ Nguyễn
Nho Phúc Bà họ Nguyễn
Nho Đức Bà họ Đào
Nho Cảnh Bà họ Trần
Nho Thắng 64
Nho Toàn 83
Nho Hợi
Nho Hoài
Nho Phương
Nho Hoàng
17
Nho Chiến 46 Bà họ Hà
Nho Thắng 49 Bà họ Nguyễn Gái: Thị Huế
Nho Dân Bà họ Nguyễn
Nho Quang
Nho Hào
Thị Bích Thị Thành
Nho Sơn Bà Hà Thị Phương
Nho Giang Đinh thị …
Nho Hải 1971 Vợ họ Trần
Nho Hồng
Nho Hùng Bà họ Nguyễn Gái: Thị Hiền
Nho Thuân
Nho Danh
Nho Việt
Nho Quân
Nho Mậu 52 Bà họ Nguyễn
Nho Tình
Nho Tân Bà họ Nguyễn
Nho Dần Bà họ Phan
Nho Long 85
Nho Tài 84
Nho Dũng 75
Nho Luân
Nho Quang
Nho Hải
Nho Vũ
Nho Tuấn
Nho Châu
18
Nho Minh
Nho Khân
Nho Hoàn
Nho Hoàn
Nho Trung Thị Diên
Nho Huỳnh
Nho Liên
Nho Huấn
Nho Đức
Nho Công
Nho Quân
Nho Quang
Nho Sơn
Thị Thu Thị Hằng

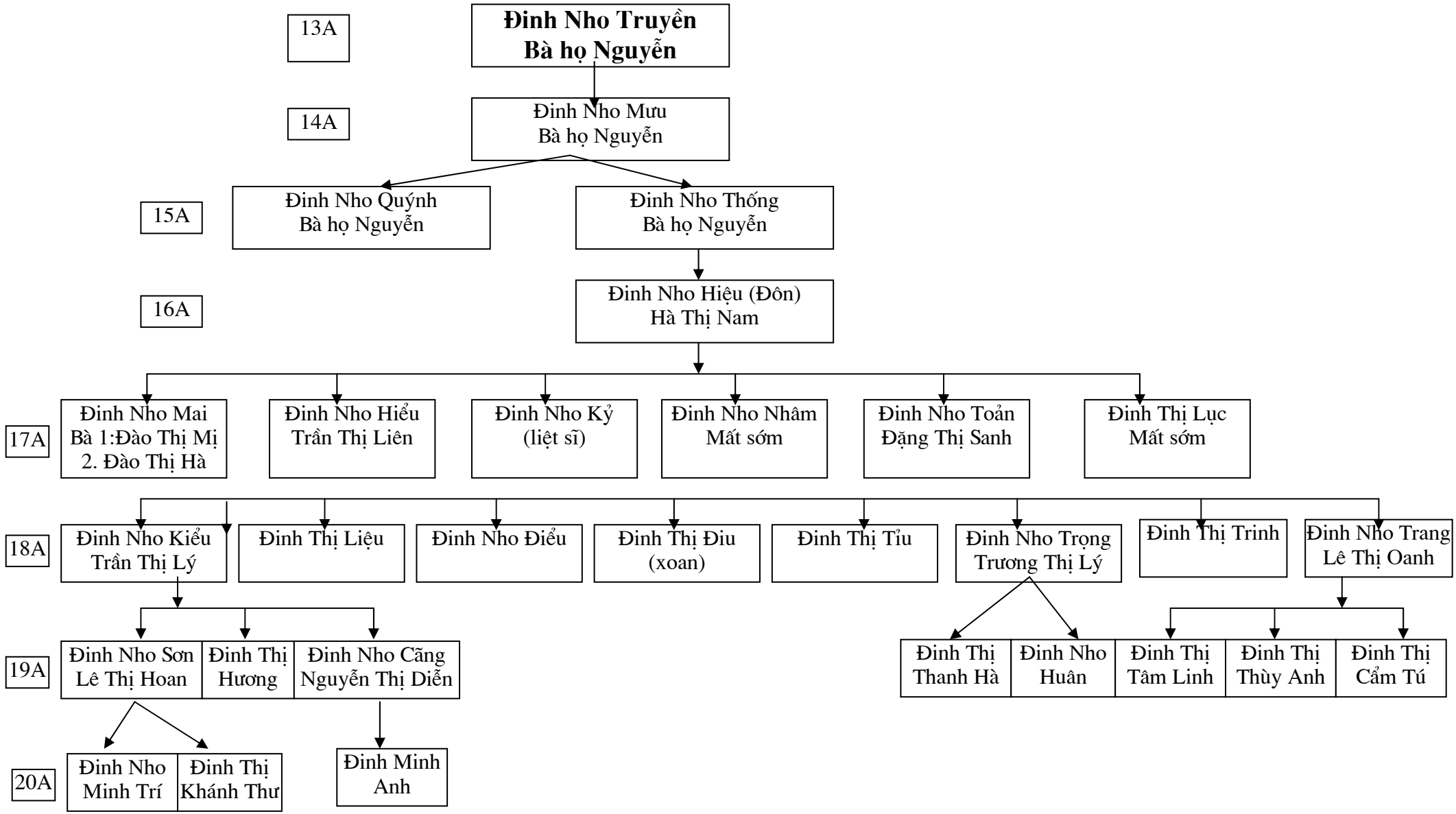

12
13
14
15
NHO TÚ
NHO HÙNG
ĐINH ÁNH
Nho án
Nho Duy (Dục)
Văn Uẩn
Văn Ưng
Nho Ba
Gái lấy họ Vương là mẹ ở Vương Huy
Nho Sỹ
Nho Lâm
Nho Quy
Nho Khoa
Trai: Nho Sự không con
Gái: chồng Sơn Vinh
Nho Thăng
Bà:…
Gái Thị Lan
Thị Liên, Thị Sen
Nho Cường
Nho Liên
Nho Quàm

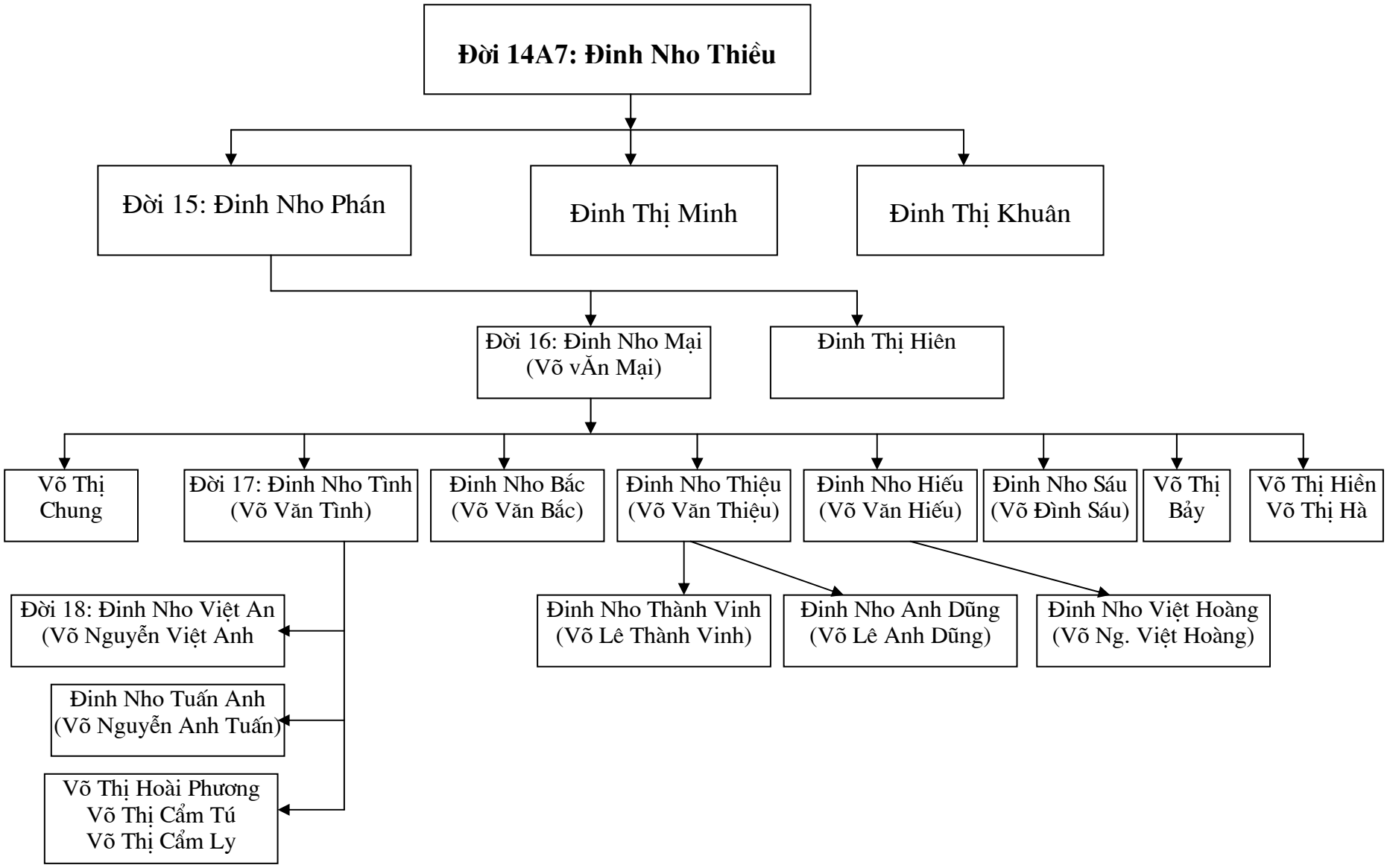

15
Nho Khoa
Trai: Nho Sự không con
Gái: chồng Sơn Vinh
Nho Thăng
Bà:…
Gái Thị Lan
Thị Liên, Thị Sen
Nho Cường
Nho Liên
Nho Quàm
16
Nho Lưu
Nho Tiến
Bà 1: Tiến
Bà 2: Trinh
Gái: Thị Hồng
Thị Sâm
Thị Khâm
Nho Đăng
Bà..
Gái:
Thị Dương
Thị Bình
Thị Thảo
Nho Quý
Sơn Quang
Nho Hóa
Sơn Quang
Nho Châu
Nho Báo-Sơn Quang
Bà Võ Thị Hai
Gái Thị Lý
Thị Hồng
17
Nho Hanh
Bà Nguyễn
Gái Thị Hóa
Nho Khanh
Bà Lê Thị
Phúc
Nho Quảng
Bà Nguyễn
Thị Hoa
Nho Minh
Sơn Quang
Nho Phúc
Hà Nội
Bà Ng.Thị
Sáng
Nho Dần
Bà Ng.Thị
Hường
Nho Hoàn
Bà Hà Thị
Hương
Nho Thân
Bà Đinh
Thị Hương
Nho Quy
Bà Hồ Thị
Hồng, Gái:
Lan, Thủy
Nho Hòa
Bà Ng.Thị
Hường
Gái:Hòa
18
Nho Quý,
Hà + Trần
Nho Thành
Nho Đồng
Nho Bình
Thị Nguyệt
Thị Nga
Nho ánh
Nho Anh
Nho Đức
Nho
Tuấn
Nho
Anh
Nho
Thắng
Nho
Manh
Nho Hoàng
Thị Kim
Thị Phượng
Nho Phong
Bà Ng.Thị Hoài
Nho Đức
Nho Nhất
Nho
Bảo
Nho
Hảo
Nho
Hùng
Nho
Hướng
19
Hùng,
Huyền
Thị Thư

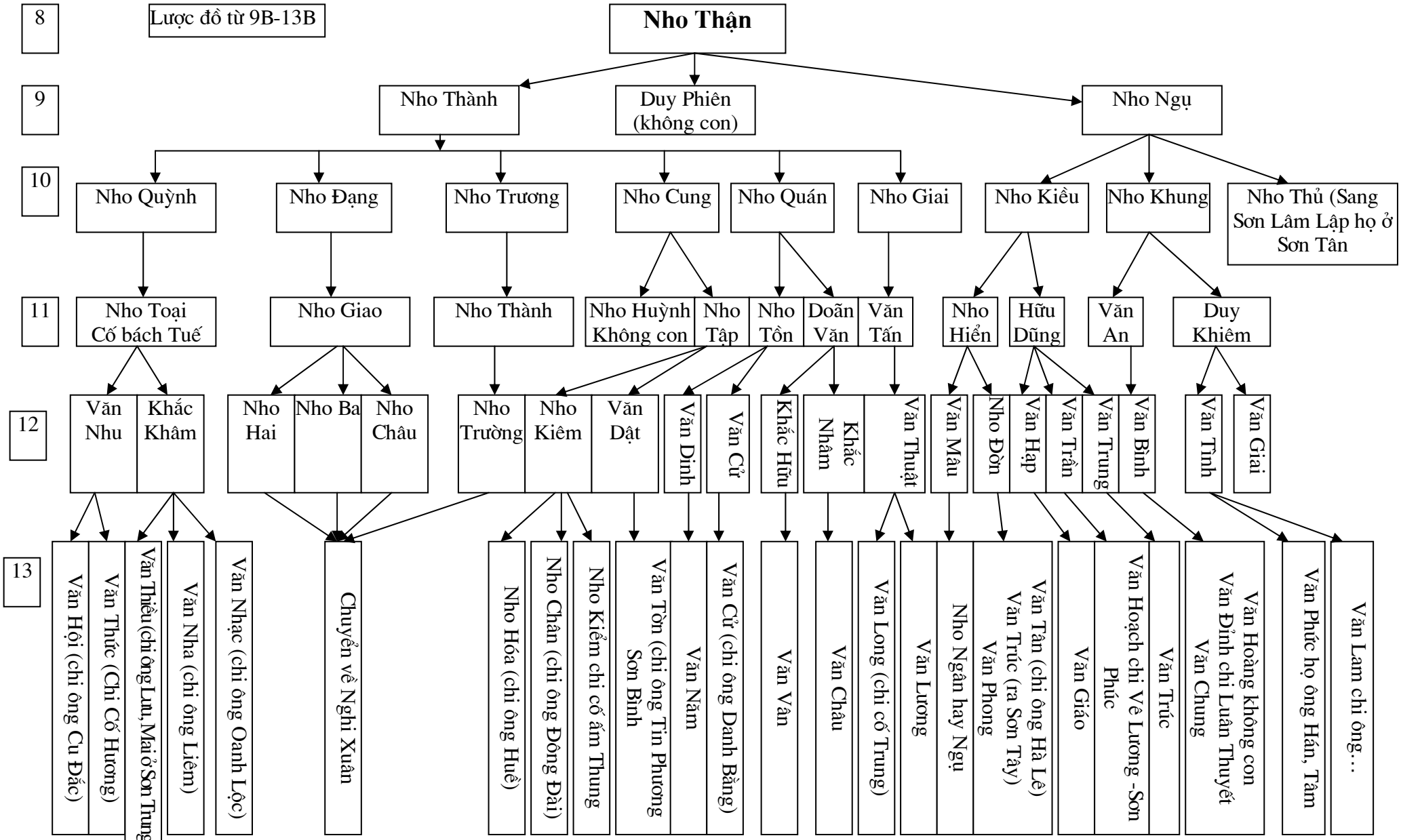
LƯỢC ĐỒ TIỂU CHI TỘC TRƯỞNG

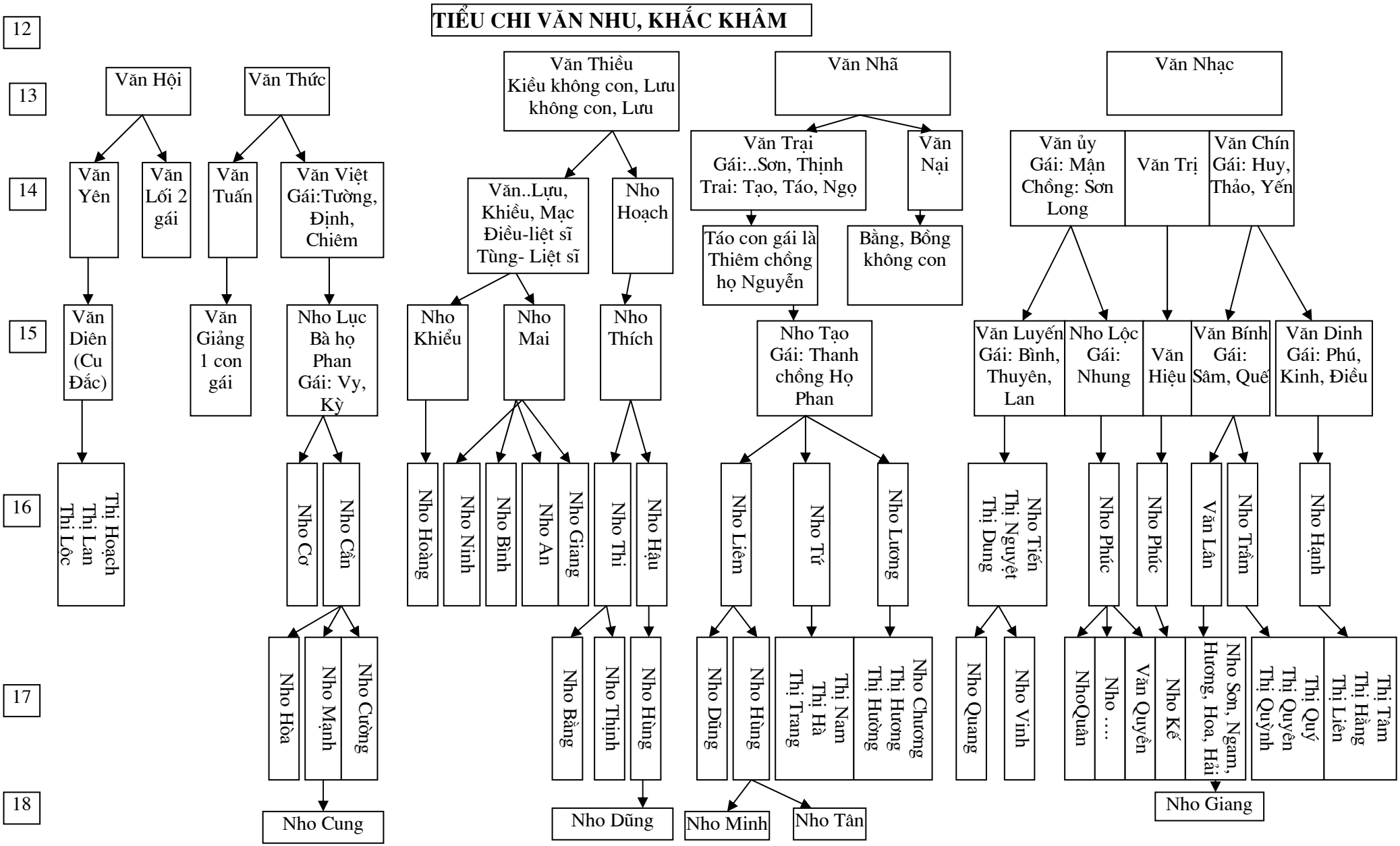


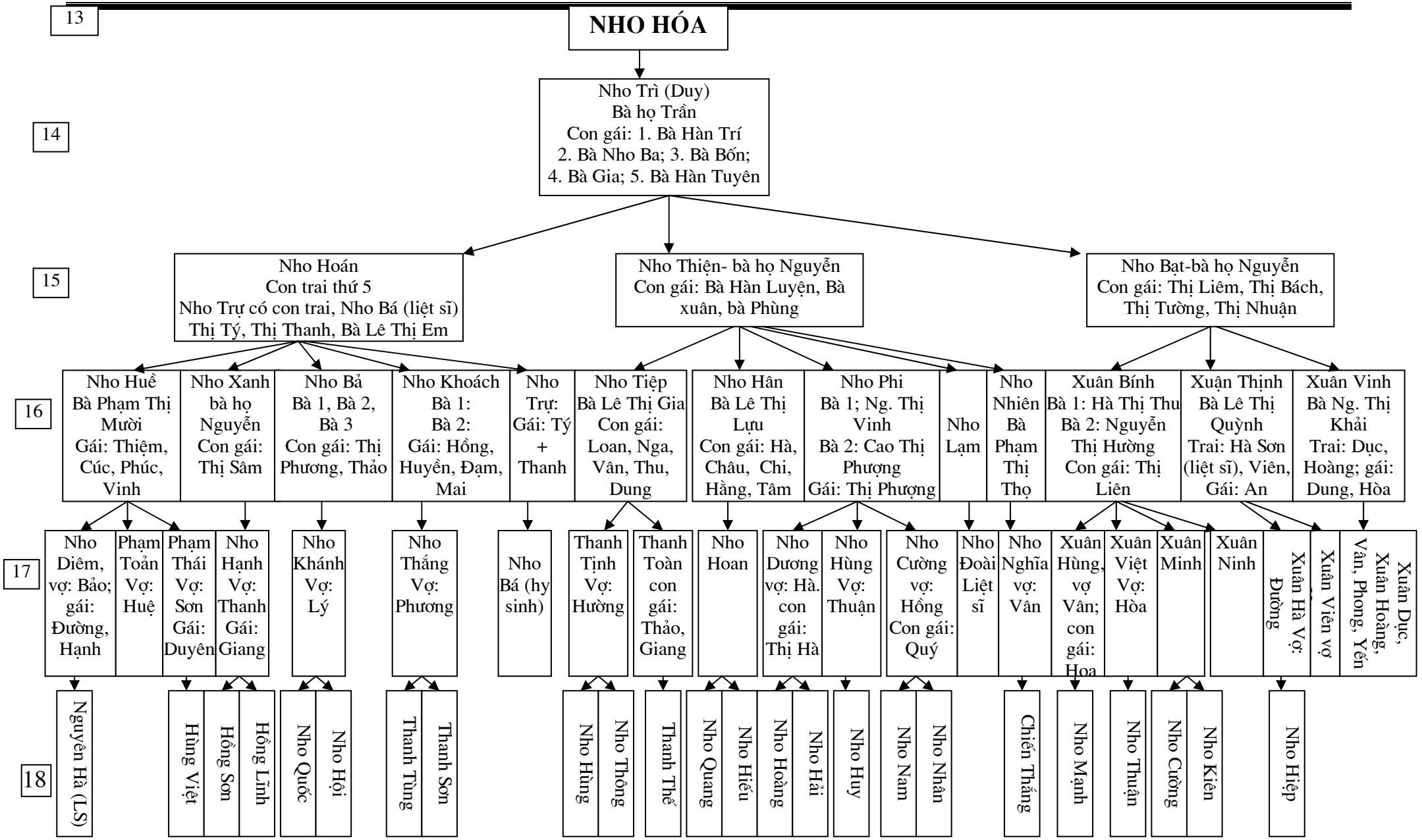
SƠ ĐỒ TIỂU CHI CỤ ĐINH NHO THỐNG (15A)

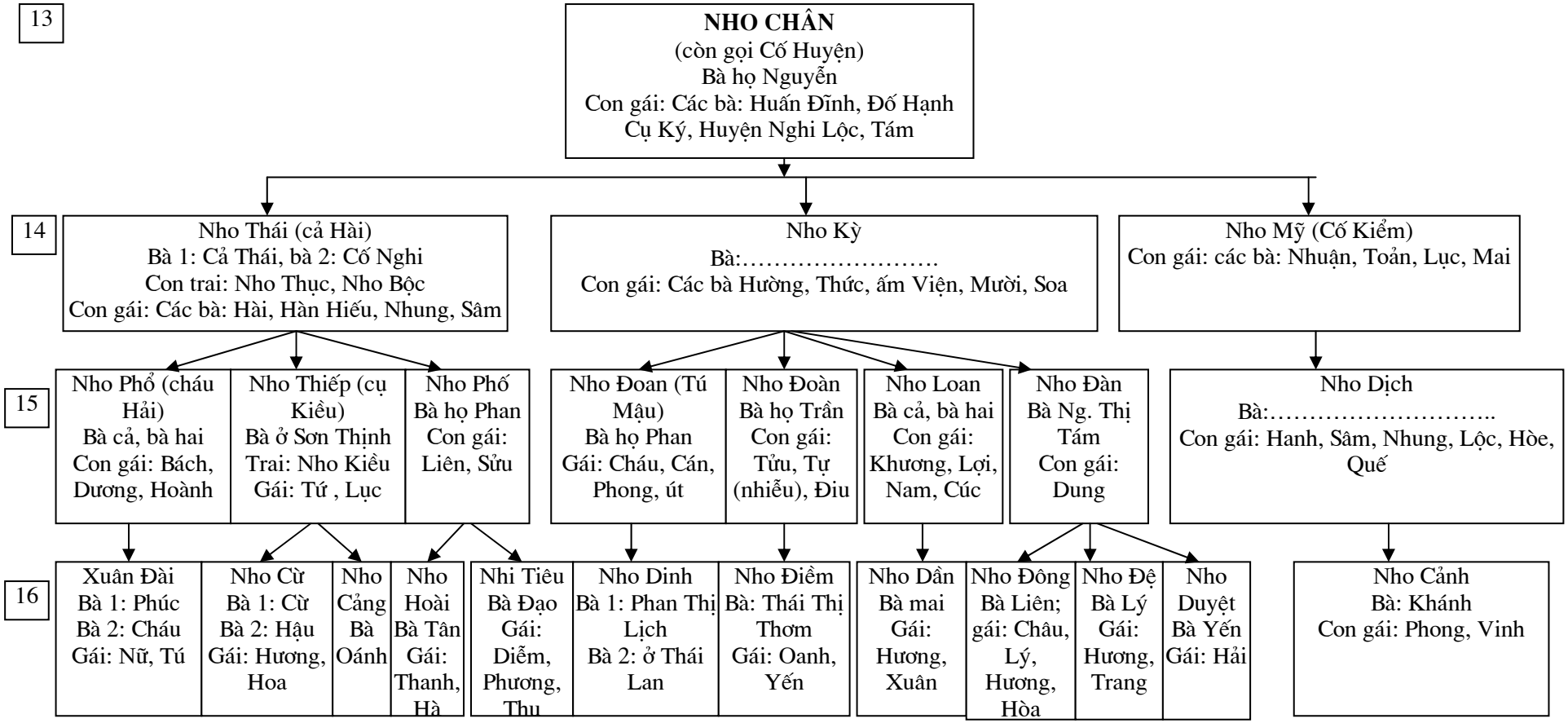


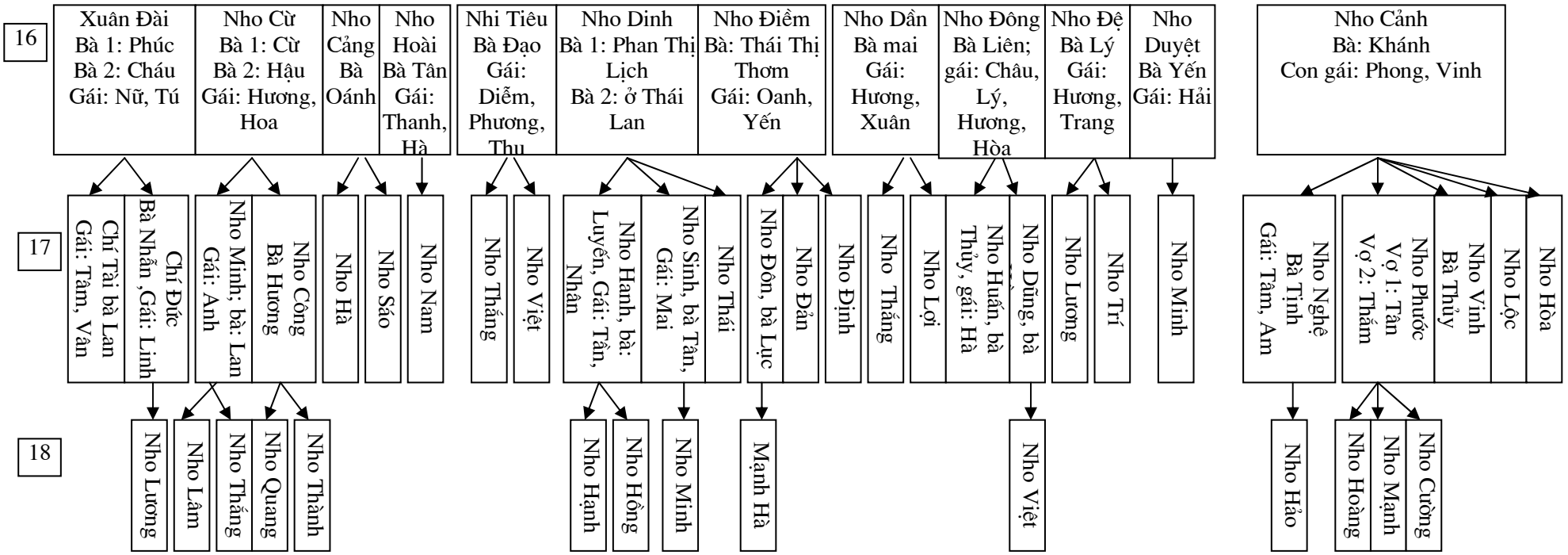

Đời 14A7: Đinh Nho Thiều
Đời 15: Đinh Nho Phán
Đinh Thị Minh
Đinh Thị Khuân
Đời 16: Đinh Nho Mại
(Võ vĂn Mại)
Đinh Thị Hiên
Võ Thị
Chung
Đời 17: Đinh Nho Tình
(Võ Văn Tình)
Đinh Nho Bắc
(Võ Văn Bắc)
Đinh Nho Thiệu
(Võ Văn Thiệu)
Đinh Nho Hiếu
(Võ Văn Hiếu)
Đinh Nho Sáu
(Võ Đình Sáu)
Võ Thị
Bảy
Võ Thị Hiền
Võ Thị Hà
Đời 18: Đinh Nho Việt An
(Võ Nguyễn Việt Anh
Đinh Nho Tuấn Anh
(Võ Nguyễn Anh Tuấn)
Võ Thị Hoài Phương
Võ Thị Cẩm Tú
Võ Thị Cẩm Ly
Đinh Nho Thành Vinh
(Võ Lê Thành Vinh)
Đinh Nho Anh Dũng
(Võ Lê Anh Dũng)
Đinh Nho Việt Hoàng
(Võ Ng. Việt Hoàng)

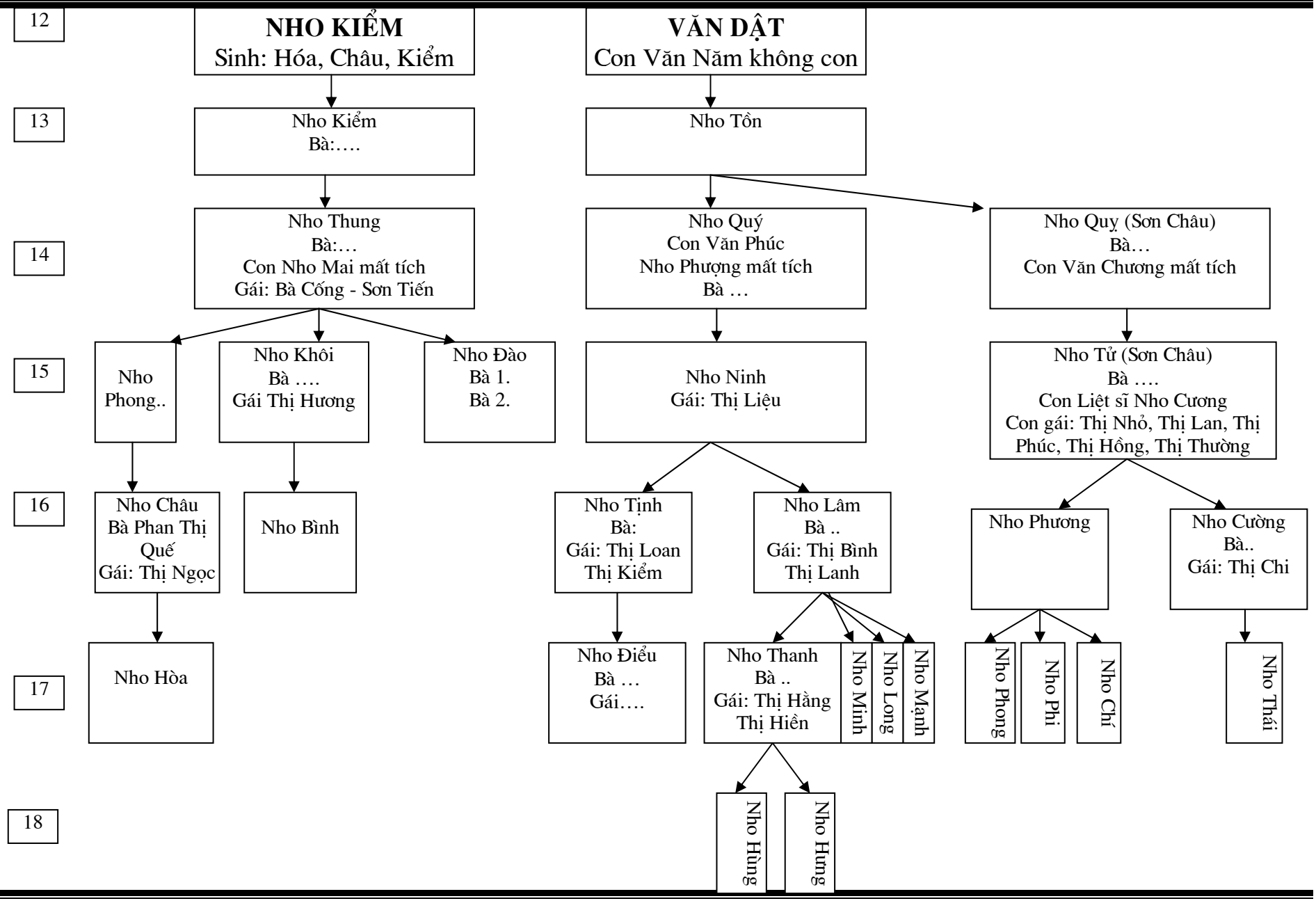

8
Lược đồ từ 9B-13B
Nho Thận
9
Nho Thành
Duy Phiên (không con)
Nho Ngụ
10
Nho Quỳnh
Nho Đạng
Nho Trương
Nho Cung
Nho Quán
Nho Giai
Nho Kiều
Nho Khung
Nho Thủ (Sang Sơn Lâm Lập họ ở Sơn Tân
11
Nho Toại Cố bách Tuế
Nho Giao
Nho Thành
Nho Huỳnh Không con
Nho Tập
Nho Tồn
Doãn Văn
Văn Tấn
Nho Hiển
Hữu Dũng
Văn An
Duy Khiêm
12
Văn Nhu
Khắc Khâm
Nho Hai
Nho Ba
Nho Châu
Nho Trường
Nho Kiêm
Văn Dật
Văn Dinh
Văn Cử
Khắc Hữu
Khắc Nhâm
Văn Thuật
Văn Mâu
Nho Đờn
Văn Hạp
Văn Trần
Văn Trung
Văn Bình
Văn Tình
Văn Giai
13
Văn Hội (chi ông Cu Đắc)
Văn Thức (Chi Cố Hương)
Văn Thiều(chi ông Lưu,Mai ở Sơn Trung
Văn Nha (chi ông Liêm)
Văn Nhạc (chi ông Oanh Lộc)
Chuyển về Nghi Xuân
Nho Hóa (chi ông Huề)
Nho Chân (chi ông Đông Đài)
Nho Kiểm chi cố ấm Thung
Văn Tờn (chi ông Tín Phương Sơn Bình
Văn Năm
Văn Cử (chi ông Danh Bằng)
Văn Vân
Văn Châu
Văn Long (chi cố Trung)
Văn Lương
Nho Ngân hay Ngụ
Văn Tân (chi ông Hà Lê)
Văn Trúc (ra Sơn Tây)
Văn Phong
Văn Giáo
Văn Hoạch chi Vê Lương -Sơn Phúc
Văn Trúc
Văn Hoàng không con
Văn Đính chi Luân Thuyết
Văn Chung
Văn Phúc họ ông Hán, Tâm
Văn Lam chi ông…

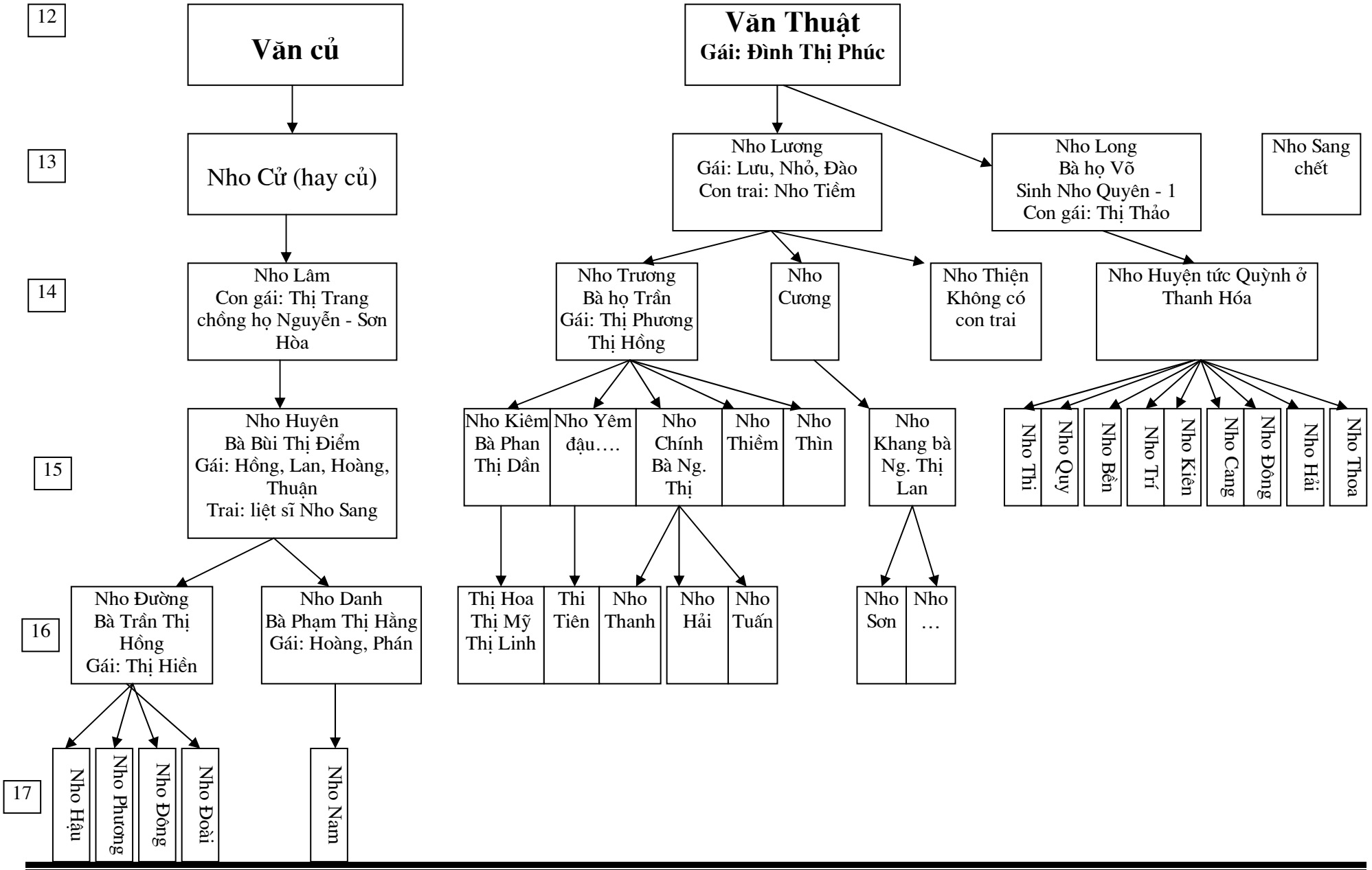

TIỂU CHI VĂN NHU, KHẮC KHÂM
12
13
14
15
16
17
18
Văn Hội
Văn Thức
Văn Thiều
Kiều không con, Lưu không con, Lưu
Văn Nhã
Văn Nhạc
Văn Yên
Văn Lối 2 gái
Văn Tuấn
Văn Việt
Gái:Tường, Định, Chiêm
Văn..Lựu, Khiều, Mạc Điều-liệt sĩ Tùng- Liệt sĩ
Nho Hoạch
Văn Trại
Gái:..Sơn, Thịnh
Trai: Tạo, Táo, Ngọ
Văn Nại
Văn ủy
Gái: Mận
Chồng: Sơn Long
Văn Trị
Văn Chín
Gái: Huy, Thảo, Yến
Văn Diên (Cu Đắc)
Văn Giảng 1 con gái
Nho Lục
Bà họ Phan
Gái: Vy, Kỳ
Nho Khiểu
Nho Mai
Nho Thích
Táo con gái là Thiêm chồng họ Nguyễn
Bằng, Bồng không con
Nho Tạo
Gái: Thanh
chồng Họ Phan
Văn Luyến
Gái: Bình, Thuyên, Lan
Nho Lộc
Gái: Nhung
Văn Hiệu
Văn Bính
Gái: Sâm, Quế
Văn Dinh
Gái: Phú, Kinh, Điều
Thị Hoạch
Thị Lan
Thị Lộc
Nho Cơ
Nho Cần
Nho Hoàng
Nho Ninh
Nho Bình
Nho An
Nho Giang
Nho Thi
Nho Hậu
Nho Liêm
Nho Tứ
Nho Lương
Nho Tiến
Thị Nguyệt
Thị Dung
Nho Phúc
Nho Phúc
Văn Lân
Nho Trầm
Nho Hạnh
Nho Hòa
Nho Mạnh
Nho Cường
Nho Bằng
Nho Thịnh
Nho Hùng
Nho Dũng
Nho Hùng
Thị Nam
Thị Hà
Thị Trang
Nho Chương
Thị Hương
Thị Hường
Nho Quang
Nho Vinh
NhoQuân
Nho ….
Văn Quyền
Nho Kế
Nho Sơn, Ngam, Hương, Hoa, Hải
Thị Quý
Thị Quyên
Thị Quỳnh
Thị Tâm
Thị Hằng
Thị Liên
Nho Cung
Nho Dũng
Nho Minh
Nho Tân
Nho Giang

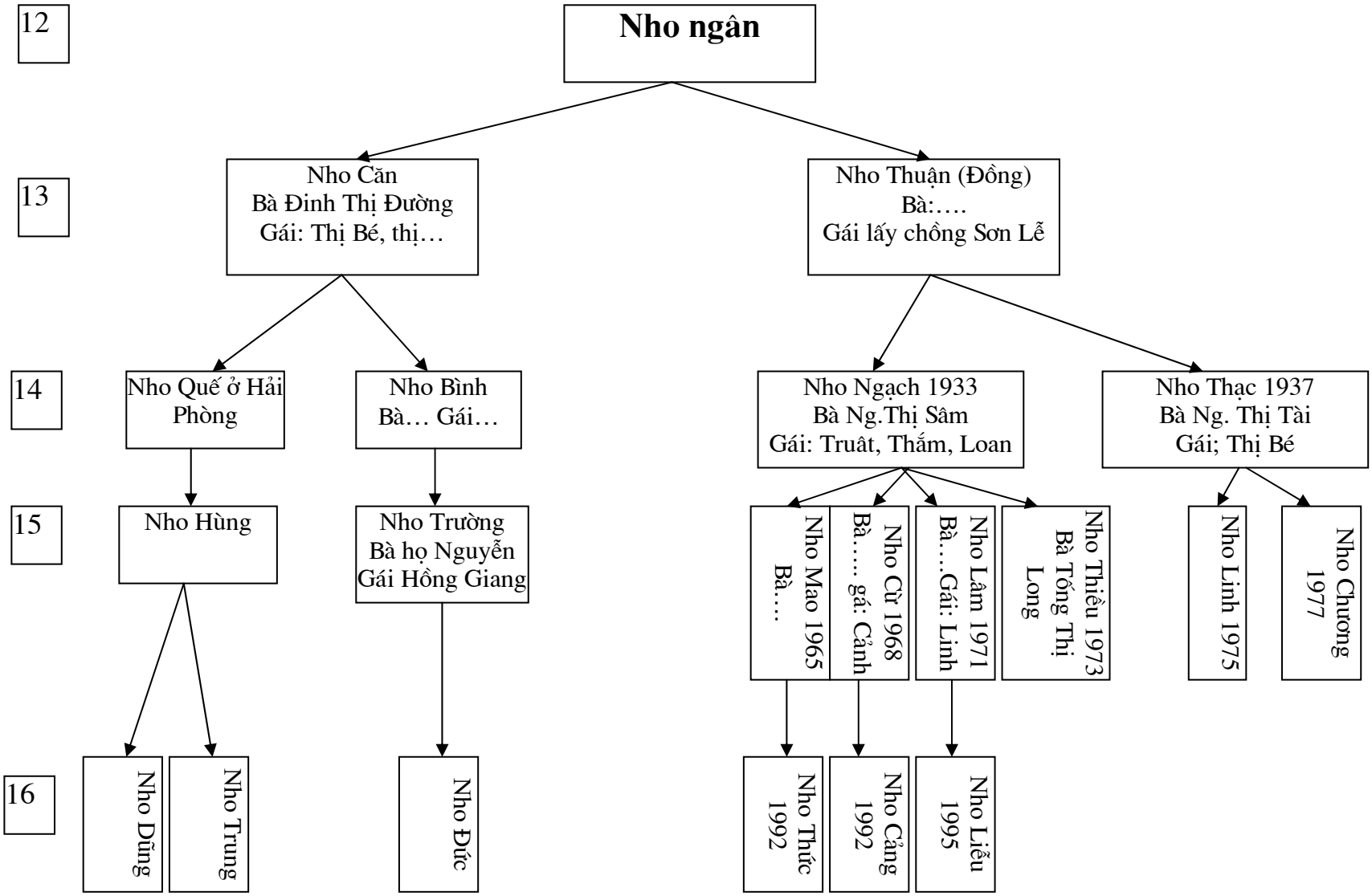

13
NHO HÓA
14
Nho Trì (Duy)
Bà họ Trần
Con gái: 1. Bà Hàn Trí
2. Bà Nho Ba; 3. Bà Bốn;
4. Bà Gia; 5. Bà Hàn Tuyên
15
Nho Hoán
Con trai thứ 5
Nho Trự có con trai, Nho Bá (liệt sĩ)
Thị Tý, Thị Thanh, Bà Lê Thị Em
Nho Thiện- bà họ Nguyễn
Con gái: Bà Hàn Luyện, Bà xuân, bà Phùng
Nho Bạt-bà họ Nguyễn
Con gái: Thị Liêm, Thị Bách, Thị Tường, Thị Nhuận
16
Nho Huề
Bà Phạm Thị Mười
Gái: Thiệm, Cúc, Phúc, Vinh
Nho Xanh
bà họ Nguyễn
Con gái: Thị Sâm
Nho Bả
Bà 1, Bà 2, Bà 3
Con gái: Thị Phương, Thảo
Nho Khoách
Bà 1:
Bà 2:
Gái: Hồng, Huyền, Đạm, Mai
Nho Trự:
Gái: Tý + Thanh
Nho Tiệp
Bà Lê Thị Gia
Con gái: Loan, Nga, Vân, Thu, Dung
Nho Hân
Bà Lê Thị Lựu
Con gái: Hà, Châu, Chi, Hằng, Tâm
Nho Phi
Bà 1; Ng. Thị Vinh
Bà 2: Cao Thị Phượng
Gái: Thị Phượng
Nho Lạm
Nho Nhiên
Bà Phạm Thị Thọ
Xuân Bính
Bà 1: Hà Thị Thu
Bà 2: Nguyễn Thị Hường
Con gái: Thị Liên
Xuận Thịnh
Bà Lê Thị Quỳnh
Trai: Hà Sơn (liệt sĩ), Viên,
Gái: An
Xuân Vinh
Bà Ng. Thị Khải
Trai: Dục, Hoàng; gái: Dung, Hòa
17
Nho Diêm, vợ: Bảo; gái: Đường, Hạnh
Phạm Toản
Vợ: Huệ
Phạm Thái
Vợ: Sơn
Gái: Duyên
Nho Hạnh
Vợ: Thanh
Gái: Giang
Nho Khánh
Vợ: Lý
Nho Thắng
Vợ: Phương
Nho Bá (hy sinh)
Thanh Tịnh
Vợ: Hường
Thanh Toàn
con gái: Thảo, Giang
Nho Hoan
Nho Dương
vợ: Hà.
con gái: Thị Hà
Nho Hùng
Vợ: Thuận
Nho Cường
vợ: Hồng
Con gái: Quý
Nho Đoài
Liệt sĩ
Nho Nghĩa
vợ: Vân
Xuân Hùng,
vợ Vân;
con gái: Hoa
Xuân Việt
Vợ: Hòa
Xuân Minh
Xuân Ninh
Xuân Hà Vợ: Đường
Xuân Viên vợ
Xuân Dục, Xuân Hoàng, Vân, Phong, Yến
18
Nguyên Hà (LS)
Hùng Việt
Hồng Sơn
Hồng Lĩnh
Nho Quốc
Nho Hội
Thanh Tùng
Thanh Sơn
Nho Hùng
Nho Thông
Thanh Thế
Nho Quang
Nho Hiếu
Nho Hoàng
Nho Hải
Nho Huy
Nho Nam
Nho Nhân
Chiến Thắng
Nho Mạnh
Nho Thuận
Nho Cường
Nho Kiên
Nho Hiệp

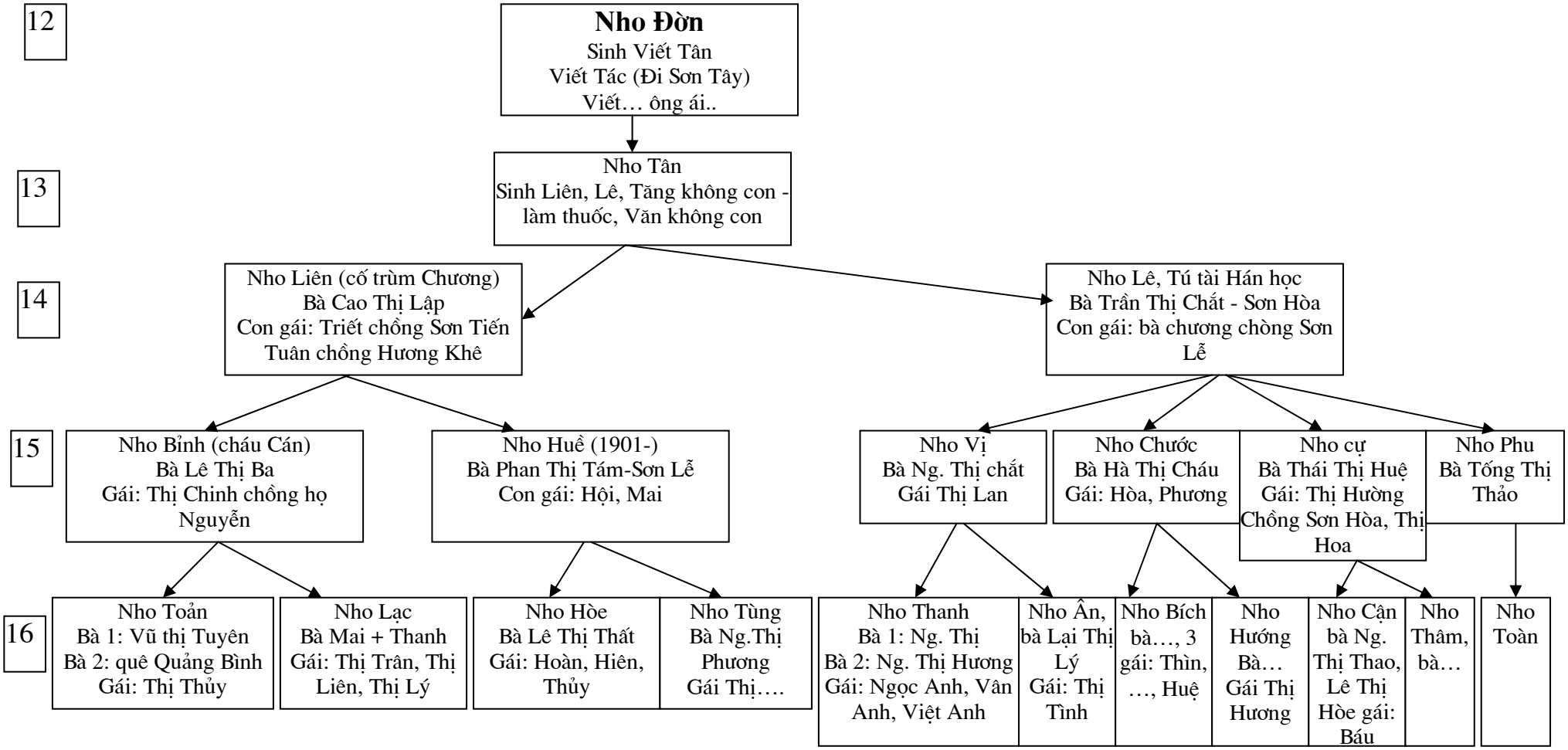

13
NHO CHÂN
(còn gọi Cố Huyện)
Bà họ Nguyễn
Con gái: Các bà: Huấn Đĩnh, Đố Hạnh
Cụ Ký, Huyện Nghi Lộc, Tám
14
Nho Thái (cả Hài)
Bà 1: Cả Thái, bà 2: Cố Nghi
Con trai: Nho Thục, Nho Bộc
Con gái: Các bà: Hài, Hàn Hiếu, Nhung, Sâm
Nho Kỳ
Bà:…….
Con gái: Các bà Hường, Thức, ấm Viện, Mười, Soa
Nho Mỹ (Cố Kiểm)
Con gái: các bà: Nhuận, Toản, Lục, Mai
15
Nho Phổ (cháu Hải)
Bà cả, bà hai
Con gái: Bách, Dương, Hoành
Nho Thiếp (cụ Kiều)
Bà ở Sơn Thịnh
Trai: Nho Kiều
Gái: Tứ , Lục
Nho Phố
Bà họ Phan
Con gái: Liên, Sửu
Nho Đoan (Tú Mậu)
Bà họ Phan
Gái: Cháu, Cán, Phong, út
Nho Đoàn
Bà họ Trần
Con gái: Tửu, Tự (nhiễu), Điu
Nho Loan
Bà cả, bà hai
Con gái: Khương, Lợi, Nam, Cúc
Nho Đàn
Bà Ng. Thị Tám
Con gái: Dung
Nho Dịch
Bà:……..
Con gái: Hanh, Sâm, Nhung, Lộc, Hòe, Quế
16
Xuân Đài
Bà 1: Phúc
Bà 2: Cháu
Gái: Nữ, Tú
Nho Cừ
Bà 1: Cừ
Bà 2: Hậu
Gái: Hương, Hoa
Nho Cảng
Bà Oánh
Nho Hoài
Bà Tân
Gái: Thanh, Hà
Nhi Tiêu
Bà Đạo
Gái: Diễm, Phương, Thu
Nho Dinh
Bà 1: Phan Thị Lịch
Bà 2: ở Thái Lan
Nho Điểm
Bà: Thái Thị Thơm
Gái: Oanh, Yến
Nho Dần
Bà mai
Gái: Hương, Xuân
Nho Đông
Bà Liên; gái: Châu, Lý, Hương, Hòa
Nho Đệ
Bà Lý
Gái: Hương, Trang
Nho Duyệt
Bà Yến
Gái: Hải
Nho Cảnh
Bà: Khánh
Con gái: Phong, Vinh

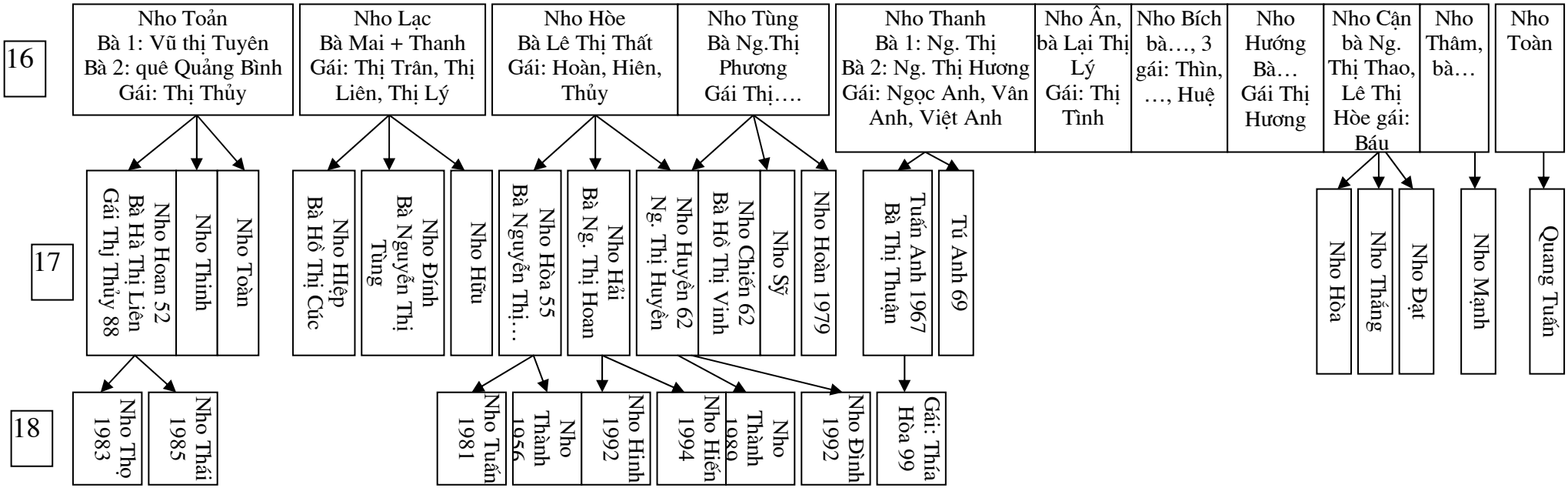

16
17
18
Xuân Đài
Bà 1: Phúc
Bà 2: Cháu
Gái: Nữ, Tú
Nho Cừ
Bà 1: Cừ
Bà 2: Hậu
Gái: Hương, Hoa
Nho Cảng
Bà Oánh
Nho Hoài
Bà Tân
Gái: Thanh, Hà
Nhi Tiêu
Bà Đạo
Gái: Diễm, Phương, Thu
Nho Dinh
Bà 1: Phan Thị Lịch
Bà 2: ở Thái Lan
Nho Điểm
Bà: Thái Thị Thơm
Gái: Oanh, Yến
Nho Dần
Bà mai
Gái: Hương, Xuân
Nho Đông
Bà Liên;
gái: Châu, Lý, Hương, Hòa
Nho Đệ
Bà Lý
Gái: Hương, Trang
Nho Duyệt
Bà Yến
Gái: Hải
Nho Cảnh
Bà: Khánh
Con gái: Phong, Vinh
Chí Đức
Bà Nhẫn ,Gái: Linh
Chí Tài bà Lan
Gái: Tâm, Vân
Nho Minh; bà: Lan
Gái: Anh
Nho Công
Bà Hương
Nho Hà
Nho Sáo
Nho Nam
Nho Thắng
Nho Việt
Nho Hạnh, bà: Luyến, Gái: Tần, Nhân
Nho Sinh, bà Tân,
Gái: Mai
Nho Thái
Nho Đôn, bà Lục
Nho Đản
Nho Định
Nho Thắng
Nho Lợi
Nho Huấn, bà Thủy, gái: Hà
Nho Dũng, bà
Nho Lương
Nho Trí
Nho Minh
Nho Nghệ
Bà Tịnh
Gái: Tâm, Am
Nho Phước
Vợ 1: Tân
Vợ 2: Thắm
Nho Vinh
Bà Thủy
Nho Lộc
Nho Hòa
Nho Lương
Nho Lâm
Nho Thắng
Nho Quang
Nho Thành
Nho Hạnh
Nho Hồng
Nho Minh
Mạnh Hà
Nho Việt
Nho Hảo
Nho Hoàng
Nho Mạnh
Nho Cường

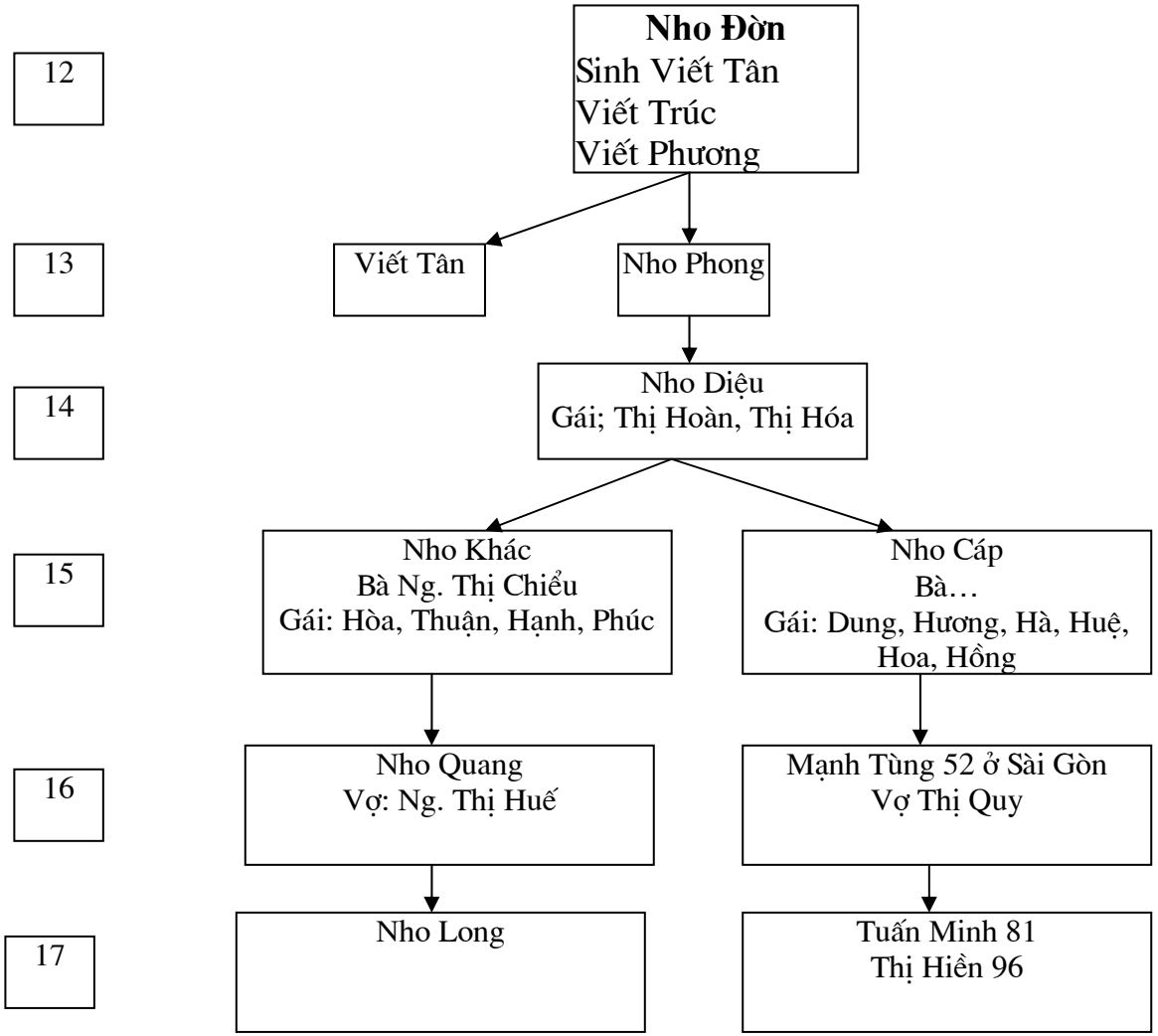

12
NHO KIỂM
Sinh: Hóa, Châu, Kiểm
VĂN DẬT
Con Văn Năm không con
13
Nho Kiểm
Bà:….
Nho Tồn
14
Nho Thung
Bà:…
Con Nho Mai mất tích
Gái: Bà Cống - Sơn Tiến
Nho Quý
Con Văn Phúc
Nho Phượng mất tích
Bà …
Nho Quỵ (Sơn Châu)
Bà…
Con Văn Chương mất tích
15
Nho Phong..
Nho Khôi
Bà ….
Gái Thị Hương
Nho Đào
Bà 1.
Bà 2.
Nho Ninh
Gái: Thị Liệu
Nho Tử (Sơn Châu)
Bà ….
Con Liệt sĩ Nho Cương
Con gái: Thị Nhỏ, Thị Lan, Thị Phúc, Thị Hồng, Thị Thường
16
Nho Châu
Bà Phan Thị Quế
Gái: Thị Ngọc
Nho Bình
Nho Tịnh
Bà:
Gái: Thị Loan
Thị Kiểm
Nho Lâm
Bà ..
Gái: Thị Bình
Thị Lanh
Nho Phương
Nho Cường
Bà..
Gái: Thị Chi
17
Nho Hòa
Nho Điểu
Bà …
Gái….
Nho Thanh
Bà ..
Gái: Thị Hằng
Thị Hiền
Nho Minh
Nho Long
Nho Mạnh
Nho Phong
Nho Phi
Nho Chí
Nho Thái
18
Nho Hùng
Nho Hưng

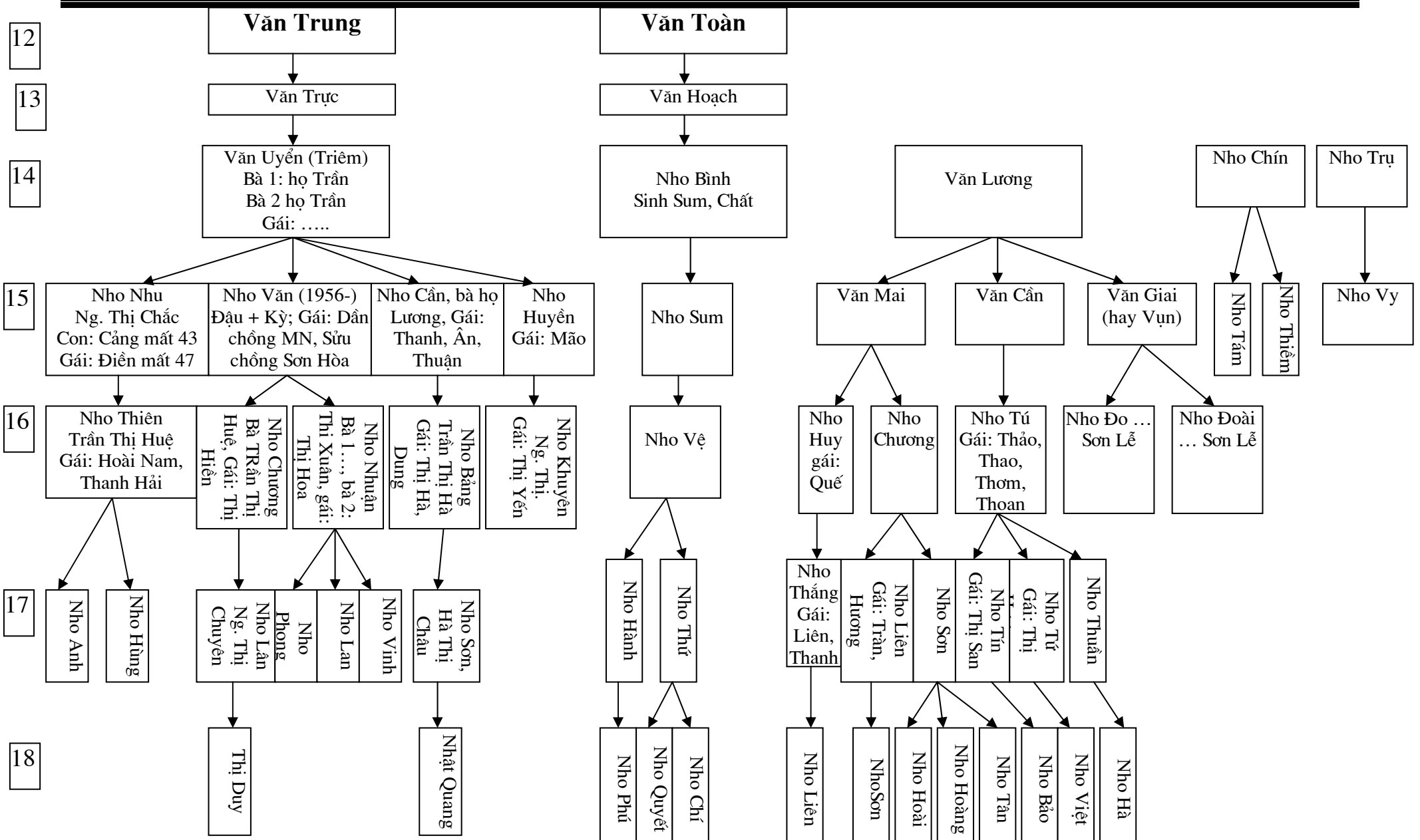

12
Văn củ
Văn Thuật
Gái: Đình Thị Phúc
13
Nho Cử (hay củ)
Nho Lương
Gái: Lưu, Nhỏ, Đào
Con trai: Nho Tiềm
Nho Long
Bà họ Võ
Sinh Nho Quyên - 1
Con gái: Thị Thảo
Nho Sang
chết
14
Nho Lâm
Con gái: Thị Trang
chồng họ Nguyễn - Sơn Hòa
Nho Trương
Bà họ Trần
Gái: Thị Phương
Thị Hồng
Nho Cương
Nho Thiện
Không có con trai
Nho Huyện tức Quỳnh ở Thanh Hóa
15
Nho Huyên
Bà Bùi Thị Điểm
Gái: Hồng, Lan, Hoàng, Thuận
Trai: liệt sĩ Nho Sang
Nho Kiêm
Bà Phan Thị Dần
Nho Yêm
đậu….
Nho Chính
Bà Ng. Thị
Nho Thiềm
Nho Thìn
Nho Khang bà Ng. Thị Lan
Nho Thi
Nho Quy
Nho Bền
Nho Trí
Nho Kiên
Nho Cang
Nho Đông
Nho Hải
Nho Thoa
16
Nho Đường
Bà Trần Thị Hồng
Gái: Thị Hiền
Nho Danh
Bà Phạm Thị Hằng
Gái: Hoàng, Phán
Thị Hoa
Thị Mỹ
Thị Linh
Thi Tiên
Nho Thanh
Nho Hải
Nho Tuấn
Nho Sơn
Nho …
17
Nho Hậu
Nho Phương
Nho Đông
Nho Đoài
Nho Nam

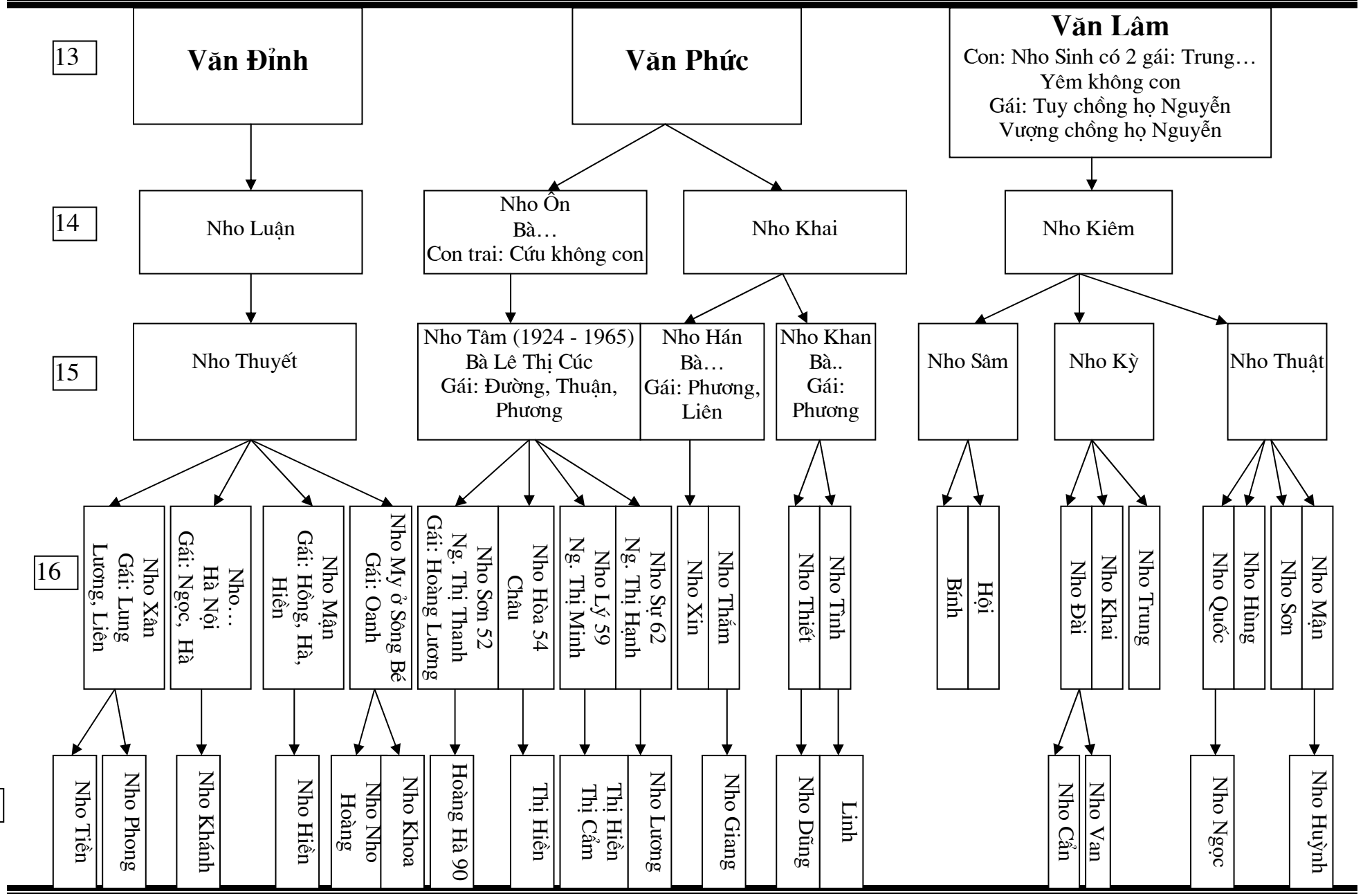

12
Nho ngân
13
Nho Căn
Bà Đinh Thị Đường
Gái: Thị Bé, thị…
Nho Thuận (Đồng)
Bà:….
Gái lấy chồng Sơn Lễ
14
Nho Quế ở Hải Phòng
Nho Bình
Bà… Gái…
Nho Ngạch 1933
Bà Ng.Thị Sâm
Gái: Truất, Thắm, Loan
Nho Thạc 1937
Bà Ng. Thị Tài
Gái; Thị Bé
15
Nho Hùng
Nho Trường
Bà họ Nguyễn
Gái Hồng Giang
Nho Mao 1965
Bà….
Nho Cừ 1968
Bà….. gái: Cảnh
Nho Lâm 1971
Bà…Gái: Linh
Nho Thiều 1973
Bà Tống Thị Long
Nho Linh 1975
Nho Chương 1977
16
Nho Dũng
Nho Trung
Nho Đức
Nho Thức 1992
Nho Cảng 1992
Nho Liễu 1995

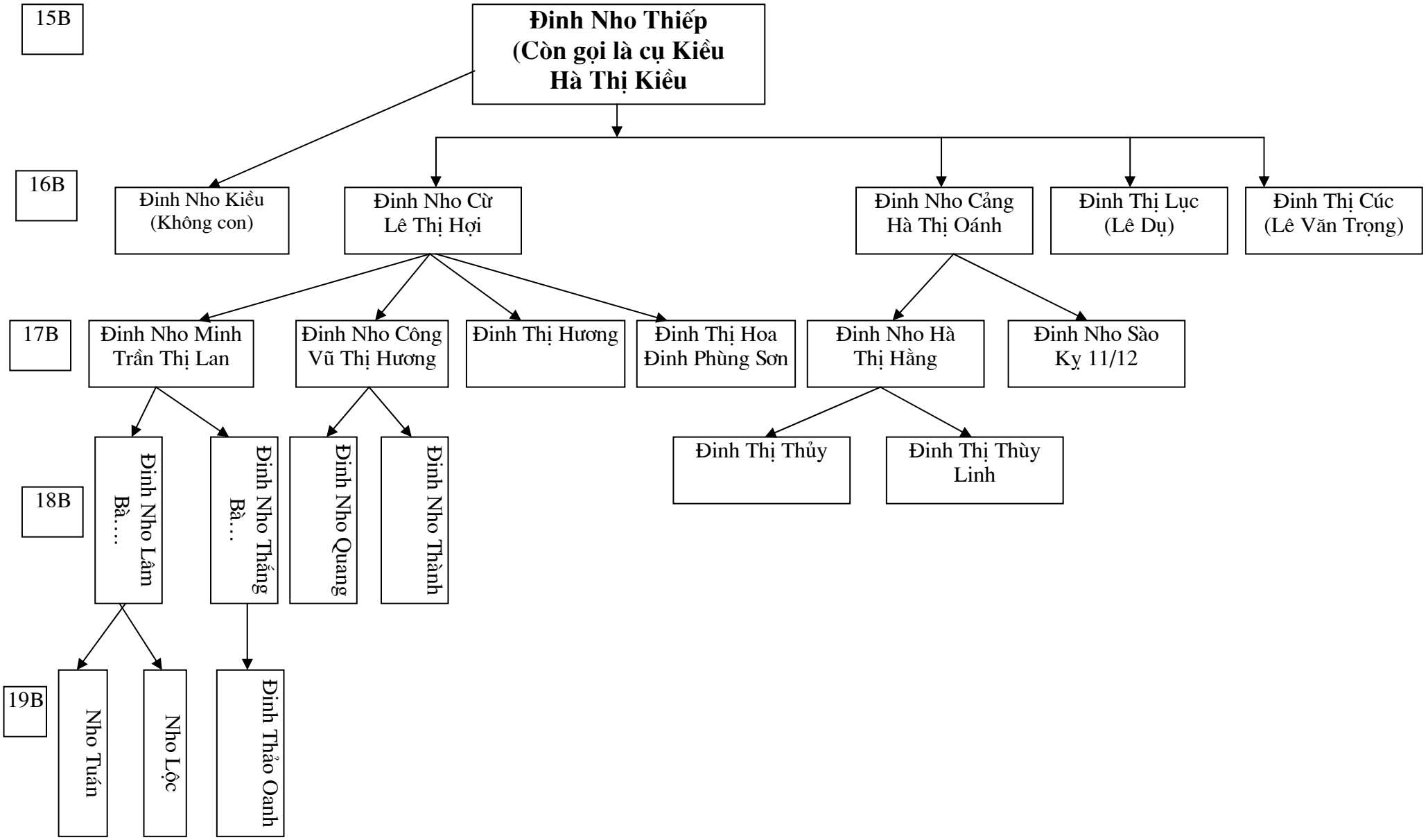

12
Nho Đờn
Sinh Viết Tân
Viết Tác (Đi Sơn Tây)
Viết… ông ái..
13
Nho Tân
Sinh Liên, Lê, Tăng không con - làm thuốc, Văn không con
14
Nho Liên (cố trùm Chương)
Bà Cao Thị Lập
Con gái: Triết chồng Sơn Tiến
Tuân chồng Hương Khê
Nho Lê, Tú tài Hán học
Bà Trần Thị Chắt - Sơn Hòa
Con gái: bà chương chòng Sơn Lễ
15
Nho Bỉnh (cháu Cán)
Bà Lê Thị Ba
Gái: Thị Chinh chồng họ Nguyễn
Nho Huề (1901-)
Bà Phan Thị Tám-Sơn Lễ
Con gái: Hội, Mai
Nho Vị
Bà Ng. Thị chắt
Gái Thị Lan
Nho Chước
Bà Hà Thị Cháu
Gái: Hòa, Phương
Nho cự
Bà Thái Thị Huệ
Gái: Thị Hường
Chồng Sơn Hòa, Thị Hoa
Nho Phu
Bà Tống Thị Thảo
16
Nho Toản
Bà 1: Vũ thị Tuyên
Bà 2: quê Quảng Bình
Gái: Thị Thủy
Nho Lạc
Bà Mai + Thanh
Gái: Thị Trân, Thị Liên, Thị Lý
Nho Hòe
Bà Lê Thị Thất
Gái: Hoàn, Hiên, Thủy
Nho Tùng
Bà Ng.Thị Phương
Gái Thị….
Nho Thanh
Bà 1: Ng. Thị
Bà 2: Ng. Thị Hương
Gái: Ngọc Anh, Vân Anh, Việt Anh
Nho Ân, bà Lại Thị Lý
Gái: Thị Tình
Nho Bích bà…, 3 gái: Thìn, …, Huệ
Nho Hướng Bà…
Gái Thị Hương
Nho Cận bà Ng. Thị Thao, Lê Thị Hòe gái: Báu
Nho Thâm, bà…
Nho Toàn

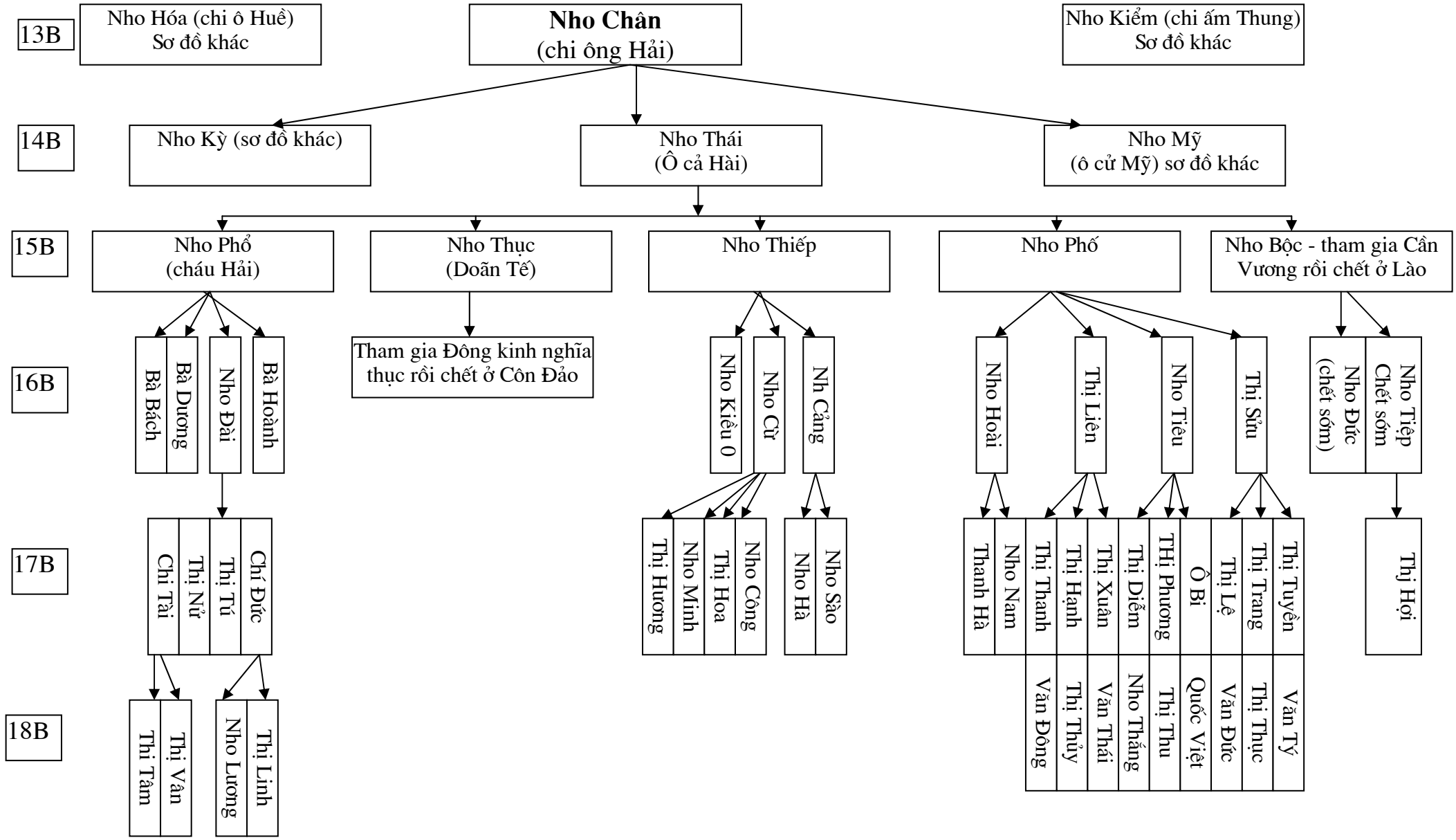

16
17
18
Nho Toản
Bà 1: Vũ thị Tuyên
Bà 2: quê Quảng Bình
Gái: Thị Thủy
Nho Lạc
Bà Mai + Thanh
Gái: Thị Trân, Thị Liên, Thị Lý
Nho Hòe
Bà Lê Thị Thất
Gái: Hoàn, Hiên, Thủy
Nho Tùng
Bà Ng.Thị Phương
Gái Thị….
Nho Thanh
Bà 1: Ng. Thị
Bà 2: Ng. Thị Hương
Gái: Ngọc Anh, Vân Anh, Việt Anh
Nho Ân, bà Lại Thị Lý
Gái: Thị Tình
Nho Bích
bà…, 3 gái: Thìn, …, Huệ
Nho Hướng
Bà…
Gái Thị Hương
Nho Cận
bà Ng. Thị Thao, Lê Thị Hòe gái: Báu
Nho Thâm, bà…
Nho Toàn
Nho Hòa
Nho Thắng
Nho Đạt
Nho Mạnh
Quang Tuấn
Nho Toàn
Nho Hoan 52
Bà Hà Thị Liên
Gái Thị Thủy 88
Nho Thinh
Nho Thọ 1983
Nho Thái 1985
Nho HIệp
Bà Hồ Thị Cúc
Nho Đính
Bà Nguyễn Thị Tùng
Nho Hữu
Nho Hòa 55
Bà Nguyễn Thị…
Nho Hải
Bà Ng. Thị Hoan
Nho Tuấn 1981
Nho Thành 1956
Nho Hinh 1992
Nho Huyền 62
Ng. Thị Huyền
Nho Chiến 62
Bà Hồ Thị Vinh
Nho Sỹ
Nho Hoàn 1979
Nho Hiến 1980
Nho Thành 1994
Nho Đình 1992
Tuấn Anh 1967
Bà Thị Thuận
Tú Anh 69
Gái: Thía Hòa 99


12
13
14
15
16
17
Nho Đờn
Sinh Viết Tân
Viết Trúc
Viết Phương
Viết Tân
Nho Phong
Nho Diệu
Gái; Thị Hoàn, Thị Hóa
Nho Khác
Bà Ng. Thị Chiểu
Gái: Hòa, Thuận, Hạnh, Phúc
Nho Cáp
Bà…
Gái: Dung, Hương, Hà, Huệ, Hoa, Hồng
Nho Quang
Vợ: Ng. Thị Huế
Mạnh Tùng 52 ở Sài Gòn
Vợ Thị Quy
Nho Long
Tuấn Minh 81
Thị Hiền 96


12
13
14
15
16
17
18
Văn Trung
Văn Trực
Văn Uyển (Triêm)
Bà 1: họ Trần
Bà 2 họ Trần
Gái: …..
Nho Nhu
Ng. Thị Chắc
Con: Cảng mất 43
Gái: Điền mất 47
Nho Văn (1956-)
Đậu + Kỳ; Gái: Dần chồng MN, Sửu chồng Sơn Hòa
Nho Cần, bà họ Lương, Gái: Thanh, Ân, Thuận
Nho Huyền
Gái: Mão
Nho Thiên
Trần Thị Huệ
Gái: Hoài Nam, Thanh Hải
Nho Chương
Bà TRần Thị Huệ, Gái: Thị Hiền
Nho Nhuận
Bà 1…, bà 2: Thi Xuân, gái: Thị Hoa
Nho Bảng
Trần Thị Hà
Gái: Thị Hà, Dung
Nho Khuyên
Ng. Thị.
Gái: Thị Yến
Nho Anh
Nho Hùng
Nho Lân
Ng. Thị Chuyên
Nho Phong
Nho Lan
Nho Vinh
Nho Sơn, Hà Thị Châu
Thị Duy
Nhật Quang
Văn Toàn
Văn Hoạch
Nho Bình
Sinh Sum, Chất
Nho Sum
Nho Vệ
Nho Hành
Nho Thứ
Nho Phú
Nho Quyết
Nho Chí
Văn Lương
Văn Mai
Văn Cần
Văn Giai
(hay Vụn)
Nho Huy
gái: Quế
Nho Chương
Nho Tú
Gái: Thảo, Thao, Thơm, Thoan
Nho Đo …
Sơn Lễ
Nho Đoài
… Sơn Lễ
Nho Thắng
Gái: Liên, Thanh
Nho Liên
Gái: Trần, Hương
Nho Sơn
Nho Tín
Gái: Thị San
Nho Tứ
Gái: Thị
Nho Thuần
Nho Liên
NhoSơn
Nho Hoài
Nho Hoàng
Nho Tân
Nho Bảo
Nho Việt
Nho Hà
Nho Chín
Nho Trụ
Nho Tám
Nho Thiềm
Nho Vy


13
Văn Đỉnh
Văn Phức
Văn Lâm
Con: Nho Sinh có 2 gái: Trung…
Yêm không con
Gái: Tuy chồng họ Nguyễn
Vượng chồng họ Nguyễn
14
Nho Luận
Nho Ôn
Bà…
Con trai: Cứu không con
Nho Khai
Nho Kiêm
15
Nho Thuyết
Nho Tâm (1924 - 1965)
Bà Lê Thị Cúc
Gái: Đường, Thuận, Phương
Nho Hán
Bà…
Gái: Phương, Liên
Nho Khan
Bà..
Gái: Phương
Nho Sâm
Nho Kỳ
Nho Thuật
16
Nho Xân
Gái: Lung
Lương, Liên
Nho…
Hà Nội
Gái: Ngọc, Hà
Nho Mận
Gái: Hồng, Hà, Hiền
Nho My ở Sông Bé
Gái: Oanh
Nho Sơn 52
Ng. Thị Thanh
Gái: Hoàng Lương
Nho Hòa 54
Châu
Nho Lý 59
Ng. Thị Minh
Nho Sự 62
Ng. Thị Hạnh
Nho Xin
Nho Thắm
Nho Tình
Nho Thiết
Hội
Bính
Nho Đài
Nho Khai
Nho Trung
Nho Quốc
Nho Hùng
Nho Sơn
Nho Mận
17
Nho Tiền
Nho Phong
Nho Khánh
Nho Hiền
Nho Nho Hoàng
Nho Khoa
Hoàng Hà 90
Thị Hiền
Thị Hiền Thị Cẩm
Nho Lương
Nho Giang
Nho Dũng
Linh
Nho Cẩn
Nho Van
Nho Ngọc
Nho Huỳnh


15B
Đinh Nho Thiếp
(Còn gọi là cụ Kiều
Hà Thị Kiều
16B
Đinh Nho Kiều
(Không con)
Đinh Nho Cừ
Lê Thị Hợi
Đinh Nho Cảng
Hà Thị Oánh
Đinh Thị Lục
(Lê Dụ)
Đinh Thị Cúc
(Lê Văn Trọng)
17B
Đinh Nho Minh
Trần Thị Lan
Đinh Nho Công
Vũ Thị Hương
Đinh Thị Hương
Đinh Thị Hoa
Đinh Phùng Sơn
Đinh Nho Hà
Thị Hằng
Đinh Nho Sào
Kỵ 11/12
18B
Đinh Nho Lâm
Bà….
Đinh Nho Thắng
Bà…
Đinh Nho Quang
Đinh Nho Thành
Đinh Thị Thủy
Đinh Thị Thùy
Linh
19B
Nho Tuấn
Nho Lộc
Đinh Thảo Oanh


13B
Nho Hóa (chi ô Huề)
Sơ đồ khác
Nho Chân
(chi ông Hải)
Nho Kiểm (chi ấm Thung)
Sơ đồ khác
14B
Nho Kỳ (sơ đồ khác)
Nho Thái
(Ô cả Hài)
Nho Mỹ
(ô cử Mỹ) sơ đồ khác
15B
Nho Phổ
(cháu Hải)
Nho Thục
(Doãn Tế)
Nho Thiếp
Nho Phố
Nho Bộc - tham gia Cần Vương rồi chết ở Lào
16B
Bà Bách
Bà Dương
Nho Đài
Bà Hoành
Tham gia Đông kinh nghĩa thục rồi chết ở Côn Đảo
Nho Kiều 0
Nho Cừ
Nh Cảng
Nho Hoài
Thị Liên
Nho Tiêu
Thị Sửu
Nho Đức (chết sớm)
Nho Tiệp Chết sớm
17B
Chi Tài
Thị Nử
Thị Tú
Chí Đức
Thị Hương
Nho Minh
Thị Hoa
Nho Công
Nho Hà
Nho Sào
Thanh Hà
Nho Nam
Thị Thanh
Thị Hạnh
Thị Xuân
Thị Diễm
THị Phương
Ô Bi
Thị Lệ
Thị Trang
Thị Tuyền
Thị Hợi
18B
Thi Tâm
Thị Vân
Nho Lương
Thị Linh
Văn Đông
Thị Thủy
Văn Thái
Nho Thắng
Thị Thu
Quốc Việt
Văn Đức
Thị Thục
Văn Tý